

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

MỘT NHÀ DANH-SĨ NƯỚC PHÁP

ÔNG MAURICE BARRÈS

Mấy tháng trước đã nói về ông PIERRE LOTI mới tạ-thế. Nay nước Pháp lại mất một bậc danh-sĩ nữa, là ông MAURICE BARRÈS. Hai ông đều là tay làm văn có tài, ảnh-hưởng rất sâu-xa trong tư-tưởng quí-quốc về khoảng ba bốn mươi năm tới nay. Văn-chương tư-tưởng ông LOTI thế nào, trước đã thuật qua đủ giới-thiệu cho người nước ta biết đại-khái (1). Theo ý-kiến của phần nhiều các nhà phê-bình thời văn-chương ông BARRÈS với văn-chương ông LOTI đều có đặc-sắc cả, mà tư-tưởng ông BARRÈS có lẽ còn thâm-trầm hơn, thiết-thực với việc đời việc nước hơn là tư-tưởng ông LOTI. Vậy ta đã biết ông LOTI, ta lại càng nên biết ông BARRÈS lắm.

Vả người nước ta giảng-cứu về văn-học Thái-Tây, mục-dịch là thế nào? Học văn tây có hai đường: một là học cho biết thưởng-thức những văn-chương hay, rồi mong bắt-chước làm văn tây được như người Tây; hai là học văn tây để cốt chất-vấn các bậc danh-sĩ Thái-Tây về cái đạo làm người, cái thuật sinh-tồn trong thế-giới bây giờ, vì các bậc ấy là chủ-não của văn-minh ngày nay, và các nước Thái-Tây được phú-cường phần nhiều là nhờ có cái chủ-não tinh-túy đó. Hai mục-dịch ấy cũng là chánh-đáng cả, cũng là cao-thượng cả, nhưng mục-dịch

thứ nhì có phần thiết-yếu hơn. Bọn ta bây giờ cần cái học cứu-quốc hơn là cái học văn-hoa. Kể về phần hư-văn thì tưởng ta cũng đã thừa chán ra rồi, chẳng cần phải học thêm của người nữa, vì phạm học chữ mượn chỉ tập được cái hư-văn mà thôi, không bao giờ nhập-diệu được bằng người. Nước ta mấy mươi đời phóng chép văn tàu mà nào có được ai thơ như Lý, Đỗ, văn như Tô, Hàn, không? Vết xe trước đã rõ, người đi sau phải răn. Ta cay vi như phóng chép văn tây, trăm nghìn năm cũng chưa dễ được ai như VICTOR HUGO hay ANATOLE FRANCE. Như vậy thời chẳng nên mài-miét về câu văn cho lắm mà nên cứu-xét lấy nghĩa-lý cho thâm. Trong rừng văn của Thái-Tây, và thứ nhất là của nước Pháp, ta nên chọn lấy những nhà nào có bụng về thế-dạo, mà dò xét xem chủ-nghĩa của người ta thế nào, có thích-hợp với tình-thế nước ta không, có bổ-ích gì cho đạo tu-tề của ta không, ta có thể lợi-dụng để đoàn-luyện lấy tinh-tinh ta, chấn-loát cho tinh-thần nước không. Nói tóm lại, đọc văn tây phải có cái chủ-ý tìm một phương thuốc trước là bổ não cho mình, sau là tỉnh hồn cho nước. Nếu không được chút gì bổ-ích về đường ấy, thời văn-chương hay đến đâu cũng là không thiết-thực cho ta cả.

Nay ông MAURICE BARRÈS văn-

(1) Xem N.-P., số 72 (juin 1923).

chương đã đẹp-dẽ mà tư-tưởng lại sâu-xa, thật đáng cho bọn ta đề tâm nghiên-cứu.

Vấn ông LOTI thiết-tha ai-oán, dễ cảm-lòng người, thuộc tính nhiều hơn thuộc lý; vấn ông BARRÈS thời vừa bóng-bẩy, vừa thâm-trầm, vừa cảm-động, vừa hoán-lĩnh được người ta, hai bên tính lý điều-hòa nhau, dấu không có những giọng véo-von như ông LOTI, mà có những giọng thâm-thía hơn.

Nhưng chủ-ý bài này không phải là bình-phẩm về văn - chương ông BARRÈS. Chỉ muốn giới-thiệu qua về tư-tưởng ông cho các bạn đọc báo biết, mong rằng những người có chí đem những lời tâm-huyết của ông mà nghiên-ngẫm, làm một cái phương-pháp « luyện-hồn » vậy.

Vì cả chủ-nghĩa của ông gồm lại là một cái thuật luyện-hồn. Ông nói rằng : « Sự giáo-dục linh-hồn, đó là việc quan-hệ nhất, tôi vẫn bảo-khoan, vẫn hăm-hở suốt một đời. » (1) Thân-thể người ta phải có tập-luyện mới mạnh-mẽ cứng-cáp ; linh-hồn người ta cũng phải có tập-luyện mới sáng-sủa tinh-tao. Có phép thể-thao thời phải có phép luyện-hồn. Người đời đã biết chú-trọng về phép thể-thao, mà ít ai biết đề tâm đến phép luyện-hồn.

Ông BARRÈS lấy tư-cách một người rất thông-minh, rất tài-tinh, rất bác-nhã, rất cao-thượng, — thật là một bậc vĩ-nhân của thế-giới, — trong bốn-mươi năm kinh-nghiệm về đường ấy, nghĩ ra được một phương-pháp kẻ thức-giả cho là thần-diệu vô-cùng.

Ông không phải một ngày mà tìm ngay được, thật đã lần-lần như tự thấp tới cao, như tự tối ra sáng, rồi mới khoát-nhiên đại-ngộ như Phật - tổ

dưới cây bồ-đề, nhưng cho được tới đó, đã phải qua lắm phen đau lòng, rối trí, sốt ruột, kinh hồn, khiến cho thân-thể ông như một bộ tiêu-thuyết cảm-kích vô-cùng. Có người đã nói cuộc đời ông BARRÈS là một cuộc bước lên bước tới hoài, một cuộc « tinh-tiến » vô-hối vô-bạn, cho đến lúc tắt nghỉ vẫn còn đương tấn-tới, thật là một cái gương nỗ-lực cho những kẻ biết ham sống về phần hồn. . .

Ông nói rằng : « Phép giáo-dục linh-hồn, điều cốt-yếu là mỗi người phải tìm lấy trong mình cái nguồn sâu cảm-kích. Mỗi người phải tự biện minh cho tới trình-độ mãnh-lực rất cao. » (2)

Nghĩa là ai ai cũng có cái nguồn sâu cảm-kích ở trong lòng, chỉ vì không biết khai-dẫn ra nên nó bí-lặc lại mà thôi ; ai ai cũng mang một cái giây dòn đã căng sẵn, chỉ vì không biết gảy nên không thành tiếng mà thôi.

Ông bèn tự nghĩ : nguồn kia ta phải khai-thông cho nó lai-láng ra ; giây nọ ta phải khéo gảy cho nó véo-von lên ; đã sinh ra cái kiếp thông-minh ở đời, không còn việc gì cao-thượng bằng việc đó nữa.

Bấy giờ ông mới xướng ra một cái chủ-nghĩa mới gọi là : « Đạo thờ tôi » (*le culte du Moi*). Đạo kỳ-quặc thay ! Thiên-hạ thờ nước, thờ nhà, thờ trời, thờ chúa, thờ mỹ-thuật, thờ ái-tình ; ông chỉ thờ có một mình ông, là ông cho rằng « phàm mọi sự thần-thánh, tài-tinh, thiêng-liêng, sáng-láng ở đời, là do một cái tia sáng mà ra. . . , không có cái tia đó bật ra trước nhất thì trong nhân-loại này không có gì cả, mà cái tia đó người ta không ai là không có, duy phải biết thu-thập lấy

(1) L'éducation de l'âme, c'est la grande affaire qui m'a préoccupé et attiré toute ma vie. (*Enquête aux pays du Levant*).

(2) Il s'agit pour chacun de nous qu'il trouve en soi la source cachée de l'enthousiasme. Il s'agit que chacun devienne lui-même à la plus haute puissance (*Enquête...*)

và phải biết khai-dẫn cho khéo » (1) : tia đó là cái lòng cảm-kích nó ngụ ở trong mọi người vậy. Cái « tia sáng thần-bí » đã ở trong mình thì hà-tất phải thờ gì ngoài, thờ ngay mình trước. Bởi đó nên mới đặt ra cái tôn-giáo lạ đời là « đạo thờ tôi » đó.

Nhưng muốn hiểu những duyên-cớ xa - xôi khiến cho ông BARRÈS vào khoảng năm 1885-1890 xướng ra cái chủ-nghĩa li-kỳ như thế, thì phải biết cái phong-trào tư-tưởng đương lưu-hành ở nước Pháp hồi bấy giờ thế nào.

Nước Pháp vừa bị thua nước Đức trận năm 1870-1871, bị cắt hai châu *Alsace* và *Lorraine* cho Đức. Đã thất-bại, lại nội-loạn, làm cho lòng người tê-tái, như đau như điên, trong mấy mươi năm như mang một cái vết thương chưa hàn lại được. Sĩ-phu trong nước bấy giờ qua một hồi đồn-lỏa uỷ-mĩ vô-cùng. Có hai cái học-thuyết thịnh-hành, là học-thuyết của ông TAINE và ông RENAN, tư-tưởng hai ông này trước và sau hồi chiến-tranh ảnh-hưởng trong bọn trí-thức sâu-xa lắm. Hai ông đều một lòng tin ở Khoa-học (*la Science*), cho khoa-học là vị thần toàn-trí toàn-năng, độc-nhất vô-nhị ở đời. Muốn sự xảy ra trong trời đất là ở trong vòng-khuôn của khoa-học cả, là đều thuộc phép-tắc của khoa-học cả, thậm-chí những mối thiêng-liêng ở trong lòng cũng không ngoài kỷ-luật của khoa-học. Thành ra cả thế-giới tinh-thần cũng như thế-giới vật-chất, là một cái máy lớn, các cơ-quan, cách hành-động, đều đã nhất-định từ bao giờ rồi, người ta chỉ có thể quan-sát cho biết, không có thể sửa-dổi cho chạy khác đi được. Trong trời đất chỉ có một lẽ Tất-nhiên (*la Nécessité*) làm chúa-tề hết-thảy : mặt trời, mặt trăng, tinh-cầu, địa-cầu, tất phải

quay bấy nhiêu vòng mà làm ra ngày đêm sáng tối, không sai một li, không chậm một phút, tự thiên-vạn-cổ đến giờ vẫn thế, nhà khoa-học có thể tính trước mà biết được ngôi sao nọ bao giờ đến, luồng gió kia bao giờ qua. Đến loài người cũng vậy, tự-cổ-dĩ-lai cũng bấy nhiêu cái tình-dục nó sai-khiến con người ta quay-cuồng xuẩn-dộng, dẫu thời-dại, xứ-sở có khác nhau mà « cũng nhân - tâm ấy, há thiên-lý nào ? », dẫu thay vai đổi trò, về bề bói nhỏ, mùa-may hò-hồng thế nào cũng không sai được cái nhịp-diệu Tất-nhiên đã nhất-định. Sự thịnh-suy bĩ-thái là một lẽ doanh-hư thừa-trừ mà thôi, sức người có can-thiệp gì đến đấy. Nói tóm lại, cái « khoa-học-chủ-ghĩa » của hai ông TAINE và RENAN, dẫu bề ngoài hơi có vẻ khác nhau, — ông RENAN thì có cái vẻ hoài-nghi khoáng-hoạt, ông TAINE thì có cái vẻ đốc-học cần-cù, — nhưng rút lại là một cái chủ-nghĩa « tiền-định » (*déterminisme*), một cái chủ-nghĩa « tin-mệnh » (*fatalisme*) cả, cho vạn-sự do « số » bết, chẳng khác gì các tôn-giáo triết-học của Đông-phương vậy. Kết-quả cái chủ-nghĩa ấy là sự chán đời, cũ g là lẽ tất-nhiên như thế. Nước thịnh hay suy, người khôn hay dại, là số cả, là mệnh cả, là « tiết-nhiên định-phận tự thiên-thu » cả, cũng như nước triều kia khi thăng khi giáng, sức người có làm gì được. Đã vậy thì chẳng nên làm gì cả, vì dẫu làm gì cũng là vô-bổ hết.

Giữa lúc quốc-gia đa-nạn mà sĩ-phu trong nước giữ một cái chủ-nghĩa chán-nản như thế, phỏng có nguy không ? Nhưng phần nhiều người còn đương tê-mê về sự thất-bại, chưa mấy ai kịp thu-thập tinh-thần để phản-kháng lại cái phong-trào uỷ-mĩ đó.

(1)... L'étincelle mystique par qui apparaît tout ce qu'il y a de religieux, de poétique et d'inventif dans le monde... Rien n'existe dans l'humanité sans ce jaillissement primitif, dont aucun être n'est incapable, et qui d'abord doit être obtenu, puis canalisé et discipliné... (Enquête...)

Ông BARRÈS sinh năm 1862, thừa nhỏ đã trông thấy cái cảnh quốc-phá gia-tan, lớn lên lại nhiệm phải cái không-khi ấu-sầu ủ-dột đó, tình-trạng ông bấy giờ ra thế nào? Ông cũng ảm-nhiên hiểu rằng cái « khoa-học-chủ-nghĩa » của hai bậc tiền-bối kia không thích-hợp với thời-thế nữa, nhưng còn phân-vân không biết lấy gì thay vào. Hồi đi học ông có sở-dắc ở các nhà triết-học Đức : KANT, FICHTE, HEGEL, HARTMANN nhiều. Các nhà này dạy rằng thế-giới là một mớ « hiện-tượng », nghĩa là có hiện ra, có cảm đến giác-quan ta thì ta mới biết, chứ có thực hay không thì ta không biết được; không phải là hiện - tượng, thực có thật, duy có ta, duy có cái « bản - ngã », « tự - ngã » của ta, đừng « chủ-quan » hết-thảy. Đó gọi là « chủ-nghĩa chủ-quan » (*subjectivisme*). Ông BARRÈS bèn căn-cứ ở chủ-nghĩa đó mà suy-luận ra rằng nếu suốt trong vũ-trụ duy có mình là « thực-thể » (*réalité*), còn hết-thảy là hiện-tượng (*phénomène*) cả, duy có mình là « chủ-quan » (*sujet*), còn hết-thảy là « đối-tượng » (*objet*) cả, thì suốt trong vũ-trụ cũng duy có mình, duy có cái mà mình gọi là « tôi » đó là đáng quý, đáng trọng, đáng yêu-dấu, đáng náo-niu, nói tóm lại là đáng phụng, đáng « thờ » hơn cả. Ông muốn phản-kháng lại học-thuyết của tiền-bối, trong khi còn phân-vân, chưa biết lấy gì làm trung-kiến, làm trụ-cốt, tìm ra được cái thuyết « thờ tôi » đó, thật là bước được một bước dài để thoát-li ra ngoài vòng-khuốn của tiền-bối mà tự-lập lấy một chủ-nghĩa riêng hợp với tâm-lý, với sự-thực hơn.

Song đó còn mới là bước đầu mà thôi, mới là thời-kỳ thứ nhất trong tư-tưởng ông BARRÈS, thời-kỳ « duy-ngã » (*égotisme*) nghĩa, là chỉ biết một mình

mình thôi, thuộc về « cá-nhân-chủ-nghĩa » (*individualisme*). Trên kia đã nói rằng tư-tưởng ông BARRÈS lẫn-tối luôn, không phải đã nhất-dịnh ngay và cũng không phải một ngày mà trở nên hoàn-toàn. Vậy ta nên xét về tư-tưởng ông trong thời-kỳ thứ nhất này xem tiến - hóa thế nào mà dần dần chuyển sang thời-kỳ thứ nhì, từ « cá-nhân-chủ-nghĩa » đổi ra « quốc - gia-chủ-nghĩa », từ « thờ tôi » mà biến ra « thờ nước », vì sự biến đó là điều quan-trọng đệ-nhất trong lịch-sử ông, là cái đặc-sắc của thân-thể ông, khiến cho cuộc đời ông thành một đoạn tiểu-thuyết rất cảm-kích, rất li-ký như trên kia đã nói vậy.

Trong trời đất duy chỉ có « tôi » là có thực, còn ngoại-giả là báo-ảnh cả. Vậy thời kẻ trí-giả chỉ nên chăm-chút lấy cái « tôi » của mình, mà dùng hết cách phát-siễn nó ra cho thực hoàn-toàn. Trước hết phải đem cái « tôi » ra mà phản-đối với hết-thảy, vì « tự-ngã » phải phản-đối với « phi-ngã » (*le non-moi*) mới phát-biễn ra được. « Phi-ngã » là gì? Phi - ngã là cái gì không phải « tôi », tức ông gọi là « kẻ di-dịch » (*les Barbares*). Ông nói rằng : « Vì kẻ Di-dịch nó xâm-lấn nên nhiều người thanh-niên tuấn-tú đến lỗi mất cuộc đời mình... Kẻ Di-dịch là ai? Là hết-thảy cái gì không phải tôi... Trong trời đất duy có cái tôi là có thực. Chính tôi sáng-tạo ra vũ-trụ. » (1) Tự mình đã là ông Tạo-vật, ông Thiên-chúa cho mình như thế, thời không những không cần phải thờ ai mà cũng không cần phải học ai nữa. Các tiền-bối TAINE với RENAN là « kẻ Di-dịch » cả, ta phải xua đuổi cho thật xa. Khoa-học là gì? Là hão-huyền cả. Lẽ Tất-nhiên là gì? Là bịa đặt hết. Có gì là tất-nhiên được, vì cái « tôi » là chúa-

(1) C'est par les Barbares que plus d'un jeune homme influencé faillit à sa destinée... Les Barbares, c'est tout ce qui n'est pas moi... Le moi, voilà la seule réalité. C'est moi qui crée l'univers (*Sous l'œil des Barbares*).

tê hết, « tôi » là hoàn - toàn tự-do, muốn sao được vậy.

« Tôi » đã đáng tôn-trọng, đáng quý-báu như thế, thời đạo « thờ tôi » phải thế nào ? Sau khi trừ-khử được những kẻ Di-dịch nó xâm-lấn vào địa-phận « tôi », thời phải xử-tri, phải đối-dãi với « tôi » thế nào ? Ông bèn xướng ra hai cái qui-tắc như sau này là gồm cả đạo « thờ tôi » của ông :

1^o Người ta có cảm-kích mới thật được sung-sướng ;

2^o Muốn cho thêm cái thú cảm-kích thời phải biết phân-tích nó ra ;

Vậy thời kết-luận là : ở đời phải cảm-kích cho thật nhiều mà phân-tích cho thật kỹ (1).

Quý nhất ở đời là tự mình, quý nhất trong mình là con tim khối óc của mình ; con tim có thể ví như cái giây đàn, khối óc có thể ví như hòn đá lửa ; phận-sự ta ở đời là phải đập đá cho bắn lửa để chiếu sáng cái thế-giới tối-tăm này, gây đàn cho lên tiếng để dịp-dàng cái cõi đời lặng-lẽ này. Nhưng nếu đốt lửa mà để cho lò mả mắt không trông thấy, gây đàn mà để cho ù tai không nghe được, thời cũng chưa sướng. Nên trong khi dụng tim dụng óc lại phải biết phân-tích cái thú nó cảm đến con tim khối óc của mình, mới thật là sướng. Kẻ trí-giả ở đời không còn gì khoái-lạc bằng cảm-kích cho thật nhiều, mà phân-tích cho thật kỹ, đốt lửa cho đến cháy óc, gây đàn cho đến đứt giây, mà vẫn giữ được tai mắt sáng-suốt để cảm cái thú nồng-nàn đó. Nói tóm lại, làm người phải có *cuồng* (*frénésie*) một chút thì mới sướng, duy cái *cuồng* đây khác cái *cuồng* của kẻ tâm-thương, là cái *cuồng*

kẻ tâm - thương thời hoặc bởi tính ngông-ngáo, hoặc bởi sự dờ-dại mà sinh ra, chứ *cuồng* đây là tự mình gây ra để làm vui cho mình, tức như cái *cuồng* ông Lý Bạch rượu tít cung mây để tiêu-sầu vạn-cổ.

Thành ra sự cảm-kích đây rút lại chẳng qua cũng là một cách đối cái sầu, lừa cái chán mà thôi. Mà đạo « thờ tôi » đây chẳng qua cũng là một thuật tiêu-sầu khiến-muốn mà thôi. Bởi cõi đời tối-tăm lặng-lẽ, nên ta phải hò-hồng quay-cuồng cho nó vui-vầy khuấy-khỏa, chứ kỳ-thực vẫn chưa tìm được một đạo xử-thế thật là thỏa-đàng. Không những thế mà cái độc chán đời cũng vẫn chưa tiêu-trừ đi được. Ông nói rằng : « Tôi buồn tênh chán ngắt, chẳng được việc gì, mà lấy thế làm tiêu-dao tự-thủ... Cái gì cũng ham, mà cái gì cũng chán. Ối ! chán ơi là chán ! chán trội chán trơn, chán khắp hết - thảy. Hoạt-dộng mà làm gì, cũng là vô-bổ hết !... Tôi nhọc, ối chao ối nhọc ! chưa làm gì mà đã nhọc. Ai làm thế nào cho tôi quả-quyết được việc gì bây giờ ! » (2)

— Ông lại nói rằng : « Tôi thấy tôi vô-dụng, rời-rạc như cái mây không lò-so. Nghĩ đến sau này mà sợ ; biết rằng có đủ nghị-lực làm được gì chẳng ? Khi-lực tôi tiêu-tán đi như ba giọt dầu săng trên bàn tay vậy. » (3)

Lời than thảm-thiết thay ! Một người đương hăng-hái tự - cường, đương-dương tự-dắc, lấy mình làm trung-tâm thế-giới, lấy mình làm chúa-tể vũ-trụ, có đâu lại thồ-lộ ra những giọng thảm-thương như thế ? Thì ra kỳ-thực bề ngoài ông ra mặt tự-cao tự-dại để làm cách tự-phản tự-cường,

(1) 1^{er} principe. Nous ne sommes jamais si heureux que dans l'exaltation ; 2^o principe. Ce qui augmente beaucoup le plaisir de l'exaltation, c'est de l'analyser ; Conséquence. Il faut sentir le plus possible en analysant le plus possible. (*Un homme libre*)

(2) Je m'abandonne avec jouissance à la plus stérile mélancolie... Tout mépriser, tout désirer. Le bâillement universel, l'à-quoi bon, qui fait le dernier mot de nos activités... Je suis las, las avant l'effort. Ah ! qui fera que je veuille !... (Cité par Massis, *La Pensée de Maurice Barrès*).

(3) J'ai un sentiment d'inutilité, aucun ressort. Je crains demain ; saurai-je le vivifier ? L'énergie fuit de moi comme trois gouttes d'essence sur la main. (*Un homme libre*).

mà bề trong ông thật rầu lòng rối trí, héo ruột nát gan. Ông biết rằng học-thuyết của tiên-bối không thích-dụng nữa, muốn tìm một chủ-nghĩa khác thích-dáng hơn, tưởng tìm được ở cái thuyết « duy-ngã độc-tôn » của mình, nhưng xét ra mới biết rằng thuyết ấy cũng kết-quả đến chán đời mà thôi. Cảm-kích cho thật nhiều, phân-tích cho thật kỹ, chỉ tổ chồng-chất thêm cái sầu, nung-đúc thêm cái thảm mà thôi. Tưởng thế là thanh-thời sáng-suốt lắm, không biết thế càng đau-dớn cực khổ nhiều.

Tâm-trạng ông lúc bấy giờ, ông tự-tỉ như một đứa trẻ con ngày mưa ngồi trong xó buồng vẫn mó cái đồ chơi cho đến gãy vỡ mất (1). Ông cũng vẩn-vơ quả tìm khối óc của ông, tưởng thế là một cách chơi cao-thượng, không ngờ càng vầy càng nát, càng vẩn càng đau.

Vả lại người ta phạm quan - sát mình kỹ lắm, không khỏi sinh ra tự chán mình và thân đã ở trong mình, thờ tất không được lâu, vì đã quen tất sinh nhón, đã nhón còn trọng sao được nữa.

Những nông-nỗi ấy khiến cho ông cực-chẳng-dã phải thổ ra những lời than như trên kia.

Ông than như thế là ông biết mình lắm vậy. Ông biết rằng cái đạo « thờ tôi » của ông chưa phải là chánh-dáng. Hay là bởi ông lập-giáo còn thiên-cận ? Hay là bởi ông n-hiên-cứu chưa đến nơi ?

Đây mới đến thời-kỳ thứ hai trong tư-tưởng ông ; đây mới đến sự đại-biến trên kia đã nói, làm cho tư-tưởng ông nhất-dân bùng-bột lên mấy tầng, sánh với bước đầu cách xa nhau một trời một vực vậy. Người không biết thời cho hai cái thái-độ ông BARRÈS thừa thanh-niên với tuổi thanh-niên là trái ngược nhau, và ông BARRÈS thờ mình với ông BARRÈS thờ nước là khác

nhau hẳn, tựa-hồ như hai người, không có quan-hệ gì với nhau cả. Nhưng xét kỹ ra mới biết rằng cũng là một cái tư-tưởng, mà càng ngày càng tấn-tới lên, càng ngày càng thâm-trầm ra, khởi-diêm từ bản-thân, mà thành-tựu đến quốc-gia vậy.

Song cũng phải là người có phách-lực phi-thường mới làm nổi sự đại-biến đó. Nếu là người tầm - thường thời trải những nông-nỗi như trên đến hồi-tâm tằng-chỉ, mà phiêu-giạt trong bề thăm, lẩn - lộn trên trường sâu, uổng mất cái đời thông-minh, thật là vô-bổ cho quốc-gia, cho xã-hội. Nhưng ông sớm tỉnh-ngộ ngay, ông không cam - tâm làm kẻ bàng - quan khước-mườn cho đời. Ông bèn đem cái đạo cũ của ông sát-hạch lại cho đến nơi.

Ông tự hỏi rằng : Ừ, trong trời đất này, duy có ta là thực, còn hết-thảy là hư cả ; lẽ đó đã cố-nhiên rồi. Nhưng ta đây, cái mà ta gọi là « tôi » đây, nó ở đâu mà ra ? há phải bỗng-dưng mà thành ư ? Nguồn nó ở đâu ? Gốc nó chỗ nào ? Muốn cho nó vững-vàng bền-chặt, độc-lập trong khoảng trời đất như Thái-sơn Bàn-thạch, thời phải xét cho đến nền đến móng, không thể ngấm một cái ngọn trơ-vơ mà đủ được.

Bấy giờ ông mới tỉnh ra mà biết rằng cái « tôi » mà ông thờ đó là cái « tôi » hầy còn khiếm-khuyết ; cái « tôi » thực hoàn-toàn là phải trăm nghìn vạn cái « tôi » khác tích-lũy trong mấy mươi đời mới cấu-tạo ra. Cái « tôi » thực hoàn-toàn là gồm cả cái « tôi » hiện-tại (tức là ta), cái « tôi » quá-khứ (tức là tổ-tiên ta) và cái « tôi » tương-lai nữa (tức là con cháu ta). Cái « tôi » ấy lại phải sinh-trưởng ở một đất nước nào, không tự trong khoảng không mà mọc ra được, nên người ta không những quan-hệ với nhau, mà người ta với đất nước cũng có quan-hệ nữa.

(1) Tel le jeu d'un pauvre enfant qui, par un jour de pluie, assis dans un coin de la chambre examine son jouet au risque de le casser. (Cité par H. Massis).

Ông BARRÈS phát-minh được lẽ đó, khác nào như Phật-tổ phát-minh tứ-diệu-đề. Tự bấy giờ ông hoan-hỷ trong lòng, vững-vàng trong trí, gia-công nỗ-lực truyền-bá chủ-nghĩa mới trong quốc-dân, trước nhiệt-thành thờ mình, nay giốc lòng thờ nước, trước chỉ khu-khu khoai-lạc lấy một mình, nay lại chăm-chỉ giữ-gìn cho quốc-tủy, nghiêm-nhiên trở nên một tay lãnh-tụ trong dân-ai-quốc vậy.

Trong ba-mươi năm trời ông làm sách viết văn đều phát-huy về chủ-nghĩa quốc-gia (*nationalisme*), chủ-nghĩa quốc-tủy (*traditionalisme*). Những vi-ngôn đại-nghĩa của ông, hợp lại có thể làm một quyển kinh nhật-tụng cho những kẻ có lỗi-tòn phải phụng-thờ, có đất nước phải yêu-mến, nghĩa là hầu-hết người ta trong thiên-hạ, chỉ trừ những giống mọi-rợ còn dã-man hay là những phường Tịch-Đàm dã vong-tổ vậy.

Nay không thể kể ra hết được, chỉ xin trích dịch mấy câu mấy đoạn đề cống-hiến các nhà hữu-tâm về việc đời việc nước. Lời-lời thiết-tha sâu-sắc, đủ làm bài học cho quốc-dân ta vậy.

Như ông nói rằng : « Người ta dẫu hoàn-toàn đến đâu mặc lòng, chẳng qua chỉ là những bộ-phận trong một cái toàn-thể, là giống-nòi mình. » (1)

Lại nói : « Người ta ví như cái cây, muốn mọc lên tươi-lốt, nảy-nở ra nhiều, phải giống nào sinh-trưởng theo cách-thức giống ấy, như bao nhiêu đời

trước đã lưu-truyền tới ngày nay. » (2)

Lại nói : « Hồn ta đây là hồn của tổ-tiên ta cộng lại mà thành ra ; những mối cương-thường của tổ-tiên ta là làm cơ-sở cho nhân-thân ta bây giờ đó. » (3)

Lại nói : « Tôi cảm-cụi tìm-tòi, sưu-tầm khó-nhọc, mới thấy được nguồn nước trong ở trong vườn nhỏ của tôi. Nguồn ấy là tự cái mạch ngầm chan-chứa, nó phân-phát cho khắp các giếng nước chốn quê-hương tôi. » (4)

Lại nói : « Tôi thấy trong thâm-tâm tôi có một chỗ như chỗ đầu gân của mạch ; hễ chạm đến đấy thời rung-dộng cả thần-kinh, tôi không ngờ chuyển mạnh đến thế ; rung-dộng suốt cả người, không phải là sự cảm-xúc của một cái hiện-thân nhất-thời dẫu, thực là cả một giống-nòi bị xúc-dộng mà đợng lên, nghĩ đến thật ghê thay. » (5)

Lại nói : « Nhất-cử nhất-dộng của ta mà trái với tổ-tôn đất nước ta là làm cho ta tự dối ta, khiến cho nhụt mất cái nhệ-khi của ta đi. » (6)

Lại nói : « Ta phải biết cam chịu thân-phận ta, đó là điều cốt-yếu. Đã được điều cốt-yếu đó rồi thời muốn tổ-chức cuộc đời ta thế nào cũng được. . . Ta sẽ như cái cây mọc ở đất nước nhà, không phải là giống không chẳng không rễ. Dù đi đâu, dù đặt mình vào những nơi rất nóng-nản nào-nhiệt, cũng không sợ mất giống, ta vẫn là con cháu ông cha ta, ta vẫn được hưởng-thụ cái công học-tập mấy mươi đời từ khi hấy còn chưa sinh-

(1) Les individus, si parfaits qu'on les imagine, ne sont que les fragments du système plus complet qu'est la race. (*Un homme libre*).

(2) La plante humaine ne pousse vigoureuse et féconde qu'autant qu'elle demeure soumise aux conditions qui formèrent et maintinrent son espèce durant les siècles.

(3) Notre âme est faite des âmes additionnées de nos ancêtres ; leurs concepts fondamentaux forment les assises de notre être. (Cité par H. Massis).

(4) Après une analyse aiguë et profonde, je trouvais dans mon petit jardin la source jaillissante. Elle vient de la vaste nappe qui fournit toutes les fontaines de ma cité. (*ibid*).

(5) J'ai senti qu'il y a, au plus profond de moi-même, un point constant, point névralgique ; si l'on y touche, c'est un ébranlement que je ne pouvais soupçonner ; c'est une rumeur de tout mon être, ce ne sont pas les sensations d'un individu éphémère qu'on irrite mais à mon grand effroi, l'on fait surgir toute ma race. (*Le Jardin de Bérénice*).

(6) Chacun de nos actes qui dément notre terre et nos morts nous enfonce dans un mensonge qui nous stérilise (Cité par H. Massis).

hạ ra đời, từ khi hầy còn nằm trong mạch máu tổ-tiên mà tổ-tiên hầy còn mới tâm-niệm ta mà thôi. » (1)

Lại nói : « Tôi thấy được khoan-khoái trong lòng là từ ngày tôi biết đem tấm lòng tôi như cây đàn phốt-phắc cho ông cha giữ dịp. » (2)

Lại nói : « Tôi trông thấy cái bản-thân tôi liên-tiếp với muôn vạn tấm thân khác, rải khắp đời nọ sang đời kia, mà tôi lấy làm sung-sướng lạ-lùng. » (3)

Lại nói : « Trông thấy con người ta tan-tác ra để sáp-nhập vào nhà, vào nòi, vào nước, trong khoảng mấy nghìn năm, cái chết không gián-đoạn được, còn cảnh gì say-mê mà vui-thú bằng. » (4)

Lại nói : « Giả tôi có tài làm thơ thời tôi ngậm-vịnh để tả tấm lòng khao-khát muốn nuốt cả trời xanh. Nhưng giả tôi làm thơ tài hơn nữa, thời tôi chỉ ca-tụng một bậc anh-hùng biết cam-tâm hành - động trong một cái vòng-khuôn nhỏ hẹp hơn sự mông-trưởng của mình. Ta phải nên biết, phải nên cam-tâm thừa-nhận những lẽ tất-nhiên nó hạn-chế ta. Tôi yêu-mến đất Lorraine của tôi, tôi tả-mạc đất Lorraine của tôi, tên Lorraine đó,

có lẽ chỉ là một sự quan-cảm rất thiết-tha về cái giới-hạn của tôi. Tôi trông thấy cái cây cỏ đất Lorraine, khác nào như con ngựa trông thấy cái cọc để buộc mình vào đấy. » (5)

Lại nói : « Tôi đi đến đâu tôi cũng là khách tha-hương, bập-bẹ được mấy câu hát vặt, nhưng tôi về đến đất sông Moselle của tôi, thời tôi thấy tôi là một cái biểu-hiệu của đất nước này, là một cái khoảnh-khắc trong cuộc thiên-cò này, là một cái bí-tàng của giống-nòi ta mỗi mùa nẩy ra hoa thơm bông đẹp, và nếu lòng tôi thật biết thương yêu xứ-sở thời tôi có thể làm quả tim cho đất nước này. » (6)

Lại nói : « Tôi tuy đã chơi qua những chốn danh-đô, như Venise, Sienne, Cordoue, Tolède, những nơi cổ - tích như thành Sparte, tuy cũng ngậm được lắm điệu véo-von,... mà tôi cho của ấy như của phù-vân của gái phương xa đãi người khách lạ. Sướng có sướng thật, mà nó vụt qua, nó kích-động, nó thoáng bên ngoài mà thôi. Nhưng về đến đất nước tổ-tiên tôi thời tôi mới thật thấy cảm-giác thâm-trầm. Đến đây tôi không phải là khách bàng-quan nữa. Hễ tôi thu-thập trí khôn của tôi vào trong vòng-khuôn này là nơi tiền-định

(1) Acceptons notre conditionnement, c'est une épine dorsale. Quand nous l'avons, nous pouvons alors inventer notre vie... Sortis du sol paternel, nous ne serons pourtant pas des déracinés. Où que nous allions et plongeons dans les milieux les plus dévorants, nous bénéficierons de l'apprentissage séculaire que nous fîmes dans leurs veines avant que d'être nés et tandis qu'ils nous méditaient (*ibid*).

(2) J'ai trouvé le bonheur en m'abandonnant à ce rythme qu'on donne à son cœur, si l'on remet à ses morts le soin de le régler (*ibid*).

(3) Mon être m'enchantant grand je l'entrevois échelonné sur les siècles, se développant à travers une suite de corps (*ibid*).

(4) C'est tout un vertige délicieux où l'individu se défait pour se ressaisir dans la famille, dans la race, dans la nation, dans de milliers d'années que n'annule pas le tombeau (*ibid*).

(5) Si j'étais un jour poète, ce serait pour exprimer un désir insatiable de ciel immense. Mais si j'étais un plus grand poète, je chanterais un héros qui se meut volontairement dans un horizon plus étroit que sa rêverie. Connaissions, acceptons, aimons nos fatalités qui nous bornent. Ce que j'appelle Lorraine, ce que je décris sous le nom de Lorraine, n'est peut-être qu'un sentiment très vif de mes limites. J'ai reconnu le vieil arbre lorrain, comme le poète où ma chaîne me rive. (Cité par H. Brémont, dans *L'évolution littéraire de Maurice Barrès*).

(6) Ailleurs je suis un étranger qui dit avec incertitude quelque strophe fragmentaire, mais au pays de la Moselle, je me connais comme un geste du terroir, comme un instant de son éternité, comme l'un des secrets que notre race, à chaque saison, laisse émerger en fleurs et, si j'éprouve assez d'amour, c'est moi qui deviendrai son cœur (*Amitiés françaises*).

của tôi, thời tựa-hồ như tôi nhân sức mạnh tôi với sức mạnh chung của cả nòi-giống, mà quả tim tôi nở-nang ra thành nơi trung-tâm một cổ-quốc vậy. » (1)

Những câu trích-dịch đó là thuộc về thời-kỳ thứ nhì trong tư-tưởng ông BARRÈS, sau khi tâm-trí ông đã kinh-quá sự đại-biến như trên kia. Nhưng ngay từ hồi còn trẻ, năm ông mới có hai-mươi-ba tuổi, ông mở ra cái tạp-chi đề là « Vết mực » (*les Taches d'encre*, 1886), ông đã nói một câu như sau này, dù chứng rằng tư-tưởng ông dần-càng ngày càng tấn-tới, càng ngày càng rõ-rệt thâm-trầm ra, mà cái mầm đã có từ tuổi thanh-niên, tấm lòng xót-xa về tổ-tiên, về đất nước, đã phảng-phất từ khi hãy còn chỉ biết túy-tâm « thờ » một mình mình vậy. Ông nói rằng : « Ông cha ta đã làm-lỡ một ngày, để lại cho ta cái gánh nặng phải mang. Muốn làm cho nổi cái trách danh-dự đó, chỉ phải có một chút tâm-huyết, một chút khảng-khái mà thôi. » (2) Vậy ngay từ giữa lúc ngao-cốt còn lằng-lằng, ông đã mật đem thân hứa nước vậy.

...

Ấy thân-thể và tâm-thuật một bậc danh-sĩ nước Pháp như thế. Muốn giảng-giải cho tường hơn nữa, phải đến mấy bài luận-thuyết cũng chưa đủ. Mỗi câu châm-ngôn dịch trên kia, muốn bàn cho hết nghĩa, cũng phải đến mấy trang. Nay kết-luận bài này, chỉ xin nhắc-nhủ bạn thanh-niên một đôi lời. Các bạn thường tự than mình rằng đa-tư, đa-lự, đa-cảm, đa-sầu ; hay buồn, hay bức, hay chán, hay nản ;

các bạn thường phàn-nàn rằng chưa nếm mùi đời đã thấy chán đời. Đó là bệnh chung của kẻ thanh-niên có chí, đó là bệnh chung của những thời-dại quá-độ. Ông BARRÈS trước kia cũng đã từng qua cầu ấy mà ông đi được trôi-lọt, lập nên sự-nghiệp vẻ-vang ở đời. Các bạn nên lấy thân-thể ông mà làm gương, noi tâm - thuật ông mà bắt-chước. Ông cũng đa-tư đa-cảm, mà sự cảm-kích của ông còn mãnh-liệt biết dường nào ! Ông cũng từng chìm-dắm trong bề thâm, lẫn-lộn trên trường sâu, mà ông biết sớm tỉnh-ngộ, thu lấy phóng-tâm, cầm lấy hồn mộng, không để cho bóng-lông chạy rong trong khoảng không vô-bạn, mà ra tay buộc chặt vào gốc cũ vườn xưa, tự phát-nguyện một câu rằng : Đây là quê cha đất tổ đây, dù đi đâu chớ có quên chốn này ! Từ đấy lòng ông được khoan-khoái, trí ông được vững-vàng, tay ông gầy nên những khúc réo-rắt véo-von, vì hợp với cung đàn điệu hát của đất-nước tổ-tiên. Bạn thanh-niên ta nên ngẫm đó mà coi : mỗi người ta như một cây dơn mà cầm phách giữ nhịp là tự tổ-tiên mấy mươi đời trước ; muốn gầy nên khúc đàn nghe được, chớ nên sai điệu cũ tổ-tôn. Các bạn có biết bởi sao mà ta sâu, ta thâm, ta chán, ta buồn không ? Bởi bọn ta là một mớ đàn lồi díp ngang cung cả, nên bấy lâu gầy ra những giọng chi-chi, như tiếng mường tiếng rợ, không ăn gì với khúc nhạc ước nhà, thành ra ông cha với con cháu cách-trở nhau, đất nước với người ở không thông nhau, mà khí thiêng của núi sông uất-tích lại, không lưu-thông đi được.

(1) Bien que je doive d'heureux rythmes à Venise, à Sienne, à Cordoue, à Tolède, aux vestiges même de Sparte... j'estime peu les brillantes fortunes que me firent et me feront de trop belles étrangères Bonheurs rapides, irritants, de surface ! Mais pour la terre de mes morts, je m'engage aux profondeurs. Ici, je cesse d'être un badaud. Quand je ramasse ma raison dans ce cercle, auquel je suis prédestiné, je multiplie mes faibles puissances par des puissances collectives, et mon cœur qui s'épanouit devient le point sensible d'une longue nation.

(2) Nos pères faillirent un jour, c'est une tâche d'honneur qu'ils nous laissent... Il n'y aura que quelque peu de sang et quelque grandeur dans l'âme... (Cité par R. Jacque, dans *Notre maître Maurice Barrès*).

Ta nay đã biết thế, phải gia-công sửa-sang cây đàn cũ, lên giây buộc phím lại, nhưng muốn gảy cho nên khúc, phải biết theo dịp cũ của tổ-tiên. Đó là bài học của ông danh-sĩ

phương Tây dạy ta đó, mà cũng là bài thuốc ông cho ta để chữa cái bệnh chán đời những kẻ thanh-niên có chí vậy. (1)

THƯỢNG-CHI

PHÁP-DU HÀNH-TRÌNH NHẬT-KÝ (2)

XV

Thứ bảy, mồng 10.

Các ngài phái-viên Nam-ký xử với thượng-quan thật là khéo quá. Những cách thù-phụng như thế, tự mình không mấy khi nghĩ đến, hoặc có bao giờ cũng là bất-đắc-dĩ, vì lấy làm chẳng hay-ho gì. Nhưng mình không nghĩ đến, may đã có các ngài nghĩ cho. Số là các ngài định đặt một bữa tiệc trọng-thể để đãi quan Thượng-thư SARRAUT và ông nghị-viên Nam-ký OUTREY. Các ngài đã sửa-soạn cả rồi, bèn bảo cho anh em Bắc-ký biết để dự vào một phần. Tiệc định đặt ở một hiệu cao-lâu lớn ở Versailles. Thế là mình nhân tiện lại được đi xem Versailles một lần nữa.

Có ăn tất phải có nói, đặt tiệc trọng-thể như thế, tất phải có « dít-cua ». Ông L.-K.-N. là ngài phái-viên Nam-ký cao tuổi nhất, có đọc một bài tán-tụng quan Thượng-thư và ông nghị-viên, không nhớ nói những gì nữa. Quan Thượng-thư trả lời lại, có ý vô-về, khuyên-lơn, cũng không nhớ rõ những câu gì, nhưng nói hùng-bổn lắm.

Tiệc xong có chụp ảnh làm kỷ-niệm.

— Nhân tiện ở cả buổi chiều đây, để xem điện Versailles một lần nữa cho kỹ hơn.

Trước lên xem lại hai lầu « Trăm Gương » và « Trăm trận », các phòng của vua Louis thứ 14, 15, 16, ở trong Cung chính, rồi ra xem các cung Đại Trianon và Tiểu Trianon, ở trong ấy các phòng bày-bien như sinh-thời các vua chúa. Ngày nay trông còn rục-rở như thế, huống đương-thời thì long-lẫy biết bao !

Xem xong các cung rồi ra dạo chơi ngoài ngự-uyền, đi lộn-mau đến hai ba giờ đồng-hồ. Chợt đến một chỗ, như hình cái làng lạc vào ở giữa vườn ngự-uyền. Giở sách ra xem mới biết chỗ này tức là cái « xóm quê » (le hameau paysan) của bà phi MARIE-ANTOINETTE dựng ra ở cạnh cung để thỉnh-thoảng ra ở đấy giả làm cách nhà quê. Các bà sung-sướng quá, không được biết cái thú thôn-quê là gì, nên phải bịa đặt ra thế. Nhưng biết một cái thú quê chưa đủ, phải biết cả cái khổ-sở, cái khó-nhọc dân nhà quê

(1) Ông MAURICE BARRÈS sinh năm 1862, mất năm 1913. Làm nghị-viên từ năm 1889. Có chân Hội Hàn-lâm Đại-Pháp từ năm 1908. Làm lãnh-tu Đảng Ái-quốc (Ligue des Patriotes) từ năm 1914, thay ông DENOUELÈDE. Bắt đầu làm văn từ năm 1882, xuất-bản tới 40 quyển sách. Những quyển có tiếng nhất là : *Un homme libre*, — *Le Jardin de Bérénice*, — *Le Culte du Moi*, — *L'Ennemi des Lois*, — *Du sang, de la volupté et de la mort*, — *Les Déracinés*, — *L'appel au soldat*, — *Scènes et doctrines du nationalisme*, — *Leurs Figures*, — *Amori et dolori sacrum*, — *Les Amitiés françaises*, — *Le Voyage de Sparte*, — *Au service de l'Allemagne*, — *Colette Baudouche*, — *La Colline inspirée*, — *Une enquête aux pays du Levant*, — v.v.

(2) Xem N. P. số 58, 59, 60, 63, 65, 66, 68, 69, 70, 73, 75, 77, 79, 80.

nữa. Nghe nói hồi bấy giờ các cung-phi, các công-chúa, những buổi ra ở « xóm quê » cũng làm-lụng như người nhà quê, nấu bếp, vắt sữa, v.v., nhưng làm chơi với làm thật nó vẫn khác nhau lắm.

Đi chơi trong vườn này có cái vẻ êm-dềm lặng-lẽ; chim kêu, gió thổi, cành cây sột-sạt, lá cây lác-đác, nước chảy róc-rách, thật là cảnh đìu-hiu, hổng thấy lòng quê lai-lãng.

Bóng đã xế chiều, gió đã thấy lạnh, mới bước ra về; về tới Paris vừa tối.

— Tối đi xem hát ở *Opéra*. Nhà *Opéra* này là nơi ca-trường sang-trọng nhất ở Paris. Hôm nay có Hội Ái-hữu các người làm việc Sở Xe-lửa mở một cuộc diễn-kịch để quyên tiền cho Hội, mời quan Thủ-tướng POINCARÉ đến chủ tọa. Cơm tối rồi mới đi lấy vé, vé đã gần hết cả. Hôm nay diễn bài nhạc-kịch *Faust*, soạn theo bộ tiểu-thuyết trứ-danh của nhà đại-văn-hào Đức GOETHE, ông CH. GOUNOD nước Pháp đặt ra bài đàn. Lối nhạc-kịch này thì mình không sành âm-nhạc, không thuộc ca-diệu, không sao hiểu hết; người mình nghe à-đào hát, nhiều khi cũng không hiểu được cả, nữa là nghe người Tây hát theo giọng điệu của người ta. Xem ra chính người Tây đi *Opéra* lắm khi nghe cũng lổ-mổ như mình. Nhưng mà cảnh bày đẹp, con hát lịch-sự, lại cái thanh-âm đáng-diệu thật khéo, dẫu người không sành cũng sướng tai vui mắt. Bài kịch có năm hồi, mỗi hồi nghỉ lại có họa những khúc danh-nhạc xưa nay, như của MASSENET, SAINT-SAËNS, v.v..

Giá ở *Opéra* này đắt hơn các rạp khác: một ghế ở sán (*fauteuil d'orchestre*) giá 30 quan (tính ra bạc sáu quan là 5 đồng bạc bên ta). Nhưng khách đây toàn là khách lịch-sự cả, vào xem phải mặc lễ-phục, như đi dự tiệc buổi chiều vậy. Lệ đó ngày xưa là

nhất-định và nhất-luật cả, nhưng ở một nước dân-chủ lấy bình-dẳng làm trọng, không khỏi có người đi-nghị, nên bây giờ phải đặt riêng mỗi tuần-lễ mấy ngày, ai vào xem ăn-mặc thế nào cũng được. Nhưng nghĩ cũng lạ, những buổi được ăn-mặc tự do như thế, thiên-hạ đến xem lại ít, và những buổi phải có lễ-phục mới được vào thì khách lại đông. Thế mới biết người ta tuy ngoài miệng nói rằng muốn bình-dẳng, mà trong bụng bao giờ cũng muốn đặc-biệt với kẻ khác. Cũng có lẽ là đặt ra ngày riêng như thế thì người nào đi vào ngày không phải ăn-mặc lễ-phục tự cho là không sang-trọng, nên ít người muốn đi. Muốn điều-hòa sự bình-dẳng với cách lịch-sự thật cũng khó thay.

Chủ nhật, 11

Hôm nay nghỉ nhà, không đi chơi đâu.

Các phái-viên Nam Bắc-kỳ định cùng nhau tổ-chức một cuộc du-lịch các miền chiến-địa cũ. Định trước đi *Origny-en-Thiérache*, là quê Đức - cha Bách-da-lộc, làng này bị tàn-phá cả, Nam-kỳ đã quyên tiền cho để trùng-tu lại; rồi đi ra *Soissons*, *Reims*, *Verdun*, là những miền chiến-tranh dữ nhất mấy năm trước. Ước nhau đến sáng ngày thứ ba đi sớm, đã thương-lường với một công-ti ô-tô chở thuê để đón sẵn ở các ga, rồi đưa đi các trận-địa. Hợp nhau lại vài chục người đi luôn thề thế này, rẽ hơn là đi riêng một vài người. Các ngài phái-viên Lục-lĩnh bàn ra trước, mình lấy làm phải lắm, nhận lời ngay. Cứ thực ra thì việc này xương-suốt tự quan cai-trị E... đầu phái-bộ Nam-kỳ, nên cũng nhờ một tay ngài sắp-dặt hết cả.

Thứ hai, 12

Buổi sớm đi xem sở *Sorbonne*, là

nơi trường Đại-học thành *Paris* ở đây. Minh đã vào đây mấy lần, một bữa lại nghe diễn - thuyết ở đây, nhưng chưa bao giờ đi xem được khắp. Hôm nay nhờ có bộ Thuộc-địa đã xin phép trước, các phái-viên đến xem được người phần-việc dẫn đường và cắt nghĩa tường lẫm.

Xét ra sở *Sorbonne* này có đã lâu lẫm, từ năm 1250. Nguyên trước là một trường chuyên về thần-học, do ông ROBERT DE SORBON, là nhà-thầy coi việc lễ-bái trong cung vua SAINT-LOUIS, lập ra. Mười năm sau, trường đã đông học-trò; đến thế-kỷ thứ 14 thì nổi tiếng khắp Âu-châu, về khoa thần-học đến các giáo-hoàng ở La-mã cũng thường phải theo ý-kiến của các thầy *Sorbonne*. Sau ông tể-tướng RICHELIEU sai LEMERCIER xây mấy lớp nhà, ngày nay chỉ còn cái nhà thờ lại. Đến trường Đại-học bây giờ thì mới dựng từ năm 1885, theo kiểu của ông NÉNOT. Sách chép bề dài tới 250 thước, bề mặt 83 thước, từng trên và từng dưới có tượng đá hình các khoa-học, như Hóa-học, Tự-nhiên-học, Vật-lý-học, Số-học, Sử-học, Địa-dư-học, Triết-học, Khảo-cổ-học, mỗi bức tượng của một tay danh-sư chạm. Trên bức phá-phong lại có hai tượng lực-lượng hình Văn-học và Khoa-học

Sở *Sorbonne* bây giờ là nơi trường Đại-học *Paris*, trừ có hai ban Luật-học và Y-học là có nhà riêng. Trong sở có ban Văn-học (29 khoa) và ban Khoa-học (25 khoa); lại có trường Cổ-diễn, khảo về các sử-liệu cũ nước Pháp, viện Cao-đẳng-nghiên-cứu, cùng Thư-viện của trường Đại-học cũng ở

đấy. Sinh-viên các khoa đến nghe giảng và đến khảo-cứu ở đây, có tới 2 vạn người. Độ rầy đã bắt đầu nghỉ hè, nên các lớp vắng dần. Nhân thấy một lớp đương học, người phần việc đưa vào nghe một chốc. Lớp này là lớp quan giáo SCHNEIDER đương giảng về mỹ-thuật Pháp, nghe đầu là một lớp riêng cho người ngoại-quốc đến học mấy tháng hè. Ông giáo đương bình-phẩm về mấy bức họa, có chiếu bóng lên cho người nghe xem. — Xong rồi lại vào phòng thí-nghiệm của quan Giáo LAPIQUE. Ngài chuyên dạy khoa thực-vật-sinh-lý-học; ngài nói buống ngài làm việc đây chính là buống ông PAUL BERT khi xưa, vì ông PAUL BERT trước khi sang làm Thống-sứ bên ta có dạy sinh-lý-học ở trường Đại-học *Paris*. Trong phòng thí-nghiệm đây đương có một cô nữ-học-sinh khảo về các giống rêu đổi sắc; cô trông mặt thông-minh và laub-lợi lẫm, quan Giáo bảo cô thử cho chúng mình xem, thấy một cây rêu khi ra nắng và khi ở tối đổi sắc hiển-nhiên.

Xem xong các phòng học rồi ra đại-diễn-đường, rộng thênh-thang, ngồi được đến bốn nghìn người. Giữa có một bức họa to lớn lạ thường, vẽ « Rừng học », của nhà danh-họa PUVIS DE CHAVANNES. — Lúc ra về vào xem nhà thờ *Sorbonne* và mộ tể-tướng RICHELIEU.

Buổi chiều sấm-sửa ít đồ hành-lý để mai đi chơi sớm.

(Còn nữa)

P. Q.



DÂN-TỘC NHẬT-BẢN (1)

Thưa các ngài,

Hôm nay tôi được tiếp chuyện các ngài ở đây, giá cứ theo những thói thường, giá cứ dùng những tiếng sáo, thì tôi phải nói là một sự hân-hạnh cho tôi lắm lắm. Song tôi xin thú thực rằng giá được cùng với các ngài trò chuyện ở trong một cái phòng ấm-áp, hay ở trong một tiệc rượu mà lại có năm ba dĩa hoa hoạt-động diêm thêm vào thì hân-hạnh, thì thú-vị thật! Nhưng tiếp chuyện các ngài ở đây như hôm nay thế này thì đối với tôi chỉ là một sự lo ngại, chớ không có chi đáng gọi là hân-hoan vui-vẻ cả. Nói thế có ngài mỉm cười mà không tin chẳng. Song quả thực thế! Vì sao?

Một lẽ là vì rằng tôi tự xét mình học-thức còn non, lịch-duyet còn kém, nay ra nói chuyện, biết nói cái gì — không dám nói là bồ-ích, vì các ngài đến đây tưởng chủ-ý là để xem nói có khéo có hoạt không, chớ không phải là để hông biết thêm điều gì, — vậy biết nói cái gì cho khỏi vô-vị, để các ngài lui ra về khỏi phải ngậm-ngùi tiếc thì-giờ cùng công-trình đi lại, nhất là trời lại rét và đường lại lội như hôm nay. Hay là lại làm cho các ngài phải bỏ mất cái thú trùm chầu, cái khoái ngồi cạnh lò sưởi, cái thú *thập-hồng*, *bạch-dịnh* hay *chi-nhũy* mà đến đây mất một buổi phí công, đến nỗi ngài nào có bụng yếu ngồi đến cuối cùng thì mất một hai giờ, còn ngài nào không chống nổi được cái buồn mà nửa chừng bỏ về thì cũng mất ít ra là 15, 20 phút. Làm cho các ngài mất chút thì-giờ vàng-ngọc như thế, nhất là cái thì-giờ xuân-nhật này, chẳng là cái lỗi ở như mình

ru! Vì tôi sợ phiền các ngài nên bấy lâu tôi vẫn theo cái chủ-nghĩa « dựa cột ». Theo cái chủ-nghĩa đó thì chẳng còn e sợ gì nữa: chẳng sợ phiền các ngài mà cũng chẳng sợ ai bình-phẩm chê-khen, vì tình tôi thích được bình-phẩm người hơn là bị người bình-phẩm. Cứ mỗi khi thấy báo nói có ngài nào diễn-thuyết là thế nào cũng đến nghe, ngài nào khéo thì khen, ngài nào vụng thì chê; như thế chả tiện hơn, chả dễ hơn là phải vô đầu nghĩ cho ra một cái đầu đề, rồi lại phải cầm cò mà viết cho thành một bài diễn-thuyết, đến lúc xong cuộc lại phải nghe những lời dị-nghị chê bai ư? Mà theo cái chủ-nghĩa đó, không những không ai biết mình hay dở thế nào, có lẽ lại được tiếng khen là một kẻ thận-ngôn, vì tục-ngữ tây có câu: « Lời nói là bạc, nín lặng là vàng », thế thì mình im hơi nín tiếng chả đáng quý hay sao? Tội gì mà nói đã bện đến mình, lại phiền kẻ khác, và tránh sao cho khỏi tiếng chê bai!

Đó là một lẽ, còn một lẽ nữa. Tôi còn nhớ trong khi đọc sách có thấy một câu này của một nhà văn-sĩ Pháp: « Trong đời có ba việc nếu tầm-thường thì không sao thương được, một là thơ-phú, hai là âm-nhạc, ba là diễn-thuyết. » Thế mà mình không những làm thơ thì thất-luật, đánh đàn như bập bồng, mà ngôn-ngữ lại vụng, thì ra nói chuyện mà làm chi để các ngài phải mất công ban cho hai chữ *tầm-thường*. Chẳng thà im hơi tránh mặt còn hơn, ai biết đâu là mình tầm-thường hay kém tầm-thường nữa?

Tuy vậy tôi cũng đánh bạo ra tiếp

chuyện các ngài hôm nay là tự nghĩ mình đã làm-dự là một hội-viên hội Tri-tri thì phải làm sao cho hợp với cái mục-dịch hội Tri-tri mới phải. Và lại xã-hội ta ngày nay nào đã có cái gì là đặc-sắc, thì dù mình có tâm-thường đi nữa, cái tâm-thường của mình nó cũng lẫn vào muôn vàn cái tâm-thường khác, như thế cũng chẳng ngại gì. Hiện nay xã-hội Việt-Nam nhà lấy đầu có những tay thi-sĩ đại-tài như VICTOR HUGO, ALFRED DE MUSSET, LAMARTINE; lấy đầu có những nhà âm-nhạc trứ-danh như MOZART, HOFFMANN, mà lấy đầu có những tay diễn-thuyết hùng-hồn như DÉMOSTHÈNE, CICÉRON, MIRABEAU! Đã không có những người có biệt-tài như thế, thì dù mình có vụng-về, có tâm-thường, chắc các ngài cũng xét mà lượng cho. Vì tôi chắc bụng sẽ được các ngài không nghiệt lắm, nên tôi mới dám đến tiếp chuyện các ngài ở đây, đề một là hộp mặt cầu vui, hai là có chỗ nào sai vụng sẽ được các ngài chỉ-giáo.

...

Hôm nay tôi đến tiếp chuyện các ngài đây, chẳng qua chỉ là thuật lại những điều tôi đã xem trong sách — tức cũng như là một cái máy lưu-thanh — chứ không có chút gì là do sự học-vấn lịch-duyet của tôi cả. Các ngài trước tôi, ngài thì nói về văn-chương, lịch-sử, ngài thì nói về diễn-kịch, cách-tri; nay tôi nói đây là một vấn-đề về dân-tộc-học.

Kể các dân-tộc ở trên mặt đất này thì thật là nhiều, giả ta có thể biết hết cả được thì càng hay, nếu không thì ít ra cũng phải biết đến các dân-tộc lớn, có một cái địa-vị to-tát, có một cái ảnh-hưởng sâu-xa đối với cuộc tiến-hóa của nhân-loại mới được, thí-dụ như các dân-tộc phú-cường bên Âu-Mĩ, và dân-tộc Trung-hoa Nhật-bản ở châu Á gần ta đây. Hôm nay tôi sẽ

dĩ nói chuyện về dân-tộc Nhật-bản là vì người Nhật cũng thuộc về giống da vàng như mình, cũng chịu ảnh-hưởng của văn-minh Trung-quốc như mình, mà vì sớm biết theo đường tiến-hóa, biết dung-hợp hai cái văn-minh Âu-Á, nên đã thành một dân-tộc anh-hùng, làm cho nước Nhật ngày nay đứng vào hàng năm đại-cường-quốc là Pháp, Anh, Ý, Mĩ, Nhật. Và lại trong vòng hai-mươi năm nay, từ khi có cuộc Nhật-Nga chiến-tranh ta thường nghe nói đến người Nhật, nhất là từ độ nước Nhật bị nạn động-đất cùng đổ cây nước mà người mình cũng có góp ít nhiều vào việc cứu-tai, thì lại càng nói đến người Nhật luôn luôn. Một dân-tộc có danh-tiếng như thế, lại có một đôi điều giống với dân-tộc Việt-Nam nhà, tưởng ta cũng cần nên biết một cách rõ-ràng mới phải. Vậy hôm nay tôi nói đây là nói về gốc-tích người Nhật-bản, cách sinh-hoạt của họ ra làm sao, phong-tục họ có cái gì hay lạ, và họ có những cái đức-tính gì hay dở khiến cho họ ngày nay chiếm được một cái địa-vị vẻ-vang như thế.

1. — Người Nhật-bản ở đâu?

Người Nhật-bản là một dân-tộc về giống da vàng, nhân-số chừng năm sáu mươi triệu, ở một quần-đảo trong Thái-bình-dương, về phía đông châu Á, gần Mãn-châu, Cao-ly và Tây-bá-lợi-á thuộc Nga. Nước Nhật vừa đảo con vừa đảo lớn tính ra có đến 4000 cái, nhưng chỉ 5, 600 cái là có người ở mà thôi, còn các đảo kia phần vì nhỏ-quá, phần vì thổ-địa không lợi, nên bây giờ còn lắm chỗ hoang-vu. Kể những đảo có người ở thì các đảo lớn nhất là Yezo, Hondo, Kiou-Siou, và Siko-koku. Ngoài các đảo đó, người Nhật lại còn ở các thuộc-địa là Đài-loan và Cao-ly nữa. Kể cả thuộc-địa Cao-ly và Đài-loan thì nước Nhật rộng gấp hai

nước Việt-Nam ta : nước Nhật đo được chừng 680.000 *kilomètres* vuông, mà nước ta thì được 340.000.

II. — Gốc-tích dân-tộc Nhật-bản

Trước khi nói đến gốc-tích người Nhật thì ta nên biết rằng các quần-đảo Nhật-bản kia không phải chỉ có một dân-tộc Nhật-bản ở mà thôi. Người Nhật chỉ ở những đảo về phía nam, còn những đảo về phía bắc thì lại có một giống khác ở, gọi là giống « Ai-nô » (*Ainos*).

Người Ai-nô đối với người Nhật cũng như người Mường người Mán đối với người Kinh ta, nghĩa là người Nhật coi người Ai-nô như là một giống mọi-rợ chỉ ở những nơi rừng-rú hẻo-lánh mà thôi. Cứ theo những nhà dân-tộc-học thì chính giống Ai-nô này trước kia ở các đảo mà ngày nay người Nhật ở, sau bị người Nhật chiếm lấy mà đánh đuổi lên phía bắc. Hiện nay giống Ai-nô chỉ còn ở đảo *Yéso* và các đảo con về phía bắc như *Kouriles*, *Sakhaline* thôi. Theo các nhà dân-tộc-học thì giống Ai-nô là một dân-tộc rất cổ, nay một ngày một mất dần đi. Người Ai-nô da trắng hơn người Nhật, trán cao, mũi lõ, mắt to và không xệch lắm, mà có điều này đặc-biệt là họ nhiều râu, nhiều tóc, nhiều lông hơn tất cả các giống khác, vì thế nên người Nhật gọi giống Ai-nô là « người chó » hay « người gấu ». Và lại họ không hay cao mặt cao đầu nên râu tóc lại càng dài càng rậm, mà họ lấy thế làm sang làm đẹp lắm. Giống Ai-nô có khi cả đàn-bà cũng có râu, nếu không có thì họ lại vẽ râu vào mặt để trông ra dáng có râu cho đẹp. — Theo tục-truyền thì giống Ai-nô là dòng-dõi loài khuyển sinh ra, nên mới lông lóng như thế. Tục-truyền rằng khi mới khai-thiên lập-địa, có một người con gái nhan-sắc tuyệt-trần, đến ở một cái đảo trong

nước Nhật ngày nay. Người ấy đi thuyền từ phía Tây lại, khi đến ở trong đảo ấy thì ngày ngày đi đánh cá ở bờ hay đi săn thú trong rừng để lấy cái ăn, như thế được mười năm. Một hôm đi săn về, nàng xuống sông gần đó để tắm. Lúc đang tắm thì thấy một con chó tự đằng xa bơi lại rất nhanh, nàng sợ lắm, vội-vàng nhảy lên bờ. Nhưng con chó ấy lại gần yên-ủi nàng và xin ở với nàng để sớm khuya có bầu có hạn, và phòng khi mưa gió bất-kỳ thì đã có kẻ trông-nom giúp-dỡ. Nàng nghe lời ưng-ý, cùng con chó kết bạn trăm năm, sau sinh ra giống Ai-nô là thế. Cũng có chỗ lại nói giống Ai-nô do loài gấu mà ra, vì thế nên người Ai-nô hay thờ gấu làm thần hộ-mệnh.

Đó là gốc-tích giống Ai-nô, thật là huyền-hoặc khó tin quá. Còn gốc-tích người Nhật tuy không huyền-hoặc như thế, song hiện nay cũng chưa có thể biết một cách thật đích-xác được.

Về vấn-đề gốc-tích dân-tộc Nhật-bản, khi người Âu-châu mới giao-thông với Nhật, đã lưu-ý nghiên-cứu ngay. Nhưng lúc đầu họ bày đặt ra những truyện hồ-đồ lắm, như cho dân-tộc Nhật-bản là một dân-tộc ở Tiểu-Á-tế-a (*Asie mineure*), đã qua Ba-tư, Trung-hoa, Cao-ly mà sang đến Nhật-bản ngày nay. Sau họ lại đoán rằng người Nhật cùng một nòi giống với rợ Ai-nô ở đảo *Yéso*. Lời đoán ấy không thể tin được, là vì thế này. Tuy rằng người Ai-nô ở các đảo ấy trước người Nhật và sau này bị người Nhật xâm-chiếm mà phải hỗn-hợp với người Nhật, song quyết người Nhật không phải ở giống Ai-nô mà ra, vì nay đã xét ra rằng một người Nhật với một người Ai-nô mà lấy nhau thì chỉ đến đời cháu hay đời chắt là không sinh-sản được nữa ; như thế không thể bảo người Nhật ngày nay là thuộc về giống Ai-nô được.

Hiện nay về gốc-tích người Nhật có hai lý-thuyết khác nhau, các nhà dân-tộc-học chia làm hai phái : một phái bảo người Nhật thuộc về giống Mông-cổ ; một phái thì cho người Nhật thuộc về giống Mã-lai (*Malais*).

Phái thứ nhất viện những lẽ sau này : một là vì nước Nhật-bản ở gần Cao-ly mà người Cao-ly thuộc giống Mông-cổ, có lẽ những người đến ở Nhật-bản trước tiên là giống người Cao-ly đến ; — hai là người Nhật hình-dáng giống người Mông-cổ : họ cũng sọ lớn, da vàng, tóc cứng, râu thưa, lưỡng-quyền cao như người Mông-cổ vậy ; — ba là tiếng nói của người Nhật không giống tiếng nói dân-tộc nào, chỉ hơi giống tiếng nói của người Cao-ly, mà tiếng Cao-ly là một thứ tiếng thuộc về tiếng Mông - cổ ; — bốn là từ đời thượng-cổ người Nhật đã dùng làm thứ khí-cụ, đã đeo làm đồ nữ-trang do Cao-ly hay Trung-hoa đem đến. Vì những lẽ đó nên họ bảo rằng người Nhật gốc-tích từ giống Mông-cổ mà ra.

Phái thứ hai bảo người Nhật thuộc về giống Mã-lai thì viện những lẽ sau này : một là người Mã-lai là một dân-tộc giỏi việc hàng-hải, họ thường vượt bể đến những xứ rất xa ; vì thế nên ở đảo *Madagascar* và đảo *Nouvelle-Zélande* (Tân-Tây-lan) cũng có người Mã-lai đến sinh-cơ lập-nghiep. Người Mã-lai đã là một dân-tộc hay vượt bể đi xa, thế mà từ quần-đảo Mã-lai đến Nhật-bản lại có một luồng nước bề gọi là *Kouro-Shivo* rất tiện cho thuyền bè vượt bể, người Mã-lai cứ theo luồng nước đó mà do từ phương Nam lên đến quần-đảo Nhật-bản ngày nay. — Hai là vì có lắm người Nhật nước da cũng ngăm-ngăm như người Mã-lai, và người Nhật cũng thường mắc phải những chứng bệnh người Mã-lai hay mắc, như bệnh phong, bệnh phù, v.v. — Ba là nhà người Nhật làm bằng

gỗ giống nhà người Mã-lai ở xưa kia, và cái gối bằng gỗ người Nhật dùng ngày nay cũng là thứ người Mã-lai hay dùng ngày trước. — Bốn là người Nhật có mấy cái đặc-tính không thể bảo là do giống Mông-cổ truyền cho được, mà chỉ giống Mã-lai mới có những cái đặc-tính ấy thôi. Như người Nhật không ở bản như người Trung-hoa, họ ở rất sạch như người Mã-lai ; và người Nhật, cũng giống người Mã-lai, đối với khách lạ tiếp - đãi rất là tử-tế, chớ không như người Tàu hay người Cao-ly đối với người lạ thì có ý thờ-ơ nhạt-nhẽo — Sau hết cái tôn-giáo cổ nhất của người Nhật tức là Thần - đạo (*Shintoisme*) có nhiều truyền huyền-hoặc giống các truyền huyền - hoặc của người Mã-lai. Vì những lẽ ấy mà các nhà dân-tộc-học về phái thứ hai bảo rằng người Nhật do giống Mã-lai mà ra.

Xem các lẽ họ viện đó thì hai lý-thuyết cũng đều có chỗ đúng cả. Vậy ta có thể dung-hợp cả hai lý-thuyết phản-đối nhau ấy mà bảo rằng dân-tộc Nhật-bản vừa do giống Mông-cổ, vừa do giống Mã-lai mà ra. Chắc rằng từ đời thượng-cổ, khi giống Ai-nô còn ở các đảo Nhật-bản ngày nay, thì có nhiều phen người Mông-cổ và người Mã-lai tràn đến đánh đuổi giống Ai-nô mà chiếm lấy đất, rồi sinh - cơ lập-nghiep ở những đảo ấy. Sau người Mông-cổ và người Mã - lai vì ở gần nhau tất phải hỗn-hợp với nhau mà sinh ra dân-tộc Nhật-bản ngày nay vậy. Vì thế cho nên người Nhật có điều giống người Mông-cổ, lại có điều giống người Mã-lai nữa. Song đó mới là một điều phỏng-doán mà thôi, chứ chưa thật là đích-xác.

III - Người Nhật-bản sinh-hoạt thế nào?

Tuy người Nhật-bản đã theo được cái văn-minh Âu-Mĩ một cách hoàn-

toàn, song về đường sinh-hoạt, lối ăn ở, cách phục-sức, người Nhật phần nhiều thích thủ-cự hơn là duy-tân.

A) *Nhà ở và đồ-dạ*. — Nhà Nhật-bản thường làm bằng gỗ. Ở chốn thôn-quê chỉ có một tầng, nhưng ở nơi thành-thị thì thường làm có gác. Chung quanh nhà không bao giờ xây tường kín cả, nhưng có một cái hiên vòng theo cả bốn phía, khi thì để ngỏ cho không-khí cùng ánh nắng vào được trong nhà, khi thì có những cửa lùa bằng gỗ, đến tối hay trời mưa thì kéo ra che kín đi. Phía trong hiên lại có những cái khung bằng gỗ phất giấy bóng có thể đưa đi đưa lại để che kín trong nhà được. Trong nhà có những bức vách bằng ván dán giấy hoa, ngăn ra từng buồng một. Những bức vách bằng gỗ ấy có thể tháo ra lắp vào được, nên khi nào cần những buồng rộng thì cất vách ra, khi nào cần buồng hẹp thì lại tra vách vào. — Trong nhà người Nhật không bày-bien đồ-dạ gì cả, thật là trống rỗng: không bàn, không ghế, không tủ, không giường, không sập, không kỷ gì hết. Trên mặt sàn có rải chiếu thật sạch, kích-thước đều nhau, dài chừng hai thước tây, ngang chừng một thước, nhỏ bằng nửa chiếu của ta. Người Nhật dùng chiếu để do buồng, khi muốn nói một buồng rộng hẹp thế nào thì chỉ nói rải được bao nhiêu chiếu là đủ hiểu. — Người Nhật gìn-giữ trong nhà rất là sạch-sẽ: giấy hoa dán vách thường thay luôn, còn chiếu thì mỗi năm về mùa thu làm lại một lần. Ở trong nhà bao giờ cũng để chân không, trước khi vào phải chùi giầy để ngoài cửa rồi mới vào. — Trong cùng phòng khách thường có một chỗ sâu lõm vào độ một thước tây, và cao hơn mặt chiếu độ 15 phân tây; đó là chỗ bày-bien một vài thứ đồ trang-hoàng, như tranh cuốn, lọ hoa, nghiêng mực, hộp, tượng, đồ sơn,

đồ sứ, đồ ngà, đồ đồng, v. v., bày-bien một cách rất là trang-nhã. Những đồ bày ở đó thường tùy lúc, tùy lòng sở-thích mà thay đổi luôn, chớ không để mãi quanh năm. Những ngày giỗ và những khi có việc gì can-hệ muốn cầu khẩn đến tổ-tiên thì người Nhật lại bày bài-vị ông vải vào đó để làm giường thờ; và khi có khách sang thì mời ngồi gần đấy để tỏ lòng tôn-trọng.

Trên đã nói trong nhà người Nhật không có bàn ghế gì cả, chỉ có một vài thứ đồ trang-hoàng cho đẹp nhà thôi. Tuy vậy mỗi khi cần đến thì người Nhật cũng có bày đồ-dạ trong nhà. Như khi có khách đến chơi thì lấy những cái đệm con rài lên trên chiếu để khách qui gối vào cho đỡ mỏi. Nếu trời rét thì lấy một cái lồng ấp có than hồng ủ tro để cho khách sưởi. Đến bữa ăn thì mỗi người có một cái khay sơn có chân, cao độ 15 phân tây, trên để bát đĩa đựng đồ ăn. — Lúc đi ngủ thì rải những cái đệm rất mỏng lên trên chiếu để làm giường nằm. Đệm-ông gối đầu bằng gối dài mà nhỏ, còn đệm-bà thì dùng gối gỗ trong nhồi vải, lúc nằm ngủ đặt má vào cho khỏi rối tóc. Nếu có muỗi thì mắc một cái màn bằng the xanh vào bốn góc buồng. Sáng ra thì đẩy-tờ phải dọn-dẹp cất các đồ ấy vào một cái buồng sếp ở cạnh đó. — Trong nhà người Nhật không có tủ, chỉ có những cái ngăn làm vào tường có nắp che kín để cất đồ vật vào đó. Gần bếp thường có một cái phòng con để những hòm quần áo và một cái bàn để viết. — Lầu nhà lại có một cái buồng kín hay là một cái nhà nhỏ riêng gọi là *Kura*, hình như một cái kho-làng, trên lợp bằng vôi trộn với đất, chung quanh có cửa rất dày thường đóng kín, ngoài chát đất phòng khi hỏa-hoạn. Cái kho ấy họ làm cho không thể cháy được, vì ở trong họ có để

những bảo-vật gia-truyền. — Dưới bếp không rải chiếu, chỉ lát bằng gỗ thối — Vì người Nhật tính rất ưa sạch, nên nhà nào cũng có một cái buồng tắm.

Hiện nay nhà ở đồ-dạc của người Nhật như thế, song cũng đã lắm phen biến - cải, vì trước kia người Nhật không làm nhà theo cách ngày nay và đồ dùng cũng khác. Từ thế - kỷ thứ tám đến thế-kỷ thứ mười-hai, lúc ăn họ ngồi quanh một cái bàn rộng, như bàn ăn của người Tàu ngày nay, và họ ngồi lên trên những cái đệm bông. Đến giữa thế-kỷ thứ 12, họ mới dùng chiếu rải lên sàn và dùng ván ngăn thành buồng.

Từ ngày họ xu-hướng theo văn-minh Âu-Tây thì nhà ở và đồ-dạc cũng thay đổi ít nhiều, nhất là ở các hải-cảng lớn, ở đó có nhiều nhà làm theo kiểu tây. Song những nhà đó thường chỉ người Âu-châu ở thôi, chứ người Nhật ở lấy làm khó chịu lắm. Ở Đông-kinh có một cái Hoàng-cung cũng làm theo kiểu mới; song những lối nhà ấy rất hiểm. Nhà các quan to thường có một vài buồng bày-bien theo lối Âu - châu, nhưng cốt là để tiếp khách người Âu, còn các buồng khác thì vẫn bày-bien theo lối Nhật để người nhà ở.

Tại sao người Nhật thích ở nhà làm theo lối cũ như thế? Có nhiều lẽ; Một là nhà làm như thế hợp với thủy-thổ khí-hậu nước Nhật, vì nước Nhật có nhiều hỏa-diệm-sơn và hay động-đất nên nhà làm đơn-sơ và nhẹ-nhàng như thế, những khi động-đất không nguy-hiểm lắm, và sau khi động-đất nhà có siêu vẹo cũng dễ kéo cho bằng lại được. — Hai là vì nhà làm bằng gỗ vằng iấy vừa chóng vừa tốn ít tiền, mà người Nhật trước rất nghèo nên làm nhà thế lợi lắm. — Ba là vì người Nhật không ưa bày-bien những đồ cống-kênh to lớn trong nhà, họ không trang-

hoàng lắm đồ quý báu, để trong nhà có cái vẻ giản-dị mà nhã.

b) *Lối phục-sức.* — Về y - phục không cần phải nói các ngài cũng rõ người Nhật ngày nay ăn mặc thế nào. Ta chỉ nên biết rằng lối phục-sức của người Nhật cũng đã qua lắm thời-kỳ biến-cải, và cứ xem các tranh vẽ những lối phục-sức ngày xưa thì ta thấy rằng người Nhật có tính ưa một cái đẹp giản-dị, chứ không thích trang - sức nhiều như người Âu-Mĩ. Ngày xưa người Nhật rất ưa đeo đồ nữ-trang như xuyên nhẫn và vành-khuyên đeo tai, v. v.. Nhưng ngày nay họ không ưa đeo nữ-trang nữa. Đó là một sự tiến-bộ về lối phục-sức giản-tiện vậy.

Về thế-kỷ thứ tám, người Nhật mặc một cái áo dài có đai thắt quanh lưng, ngoài khoác áo phủ, mặc quần, đi bít-tất và giày da. Y-phục thời ấy giống y-phục Tàu. Từ cuối thế-kỷ thứ 8 đến thế-kỷ thứ 12 thì lối phục-sức rất là rườm-rà hoa-hoét. Quần áo thùng-thình; tay áo rộng đến nỗi lúc vòng tay thì sa xuống đến đầu gối, mà ống quần rộng đến nỗi trông như người mặc hai cái xiêm ở hai ống chân vậy. Người nào làm dáng thì mặc mớ ba mớ bảy, áo nọ chồng áo kia và đủ mọi mùi. — Về thời Phong-kiến các nhà qui-lộc trong Triều chức càng cao thì áo càng lượt-thướt. Nhưng những nhà vũ-sĩ thì ăn-mặc đơn - sơ gọn-giẽ hơn, họ mặc áo ngắn và quần da. Mãi đến thế-kỷ thứ 16 thì lối ăn mặc mới giống ngày nay.

Giữa thế-kỷ thứ 19, hồi người Nhật đang băng-bải theo cái văn-minh mới, thì lối Âu-trang thịnh-hành lắm, đàn-ông đua nhau ăn mặc tây cả. Nhưng nay người Nhật đã hiểu rằng không tiện nên hầu hết lại quay về quốc-phục, chỉ đội mũ tây, đi giày tây cho tiện thôi. Các hàng quan-lại khi đi làm việc cũng bận Âu-trang, vì trong công-sở

dùng bàn ghế kiểu tây, có dùng Âu-trang mới tiện. Nhưng về nhà lại mặc theo lối cũ.

Trong Triều-đình thì ai cũng phải ăn mặc theo lối tây, để tiện việc giao-thiệp với người các nước, vì người Nhật cho rằng có dùng Âu-phục thì người Âu-Mỹ mới cho là một dân-tộc ngang hàng với họ. Đản-ông Nhật dùng Âu-phục không hề gì, nhưng đản-bà xưa nay ăn mặc theo lối cũ thì trông có vẻ diêm-lệ ư nhĩn, nay ăn mặc giống các bà-dâm bên Tây trông thật cứng dờ dơ-dàng. Nhưng chỉ chốn Triều-đình người Nhật mới nhất-luật theo Âu-phục mà thôi, còn trong dân-gian trước kia tuy thích Âu-phục, nhưng nay đã thấy kém ư. Người Nhật nay đã hiểu rằng lối phục-sức của họ tiện cho họ hơn là lối Âu-phục, vì hợp với phong-tục của họ, như vào nhà phải bỏ giày, ngồi chơi phải qui lên nệm; và họ cho lối phục-sức của họ giản-tiện trang-nhã hơn.

c) *Râu tóc*. — Lối phục-sức biến-cải như thế, cách để râu để tóc cũng thay đổi nhiều lần. Từ xưa đến giờ, về thời nào cũng vậy, người Nhật để râu theo lệ Tàu, nghĩa là vào khoảng 3, 40 tuổi mới để râu. Song có người vì chức-nghiệp bó buộc, để râu không tiện, như các ông lang, nên cạo mặt nhẵn-nhụi như các nhà sư. — Về thời Trung-cổ các nhà vũ-sĩ thường để râu mép; họ cạo phía trước, và ở đỉnh đầu, chỉ để một chòm tóc ở sau gáy và búi ngược lên giữa đầu. Cái lối để tóc như thế dần dần mọi người đều theo, mãi đến năm 1868 mới bỏ, nhưng hiện nay ở các vùng nhà quê còn có người theo lối ấy. Bây giờ thì hầu hết người Nhật đều búi tóc theo lối Âu-châu, mà thợ cạo Nhật cũng như thợ cạo ta, không những sửa-sang râu tóc thôi, họ cũng có đồ riêng để lấy tai nạo mũi nữa.

Đản-bà Nhật giữ tóc một cách rất cẩn-thận. Tóc họ búi rất cầu-kỹ và để coils, có cài ghim và lược bằng đồi-mồi hay xà-cừ. Đản-bà Nhật búi tóc, mỗi người một lối, tùy từng hạng, và thường mất nhiều thì-giờ lắm. Hạng thường-dân lâu lâu mới phải búi tóc lại một lần, mà mỗi bận mất độ nửa giờ; khi nào quét nhà thì họ lấy một cái khăn vuông bịt đầu cho khỏi bụi. Đản-bà Nhật lại hay sửa lông mi cho đều-dặn. Xưa các bà vợ quan trong Triều thường cạo lông mi và vẽ lông mi giả cao hơn một chút cho đẹp; họ cạo cả tóc ở trán để cho mặt thành hình trái soan. Lúc già có người nhuộm tóc cho đen lại để trông vẫn trẻ, nếu không thì cạo đầu trọc nhẵn như nhà sư. — Đản-bà Nhật trước kia lúc còn con gái thì để răng trắng, đến khi lấy chồng thì nhuộm răng đen; nhưng bây giờ đã bỏ tục ấy rồi.

d) *Tắm rửa*. — Dân-tộc Nhật-bản là một dân-tộc rất sạch. Trong nhà nào, trong hàng quán nào, cũng có một cái buồng tắm. Những người nghèo khổ và những khách lữ-hành thì đã có những phòng tắm công: Ở Đông-kinh có đến 1100 nhà tắm cho công-chúng dùng như thế. Người Nhật sạch lắm, hạng mặt-lưu như phu xe cũng ít ra một ngày phải tắm một lần, có người một ngày tắm đến ba bốn bận.

Một hôm một nhà du-lịch người Âu đi qua một làng Nhật-bản có hỏi chuyện dân trong làng, thì họ nói một cách khiêm-tốn rằng: «Thưa ngài, dân làng chúng tôi rất bẩn, mỗi ngày chúng tôi chỉ tắm được hai bận thôi». Nhà du-lịch hỏi: «Thế về mùa đông, mỗi ngày các ông tắm mấy lần? — Thưa ngài, về mùa đông mỗi ngày chúng tôi tắm bốn năm lần.» Chả bù với người mình có người cả mùa đông hơ chẳng tắm được một bận là hôm 30 tết!

e) *Vẽ mình*. — Người Nhật trước có

tục vẽ mình. Về thời Trung-cổ, lắm nhà vũ-sĩ thường vẽ lên mình những hình ghê-gớm dữ-tợn, để khi tranh-đấu, quần áo có rách, kẻ thù trông thấy phải kinh hồn. Sau những người làm nghề gì phải cỡi trần như phu cáng cũng vẽ hình như thế. Chánh-phủ Nhật đã hết sức ngăn cấm tục ấy, nhưng không nổi, nên đành để mặc. Nay có lắm người Âu-châu qua chơi Nhật cũng bắt-chước vẽ mình theo người Nhật, cho là một sự lạ-lùng.

f) *Ăn uống.* — Người Nhật không ăn uống như người Tây. Họ không hay ăn thịt, một là vì họ nuôi ít súc-vật, hai là vì Phật-giáo cấm việc sát-sinh và ăn thịt loài vật. Đồ ăn cốt nhất của người Nhật — cũng như của ta — là cơm. Họ ăn cơm với cá, trứng, và rau, các nhà vệ-sinh-học cho rằng người Nhật ăn thế rất bổ cho sức khỏe, miễn là sau khi ăn cơm phải tập thể-thao nhiều. Người Nhật ăn một ngày ba bữa: sáng, trưa và chiều; bữa nào cũng đồ ăn giống nhau cả, chỉ khác một điều là bữa sáng ăn ít hơn và chóng hơn. Khi ăn thì quì gối lên trên một cái nệm con, trước mặt mỗi người có một cái khay sơn có chân, trong bày đủ bát đĩa bằng sứ hay bằng sơn có nắp đậy. Đồ ăn của ai để riêng cho từng người chớ không để lẫn-lộn. Bữa ăn, một con nhai phải quì bên một cái thùng cơm đầy để xới cơm cho mọi người. — Người Nhật cũng có khi ăn các thứ quả, hoặc tươi, hoặc muối, hoặc làm thành bánh ngọt, như chuối, mận, đào, lựu, cam, hồng, lê, v. v. — Trong lúc ăn người Nhật uống nước chè rót vào những cái chén hạt mít. Bình chè thì để trên một cái hỏa-lò cho bao giờ cũng nóng. Chè Nhật không pha với nước sôi như chè Tàu hay chè hột của ta, vì pha nước sôi thì chè chát không uống được. Chè càng tốt thì nước dùng

pha lại càng phải ít nóng và họ thường bỏ nước nhất cho khỏi chát.

Khi có khách đến chơi nhà thì bao giờ họ cũng mời uống nước chè và ăn bánh ngọt, và thường khi bữa ăn không hết bánh thì còn thừa họ gói biếu khách đem về.

Nếu có khách ăn cơm thì trước bữa ăn, họ thường mời uống một chén rượu nóng gọi là *sake*, là một thứ rượu cất với gạo theo một cách riêng, có độ 14, 15% rượu, có thứ có đến 20% và 50%. Người Nhật thích thứ rượu của họ lắm, nhiều nhà văn-sĩ có làm thơ tán-tụng cái thú uống rượu của họ. — Từ đầu thế-kỷ thứ 19, người Nhật cũng dùng rượu bia của họ tự chế ra, nhờ người Đức dạy cách cho — Người Nhật cả đàn-ông đàn-bà, hút một thứ thuốc lá nhẹ, vàng, sợi nhỏ, mà điều thuốc nhỏ bé lắm. Điều Nhật làm bằng đồng hay bằng tre đầu bịt bạc, và nõ điều cũng bằng kim-khí. Điều để trong một cái hộp có đủ cả ống lửa và ống nhỏ bằng tre với các đồ dùng để hút thuốc.

Người Nhật từ khi giao-thiệp với người Âu-Mĩ, cũng biết ăn cơm tây, nhưng chỉ những khi có đại-liệc mới dùng thôi. Trong các thành-phố lớn có mở nhiều hàng cơm tây, nhưng người Nhật ít dùng, vì ăn cơm tây đắt hơn là dùng cơm Nhật.

IV. — Phong-tục dân Nhật-bản

Trên đã thuật rõ người Nhật nhà ở thế nào, đồ dùng những gì, lối phục-sức và cách ăn uống ra sao. Nay thử xem người Nhật phong-tục có điều gì kỳ-lạ không.

a) *Tên tuổi.* — Tên tuổi người Nhật thật là một sự rắc-rối quá, vì người Nhật thường mỗi người có nhiều tên lắm: tên họ, tên tục, tên hiệu, tên

hèm, vùn-vùn. Người ta tính ra rằng người Nhật có người vừa tên chính vừa tên phụ, có đến 11 tên. Mà người Nhật trước lại có tục hay đổi tên: mỗi khi có việc gì quan-hệ thì lại thay tên mới, vì thế nên tên người Nhật thật là khó nhớ hết được.

Nhưng từ khi chịu ảnh-hưởng văn-minh Âu Mỹ, người Nhật đã bỏ bớt tên cho khỏi dài, và không hay đổi tên cho tiện việc giao-thiệp với người ngoại-quốc.

Còn tuổi thì họ cũng tính như ta, nghĩa là vừa đẻ ra đã tính ngay là một tuổi. Người nào đến 61 tuổi cũng mở tiệc ăn mừng thượng-thọ rất linh-dinh.

b) *Trẻ con Nhật*. — Việc can-hệ cho đứa trẻ thơ bên Nhật, là sinh được bảy ngày thì cạo đầu. Trẻ con Nhật có khi đến năm tuổi mới thôi bú, vì thế nên đàn-bà Nhật có con thường chóng già.

Một nhà du-lịch người Anh có nói rằng: « Nước Nhật là một cõi Bồng-lai cho con trẻ », vì trông trẻ con Nhật đứa nào cũng mặt-mũi tươi-linh, có dáng vui-vẻ sung-sướng lắm. Trẻ con Nhật ít khi bèn khóc, vì không ai làm cho nó phải khóc, không bó buộc nó và để được thanh-thơi chơi nghịch trong nhà, chỉ có chiều êm không sợ ngã đau, và không có đồ-dặc gì nên không sợ chúng nó đánh đồ đánh vỡ và bị-thương. Nhà thường-dân thường cho con trẻ ra đường chơi, đã có anh chị nó đeo ở sau lưng; trông những đứa con em như thế hình như những trẻ gù lưng mà lại có hai đầu.

Trẻ con Nhật không những chỉ cha mẹ anh em trong nhà chiều-chuộng thôi, khi ra ngoài dù người lạ, không quen thuộc, cũng có ý nâng-niu. Những quân phu xe rất tàn-nhẫn, có khi xô đẩy cả đàn-bà, thế mà thấy trẻ con đi trước xe mình cũng đứng lại hay chạy từ-từ để lấy tay sẽ gạt đứa

bé ra. Người ta lại còn thuật truyện rằng một tên tướng cướp Nhật rất tàn-bạo, vào một nhà giết cả nhà để lấy của, thế mà khi thấy một đứa bé trông mình mỉm cười và giơ tay đòi bế, thành ra đứng nhìn đứa bé mà quên cả trốn đến nỗi bị bắt. Truyện đó tưởng cũng có thể tin được, vì cứ xem những tờ trình ở sở Cảnh-sát thì hằng năm thấy rất nhiều việc tỏ ra rằng những quân trộm cướp rất tàn-ác cũng có lòng thương lũ ấu-nhi. Một tờ báo Nhật có thuật truyện một nhà kia có bảy người bị cướp vào giết hết cả, duy chỉ còn một đứa bé nằm khóc trong một vũng máu, mà xem kỹ thì nhận ra rằng những quân cướp tàn-ác đã hết cách giữ-gìn cho đứa bé không hề gì cả.

Nói tóm lại người Nhật, dù hạng trộm cướp rất tàn-ác, cũng có lòng thương mến nâng-niu con trẻ. Có người đã nói rằng người nào có biết thương mến trẻ con thì mới có thể có cảm-tình với đồng-loại được.

c) *Việc hôn-nhân*. — Khi con trai đến 20 tuổi, con gái đến 16 tuổi, thì cha mẹ lo đến việc dựng vợ gả chồng cho. Cha mẹ thường nhờ một người bạn thân làm môi-giới cho thành việc hôn-nhân, mà người môi-giới ấy sau này là kẻ đỡ-dầu cho đôi vợ chồng trẻ vậy. Người mối bàn-soạn thu xếp với nhà trai nhà gái, làm cho đôi bên trai gái có dịp gặp nhau ở nhà mình, hay ở nhà một người bạn thân khác, hoặc ở trong rạp hát, hoặc ở lúc đi chơi. Thường bao giờ con cũng phải theo ý cha mẹ trong việc dựng vợ gả chồng. Khi đã ưng-ý thì nhà trai trao sính-lễ; hoặc quần áo, hoặc tiền bạc để nhà gái may lấy, hoặc dùng mấy thứ cá riêng... Từ đó đôi bên kẻ là đã đính-hôn với nhau rồi.

Hôm nghênh-hôn, người con gái ăn vận đồ trắng, là sắc dùng trong việc tang-chế, vì từ hôm ấy đối với

nhà mình người con gái cũng kể như là chết rồi. Đến chiều tối, cô dâu đầu trùm một cái khăn cũng sắc trắng, theo hai vợ chồng người mới đến nhà trai. Khi cô dâu đến nhà trai mới mở tiệc, đó tức là phần cốt-tử trong lễ nghênh-hôn. Hai vợ chồng phải uống mỗi người ba chén rượu, cô dâu uống trước chủ rể. Uống xong cô dâu bỏ quần áo trắng đi và mặc quần áo mà nhà trai đã đưa trước làm sinh-lễ. Bấy giờ hai vợ chồng đưa nhau vào phòng làm lễ hợp-cần, khi ấy mỗi người lại phải uống chín chén rượu, lần này chồng uống trước vợ uống sau, vì rằng lúc cô dâu mới về còn coi như là khách nên uống trước chủ rể, bây giờ chồng là chủ nên chồng uống trước vợ. Cưới xong hai ba ngày hai vợ chồng mới đưa nhau đến chào họ nhà vợ. Từ đó cô dâu đối với bố mẹ chồng, tức cũng như là con đẻ, phải phục-tùng bố mẹ chồng cũng như là đối với chồng vậy. Đó là các lễ trong việc hôn-nhân, song nhà thường-dân cũng có nhà giảm đi ít nhiều, mà có nhiều đám cưới chỉ là những cuộc lấy nhau tạm-thời thôi.

Người Nhật-bản, ngoài vợ chính, theo pháp-luật và phong-tục lại có thể lấy được một hay nhiều vợ lẽ nữa. Như nhà vua thì được nạp 12 phi-tần, các hoàng-thần được lấy 8 ti-thiếp, các quan đại-thần được lấy 5 người, nhà vũ-sĩ được hai người, còn thường-dân thì được một.

Nếu người vợ gian-giảo, có ngoại-tình, hay là vô-phép với cha mẹ chồng, hoặc quá ghen hay lắm điều, thì người chồng được phép ly-hôn và được quyền giữ con lại.

d) *Tục nuôi con nuôi*. — Ở nước Nhật cũng như ở nước ta, nhà nào cũng phải có một người con trai để nối dõi tông-đương và phụng-sự tổ-tiên. Người nào hiếm - hoi không có con

trai thì thường nuôi một đứa con nuôi để làm thừa-tự cho mình, để cho dòng-dõi khỏi tuyệt. Tục nuôi con nuôi rất phổ-thông khắp các hạng dân Nhật-bản, và con nuôi cũng có nhiều thứ lắm. Người con gái từ ngày về nhà chồng thường coi như là một người con nuôi của bố mẹ chồng. Mà nhà nào chỉ có con gái thì khi gả chồng cho con, nuôi rể làm con nuôi. Song cái tình-cảnh người con rể ở làm con nuôi bố mẹ vợ có lắm điều khó chịu, nên phương-ngôn Nhật đã có câu : « Nếu còn cầm đầu gạo thưng, cái cầu ở rể khuyên đừng đi qua ! » Và lại người Nhật thường chế - giễu những người con rể ở làm con nuôi bố mẹ vợ, nên ít người bằng lòng ở rể lắm.

Người nào có nhiều con, thường xem trong anh em bạn ai không con thì cho một hai đứa làm con nuôi. Những nhà mĩ - nghệ có tài thường nuôi học - trò giỏi nhất làm con nuôi để truyền mãi cái tên mình, vì thế nên có lắm nhà mĩ - thuật như họa-công, con hát, tuy cùng một tên mà không có họ hàng thân - thích gì với nhau cả. Một nhà buôn nuôi người làm công chính làm con nuôi để người ấy tận-tâm với mình, mà người này lại phải nuôi con chủ làm con nuôi và đoan rằng khi nào con chủ khôn lớn có thể trông nom công việc được thì phải giao cơ-nghiệp lại cho. — Người ngoại-quốc muốn nhập-tịch dân Nhật thì cách tiện nhất là lấy vợ Nhật-bản rồi nhờ bố vợ nhận mình làm con nuôi là được, không khó-khăn gì cả.

Người Nhật vì cái tục nuôi con nuôi nên trong nhà có nhiều sự kì-quặc là người nọ gọi người kia bằng cha, bằng chú, bằng chị, bằng anh ; người kia gọi người nọ là con, là cháu, là em, mà thực ra thì không có chút chi máu-mủ ruột-già cả.

e) *Tục tang-ma*. — Bên Nhật-bản, khi trong nhà có người chết họ làm ma thường linh-dinh và phiên-phức lắm.

Ngày xưa có tục nhà nào có người chết không chôn cất gì cả, đem xác ra một cánh đồng không móng quạnh để đấy rồi về. Song tục ấy bỏ đã lâu đời lắm. Sau lại có tục người chết không chôn ngay, cứ quàn ở trong nhà cho đến lúc đoạn tang, mà trong khi ấy thì người sống phải bỏ nhà đi ở chỗ khác, vì cái nhà ấy tức là cái nhà của người chết rồi. Trong khi quàn ở trong nhà thì con-cái họ-hàng hằng ngày phải đến trông nom cúng lễ cho đến khi đem chôn mới thôi.

Trước đây hai nghìn năm người Nhật còn có tục này rất ghê-gớm. Họ tin rằng người chết cũng phải ăn uống, phải có đồ dùng, phải có người hầu-hạ như lúc còn sống, cho nên lúc chôn không những để vào trong mộ những đồ thường dùng, như nhà võ-sĩ thì một thanh kiếm, đàn-bà thì gương lược thôi, có khi chôn sống những đầy-tớ vào chung-quanh mộ, chôn đến cổ, còn để hờ đầu, làm thành như một cái tường bằng đầu người bao-bọc quanh mộ. Cái tục ghê-gớm ấy người Nhật gọi là « *hogaki* » tức là « hàng rào người ». Sau một vị Thiên-hoàng ra lệnh bỏ cái tục ấy đi, và lấy những người bằng đất chôn quanh mộ để thay người sống.

Ngày nay người chết nếu theo Thần-đạo thì làm ma một lối, nếu theo Phật-giáo thì lại làm ma cách khác. Đám tang người theo Thần-đạo thì quan-tài dài cũng như của ta, có các nhà sư theo Thần-đạo mặc áo đội mũ giống nhau đi theo, phu khiêng mặc quần áo trắng, và có cờ cùng cành cây cầm theo nữa. Đám tang người theo đạo Phật thì có các nhà sư mặc áo cà-sa để đầu trần đi kèm, có cờ hình con rồng đi trước, mà quan-tài thì vuông

hay hình ống máng, vì người chết liệm ngồi ở trong, gục đầu xuống đầu gối. Khi làm ma một người theo đạo Phật thì có lệ phóng-sinh tất cả chim nuôi trong nhà, nhất là chim sê hay bồ-câu. — Làm ma xong mấy hôm, con cháu họ-hàng người chết coi mình là dơ rếch, không được đi đâu cùng tiếp khách nào cả. Người nào có tang mặc quần áo trắng, không được ăn thịt và phải năng viếng mộ người chết. Đã có những ngày riêng để đi thăm mộ là : ngày thứ bảy và ngày thứ 35 sau hôm chết, với ngày giỗ đầu và ngày giỗ hết.

Người chết thân hay sơ, phải để tang bao lâu, tục có định kỹ-càng. Con để tang cha mẹ đẻ hay cha mẹ nuôi 13 tháng, vợ để tang chồng 13 tháng, chồng để tang vợ 3 tháng, cháu để tang ông bà nội 5 tháng, bố mẹ để tang con trưởng 3 tháng, để tang các con khác một tháng.

V. — *Người Nhật làm công-việc gì?*

Phong-tục dân-tộc Nhật-bản đại-khái là thế, có lắm điều giống ta mà cũng có lắm điều khác ta. Nay ta thử xem người Nhật, ngoài hạng vua quan binh lính cùng hạng làm việc các công-sở, họ còn chuyên về những nghề-nghiệp gì để kiếm ăn, xem họ sinh-nhai thế nào,

Cứ xét hiện-tình xã-hội Nhật-bản thì phần nhiều người sinh-nhai về nghề canh-nông và nghề đánh cá. Ngoài hạng nông-phu và hạng ngư-hộ ấy, ở Nhật cũng có hạng làm thợ hoặc ở nhà hoặc ở các công-xưởng lớn, và hạng đi buôn, song hai hạng sau này mới chiếm một phần nhỏ thôi.

a) *Hạng nông-phu*. — Nước Nhật là một nước từ xưa đến nay vẫn chuyên việc canh-nông, nên người dân có đến 50, 60 phần trăm sinh-nhai về việc làm ruộng. Ngoài thứ gạo, họ lại còn trồng

lúa mạch-nha, lúa mì, đậu, khoai và kê nữa.

Gạo không những là đồ ăn chính của người Nhật, lại còn dùng để làm bánh, làm men, làm bột, v. v., và rơm thì dùng để lợp nhà, làm giấy, thừng, chiếu, chổi, mũ nữa. Gạo Nhật tốt hơn các thứ gạo ở Á-châu, nhưng dân Nhật không dùng thứ gạo ấy, họ đem bán ra ngoại-quốc, và dùng kê hoặc thứ gạo xấu mua ở ngoài về.

Nông-phu Nhật chưa biết dùng cơ-khi như bên Âu-châu; nông-khi của họ hãy còn đơn-giản lắm. Cây của họ vẫn làm theo lối cổ, bừa bằng gỗ, và họ hay dùng cuốc tròn cả. Họ ít dùng loài vật, thỉnh-thoảng mới bắt ngựa hay trâu kéo cày, còn khuôn vác cái gì thì đặt người làm cả. Họ cũng bón ruộng bằng phân người mua ở tỉnh về, nhưng nay cũng có nơi biết dùng phân hóa-học chế ra để bón ruộng rồi.

Người Nhật lại trồng chè trên những cánh đồng cao, được bốn năm thì hái lá, nhưng từ năm thứ năm đến năm thứ mười thì chè mới tốt. Họ hái chè về cuối tháng tư hay đầu tháng năm, trong hai ba tuần-lễ, rồi đến tháng sáu tháng bảy lại hái lần nữa. Hái xong họ lập-tức đem ủ đem phơi cho đến khi chè khô và giòn. Chè Nhật người Âu-Mĩ thích lắm, nên mỗi năm chở sang Hoa-kỳ và Gia-nã-đại rất nhiều.

Người Nhật cũng trồng những cây có quả, nhưng trước kia trồng chỉ cốt lấy hoa; hiện nay đã biết dùng quả và có bán ra ngoại-quốc một vài thứ như cam và táo.

Nông-phu Nhật không chuyên việc chăn nuôi, vì dân Nhật không hay ăn thịt, và nước Nhật có ít những đồng cỏ rộng. Nhưng nay họ cũng đã có người chuyên về việc đó, hoặc nuôi ngựa cho nhà binh, hoặc nuôi lợn để ăn thịt và bán ra ngoài.

Dân nhà quê Nhật cũng như ở các nước, rất chăm-chỉ kiên-nhẫn và khỏe mạnh, chỉ biết việc cày-cấy trồng-trọt kiếm ăn, không thiết việc gì cả, ít nói ít lời, dù khó nhọc cũng không hề than-vãn. Họ cũng sợ quan, sợ thuế, chỉ biết chân giẫm xuống bùn, mình phơi ra nắng, trên đầu đội cái nón lòng chảo, suốt ngày cày-cấy để có cơm cho vợ con ăn.

b) *Hạng ngư-hộ*. — Vì dân-tộc Nhật-bản thích ăn cá, nên nhiều người chuyên việc đánh cá lắm. Họ đánh cá có nhiều lối kỳ-khởi, mà mỗi miền dùng một cách. Ở những nơi có nhiều thác nước thì họ lấy một cái nơm treo vào chỗ nước chảy, những cá chực vượt thác thường bị sa vào nơm của họ. Có nơi họ dùng bày hình chiếc tên để bắt cá. Có nơi ở bờ biển họ làm những nhà chòi để xem khi nào có cá thì thổi tù-và ra hiệu cho lũ đánh cá biết.

Một cách đánh cá rất kỳ là cách dùng chim *cormoran* (quạ bể). Trước hết phải bắt chim *cormoran*, họ dùng cách này: họ xem chỗ nào có lắm giống chim ấy thì họ làm một con giả bằng gỗ, rồi bôi nhựa vào những cây cối chung quanh, con nào khờ dại tưởng là cùng bọn sà đến đậu vào cây, dính phải nhựa là họ bắt lấy, rồi để thay vào con chim gỗ để giữ những con khác. Họ thường bắt chim non về mùa đông, rồi luyện-tập để dùng trong việc đánh cá. Đánh cá bằng quạ bể thì đi về ban đêm và phải dùng đuốc cho sáng. Mỗi thuyền có bốn người: một người chèo, một người lấy tre đập rầm-rầm cho chim khỏi ngủ, còn người chủ thì dắt 12 con và một người phụ dắt 4 con. Mỗi con quạ bể ở cổ có đeo một cái vòng hoặc bằng kim-khí hoặc bằng xương cá voi, vòng ấy làm hơi rộng để khi chim bắt được cá con thì có thể nuốt vào họng được.

còn khi bắt được cá lớn thì nuốt không lọt, phải để ở ngoài. Mỗi con có buộc một cái dây đồng, người chủ thuyền lần lượt ném 12 con xuống nước, người phụ cũng ném bốn con của mình xuống, tay trái cầm dây đề dòng. Cá thấy sáng bơi đến là bị chim bắt liền, người dòng chim phải tinh ý và nhanh tay mới được, phải biết theo ý chim muốn đến chỗ nào có cá thì dòng đến, và xem chim lúc nào đã bắt được nhiều cá thì kéo lên: con nào bắt được nhiều cá thì lúc lội ghéch đầu lên, người chủ liền kéo lên thuyền lấy tay trái vánh mỏ và tay phải móc cá ra, rồi lại thả xuống nước. Tính ra mỗi con chim mỗi lần xuống nước có thể bắt được từ bốn đến tám con cá to, mỗi giờ được độ 150 con, và mỗi bận đánh cá trong ba giờ thì được 450 con. Khi đánh cá xong, người ta thường nhắc chim xem con nào ăn còn ít cá thì phải cho ăn thêm cho no.

Giống chim *cormoran* ở nhà được người ta săn-sóc cẩn-thận lắm. Mua hề có màn che đề ruồi muỗi khỏi đốt. Mỗi con cứ theo tuổi mà đặt thứ-tự và có một số riêng; con thứ nhất là con lớn tuổi hơn cả thì bao giờ cũng thả xuống nước sau những con kia và lúc xong phải đưa lên trước cả. Khi ăn phải cho ăn đầu tiên, chỗ ở phải là chỗ đẹp nhất, mà ở thuyền cũng phải đề vào nơi cao ráo hơn cả mới nghe. Lúc thả xuống nước nếu không theo thứ-tự mà thả con dưới trước con trên (con thứ 5 trước con thứ 6 chẳng hạn) thì cả đàn kêu ầm-ỹ lên đề phản-đối và không chịu làm việc.

Người Nhật đánh cá hoặc ở các sông các hồ trong nước, hoặc ở bể. Miền bể gần nước Nhật có rất nhiều cá, vì là một nơi có hai luồng nước nóng và lạnh gặp nhau, cá theo dòng nước đến chỗ gặp nhau thường tụ lại

mà không đi xa được, nên nghề đánh cá bể rất là thịnh-vượng.

Ở các miền bờ bể về phía Nam, người Nhật thường đi đánh cá voi, dầu nguy-hiểm họ cũng không nề, vì cá voi dùng được nhiều việc lắm.

c) *Hạng thợ-thuyền*. — Ba bốn mươi năm về trước, nước Nhật chỉ có những tiền-kỹ-nghệ thôi, thế mà ngày nay đại-công-nghệ đã thấy khoáng-trương phát-dạt lắm. Tuy vậy ở nước Nhật vẫn còn nhiều hạng thợ-thuyền làm những đồ lật - vật dùng hằng ngày, hoặc để bày trong nhà cho đẹp. Nay kể qua một vài hạng thợ thuyền ấy xem cách họ làm-lụng thế nào và họ dùng những khí-dụng vật-liệu gì.

Thợ mộc ngoài việc làm nhà lại còn làm những cái khay con đề ăn cơm, làm tráp, bàn rửa mặt, hộp đựng đĩa, hộp đựng phấn đánh răng, hộp đựng mực, khung chắn-phong, v. v.. Cửa của họ lúc kéo phải cầm hai tay, mà răng thì đều nhọn về phía tay cầm; bảo của họ rất mỏng và lúc bảo thì kéo vào lòng chứ không đưa ra như bảo của thợ mộc An-Nam. Đánh bằng sắt, nhưng đầu không giết, lại cắt đôi ra và uốn lại thành một cái vòng con. Nảy những vạch thẳng thì họ dùng một cuộn giấy có thấm mực tàu. — Thợ làm guốc Nhật cũng dùng những khí-cụ giống của thợ mộc và khi làm cũng ngồi trên mặt đất, lấy chân giữ gỗ, chứ không có những cái bàn riêng.

Thợ đúc ngoài những đồ đề trang-hoàng trong nhà, lại còn làm những đồ thường dùng như lồng-ấp và lư-hương nữa. Họ cũng biết đục, chạm hay khảm vàng, bạc, xà-cừ, san-hô và bảo-thạch.

Thợ làm đồ gốm vẫn dùng lối cũ để làm những đồ bằng sành hay bằng sứ. Họ dùng một cái cối bằng đá và một cái chày chuyển-động bằng nước

đề giã các nguyên-liệu thành một thứ bột, rồi lọc cái bột ấy đem giã lại lần nữa cho thật mịn. Họ đề bột ấy vào một cái lọ có nước, đem khuấy lên rồi để yên một lúc mới lọc lấy bột. Bột ấy cho vào lọ đốt cho hơi khô, rồi cắt ra từng miếng, và lấy tay nhào cho mềm, xong đề vào một cái khuôn có bàn đạp để quay, làm thành hình bát, đĩa hay lọ rồi đem phơi ra nắng. Để hơi khô rồi lại cho vào khuôn lần nữa để sửa-sang lại cho đều, xong vẽ hình và tráng men, rồi mới cho vào lò để độ 12 giờ mới lấy ra và để từ ba đến bảy ngày cho nguội. Những đồ sứ của Nhật thiên-hạ ưa lắm, nên hằng năm bán ra ngoài rất nhiều. Ở một tỉnh *Kyoto* có đến hơn 20 xưởng làm đồ gốm, và khi nào có nhiều người đặt mua thì lại phải mở thêm những xưởng phụ ở bên nữa.

Nước Nhật là một nước sản tơ rất nhiều. Nghề chăn tằm lấy tơ là một nghề có đã lâu đời và quan-trọng lắm. Cách người Nhật chăn tằm cũng hơi giống cách người mình. Ở một tỉnh *Kyoto* có đến hơn 4.000 sở chăn tằm, và hơn ba vạn người chuyên về việc ươm tơ. Mỗi năm nước Nhật bán tơ ra ngoài được hơn 25 triệu quan.

Ngoài các nghề trên này, người Nhật lại còn làm giấy, làm đồ sơn, làm khi-giới, làm mặt-na, vân-vân. Tóm lại bên Nhật, đại-công-nghệ tuy phát-dạt mà tiểu-kỹ-nghệ vẫn còn thịnh-vượng. Ngoài hạng thợ-thuyền nói trên này, từ khi nước Nhật xu-hướng về văn-minh Âu-Mĩ, có mở ra những, công-xưởng lớn giống các cường-quốc, nên lại có một hạng thợ làm công trong các nhà máy nữa. Nhưng chỉ có hai thành-phố *Osaka* và *Tokyo* là đại-công-nghệ phát-dạt hơn cả. Người Nhật mở những nhà máy tơ, nhà máy sợi, xưởng làm giấy, làm đồ bằng thép, làm thuốc lá, làm diêm, làm rượu bia,

làm xi-mo, làm đồng-bồ, lọc dầu-hỏa, vân-vân. Các nhà máy ấy đều làm theo kiểu các nhà mới Âu-châu cả. Thợ làm ở các nhà máy vừa dân-ông, dân-bà, trẻ con, tình-cảnh rất khổ-sở, công thì ít mà làm thì nhiều, ít ra mỗi ngày 11 giờ, có khi làm đến 13, 14 giờ, có nhà máy thợ phải làm đến 17 giờ một ngày. Một nhà du-lịch người Âu qua Nhật-bản thấy tình-cảnh những thợ-thuyền trong các nhà máy lam-lũ khổ-sở, không được thoải-thoai vui-vẻ như dân chốn thôn-quê, có ngâm-ngùi than-thở rằng : « Cái văn-minh bên Tây-Âu đem những công-nghệ lớn sang nước Nhật, đem những nhà máy bốc khói đen trời sang nước Nhật, làm cho phong-cảnh nước Nhật mất cái vẻ nên thơ và làm cho dân-tộc Nhật kém bề sung-sướng đi. »

d) *Hạng di buôn*. — Nhiều người Nhật-bản chuyên về việc thương-mại, hoặc buôn to, hoặc buôn nhỏ, hoặc mở cửa hàng lối cũ, hoặc mở hiệu buôn theo lối tối-tân.

Trong các thành-phố, những hiệu buôn to nhỏ liên-tiếp nhau san-sát; có hàng bày ra giữa phố, có người bán rong; họ bán những thức ăn, đồ uống, vải lụa, quần áo, giấy, quạt, ô, đèn, đồ chơi vân-vân. Trước các cửa hàng kẻ mua người bán thường thường lấp-nập vui-vẻ.

Có hiệu buôn to mở đã hơn 200 năm nay vẫn còn, chủ hiệu và người làm công ở với nhau như người một họ một nhà, ăn chung ở chung, đời cha đời con cứ kế-tiếp ở với nhau; chủ hiệu thường trông nom dạy-dỗ những con người làm công, khi lớn dựng vợ gả chồng, khi yếu trông nom thang-thuốc, khi già thì lại cho tiền trợ-cấp nữa.

Những nhà buôn Nhật ngày nay biết khéo dùng cách rao hàng lắm. Có

một hiệu sách kia ở Tokyo phát giấy quảng-cáo in thế này :

« Mua hàng của bản-hiệu thì được những lợi này : 1^o Giá rẻ bằng các giấy đánh số ; 2^o Sách đẹp như những á ca-nhi ; 3^o Chữ rõ như thủy-tinh ; 4^o Giấy dày như da tượng ; 5^o Tiếp khách lịch-sự tử-tế, như trên các tàu thủy khi gẫu nhau ; 6^o Sách có đủ các thứ, như trong một nhà thư-viện công ; 7^o Hàng gửi nhanh như viên đạn trái-phá ; 8^o Hàng gói cẩn-thận kỹ-càng, như vợ mới cưới gửi vật gì cho chồng ; 9^o Những hạng thiếu-niên có những tính xấu, như lười biếng, hay chơi, muốn chữa cử-năng đến bản-hiệu tất khỏi ; 10^o Còn nhiều điều lợi khác không thể nói hết được ».

Tuy người Nhật buôn-bán theo lối tây, song có lắm thói quen trái với lối tây. Các hiệu buôn tây có ai mua nhiều hàng thì thường được trừ hoa-hồng mà các nhà buôn Nhật không bao giờ chịu trừ hoa-hồng, lại còn tăng giá lên nữa. Họ lấy lý rằng : « Nếu công-ty Mỗ muốn mua của tôi 100 kiện tơ chớ không mua một kiện, thì tất là công-ty ấy đang cần tơ lắm ; mà họ đã cần tất họ sẵn lòng trả giá cao. Và lại nếu tôi bán cả cho họ thì còn gì mà bán cho bạn hàng khác, như thế có thể phiền cho tôi. Thế mà họ lại còn chịu tôi giảm giá cho họ thì thật là ngược lẽ quá, chỉ nhà buôn Âu-Mĩ mới làm những sự kỳ-khởi ấy thôi ». Vì người Nhật theo lẽ ấy nên mỗi khi có hiệu buôn tây nào muốn mua hàng của người Nhật thì thường lấy hai ba tên khác nhau để mua làm hai ba bận cho người Nhật khỏi tăng giá lên. — Người Âu lại còn trách người Nhật trong việc buôn-bán không được thật-thà, không giữ lời hứa, không biết quý tên ký, mỗi khi đã nhận làm hàng cho ai mà xảy ra sự gì thiệt-hại, thì không chịu làm nữa. Nếu người Nhật nhận làm hàng mà bỗng giá hàng cao lên, thì

khi đưa hàng cũng bắt trả theo giá cao mới chịu ; nếu đem kiện tại tòa-án bắt họ phải theo như trong tờ giao-kèo thì những bạn đồng-nghiep họ hội lại với nhau dọa tây-chạy nhà buôn Âu đã kiện, và bắt nhà buôn ấy phải chịu mới thôi.

Những điều trách - móc ấy tưởng cũng có phần quá-dáng. Các nhà buôn Âu-Mĩ sang buôn-bán bên Á-châu hay Phi-châu thường có bụng ngờ các nhà buôn da vàng da đen mà nhất-thiết cho là kém bụng thật-thà. Tuy vậy người Nhật cũng công-nhận rằng đồng-bào họ về đường buôn-bán thật còn kém xa người Âu-Mĩ. Người Nhật trong việc buôn-bán không có những cái đức-tính hay như người Âu-Mĩ, cũng vì một lẽ giống người mình. Trước kia nghề đi buôn coi là một nghề rất đê-tiêm, kém cả mọi nghề. Vì thế những người có chút học-thức khinh-bĩ mà không chịu chuyên về nghề buôn, đến nỗi bọn vũ-sĩ xưa kia có người không biết đến tiếng « buôn-bán » là gì. Vì thế chỉ có bọn hạ-lưu là chuyên việc đi buôn, nên nhà buôn Nhật trước chỉ có những tật xấu mà không có nét gì hay cả.

Nhưng nay người Nhật đã tỉnh-ngộ, đã biết sự buôn-bán là một nghề cũng vẻ-vang như mọi nghề khác, có thể làm cho nước chóng giàu thịnh, nên có mở nhiều trường thương-nghiep và các nhà học - thức thông-minh cũng có kẻ theo nghiệp thương-mại, và đã dần dần luyện được những tính tốt như các nhà đại-thương Âu-Mĩ. Gương người Nhật tưởng dân Việt-Nam ta cũng nên theo vậy !

VI — Những cách tiêu-khiển của người Nhật

Ta đã rõ người Nhật nghề-nghiep làm lụng như thế, nay ta thử xem lúc rỗi-rảnh họ chơi-bời tiêu-khiển thế nào.

Trước hết ta nên biết rằng đám phụ-

nữ Nhật-bản ít có những cuộc tiêu-khiển, vì địa-vị thường thấp kém và ít khi ra khỏi nhà. Họ ít giao-thiệp và ít đến chơi thăm hỏi nhau; họ không bao giờ dự những cuộc khiêu-vũ như dân-bà Âu. Chỉ trừ ở chốn Triều-dinh, thỉnh-thoảng nhà vua có mở hội khiêu-vũ để mời những người ngoại-quốc, đó chẳng qua là một cách chiêu đãi, chứ người Nhật ít khi dự những cuộc đó.

a) Trẻ con chơi gì? — Trẻ con Nhật có nhiều đồ chơi lắm, như là chơi búp-bê (búp-bê Nhật trông rất xinh và có gửi sang bán tận bên Âu-châu trẻ con Tây thích lắm), chơi nhà cửa lâu-dài, chơi ngựa gỗ, chơi các súc-vật bằng giấy bồi như cáo, thỏ, chim, cá; chơi mặt nạ, trống, nhạc, vãn-vãn. Chúng nó cũng thả diều, đá cầu, bịt mắt bắt dê, đánh quay, đi cà-kheo, chơi vật lộn, và về mùa đông thì lấy tuyết ném nhau hay nặn thành người để chơi. — Con gái thì chơi quần, vừa tung vừa hát.

Hằng năm lại có những ngày tết riêng cho con trẻ trong khắp nước Nhật. Như ngày mồng ba tháng ba là ngày tết của con gái, gọi là tết « búp-bê », các cửa hàng bán rất nhiều búp-bê cùng đồ-dạ bày nhà cho búp-bê, và bát đĩa để búp-bê ăn. Búp-bê thì mặc quần áo lối cổ như các nhà quan đời trước. Nhà nào có con gái dưới bảy tuổi cũng phải mua búp-bê cho nó chơi. — Ngày mồng năm tháng năm là ngày tết của con trai. Các cửa hàng bán rất nhiều đồ binh-khí làm đồ chơi, như cung, tên, chùy, giáo, v.v.. Trong các thành-phố cùng các làng, nhà nào có con trai dưới bảy tuổi, là trước cửa cũng trồng một cây tre, trên ngọn treo các thứ cá bằng giấy ngũ-sắc. Cha mẹ làm thế là có ý chúc cho con sau này vượt khỏi những nỗi khó-khăn trong đời như là cá vượt qua được những thác nước,

b) Người lớn chơi gì? — Người lớn

có hai cách tiêu-khiển là tung quần và đánh cờ. Ngày xưa người Nhật thích tung quần lắm, cách chơi đó do Trung-quốc sang hồi thế-kỷ thứ sáu thứ bảy. Về thế-kỷ thứ 12, ở trong triều có lập một hội những người thích chơi quần. Về thời Trung-cổ, những nhà quý-phái sa-cơ thất-thế thường đi dạy tung quần để kiếm ăn. Về thế-kỷ thứ 18, mỗi năm đến mồng bảy tháng bảy người Nhật có mở hội tung quần vui lắm. Quả quần n oài bọc da ở giữa thất lại trông như hai quả bóng liên nhau.

Trước kia người Nhật có khi lại chơi cưỡi ngựa ném quần nữa. Cách chơi này cũng ở Trung-quốc truyền sang, vào thế-kỷ thứ sáu hay thế kỷ thứ bảy, mà hồi thế-kỷ thứ tám thì các quan triều-thần thích chơi lắm. Khi chơi thì phải có 14 người, chia làm hai bọn, cũng có khi số người chơi hơn hay kém số ấy.

Những quả quần hoặc trắng hoặc nhuộm mùi, mà người chơi thì đeo dấu hiệu theo sắc quả cầu của mình. Cách chơi này tốn tiền lắm, nên ngày nay chỉ những bậc thượng-lưu hào-phú mới chơi thôi.

Đánh cờ Nhật gọi là *go*, người Nhật bắt-chước người Tàu từ thế-kỷ thứ 8, nhưng cách chơi của họ phiền-phức hơn. Hiện nay có các nhà giáo-sư chuyên dạy đánh cờ, và có lắm người mù đánh cờ giỏi lắm. Lối đánh cờ Nhật cũng như ta đánh cờ chiếu-tướng hay cờ vây. Nhưng họ dùng bàn vuông chia làm 361 nước, mỗi phía 19 đường, và họ dùng 360 quân, chia làm hai thứ: 180 quân đen, 180 quân trắng.

Ngoài hai cách chơi quần và chơi cờ, người Nhật lại còn đánh bài lá nữa; tuy luật phép có cấm mà họ cũng chơi. Bài lá họ chơi có nhiều thứ: một thứ gọi là *dann bài hoa*, có 48 quân, cứ bốn quân biên tên một tháng, 48 quân có

tên 12 tháng, mỗi tháng có vẽ một thứ hoa. Chơi bài hoa này phải ba người chơi, cách chơi cũng thú-vị. — Lại còn một thứ bài lá nữa chơi cũng nhẽ và lịch-sự lắm, gọi là đánh bài đọc thơ. Người Nhật nào có học-thức cũng phải thuộc lòng 100 bài thơ cờ. Mỗi bài thơ chia làm hai đoạn : Đoạn trên 17 vần, đoạn dưới 14 vần. Một trăm đoạn trên viết vào 100 quân bài, 100 đoạn dưới viết vào 100 quân khác. Lúc đánh bài thì người chơi chia làm hai bên, rồi chia một trăm quân bài có những đoạn thơ dưới ra làm hai phần, mỗi bên một phần. Một người trọng-tài cầm 100 quân bài có đoạn trên, rồi cứ lấy một quân một mà ngâm đoạn thơ trên lên. Khi ấy người đánh bài phải tìm cho nhanh lấy quân bài nào có đoạn thơ dưới tiếp theo mà rút bỏ ra. Nếu trong bài mình không có quân ấy thì có thể xem bài bên kia, hễ thấy thì rút ra mà bỏ một quân bài mình thay vào. Nếu một bên lằm thì lại phải lấy thêm một quân bài của bên kia vào bài mình cho nhiều hơn. Bên nào rút dùng được bài mình hết trước thì là bên ấy được. Họ chơi như thế nhanh lắm, những tay thạo chỉ trong ba bốn phút là xong một ván. Cách chơi ấy tưởng cũng cao-thượng phong-nhã lắm. Ở Đông-kinh có chừng 15 nhà chơi đánh bài đọc thơ như thế, mà có lắm bài thơ hay lắm. Chả bù với cách chơi cờ-bạc của mình, lằm thử thật là thô - bỉ, lằm tiếng nghe thật chướng tai, lằm điều trông thật chướng mắt, người ngồi trong cuộc, không biết đấy là đần, nhưng người ngoài cuộc nhìn vào không thể không sinh lòng khinh-bĩ được !

c) *Múa và hát.* — Những nhà giàu lại hay dùng một cách tiêu-khiển nữa là đãi tiệc ở cao-lâu hay ở nhà chề (*chaya*), lúc ăn tiệc hoặc chuyện-trò vui-vẻ, hoặc có lũ ca-nhi vũ-nữ múa hát hay gảy đàn cho nghe.

Lũ ca-nhi vũ-nữ ấy (*geishya*) thường kén chọn trong những hạng thiếu-nữ có nhan-sắc, rồi dạy hát, dạy múa, dạy hầu chề, dạy kết hoa, thêu-thùa, nói chuyện và làm thơ. Từ 6, 7 tuổi đã cho ra hầu rượu, đến năm 16, 17 tuổi thì cho ăn mặc như các bậc thiếu-nữ, quần áo các mùi, trên đầu có gài trâm, trông cũng đẹp mắt, và mỗi tối phải múa độ ba bốn bận. Trong khi bọn ấy múa thì bọn lớn tuổi hơn phải hát và gảy đàn theo dịp. Lúc nào không hát và đàn thì lại đi mời rượu và tiếp chuyện khách hay đọc những bài hát mới soạn. Trong đám tiệc có bọn ca-nhi vũ-nữ này thì mới được vui-vẻ, mới được thích-chí mọi người.

Bọn ca-nhi Nhật khi múa thì tay cầm một bức lụa, tung lên ném xuống, quay lộn trước mặt, trông cũng đẹp mắt. — Giọng chúng hát nếu người nào không quen tai thì lấy làm khó nghe lắm : khi thì lên cao quá, khi thì xuống thấp quá, khi thì chậm mà sâu, khi thì nhanh mà vui, hình như lẫn-lộn có cả tiếng cười tiếng khóc; trong khi chúng hát thì chúng lại gảy đàn theo dịp. Đàn có hai thứ : một thứ như đàn nhà trò có ba giây, thùng đàn vuông chung quanh thành bằng gỗ, hai mặt bọc da mèo ; một thứ như thập-lục-huyền của ta, nhưng chỉ có 10 giây; đàn này ít khi dùng, vì ít người biết gảy.

Việc nhảy múa không những chỉ có bọn ca-nhi vũ-nữ biết mà thôi; lại còn có một hạng người đi múa giọng phổ đề kiếm ăn. Nhưng người Nhật cho sự nhảy múa là cốt để thích mắt chứ không phải thích chân. — Người Nhật xem ca-nhi vũ-nữ nhảy múa, chứ người Nhật không tự mình nhảy múa như người Âu có tục khiêu-vũ. Cách chơi nhảy-dầm người Nhật cũng biết, nhưng chỉ có những người nào hay giao-thiệp với các người ngoại-quốc thì mới chơi thôi. Còn hầu hết người Nhậ

cho sự khiêu-vũ là một cách chơi sỗ-sã và không lịch-sự. Có một nhà văn-sĩ Nhật đã ví những người Âu nhầy-đầm như là đàn chạch uốn mình trên mặt nước, hay là lũ rệp nhầy ở trên giường!

d) *Diễn-kịch*. — Người Nhật - bản cũng ưa xem diễn-kịch. Bên nước họ có hai lối diễn-kịch: lối diễn-kịch của các bậc thượng-lưu quý-phái và lối diễn-kịch của bọn thường-dân.

Trong những diễn-kịch-trường của bọn thượng-lưu thì thường diễn những tấn kịch cổ có tính-cách tôn - giáo. Những tấn kịch ấy thường ngắn lắm, nên mỗi buổi hát diễn đến 6, 7 tấn. Cứ xong một tấn tôn-giáo-kịch thì lại diễn sen một tấn bài-kịch vào cho vui trò. Những tấn kịch tôn-giáo khi đem diễn thì bọn con hát phải nhẩy múa, đeo mặt nạ và nói một thứ tiếng cổ ngày nay ít người hiểu được. Khi diễn những kịch ấy cũng có âm-nhạc đi kèm, có trống có sáo, mà nhạc-công thì ngồi ở dưới đất gần ngay bên cạnh người đi xem. Những tấn kịch tôn-giáo rất nhiều, song có một vài tấn người Nhật thích hơn cả, như tấn kịch cánh tiên. Tấn kịch ấy soạn từ thế-kỷ 14. Một người đánh cá tình-cờ bắt được một bộ cánh tiên, vì một nàng tiên lúc xuống hạ-giới không dùng cánh nữa, mới mặc vào một cây thông gần đấy rồi đi chơi. Lúc trở lại không thấy cánh đâu cả, biết rằng người đánh cá lấy mất, mới đến năn-nỉ xin trả lại mình để bay về thượng-giới. Anh đánh cá cứ làm thỉnh đề nàng hết lời cầu-khẩn, sau mới bằng lòng, nhưng bắt nàng phải múa cho mình xem một điệu múa tiên, rồi mới trả cánh cho. Khi nàng tiên múa thì có hát một bài hát tả-cảnh rất hay cho đến khi hết tấn kịch. Cái thú của tấn kịch là ở lúc nàng tiên vừa múa vừa hát đủ các giọng vậy.

Còn *hài-kịch* thì cũng tira-tura như các hài-kịch ngắn của *Molière*. Thí-dụ:

10 Một cô kỹ - nữ có một người tình-nhân rất giàu có, nhưng chẳng may người ấy sắp quyết-liệt bỏ nàng. Nàng mới giả-lờ khóc để làm siêu lòng chàng, mà khi nàng khóc thì lấy nước trong chén bôi vào mắt cho mắt ướt như có nước mắt thật. Chẳng may một tên đầy-tớ tình - nghịch chơi khăm, lừa khi nàng vô-ý lấy mực đổ vào chén nước. Nàng vô-tình cứ lấy tay quẹt bôi lên mắt, thành ra mắt nàng bị mực đen, khiến cho người xem thấy phải tức cười vỡ bụng.

20 Một ông chồng già muốn đến nhà tình-nhân, mới nói dối vợ rằng là vào trong buồng kín, ngồi trong màn để tụng-kinh niệm Phật. Bà vợ có bụng nghi-ngờ, khi chồng đi khỏi mới vào xem, lúc mở màn thì té ra là một tên đầy-tớ, chứ không phải chồng. Bà liền đuổi đầy-tớ ra rồi ngồi đợi chồng về xem nói làm sao. Tang-lãng sáng hôm sau chồng về, tưởng là đặc-sách và đầy-tớ vẫn ngồi đấy, mới thuật những câu chuyện tán với tình-nhân cùng những câu tình-nhân chế giễu vợ mình. Bỗng thấy màn tung ra, bà vợ cầm chổi xông lại nện cho một chập, ông chồng vừa chạy vừa kêu ầm-ỹ, khiến người xem cũng được một lúc mua vui.

Những hài-kịch ấy cốt để cho người đi xem hát không vì những tấn kịch tôn-giáo mà sinh chán.

Lối diễn-kịch của thường-dân tuy không giống lối các rạp hát của thượng-lưu, song người Nhật dù giàu dù nghèo cũng đều thích và hay đi xem lắm. Có người vì xem hát mà đến nỗi xiềng-liềng túng-bấn.

Lối diễn - kịch của thường - dân, nguyên lúc đầu chỉ là những bọn hát những bài anh - hùng - ca cho công-chúng nghe, cũng có khi vừa hát vừa gảy đàn.

Rạp hát của bình-dân cổ nhất dựng

lên hồi cuối thế-kỷ thứ 16 hay đầu thế-kỷ thứ 17. Rạp ấy của một người dân-bà tên là O' Kuni lập ra. Truyện người ấy nghe cũng cảm-dộng, tưởng nên thuật lại để các ngài nghe.

Nàng Kuni là một vị sư-có tu trong một chùa ở tỉnh *Kidzuki*, có nhan-sắc không ai bằng. Nàng phải lòng một chàng tên là Nagoya rồi bỏ chùa trốn theo chàng sang tỉnh *Kyoto*. Dọc đường, gặp một người thấy nàng đẹp phải lòng, nhưng bị tình-phân nàng ghen mà giết chết. Đến *Kyoto* thì hai anh chị hết cả tiền tiêu. Nhưng may nàng Kuni có biết vài lối nhẩy múa, nên ngày ngày đi múa cho thiên-hạ xem kiếm tiền nuôi tình-nhân qua ngày đoạn tháng. Khi đã có một cái vốn nhỏ, hai anh chị bèn dời sang *Yedo* và lập một rạp hát, hai vợ chồng cùng đóng tuồng. Khi tình-nhân nàng chết, nàng lại trở lại tỉnh *Kidzuki* là nơi nàng tu-hành thuở trước. Nàng ở đấy làm thơ kiếm ăn rồi sau lại cắt tóc đi tu, và tự xây một cái chùa con ở ở tu-hành. Cái chùa nàng xây lên ấy, độ 40, 50 năm nay vẫn còn, nhưng nay đồ-nát chỉ còn một pho tượng gầy thôi. Dòng-dõi nàng Kuni hiện nay vẫn ở *Kidzuki*, mà đến cuối thế-kỷ trước vẫn được rạp hát ở tỉnh đó cho hưởng chung quyền-lợi, vì nhớ ơn nàng đã lập ra rạp hát trước tiên.

Năm 1667, nhà vua có chỉ cấm dân-ông dân-bà không được cùng đóng trò trong một rạp hát. Những rạp hát lớn chỉ toàn con hát đàn - ông nên những vai nữ đều là kép đóng giả cả. Còn ở rạp hát nhỏ thì lại chỉ có đào nên các đào phải đóng các vai nam khi ra trò.

Những tích hát thì thường lấy ở sử Nhật-bản hay Trung-quốc, hay ở các sách thuộc về tôn-giáo, v. v., mà mỗi tấn kịch thường-thường chia làm năm hồi. Xin tóm thuật một tấn kịch Nhật-bản theo lối bi-hài-kịch.

Người chủ-dộng trong tấn kịch đó là một nàng kỹ-nữ tên gọi HARU, nàng HARU có một người tình-nhân tên gọi JIHI, nàng yêu-mến lắm. Chàng JIHI muốn chuộc nàng làm thiếp, nhưng khốn thay chàng lại không tiền, phải đi vay cào vay cấu, thành-thủ vì nàng mà chàng sắp hết cơ hết nghiệp. Một hôm nàng nhận được một bức thư của vợ JIHI, nàng xem xong trong lòng cảm-dộng quá, lúc viết thư trả lời nàng run tay bầy-bầy. Xem mặt nàng biến sắc, tay nàng run thì ai cũng rõ là nàng đã đau lòng đứt ruột vì một việc gì, nhưng không ai biết trong thư nàng nhận được và thư nàng viết trả lời ra sao. Sau khi đó có một người hào-phú đến chơi, nhưng nàng không ưa nên không muốn tiếp, người đó lấy thế làm bần, mới bắt một bài mai-mĩa nàng. Trong khi đó thì một người vào, đầu bịt khăn đen tự-xưng là một nhà vũ-sĩ, nhưng chính thực thì là cha chàng JIHI. Người ấy muốn bắt nàng HARU múa hát để xem, nhưng nàng từ chối nói là trong lòng nàng đang có sự buồn-bực không sao múa hát được, chỉ hỏi rằng bây giờ nàng muốn tự-tử thì dùng giấy thắt cổ, hay dao đâm họng, dùng nào tiện hơn. — Cha chàng JIHI mới hỏi căn-nguyên thì nàng bèn thú thật nỗi mình, nói rằng mình tự-tử rồi thì tình-nhân thế nào cũng tự-ải theo mình. Cha chàng JIHI mới nói rõ cho nàng hiểu, nếu nàng làm như thế sẽ thiệt mất hai mạng, và sẽ làm cho cha mẹ thân-thích tình-nhân nàng đau - đớn biết chừng nào! Nàng nghe lời cảm-dộng, sau xin nhà vũ-sĩ giả ấy ngày nào cũng lại chơi, trong ba tháng luôn, khiến tình-nhân nàng không được gặp nàng, họa chăng có quên nàng đi chăng. — Trong khi nàng nói thế thì chàng JIHI lần-thần đi đến, chàng nghe thấy câu sau, tưởng nàng phụ nghĩa, mới chực đâm chết kẻ bạc-tình. Cha chàng ngăn-cản, mãi sau chàng mới

nhận ra, thì cha chàng mắng chàng sao có đại-dột chực mất cơ - nghiệp mất danh-giá vì một đứa kỹ-nữ mà đứa ấy lại sẵn lòng quên lời ước hẹn cùng chàng. Jiri khóc than rồi kể-lễ những sự vui, sự buồn cùng nàng khi trước, nay thấy nàng tệ-bạc chàng bèn xi-vả hết lời, rồi đòi nàng trả lại cái tờ giao-ước với nàng rằng nếu không lấy được nàng thì cùng nhau đều tự-tử. Khi chàng đòi lấy tờ giao-ước ấy trong thất lưng làng HARU thì cái thơ của vợ chàng rơi ra. Cha chàng vội nhặt lấy mở xem mới rõ là thơ của con dâu đã viết cho nàng xin nàng buông-thả chồng mình ra, ông cụ mới hiểu nàng đã đành chịu đau lòng mà trả lại chồng cho con dâu, nên lấy làm cảm-phục nàng HARU lắm, nhưng trong khi con vẫn chưa rõ sự-tình ra sao mà xi-vả nàng, thì ông cụ xé tan cái thơ ra bảo con rằng : « Con này thật nó đã phụ lòng con, nó đã đánh lừa con ! » Nàng nghe nói thế chỉ cúi đầu nín lặng. Ông cụ liền giết con đi, nhưng chàng Jiri lại trở lại xi-vả nàng và nhắc lại cái tình ân-yếu khi xưa. Nàng HARU toan nói rõ sự-tình, nhưng ông cụ sẽ xui nàng đừng nói, rồi nói to với con rằng : « Đó, con xem đó, nó không thể chối được nên mới đứng im như thế ! » Rồi giết con về để nàng lại khóc than một mình cho người cơn sầu-thâm.

Một tấn kịch về lịch-sử đề là « *Cách báo-thù của anh em họ Sô-Ga* » cũng là một tấn kịch các rạp hát hay diễn lắm. Truyện thế này : Sô-Ga là một nhà quý - phái bị Quý - đô - vương giết chết. Hai con Sô - Ga là JYURO và GORO quyết - chí báo - thù. Trước hết gia-nhân nhà Sô-Ga bày mưu lập kế để chực giết Quý-dô-vương trong cuộc đi săn, nhưng gia-tướng Quý-dô-vương biết, phá được mưu nên việc phục-thù lại không thành. — GORO

là con út Sô-Ga khi bé đã xuất-gia tu-hành, nên bà mẹ mong rằng việc báo-thù chàng không phải lưu-tâm đến nữa. Nhưng Goro lúc đã trưởng-thành, biết chuyện cha bị giết, quyết chí phục-thù liền bỏ việc tu-hành, chuyên việc võ-ngệ, đề dợi dịp báo-thù. Bà mẹ ngăn con không được, lấy gậy đánh con. Goro bực mình chực tự-tử. Anh là JYURO hết sức can ngăn, và nhân bà mẹ lừa không trông thấy gì, xâm tối đưa một người khác cũng xuất-gia lại nói là Goro đã vâng lời mẹ lại chuyên việc tu-hành. — Bà mẹ thấy đầu trọc sợ nói rằng : « Con vâng lời thì mẹ rất hả lòng, rồi sẽ mua cho một bộ quần áo hợp với địa - vị kẻ tu - hành. » Nhưng khi áo đem về thì lại là một bộ áo giáp, vì bà mẹ đã rõ con vì lòng hiếu mà đã nói dối, bà mẹ muốn thử xem con có đủ nghị-lực không, nay bèn cho con đi báo-thù. — Lúc hai con đi bà mẹ ở nhà nhớ thương khóc lóc.

Hai anh em Goro đến chỗ trại Quý-dô-vương đóng, nhưng JYURO bị quân canh thấy nghi-tình bèn bắt vào nộp cho Quý-dô. Quý-dô bảo ở hầu mình. — JYURO giả ý nhận lời và bằng lòng múa trước mặt kẻ thù. — Sau JYURO ra kể chuyện lại cho em rõ những việc đã xảy ra. Hai đứa gia-nhân xin cho chúng cùng theo hai chàng, dù nguy-hiểm cũng không nài sinh - tử. Hai anh em không cho và truyền trở lại nhà để thay mình phụng-dưỡng mẹ già. Hai tên gia-nhân thất-vọng, toan đâm bụng liều mình, nhưng hai chàng can ngăn nói rằng : « Không cứ chết theo chủ mới là người có nghĩa — có nghĩa là phải đánh lòng chịu những việc đau-dớn xót-sa. Vậy các người phải ở lại nuôi-nấng mẹ già chúng ta cho trọn đạo. » — Gia-nhân về, hai anh em dùng kế mỹ-nhân làm cho quân canh say rượu rồi vào trại giết được Quý-dô-vương. Giết xong Quý-dô-vương,

hai anh em lại chực đến giết cả JORITOMO là một người có quyền-thế nhất trong nước, vì người ấy đã giết ông hai chàng khi trước. Nhưng khi tranh-dấu, JYURO bị giết mà GORO thì bị bắt. Đến trước mặt YORITOMO GORO không chịu khuất-thân bái-phục, vì nay đã báo được thù cha rồi, thì chỉ còn một chết mà thôi. YORITOMO thấy người tuổi trẻ mà anh-hùng khảng-khái có ý muốn tha, nhưng GORO không chịu xin lỗi và một niềm xin giết mình đi. YORITOMO liền sai người tuyên - án : nhưng trong án không những không khép chàng vào tội chết lại còn truyền ban tiền của cho mẹ chàng. Chàng thấy YORITOMO là người có lượng cả, mới bằng lòng quên thù cũ mà ở với YORITOMO.

Tích hát đại-khái như thế; còn rạp hát thì bày-bien một cách giản-dị sơ-sài lắm. Rạp hát là một cái nhà to bằng gỗ, ngoài cửa có dán tranh vẽ những đoạn kịch sắp diễn, trước cửa có trồng những cột tre cao kéo cờ các sắc và những giải lụa có biên tên những đào kép có tiếng trong rạp. Thỉnh-thoảng lại kéo màn che cửa lên cho người đi ngoài đường trông thấy con hát ra trò trong rạp mà phải vào xem. — Trong rạp thì tầng dưới hơi chệch, có chia ra từng ngăn như là *loges* đủ chỗ 4 người ngồi. Hai bên gác cũng chia ngăn như thế, còn phần gác đối trước sân khấu thì cũng chệch có rào sắt ngăn ra. Trong rạp hát người xem qui trên chiếu vừa nghe hát vừa uống nước chè, ăn bánh ngọt, hút thuốc, v. v. . Những con hát lúc không ra trò thì ở dưới gầm sân khấu, mà lúc ra trò thì rất chậm-chạp nên mỗi buổi diễn-kịch lâu đến 12 giờ; mở màn từ 10 giờ sáng mãi đến 10 giờ đêm mới hạ-màn tan hát.

Người Nhật - bản trước kia rất quý - trọng con hát diễn những tấn kịch tôn-giáo, nhưng khinh - bỉ bọn

con hát ở những rạp hát thường-dân lắm. Bọn này coi như là hạng ngoài xã-hội : « xường-ca vô-loại ». Tuy vậy hạng bình - dân, lái-buôn, thuyền-thợ, lại quý-chuộng lắm. Bấy giờ bọn họ vẫn còn được như thế và tự năm 1868 họ không phải coi như hạng hèn - mạt nữa. Hiện nay trong các rạp hát mỗi khi có một đào kép có tiếng ra trò thì người xem hoan-hô rầm-rĩ. Con hát tuy không kê vào hạng thượng-lưu, nhưng những nhà quyền - quý có lòng yêu - mến lắm, thường đi lại giúp đỡ và có người chịu mất nhiều tiền để được vào xem chỗ con hát mặc quần áo trước khi ra trò. Có người con hát được thiên-hạ yêu-mến, đến nỗi khi chết có nhiều người thương khóc và quỳn tiền làm ma rất trọng-thể. Nhất là bọn phụ-nữ lại có một cái cảm-tình rất nặng với lũ con hát. Anh kép nào ra đóng tuồng giỏi thì được các bà các cô yêu quý lắm muốn gì cũng được.

Ở trên là nói về diễn-kịch theo lối cũ. Hiện ít lâu nay ở nước Nhật cũng có cái phong-trào cải-lương hi-kịch, họ diễn những tấn kịch ngắn giống như các tấn kịch Âu-châu, nhưng việc cải-lương đó chưa lan khắp mọi nơi.

e) *Nghe nói truyện*. — Ở bên Nhật-bản lại có những nhà cho công-chúng vào nghe nói truyện gọi là *yose*, nhưng nói truyện đây không phải như những cuộc diễn-thuyết của ta ngày nay. Cứ tối đến, người Nhật vào một nhà để nghe nói chuyện mà vào nghe phải trả tiền. Người thuật truyện hoặc dùng sách, hoặc không, kể những trò-tích Nhật-bản, hoặc là truyện phong-tinh, hoặc là truyện phiêu - lưu, có truyện tự mình đặt ra. Trong một buổi có khi nói luôn hai ba truyện khác nhau như thế, mà lúc nói đến đoạn nào hay thì người thuật truyện lại cầm quạt gõ dịp xuống bàn. Cũng

có khi có cả đàn sáo thêm vào cho vui tai nữa. — Cứ nửa tháng lại đổi chương-trình một lần, nhưng trong các thành-phố lớn, có nhiều nhà kể truyện thì mỗi lối đến nghe một nhà cũng thú. Những người thuật truyện như thế cứ đi hết nhà này đến nhà khác để kể truyện cho công-chúng nghe. Ở Đông-kinh có đến 300 người kể truyện kết-thành một hội rất có thể-lực. Có khi gọi đến nhà họ cũng đến và người nào túng-bần thì thường đi kể truyện ở đầu phố để kiếm thêm ít nhiều.

f) *Đánh vật và múa rối.* — Người Nhật thích xem đánh vật lắm. Những đồ-vật thì cha truyền con nối chuyên riêng về nghề ấy, và trông to-lớn lực-lượng lắm, có người nặng đến 138 cân tây. Trên đầu bôi tóc. Họ vật nhau trong một cái vòng, người xem ngồi chung quanh, lúc vật họ chỉ đóng khổ thôi. Hễ ai vật đỡ được luôn ba người thì được thưởng. — Còn những người múa rối thì khéo lắm, người Nhật-bản rất thích xem.

g) *Các cách chơi khác.* — Ngoài những cách tiêu-khiển trên này người Nhật lại còn nhiều cách chơi khác cũng như mọi dân-tộc ở Đông - phương: hoặc đi chơi giòng phố, hoặc đi ngoạn-cảnh chốn hương-thôn, hoặc đi du-lich trong nước hay ra ngoại-quốc, hoặc đi trẩy hội đền chùa. Người Nhật trẩy hội bao giờ cũng cả gia-quyển cùng đi, chứ không đi một mình. Đến đền chùa thì họ lễ thánh hay lễ phật, họ làm thế này: họ lắc cái chuông to treo ở cửa đền, rồi họ vỗ tay hai ba lần để cầu thần về, như khi ở hàng-quán họ vỗ tay để gọi người hầu vậy. Làm thế xong họ mới khấn-vái, vừa khấn vừa mỉm cười, rồi cùng một ít tiền vào trong một cái tráp lớn để gần đấy. Lễ xong ra ngoạn-cảnh đền chùa, hoặc xem các đồ thờ, các pho tượng, các bức cuốn, treo ở đấy. Các

đền chùa bên Nhật thường làm ở các nơi danh-sơn thắng-cảnh, phong-cảnh trông đẹp mắt lắm, nên khi trẩy hội ngoài việc lễ-bái lại còn được hưởng cái thú xem phong-cảnh đẹp nữa.

h) *Các ngày lễ-tết.* — Sau khi nói những cuộc tiêu - khiển của người Nhật tưởng là cũng nên biết trong một năm những ngày nào là ngày lễ ngày, tết của họ nữa. Những ngày ấy là: Mồng một, mồng hai, mồng ba tháng giêng là tết nguyên-dán.

Mười một tháng giêng là ngày kỷ-niệm đăng-quang của Thiên-hoàng đệ nhất JIMMU TENNO (thế-kỷ thứ bảy trước Thiên-chúa giáng-sinh), và là ngày kỷ-niệm việc tuyên-lập hiến-pháp năm 1889.

Ba mươi tháng giêng là ngày giỗ một vị Thiên-hoàng mất năm 1867.

Hôm 21 tháng ba là ngày tế tiên-tổ nhà vua về mùa xuân.

Hôm mồng ba tháng tư là ngày giỗ Thiên-hoàng TENNO.

Hôm 23 tháng chín là ngày tế tiên-tổ nhà vua về mùa thu.

Hôm 17 tháng mười là ngày lễ dâng quả đầu mùa cho bách-thần.

Hôm 23 tháng một là ngày lễ dâng quả đầu mùa cho nhà vua.

Ngoài các lễ ấy dân-tộc Nhật-bản lại còn nhiều tết khác nữa.

Hôm tết nguyên-dán, người Nhật thức suốt đêm, ăn những đồ ăn khác ngày thường; họ không quét nhà sợ mất tài mất lộc; họ cũng lễ tết những người quen thân; và ngoài phố có cắm những cành thông và chăng những giấy rơm.

Cuối tháng giêng hay đầu tháng hai người Nhật ăn tết nghênh-xuân: tối hôm ấy họ đem hột đậu ném khắp nhà để đuổi ma-quỉ đi rồi mỗi người phải lấy đậu ăn, bao nhiêu tuổi phải

ăn bảy nhiều hột và thêm một hột nữa.

Ngày mồng ba tháng ba là tết của con gái (đã nói ở trên).

Ngày mồng tám tháng tư là ngày lễ sinh-nhật của Phật-tổ, hôm ấy trong các chùa có bày những tượng Phật lúc còn trẻ.

Ngày mồng năm tháng năm là tết của con trai (đã nói ở trên).

Ngày mồng bảy tháng bảy là ngày lễ Ngâu, người Nhật gọi là *Tanabata*. Truyện ông Ngâu bà Ngâu của Nhật cũng giống truyện Ngưu-lang Chức-nữ của ta.

Từ 13 đến 16 tháng bảy là tết vong-nhân, lễ các vong-linh người chết. Hôm ấy linh-hồn tổ-tiên về thăm nhà cùng con cháu, nên con cháu phải cúng. Người sống hôm ấy phải ăn chay và trong nhà phải sửa-soan thu xếp cho rộng chỗ để khỏi vương chân ông vải. Tối hôm 13 nhà nào cũng đèn đuốc sáng choang để ông vải biết lối mà về. Tối hôm 16 là ngày lễ tiễn, thì họ thả những thuyền con bằng rơm xuống sông trong có đèn sáng, để cho ông vải đi.

Ngày 20 tháng mười là ngày lễ thần *Ebisu* là một vị phúc-thần. Theo sự sùng-tin của người Nhật, thì hôm ấy các thần phải lên châu trời, không ở dưới hạ-giới để trông nom cho loài người, chỉ trừ thần *Ebisu* vì điếc không theo các thần khác nên ở lại trần-gian. — Hôm ấy các nhà buôn bán rở các hàng-bóa còn thừa lại, đem quà biếu những khách quen; các hội văn-chương, hội tương-tế, hay hội chính-trị đều họp hội-đồng.

Hôm 13 tháng chạp thì bắt đầu dọn dẹp trong nhà và bày-biện để ăn tết nguyên-dán.

Xem như thế thì người Nhật cũng có lắm ngày lễ ngày tết, chẳng khác gì bên ta, nhưng họ không hại vì tết như mình, vì họ không có cái thiệt đem vàng đi đổ sông Ngô! — Song kể các tết nói trên ấy chỉ có tết nguyên-dán và tết con trai là trong phố vui vẻ sầm - uất hơn cả, cũng như tết nguyên-dán và tết trung-thu của ta vậy.

(Còn nữa)

NGUYỄN VĂN-HIỆU

Giáo-học trường Sư-phạm Hà-nội

VĂN-CHƯƠNG TRUYỆN KIỀU

I

Phân-tích truyện Kiều

Trước khi làm một ngôi nhà, phải vẽ kiề, nhà sau này đẹp, xấu, khéo, vụng, quan-hệ ở cái kiề ấy. Người sành chưa trông thấy nhà mới xem kiề, cũng đã lượng biết được nhà đẹp, xấu, vụng, khéo thế nào. Trước khi soạn một quyển sách, một bài văn, tác-giả phải bố-cục đã, người sành văn chưa đọc quyển sách, bài văn, chỉ xem qua cách bố-cục đã lượng biết được tác - giả có tài hay không vậy.

Kiều nhà quan-trọng cho sự tạo-tác thế nào thì cách bố-cục quan-trọng cho sự trước-thuật như thế. Cho nên người đọc sách, đọc văn, muốn biết quyền sách hay bài văn kết-cấu khéo hay vụng, trước hết phải phân-tích quyền sách, bài văn đó, nghĩa là tìm xem tác-giả bố-cục thế nào.

Truyện Kiều chia làm sáu hồi, trước sau có lời mở, lời kết, phân - tích ra như sau này :

Lời mở

Tác-giả xét cuộc đời thương người có tài không mệnh.

HỘI THỨ NHẤT

Kiều gặp Kim tại hội Đạp-thanh ;
Kim Kiều gần bó nhau trước
hiền Lâm-thúy

I

1. — Tài-sắc Thúy-Kiều, Thúy-Vân.
a. Kiều, Vân là con Vương viên-ngoại, chị Vương Quan.
b. Nhan-sắc Thúy-Vân.
c. Tài-sắc Thúy-Kiều.

II

Kim, Kiều mới biết nhau

2. — Ngày xuân, chị em đi tảo-mộ.
a. Tả cảnh xuân.
b. Tả cảnh hội Đạp-thanh.
3. — Trước mã Đạm-Tiên.
a. Buổi chiều chị em ra về.
b. Tả cảnh mã Đạm-Tiên.
c. Mỏ người ca - nhi vô-chủ, khói hương lạnh ngắt.
d. Kiều thương người bạc - mệnh, thấp hương, khăn vái rồi để thơ.
4. — Kim Trọng và Thúy-Kiều mới biết nhau.
a. Chị em trở ra về thì Kim Trọng đi ngựa tới.
b. Tài-mạo Kim Trọng.
c. Tình trong như đã, mặt ngoài còn e...
d. Khách lên ngựa chị em ra về (tả cảnh chiều hôm có vẻ buồn).

III

Kim Kiều tương-tư

5. — Kiều về nhà, nghĩ thương Đạm - Tiên, nhớ Kim Trọng.
a. Một mình lặng ngắm bóng Nga (cảnh trăng).
b. Thương Đạm nhớ Kim, làm thơ.
6. — Kiều mộng thấy Đạm-Tiên.
a. Kiều ngủ quên, thấy Đạm-Tiên (hình-dung Đạm-Tiên).
b. Đạm-Tiên bảo cho Kiều biết rằng Kiều có tên trong sổ đoạn-tràng, đưa 10 bài thơ đoạn-tràng cho Kiều xem.
c. Đạm-Tiên khen thơ Kiều họa hay rồi biến đi.
d. Kiều tỉnh giấc, nghĩ việc sau này mà kinh, khóc...
7. — Vương-Bà khuyên-giải Kiều.
8. — Kim Trọng về tương-tư Kiều.
9. — Kim Trọng sang Lôi-châu tìm Kiều.
a. Cảnh buồn khi đi đường.

b. Thăm nghiệm kín cổng cao tường (tả cảnh).
c. Kim thuê được nhà gần đó, ngày ngày ghé mắt trông, mà trông sang thấy Kiều.

IV

Lời thề trăm năm

10. — Hai bên gặp nhau.
a. Một hôm Kim thoáng thấy bên vườn có bóng người ; vội bước sang thì bắt được cảnh thoa.
b. Hôm sau, Kiều ra tìm thoa, Kim được dịp rãi bày tâm-sự.
c. Kim, Kiều gần bó nhau, trao đổi của tin.
11. — Kiều sang chơi nhà Kim Trọng.
a. Kiều, nhân cả nhà về quê ngoại, ra vườn hoa gặp Kim mời sang chơi.
b. Kiều đề thơ vào tranh Tùng của Kim Trọng vẽ.
c. Hai người đang trò-truyện thì đã chiều rồi, Kiều về.
12. — Kiều lại sang chơi nhà Kim Trọng.
a. Kiều về, được tin cha mẹ hôm sau mới về, lại sang nhà Kim thì Kim đã tựa án ngủ.
b. Hai người làm tờ, cắt tóc thề nguyện.
c. Kiều gầy đầu cho Kim nghe (tả tiếng đàn bạc-mệnh).
d. Vội chỉ liễu ép hoa nài ? Còn thân ắt hầu đèn bởi có khi...

V

13. — Kim được tin chú chết, về Liêu-dương hộ tang.
a. Kim được tin chú chết sang tự-tĩnh với Kiều.
b. Hai người từ-biệt và gần-bó cùng nhau.
c. Kim lên đường (tả tình, tả cảnh).

HỘI THỨ HAI

Vương-ông mắc nạn, Kiều bán mình

1. — Vương-ông mắc nạn.
a. Kiều về đến nhà thì cha mẹ anh em cũng vừa về.
b. Bỗng sai - nha đến trối Vương-ông và Vương-Quan (tả cách tàn-nhân của sai-nha).
c. Oan này chỉ có kêu trời nhưng xa!...
2. — Bên tình, bên hiếu....
a. Kiều quyết bán mình chuộc cha.
b. Chung-Công hứa nếu có 300 lượng bạc thì giúp cho xong việc.
3. — Kiều bán mình.
a. Mỗi đưa Mã-Giám-Sinh đến mua (dung-mạo Mã-Sinh).
b. Kiều ra cho khách xem mặt (tả tình).
c. Khách mặc-cả song định ngày vu-quí.
4. — Lễ-tam đã đặt, tụng-kỳ cũng xong...

- a. Vương-ông được tạm tha, thương con toan tự-tử.
 b. Kiều khuyên can cha.
 c. Vàng trao, tờ ký; lễ dâng, kiện xong.
 5. — Kiều nặng tình Kim Trọng, dẫu em thay lời.
 a. Việc nhà xong, Kiều mới nghĩ đến mối tình: dầu trong trắng đĩa, lộ trần thắm khăn...
 b. Vào tỉnh giấc hồi Kiều nói rõ chuyện riêng, cây em thay chị.
 c. Kiều ngất đi, cả nhà tập-đập. Bấy giờ Vương-ông, Vương-bà mới biết chuyện.
 6. — Mã-Sinh đem Kiều về nhà trọ.
 a. Kiều hoa đến đón Kiều (tả tình, tả cảnh), trước khi đi Kiều giấu vào ché khăn một con dao.
 b. Mã-Sinh đi mua Kiều cho Tú-Bà làm chủ Thanh-lâu chứ không phải là lấy Kiều làm vợ lẽ.
 c. Mã-Sinh nước trước bề hoa...
 d. Kiều toan tự-tử, nhưng sợ lụy đến hai thân, lại thôi...
 7. — Kiều từ-biệt cha mẹ về Lâm-chi.
 a. Vương-ông bày tiệc tiễn-hành.
 b. Mẹ con khóc biệt.
 c. Cảnh đi đường.

HỒI THỨ BA

Kiều ở Thanh-lâu

I

Kiều chưa phải ra tiếp khách

1. — Kiều mắc tay Tú-Bà.
 a. Mụ Tú-Bà ra đón Kiều (dung-mạo Tú-Bà)
 b. Tả cảnh nhà Thanh-lâu.
 c. Mụ bảo Kiều lay thần mây trắng.
 2. — Kiều tự-vẫn.
 a. Mụ Tú biết Kiều đã chung-cha cùng Mã, phát ghen đánh mắng Kiều.
 b. Kiều tự-vẫn.
 c. Kiều mộng thấy Đạm-Tiên bảo nàng chưa hết trần-duyên.
 3. — Tú-Bà dỗ Kiều, cho khóa xuân kén chồng.
 4. — Kiều ở lầu Ngưng-bích nhớ cha mẹ, nhớ tình-lang (tả cảnh buồn).

II

Kiều phải tiếp khách

5. — Kiều mắc lừa Sở-Khanh.
 a. Kiều ngâm thơ, có người họa lại (dung-mạo Sở-Khanh).
 b. Sở-Khanh tỏ ý muốn tháo cũi cho Kiều.
 c. Kiều viết thư xin Sở giúp, Sở trả lời hẹn ngày giờ.
 d. Sở y hẹn đến.

- c. Sở đưa Kiều lên đi trốn (tả tình, tả cảnh đêm).
 d. Sở-Khanh bỏ Kiều đi mất.
 6. — Tú-Bà bắt Kiều tiếp khách.
 a. Tú-Bà cùng người nhà đuổi bắt Kiều về đánh một trận tàn-nhân.
 b. Kiều xin từ rầy ra tiếp khách, có Mã-Kiều bảo-lĩnh, mụ mới tha.
 c. Mã-Kiều bảo cho Kiều biết Tú-Bà thuê Sở-Khanh 30 lạng để lập mươ-kế.
 d. Sở-Khanh dẫn mặt đến, bị chúng chế cười lại tháo lui.
 7. — Kiều ở lầu-xanh ba năm.
 a. Tú-Bà dạy Kiều tiếp khách.
 b. Tả cảnh tiếp khách của nàng Kiều.
 c. Nhớ cha mẹ, nhớ tình-lang...
 d. Tác-giả nghĩ thương người trong hội đoạn-tràng.

HỒI THỨ TƯ

Dăm chua lại tội bằng ba lửa nóng !

I

Kiều với Thúc-sinh

1. — Thúc-sinh.
 a. Thúc-sinh đến lầu-xanh gặp Kiều lần thứ nhất.
 b. Thúc-sinh miệt-mai trong cuộc truy-hoan.
 c. Thúc đến gặp Kiều tắm, đọc thơ vịnh.
 d. Thúc hỏi cỗi-rễ nàng Kiều, đề tình cuộc trăm năm.
 e. Kiều đem lễ phải trái can Thúc-sinh.
 f. Nhưng ý Thúc-sinh đã quyết, tìm cách chuộc Kiều.
 2. — Thúc-ông đi thừa.
 a. Thúc-ông biết chuyện toan đuổi Kiều về lầu-xanh. Thúc hết lời năn-nỉ.
 b. Thúc-ông kêu quan, quan truyền đánh Kiều rồi đuổi về lầu-xanh.
 c. Phủ-đường thoảng nghe Thúc phân-nân cho Kiều, gan hồi cho biết tình.
 d. Quan thử tại Kiều, lấy làm khen-ngợi, khuyên can Thúc-ông rồi cho kiện hoa rước Kiều về.
 3. — Kiều bảo Thúc-sinh về thăm nhà.
 a. Kiều ở với Thúc-sinh ít lâu, khuyên Thúc về thăm nhà.
 b. Hai người từ-biệt nhau, Kiều dặn về nói việc lấy tiền-tính cho vợ cả biết.
 c. Kể đi người ở (tả tình, tả cảnh).

II

Mưu sâu của vợ Thúc

4. — Hoạn-thư.
 a. Hoạn-thư con quan, tay đánh-thép.

b. Hoạn biết chồng có vợ riêng, nhưng vẫn nói cười như không.

c. Có kẻ mách đề tâu-công, Hoạn ra oai đánh mắng.

5. — Thúc-sinh về đến nhà nghe thấy êm, nên chuyện riêng vẫn giấu kín.

6. — Mưu sâu của Hoạn-thư.

a. Hoạn giục Thúc về Lâm-chi sớm tối hầu Thúc-ông.

b. Hoạn về ninh-gia, xin Hoạn phu-nhân giúp cho đắc-kế.

c. Tình-cảnh Kiều song the chiếc bóng.

d. Khuyển, Ưng đang đem áp lại bắt Kiều đi, đốt nhà quăng thây vô-chủ vào đồng lửa.

đ. Thúc-ông sai gia-nhân chữa cháy, tưởng Kiều chết.

e. Thúc đến nơi vật mình khóc.

g. Thúc mượn tay phù-thủy tìm Kiều.

h. Hoạn phu-nhân bắt Kiều làm con hầu.

III

Máu ghen la đời

7. — Kiều vào tay Hoạn-thư.

a. Hoạn về ninh-gia, phu-nhân cho Kiều theo về hầu hạ.

b. Hoạn thấy Kiều tài-sắc nết-na có ý đẹp oai ít nhiều.

c. Kiều nhĩ đến Thúc-lang, đến quê nhà mà luống đau lòng.

8. — Thúc-sinh về không dám nhận Kiều.

a. Thúc thương nhớ Kiều.

b. Thúc về nhà, Hoạn truyền Kiều ra lạy mừng.

c. Vợ chồng Thúc uống rượu, Hoạn bắt Kiều hầu rượu.

d. Hoạn bắt Kiều gầy đàn.

e. Đêm hôm ấy, Kiều một mình than khóc, nghĩ đến cách ghen la đời mà sợ.

9. — Thúy-Kiều xuất-gia.

a. Kiều dâng tờ thân-cung xin xuất-gia.

b. Hoạn-thư xem tờ động lòng thương, cho ra giữ Quan-âm-các.

c. Kiều ra giữ Quan-âm-các.

10. — Thúc-sinh lêu ra tự-tình với Kiều.

a. Nhân vợ về ninh-gia, Thúc lên ra tự-tình với Kiều.

b. Kiều nhờ Thúc giúp cho đi trốn.

c. Hai bên đương trò-truyện thì Hoạn-thư bước vào, cười cười nói nói đầu đầu...

1. — Kiều đi trốn.

a. Kiều hỏi hoa-tý, biết Hoạn-thư đến đã lâu.

b. Kiều lấy chuông vàng khánh bạc đang đem đi trốn.

HỒI THỨ NĂM

Mắc lầu-xanh lần thứ hai

Thúy-Kiều gặp Từ Hải

I

1. — Kiều nương cửa Phật.

a. Kiều đi mỗi đến sáng tới chùa « Chiêu-ân ».

b. Kiều nói dối Giác-Duyên được nương cửa Phật.

c. Cảnh ở chùa của Kiều.

II

2. — Kiều mắc lừa Bạc-Bà.

a. Có người nhậu được chuông khánh của nhà Hoạn.

b. Giác-Duyên rõ chuyện phải tạm cho Kiều sang trú chân bên nhà họ Bạc.

c. Bạc-Bà dọa, ép Kiều lấy cháu là Bạc-Hạnh.

d. Bạc-Hạnh cưới Kiều về châu Thai.

e. Lại gặp thần mây trắng !

f. Tác-giả nghĩ thương người má hồng phận bạc.

3. — Kiều gặp Từ Hải.

a. Từ Hải sang chơi lầu-xanh (tả hình-dung).

b. Đôi bên ý-hợp tâm-đầu.

c. Kiều đẹp duyên với Từ Hải.

4. — Từ Hải đắc-thế.

a. Từ Hải biệt Kiều đi khởi-nghe.

b. Kiều ở nhà một mình (tả tình: Kiều nhớ nhà, tưởng cố-nhân, mong Từ Hải).

c. Từ cho quan-quân về đón Kiều.

d. Vinh-hoa bỏ lúc phong-trần...

5. — Kiều báo-ân, báo-oán.

a. Kiều ngộ ý muốn đền ân trả oán.

b. Từ sai đi mời... đi bắt...

c. Trường-hùm mở giữa quân-trung (tả cảnh).

d. Báo ân (Thúc-sinh, Giác-Duyên).

đ. Báo oán (Hoạn-thư khéo nói được tha Mã, Tú, Bạc-Hạnh, Khuyển, Ưng bị chém).

e. Giác-Duyên biệt Kiều, nói sau này có khi gặp nhau.

g. Kiều tạ-ân Từ Hải.

6. — Năm năm hùng-cử một phương hải-tân...

III

Hồ Tôn-Hiến

7. — Hồ Tôn-Hiến lừa Thúy-Kiều.

a. Hồ-công một mặt thuyết-hàng, một mặt ngầm lể lót Thúy-Kiều.

b. Từ Hải chưa quyết (tâm-lý Từ).

c. Kiều thật dạ tin người (tâm-lý Kiều).

d. Kiều khuyên chồng ra hàng, Từ y lời.

8. — Từ Hải mắc lừa.

a. Hồ-công thừa kỳ bất-ý, kéo đại-quân sang đánh.

b. Từ Hải chết đứng.

c. Kiều khóc chồng.

d. Kiều xin chôn cất cho chồng tử-tế.

9. Hồ ép Kiều lấy Thở-quan.

a. Tiệc hạ-công, Hồ bắt Kiều thi-yến.

b. Hồ bắt Kiều gảy đàn (tiếng đàn bạc-mệnh).

c. Quà say, Hồ giở trò trăng gió...

d. Hôm sau Hồ sợ người ta dị-nghị, ép Kiều lấy Thở-quan.

e. Kiều hoa rước Kiều xuống thuyền.

HỒI THỨ SÁU

Một nhà đoàn-tụ

I

Sông Tiền-đường

1. — Kiều từ-vãn sông Tiền-đường.

a. Kiều đau lòng khôn xiết kể.

b. Hồi biết sông Tiền-đường, nhớ lời thần-mộng.

c. Kiều gieo mình xuống nước

2. — Giác-Duyên gặp Tam-Hợp, nói chuyện Kiều.

a. Giác-Duyên đi vãn-du, gặp Tam-Hợp.

b. Tam-Hợp nói chuyện Kiều.

c. Tam-Hợp bảo Giác-Duyên thả bè đón Kiều bên sông Tiền-đường.

3. — Giác-Duyên đón vớt được Kiều.

a. Đón thuyền chực bến, kết chài giăng sông.

b. Giác-Duyên vớt được Kiều (Kiều lại mộng thấy Đạm-Tiên).

c. Giác-Duyên rước Kiều về thảo-lư.

II

Kim Trọng

4. — Kim Trọng hộ-tang xong, sang vườn Thúy.

a. Kim Trọng sang vườn Thúy.

b. Tả cảnh vườn Thúy.

c. Kim hỏi thăm.

d. Kim đến nhà Vương (tả cảnh).

e. Vương-ông nói chuyện Kiều. Kim vật mình than khóc.

f. Vương-ông khuyên giải, Kim từ-tạ về.

5. — Kim sai người đi tìm Kiều.

a. Kim rước cha mẹ Kiều về phụng-dưỡng.

b. Kim cất người đi tìm Kiều.

c. Tìm đâu cũng không thấy, Kim thăm-thiết vô-cùng.

6. — Tợ chị duyên em.

a. Cha mẹ Kiều lo sợ, cưới Vân cho Kim.

b. Kim vẫn mơ-tưởng Kiều.

7. — Bước thanh-vân.

a. Kim, Vương cùng thi đỗ, làm quan.

b. Kim càng thương tưởng Kiều.

c. Kim ra ngoài-chậm Lâm-chị.

8. — Hồi được tin Kiều đã từ-vãn.

a. Kim hỏi thăm họ Đỗ, là kẻ lại già.

b. Kim hỏi thăm Thúc-lang mới biết được đến chỗ báo-án, báo-oán.

c. Kim càng thương xót Kiều.

d. Kim, Vương đều cải-nhâm, cùng đường phó quan, được tin Kiều từ-vãn sông Tiền rồi.

III

Tái-hợp

9. — Kim Trọng gặp Giác-Duyên.

a. Kim lập đàn giải-oan cho Kiều ở bên sông.

b. Giác-Duyên đi qua kinh-ngạc vào hồi...

c. Ai nấy mừng rỡ.

10. — Kim Trọng tìm thấy Kiều.

a. Giác-Duyên đưa cả nhà đến với Kiều.

b. Mừng mừng tủi tủi...

c. Kiều xin ở lại tu-hành.

d. Cả nhà khuyên Kiều về, Kiều phải vâng theo.

11. — Kim Trọng lại lấy Kiều.

a. Trong tiệc đoàn-viên, Vân xin Kim, Kiều xe tơ kết tóc.

b. Kiều gát di.

c. Kim nói hết điều, ông bà Vương cũng khuyên Kiều phải thuận.

d. Khi động-phòng: lộ là chân gối mới ra sát cầm...

e. Tiếng đàn ngày xưa.

f. Cảnh đoàn-viên của Kim, Kiều sau này.

ĐOẠN KẾT CỦA TÁC-GIẢ

II

Xét về toàn-thể văn-chương

Tiêu-thuyết là hình-ảnh cuộc đời, mà đời người là một cuộc chiến-đấu kịch-liệt của người đời với vận-mệnh. Trong cuộc chiến-đấu ấy, cũng có một đôi khi người đời thắng được vận-mệnh, nhưng phần thua là phần nhiều; thế mà con tạo khắt-khe, người thắng được vận-mệnh, lại thường là những kẻ bất-tài, may gặp vận đỏ; kẻ có tài hết sức bình-sinh dễ quyết-chiến với vận-mệnh thì lại thường bị thua! Trong cái ngược-cảnh ấy thời người có chút thương-tâm đối với nhân-loại cảm sao cho được hai hàng nước mắt? Cụ Nguyễn Du cũng chỉ vì đối với cái náo-cảnh chung của nhân-loại ấy,

tâm thương-tâm lai-lãng bồi-hồi, viết nên bộ tiểu-thuyết bằng văn vần là truyện Kim-Vân-Kiều vậy. Ngay đầu truyện cụ đã nói:

Trăm năm trong cõi người ta,

Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau!

Trải qua một cuộc bể dâu,

Những điều trông thấy mà đau-dớn lòng.

Nhưng trong bao nhiêu cảnh ngộ-nùng của cuộc đời, thời cụ cho cái cảnh khách má-hồng bị Hóa-công ngược-dãi là đáng thương hơn cả. Nên người chủ-động trong truyện Kiều là một người con gái tuyệt-sắc giai-nhau mà chủ-não câu truyện là tình bị hi-sinh cho hiếu.

Tiểu-thuyết là truyện bịa-dặt ra, cốt khiến cho người đọc vui lòng hứng trí, nhưng nếu muốn cho truyện được nhất-tri, nghĩa là truyện là một truyện chứ không phải nhiều truyện hợp nên, thời cần nhất là phải có chủ-não nhất-định, bao nhiêu sự hành-động của nhân-vật, bao nhiêu tình-tiết trong truyện đều quay đầu cả về chủ-não ấy. Nếu có một người nào, một việc nào không quan-thiết đến chủ-não đó, thời là thừa vậy. Đọc một bộ tiểu-thuyết của Tàu hay của ta, thường nhận được rằng không phải là một truyện mà là nhiều truyện hợp nên, hoặc là một truyện chính mà có rất nhiều truyện lật-vật không quan-thiết gì đến chủ-não truyện chính, cái đó là vì tác-giả trước khi kết-cấu không định trước chủ-não vậy. Còn một lẽ nữa là cách kết-cấu của ta bằng-phẳng quá, nhà làm truyện nào cũng muốn kể cho có đầu có đuôi, ví như kể lai-lịch cả từ ông chỉ cha, từ bé chỉ lớn, mà thường khi những việc đó không quan-hệ gì đến chủ-ý câu truyện cả.

Cái đặc-sắc của truyện Kiều là có chủ-não, là bao nhiêu việc đều quay

về cái chủ-não ấy cả. Chủ-não đã là chữ tình làm hi-sinh cho chữ hiếu thời bao nhiêu việc trước sau chỗ hi-sinh đó đều là những việc khiến cho đọc - giả ai cũng phải hết lòng thương người vì hiếu quên tình, mà đến cả chỗ kết-cục đoàn-viên cũng là thuộc về chủ-não truyện Kiều, vì Kim Kiều được đoàn-tụ há chủ phải là cái phần thưởng đích - đáng cho người hiếu-nữ ư? Giả-sử truyện Kiều về tay một nhà tiểu-thuyết khác bên ta soạn, thời tất đã có lắm đoạn ruộm-rà vô-ích, ví như trước khi sinh chị em Kiều, bố mẹ Kiều mộng thấy những gì, Kiều tự lúc bé ra làm sao; chàng Kim là con ông nào, bà nào, nhà cửa làm sao, vì duyên-có nào mà đi chơi hội Đạp-thanh, v.v.. Cụ Nguyễn Du thời tả qua tài-sắc hai Kiều, rồi nói ngay đến chỗ gặp Kim Trọng trong tiết Thanh-minh, nghĩa là cụ không tả một đời nàng Kiều từ bé đến lớn mà cụ chỉ tả một quãng đời nàng vào độ 15, 16 năm quan-hệ đến chỗ tình hi-sinh cho hiếu mà thôi. Giả-sử cụ Nguyễn Du bắt đầu tả cảnh hội Đạp-thanh đến chỗ chị em Kiều thơ-thần ra về rồi hãy nói đến tài-sắc hai Kiều thì cách kết-cấu truyện Kiều giống hệt lối Tây. Cốt-cách truyện Kiều thật tâm-thường, thế mà chỗ thất, chỗ gỡ, chỗ chuyển tự-nhiên mà khéo quá, khiến cho người đọc có hứng-thú, ham mê đọc mãi cho đến cùng; cái tài làm tiểu-thuyết của cụ thực ngang với những tay cự-phách trong tiểu-thuyết-giới các nước đại-văn-hiến của hoàn-cầu vậy.

Nay ta thử xét xem cụ Nguyễn Du có cái bí-thuật gì mà khiến được cho ai đọc truyện Kiều cũng có hứng-thú, cũng thích, cũng mê như vậy. Xét ra cho kỹ, ngoài cái bút-pháp khác thường của cụ, ngoài cái tài thuật truyện, ngoài cái khéo tả người, tả cảnh, tả tình, tả tâm - lý, cụ còn có một cái bí-thuật

là cho cái *hưng-vị* tăng-tiến từ đầu cho đến cuối truyện vậy. Cái thuật ấy rất khó mà rất quan-trọng cho nhà làm tiểu-thuyết, nua soạn kịch. Phàm tiểu-thuyết, kịch-bản hay, tất cái *hưng-vị* phải lần-lần tăng-tiến từ đầu cho chí cuối, sự hành-dộng cũng lần-lần nở nang ra, mỗi đoạn phải dậm-dà hơn đoạn trước, những việc vặt của câu truyện phải *gìn-giữ cái hưng-vị* ấy, không bao giờ nên bảo trước cho độc-giả những việc sau, phải khiến cho độc-giả không thể đoán được truyện sau ra làm sao mà có khi đọc đến đoạn kết-cục phải ngạc-nhiên mà sinh cảm. Kim Kiều tình-cờ gặp nhau, đến lúc gần-bó nhau vừa chặt, thì phải rời nhau, vừa rời nhau thì phải vì cha bán mình, thành ra tan-nát cuộc nhân-duyên mà tấm thân nghìn vàng của người tài-nữ thành ra lênh-dênh như cánh bèo mặt nước. Độc-giả trước khi đọc đến chỗ khất-khe đó, ai mà đoán được? Đọc đến đó ai không giật mình, thương người hiếu-nữ mà lo cho cái thân-thể mai sau không biết ra thế nào? Đoạn nhà Kiều sinh biến thực là một mảnh kịch rất khéo, tác-giả đã dự-bị từ trước mà độc-giả thì không thể ngờ được, nên đoạn đó cảm-xúc người ta rất mạnh. Có việc nhà làm văn bỏ lửng cho độc-giả phải mong-mỏi, độc-giả càng mong-mỏi thì câu truyện càng có *hưng - thú*. Ví dụ như trong truyện *Kiều*, từ lúc nhà Kiều gặp biến trở đi, trải mười-lăm năm ròng-rã, nàng Kiều gặp biết bao nỗi khổ tình thương, độc-giả tất mong cho biết Kim Trọng thế nào. Kim có trở lại vườn Thúy không? Kim biết chuyện Kiều thì cử-dộng ra làm sao? v. v. . Cụ Nguyễn Du cũng biết vậy, nhưng cứ để cho mong, bỏ bẵng đi trong hai phần truyện không nói đến chàng Kim chút nào cả. Đến mãi hồi cuối cùng, Kiều đã trải hết kiếp đoạn-tràng, được Giác - Duyên cứu vớt, cụ mới kể đến truyện chàng

Kim. Ai xem truyện cũng mong-mỏi bồn-khoăn, không biết Kim tìm Kiều có thấy không, cụ cũng biết vậy, không những cụ không cho được thỏa ngay, cụ lại cố làm cho mong-mỏi bồn-khoăn hơn nữa. Bởi vậy Kim tìm khắp nơi mà tìm không thấy, phải đành kết-duyên với Vân mà vẫn thường tưởng Kiều; sau thi đỗ làm quan cũng không quên Kiều, dò-la tin-tức mãi mà cũng không biết là Kiều ở đâu, đến khi được tin Kiều tự-tử rồi mới tuyệt-vọng, lập đàn giải-oan cho Kiều, bấy giờ cụ mới cho Kim Kiều gặp nhau.

Cái cách bỏ lửng việc để thêm *hưng-vị* cho câu truyện, các nhà tiểu-thuyết, nhà soạn kịch đều có lợi-dụng, nhưng nếu dùng sai hoặc lạm-dụng thời hay lại thành ra dở. Cái *hưng-vị* câu truyện đang đi mà làm đứt đoạn nó, thì mất thú-vị, như sự hành-dộng đang liên-tiếp mà ngắt ra để chêm đoạn tả-cảnh vào thì vô-lý quá, vì bấy giờ các vai trong truyện đang hoạt-dộng còn búng nào mà để ý được đến ngoại-cảnh. Bởi vậy cho nên trong tiểu-thuyết chỉ nên tả-cảnh vào nơi nghỉ mà thôi, vào nơi chính những người đương-cục để tâm vào ngoại-cảnh. Ta có ý xét thì nhận được rằng những bức cảnh trong truyện *Kiều* rất nhiều mà không bức nào làm ngắt mất câu truyện, mà lúc nào cũng hợp với tâm-lý của người trong truyện.

Nói tóm lại thời cái bi - thuật của cụ Nguyễn Du là bao nhiêu nguyên-tố của sự hành-dộng, bao nhiêu cảnh-ngó, bao nhiêu việc-vật, bao nhiêu tình-tình... đều liên-tiếp, ràng-buộc nhau, ảnh-hưởng lẫn nhau, một cách rất tự-nhiên, mà đến cái *hưng-vị* câu truyện thời dự-bị sẵn, giữ-gìn khéo, có khi bỏ lửng-lơ, có khi cho đột-ngột, chủ-dịch làm cho cái *hưng-vị* ấy từ đầu chí cuối truyện cứ tuần-tự mà tăng-tiến vậy.

Người Pháp thường chê ta một câu rằng: « Về phương - diện mỹ-thuật bình như người Việt-Nam không có những sự hoà-hảo to-tát (1) ». Văn-chương cũng là một môn mỹ-thuật, chẳng hay lời phán-đoán trên kia có can-thiệp đến chăng? Xét ra thì quả là có; cứ bình - tĩnh mà nói thì người mình tính-cách yếu-ớt nên bao nhiêu công-trình làm nên được, dù về âm-nhạc, dù về văn-chương hay nghệ-thuật cũng kém mất cái vẻ hùng-hồn, tráng-lệ . . . Xây cái dinh thì không chú-ý đến bình-dáng nó mà chỉ cốt tìm ở chỗ chạm-lọng, ở tấm cửa bức-bàn, ở cái mái đao với chỗ lưỡng long chầu nguyệt, v. v. . . Làm một bài văn thì không chú ở chỗ bố-cục cho khéo, tư-tưởng cho cao-xa, mà chỉ cốt ở chỗ lời văn tỉ-tốt cho câu nọ đối với câu kia, chữ kia có màu với chữ nọ. . . Đã đành rằng chạm lọng khéo là đẹp, gọt giũa kỹ là hay, nhưng cái đẹp cái hay ấy là cái đẹp cái hay nhỏ-nhất; nếu dinh xây có được dáng, văn bố-cục có được khéo, thì cái hay cái đẹp nhỏ-nhất kia mới có giá-trị.

Theo cái quan - niệm về thơ của người Tây, thì ở nước ta thấy rất nhiều *thơ thơ* mà *thi-nhân* có rất ít. Chỉ có lời văn đẹp, không đủ gọi là thơ, như thể mới đủ gọi là *văn có văn*. Nhà thi-sĩ là người trông cái vẻ nên thơ của tạo-vật biết sinh cảm, sinh tình, là người nặng đeo những tấm tình cao-quí của loài người, khi cao-hứng bề lòng rần-rụa, cầm không được, lai-láng ra lời văn: văn tự-nhiên mà nên văn như thể, văn chứa-chanh tình-tử như thể mới là *thơ*, văn ấy dù có văn hay không, cũng có thể gọi là *thơ* được, mà người làm

được những áng văn tự-nhiên ấy đều được tôn làm bậc thi-nhân. Cụ Nguyễn Du thực là một bậc thi-nhân đại-gia, không những cụ biết cảm vì tạo-vật, mà cụ lại hiểu thấu tạo - vật, không những cụ biết ngẫm người đời trong tạo-vật mà cụ đứng trước tạo-vật lại còn nghe thấu được cái điệu đàn trong ai-oán thiết - tha tâm - hồn người đời nữa.

Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu?

Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ!

Cụ rất mến cảnh thiên - nhiên, nên văn cụ có rất nhiều chỗ tả-cảnh, có khi cụ đứng bước trên díp cầu nhỏ bắc ngang cuối ghềnh, ngẫm dòng nước nao-nao cuốn quanh như khúc rần, hoặc bên nằm đất sè-sè ở bên đường, ngọn cỏ rầu-rầu, xanh vàng pha lộn. Có khi cụ đứng trên đám cỏ xanh, nhìn cảnh cây lê lốm-đốm một vài bông hoa trắng, hoặc bên thư-phòng ngẫm gương nga chênh-chếch, ánh sáng soi xuống nước, như có châu ném vàng gieo. . .

Đến thơ cụ Nguyễn Du viết thì hay quá: khi lên bổng, khi xuống trầm, êm-dềm vui - vẻ; khi mơn-man như ngọn cỏ, khi cuộn - cuộn như nước sóng; khi nhẹ - nhàng như cành trúc mùa xuân, khi nặng-nề như trời đông mưa gió; khiến nên những bạo tri-âm của truyện *Kiều* đã công - nhận truyện *Kiều* là một khúc đàn tuyệt-diệu. Mà thực là một khúc đàn tuyệt-diệu, một khúc đàn hàm biết bao nhiêu là tình-tình man-mác, khi vui vẻ êm-dềm, khiến cho lòng người hờn-hở nhẹ-nhàng, khi nỉ-non áo-não, khiến cho mặt người ngơ-ngầu ngẩn-ngơ; khi gay-gắt, khiến người nghe nghiêng rặng cần lợi, khi thiết-tha ai-oán, khiến cho ai cũng cau mày rí

(1) « En matière d'art, les Annamites, semble-t-il, n'ont jamais de vastes desseins » (Cadière, *L'Art à Hué*)

luyện. Truyện Kiều thực là một cây đàn tuyệt qui không phím không giây, tác giả lấy đầu lưỡi mà nẩy nên tiếng, mỗi đoạn văn là một cung, mỗi câu văn là một điệu, mỗi chữ là một tay nẩy nỉnon thánh-thót, réo-rắt tiêu-tao, dêm khuya canh tĩnh mà nghe người tốt

giọng ngâm Kiều thì còn đàn nào hay bằng nữa.

Cụ Nguyễn Du không phải là nhà thi-sĩ, cụ chính là Toàn Thơ vậy.

(Còn nữa)

Vũ ĐÌNH-LONG

BẢN VỀ LỊCH-SỬ NƯỚC TÀU (1)

II

NÓI VỀ VĂN - HÓA

(Tiếp theo)

Đến hồi Tống-sơ, cũng có ý trọng về đạo-dức. Nhưng cái trào-lưu văn-chương đã cao lên đến mấy trăm độ rồi, ít có người chịu bỏ cơm thịt mà ăn cơm rau, bỏ đồ tơ mà mặc đồ vải. Cho nên các nhà văn-hào nhà Tống như cha con ông Tô Đông-Pha 蘇東坡, ông Tăng Tử-Cổ 曾子固, ông Âu-Dương-Tu 歐陽修, ông Mai Nghiêu-Thần 梅堯臣, ông Hoàng Sơn-Cốc 黃山谷, các nhà lại càng gia-tinh-thần-lâm. Trong phái văn-hào nhà Tống bấy giờ, lại có một người vu-khoát cao-kỳ và rất quả-cảm nữa, là Vương An-Thạch 王安石, cũng có chí muốn đem kinh-thuật ra mà sửa-sang thế-vụ, được vua Thần-tôn tin-dùng đem bao nhiêu chức-độ ở hiện-thời, từ dân-chính cho đến học-chính, bất-luận hay dở lợi-hại thế nào, biến-đổi sạch cả đi, để bất-chước tiên-vương. Nhưng lạ gì Vương An-Thạch nguyên là một nhà học-cửu, chấp-nệ xuyên-tạc, phụ-hội nghĩa Kinh, không

có học-thuật gì thâm-trầm, không có chính-sách gì khôn-khéo, không biết chăm-chước lấy thời-cơ, làm cho thiên-hạ phải ngao-ngán về táu-pháp. Gia-dĩ ông ta lại là người kém cái đức-tinh quảng-đại cao-minh, không xét đến những người phản-đối mà chỉ biết tra những kẻ a-dua; thành ra cái đảng Vương An-Thạch ở đời bấy giờ, rất là một đảng tiểu-nhân. Rồi kết-quả thành ra một người có tội với quốc-dân, mà lại có tội cả với tiên-vương nữa.

Kể lưu-tâm về thời-vụ đối với lịch-sử Vương An-Thạch cũng nên có cảm-tưởng một đôi điều. Một là người quân-tử khi đối với cuộc đời, có điều giúp nhau, hoặc cũng có điều phải phản-đối nhau; giúp đó là giúp đời, không phải là giúp thân; phản-đối đó là phản-đối những sự trái đời, không phải là phản-đối người tri-kỷ; càng tri-kỷ bao nhiêu, thì lại càng tỏ hết được những điều lợi-hại và cái nghĩa giúp nhau bấy nhiêu, kỳ-thực cũng không phải là phản-đối. Tiểu-nhân thì không thể, chỉ

(1) Xem N. P. số 80.

nhất-vị a-dua mà thôi, cái món lợi mà quan-hệ với nhau thì là ruột-thịt, hễ cái món lợi mà xô-xát với nhau thì lại là cừu-thù. Cho nên phạm kiến-lập công - cuộc gì ở đời, hễ có lắm kẻ a-dua tham-dự vào, thì công-cuộc ấy tất hỏng. Hai là người quân-tử đối với cuộc-dời, phải có cái học-vấn thâm-trầm, lại phải có cái thủ-doạn hoạt-bát, chứ khả-tiểu nhất là bác đồ gàn. Như Vương An-Thạch há không phải là một bác đồ gàn dư?

Giữa hồi nhà Bắc-Tống, cho đến nhà Nam-Tống, xuống mãi nhà Nguyên, Khoảng ba trăm năm, có một phái nữa, là phái đạo - học. Ông Chu Liêm-Khê 周濂溪 là người sáng-thủy. Anh em ông Trình Di 程頤, Trình Hiệu 程顥, và ông Trương Tải 張載, ông Dương Thời 楊時 là người kế-tiếp. Ông Chu-Hi 朱熹 là người tập-đại-thành. Ông Hồ Minh-Trọng 胡明仲, ông Lã Tồ-Khiêm 呂祖謙, ông Thái Nguyên-Định 蔡元定, ông Ngụy Liễu-Ông 魏了翁, ông Hứa Khiêm 許謙, ông Ngô Trùng 吳澄, là người phụ-diễn. Học-thuyết thì lấy Tam-vương Ngũ-dĩ làm tiêu-đề, lấy ông Khổng ông Mạnh làm chuẩn-đích, đem bao nhiêu những thánh-kinh hiền-truyện chú-thích dẫn-giải, kỳ cho thực hoàn-bì tường-minh. Lập-luận thì cho đạo Phật đạo Lão là hư-vô, cho họ Quán họ Thương là giả-ngụy, cho chính-trị nhà Hán nhà Đường là tạp-bá, cho văn-chương họ Tả, họ Mã, họ Lý, họ Đỗ, họ Âu, họ Tô, à chi-diệp hư-văn. Rồi trong học-giới chia hẳn ra có hai đường. Chữ vương với chữ bá, chữ cổ với chữ kim, chữ văn với chữ đạo, chữ thiên với chữ nhân, chữ lý với chữ dục, chữ tinh với chữ khí, chữ tâm với chữ hình, chia hẳn ra đôi đường. Một đường là thiện, một đường là ác, một đường là thị, một đường là phi, một đường là thánh-hiền, một đường

là tục-học, một đường là hữu-công với ngộ-đạo, một đường là hữu-tội với muôn đời. Cái học - thuyết ấy chẳng khác gì cái bàn in bằng định-tự, làm cho tư-tưởng trong cõi học bị áp-chế thúc-phộc mà khô chết đi, không có phần nào là phần hoạt-dộng nữa; so với thầy Mạnh-Kha, há chẳng kém lắm dư? Vả lại, giảng học thì chỉ giảng những nghĩa-lý phiền-toái, tâm-tính điều-mang, chứ cái phương-pháp của tiên-thánh tiên-vương giúp đời cứu dân thế nào, và cái phong-tục cái chế-độ ở hiện-thời hoặc đắc hoặc thất, nên chăm-chước thế nào, cũng nhất-thiết không giảng đến, há chẳng lại trái với phương-pháp cứu đời của thầy Mạnh-Kha lắm dư? Than ôi! các nhà Tống-nho thật là có công với thánh-kinh hiền-truyện, mà không có cái tư-tưởng cao-siêu, thật là có chí với tư-đạo tư-dân, mà không có cái lực-lượng hoạt-dộng; kết-cục lại học-thuyết của Tống-nho không đủ minh được đạo, không đủ cứu được đời, chỉ đề dọn đường sẵn cho con ma bát-cổ 八股 nó đi dấy mà thôi.

Đến đời vua Minh Thái-tổ Thành-tổ khởi lên, quả-nhiên lợi-dụng ngay học-thuyết của Tống-nho, chế ra lối văn-chương bát-cổ. Lối văn - chương bát-cổ thì đặt ra có tám vẻ, phá-dề, thực-dề, khởi-giảng, khai-giảng, trung-cổ, hậu - cổ, kết - cổ, và kết-cú, văn-vân. Trích những câu cách-ngôn ở trong kinh-truyện ra để làm đầu bài, hoặc chuyên - kinh, hoặc kiêm-kinh, hoặc tiết-thượng, hoặc tiết-hạ, bày ra lắm nỗi khó-khẩn; lại nói cho tốt-đẹp cái danh-hiệu bát-cổ ra, thì bảo rằng thế là thay thánh-hiền mà lập-ngôn. Rồi định ra cách-thức khoa-cử, đề lung-lạc thiên-hạ sĩ-phu, bắt học-trò khi vào thi nhất-thiết phải theo Tống-nho học-thuyết mà lập-thuyết, người nào sai nghĩa Tống-nho thì

bị truất-lạc. Người nào trái lời Tống-nho thì chẳng những bị truất-lạc mà thôi, lại cho người ấy là nhà bát-thuật, là phái dị-đoan, mà đặc-tội với danh-giáo nữa. Rồi trong khoa-tràng đã có một cái sáo lâm văn, trong học-đường đã có một cái khuôn giảng-học, đạo ông Nghiêu ông Thuấn ông Chu ông Khổng chẳng qua là cái mồi để câu vinh-hoa phú-quí, sách ông Chu ông Trình ông Trương ông Thái chẳng qua là cái giá để xếp áo mũ đỉnh-chung, mà cái huy-hiệu trạng-nguyên với tiến-sĩ lại chẳng qua là cái nét vàng nét phấn trang-diềm ở bề ngoài, để lừa-nạt người đời. Câu ca nước Nam ta có câu rằng: « Vinh-hoa tựa chốn lâu-đài, phấn vua trang-diềm cho người công-danh ». Chính là tả về cái không-khí đó.

Xét ra lối học của con nhà bát-cổ, chỉ là nhặt lại những cái bã-cặn trong thư-tịch, nhại lại những cái lời-lẽ của thành-hiến mà thôi, chứ đối với tâm-thân, đối với vũ-trụ, không quan-hệ gì cả; tự thừa trái đào cấp sách, cho đến thừa bạc dẫu, chỉ mài-miết về những câu văn mẹo-mực, câu văn lẽ-lối trong cuộc khoa-tràng, không lúc nào kịp lý-hội đến những cái học-thuật cao-thượng nữa. Cho nên trong cái thời-đại bát-cổ, những người đạo-dức như ông Nhan ông Tăng ông Cấp ông Mẫn trong đám Khổng-môn ít thấy xuất-hiện đã đành, thậm-chí những người học-lực như ông Ban ông Mã nhà Hán, những người văn-chương như ông Lý ông Đỗ nhà Đường, ông Âu ông Tô nhà Tống, cũng ít thấy xuất-hiện nữa. Thiên-hạ vô-số là sách, rút lại thành ra không có sách; thiên-hạ vô-số là nho, rút lại thành ra không có nho; đó là hồi đệ-tam Tần Thủy-Hoàng xuất-hiện, mà ông Tần Thủy-Hoàng đệ-tam này, lại càng ghé-góm lắm!

Nhà Minh đã tạo-nhân ra như vậy, há lại không có kết-quả hay sao? Khoảng

ba trăm năm, những địa-vị trọng-yếu, từ biên-trấn cho đến triều-đình, nhan-nhân rất những là con nhà bát-cổ cả; lúc thái-bình vô-sự, thì con nhà bát-cổ thật là cao-qui, thật là tôn-vinh, đối với các hạng người trong xã-hội thật là vô-đối. Đến đời Minh-mạt, có anh Lý Tự-Thành 李自成 khởi lên, xem ra Lý Tự-Thành cũng là một thằng giặc cô đay thối, chỉ vì triều-đình vô-nhân, cho nên trong cơn thăng-thốt, mà giặc đã phá ngay được kinh-thành (Yên-kinh). Khi đó, vua Sùng-trinh hợp quần-thần lại, để bàn cái chính-sách công hay là thủ, thì con nhà bát-cổ nhan-nhân đầy triều, nín như thóc cả, không ai nói ra được điều gì, đành thúc-thủ vô-sách cả. Rồi Lý Tự-Thành nó vào thành, vua Sùng-trinh phải tuấn-nạn, nhà Mãn-Thanh ở Mãn-châu mới thừa-loan tràn sang. Cái kết-quả của con nhà bát-cổ, tưởng cũng đã trông thấy rõ-ràng.

Song, nói ra cho đáng tội, con nhà bát-cổ hồi bấy giờ cũng có hai phái, không phải toàn là hư-hỏng cả đâu. Một phái thì binh-sinh đọc sách thánh-hiến, gặp cơn nguy-loạn, giữ lòng trung-nghĩa, nước mất theo nước, vua chết theo vua, và thương mến cái phong-tục nước mình mà không chịu gióc tóc. Cho nên lúc bấy giờ người thì chịu chết một thân, người thì chịu chết cả họ cả nhà, người thì trốn chạy sang nước láng-diềng, như bọn ông Trịnh Cửu 鄭玖, ông Trần Thượng-Xuyên 陳上川 đem cả vợ con họ-hàng đến mấy trăm người chạy sang nước Nam ta, xin nhập-tịch làm dân, mà Nguyễn-triều ta cho ở xứ Nam-kỳ để khai-khẩn đất mới, chính là hồi đó. Hồi ấy sĩ-phu nhà Minh những người trốn đi không kể, còn những người ở nhà mà chịu lưu-huyết, như bọn ông Sử Khả-Pháp 史可法, cũng kể có đến nghìn người. Than ôi! Con nhà bát-cổ cũng trung với nhà

Minh làm thay! Chỉ vì một nỗi bất-học, cho nên vô-thuật. Chữ cái hạnh con nhà bát-cổ thực cũng nên kính, mà cái tình con nhà bát-cổ thực cũng nên thương!

Còn một phái nữa, thì thật là tiêu-diệt nòi - giống, thật là diêm - nhục thánh-hiền; người thì chạy sang Mãn-thanh làm người hướng-đạo, để rước voi về giày mỗ, như bọn anh Hồng Thừa-Trù 洪承疇; người thì thấy Mãn - Thanh sang, đem dầu ra hàng trước, để bảo-thủ lấy phú-quí, như lũ anh Ngô Mai-Thôn 吳梅材. Tự người khác mà xem ra, thì những hạng người ấy cái giá-trị thực không đáng một đồng tiền, mà lũ ấy vẫn dương-dương tự-đắc. Thậm-chí lại khoe với nhau rằng: « Cái người giết vua ta đó, là kẻ thù ta (trở Lý Tự-Thành); cái người giết kẻ thù của ta đó, lại là vua ta (trở Thanh Thế-tổ). 殺吾君者吾君也。殺吾君者吾君也。 » Ô hay! Con nhà bát-cổ, đọc sách thánh-hiền, mà cũng vô-xỉ thế ư! Xem lịch-sử nước Tàu đến chỗ này, muốn bênh cho con nhà bát-cổ, cũng không có thể bênh được, muốn giấu cho con nhà bát-cổ, cũng không có thể giấu được.

Khen thay nhà Mãn-Thanh khi sang chinh-phục dân-tộc Tàu, lại có một cách quái-quyết lạ đời. Kỳ-thủy những sĩ-phu nhà Minh, anh thì hướng-đạo, anh thì đầu-hàng, đều nhất-luật cho đại-phủ đại-quí cả. Đến sau thiên-hạ bình-tĩnh rồi, mới làm ra một pho truyện, gọi là *Nhị-thần truyện* 貳臣傳, đem bao nhiêu những kẻ Minh-thần làm quan nhà Mãn, liệt ra tính-danh, khoa-thứ, quan-chức ở Minh-triều trước kia hiên-bách thế nào, và đến lúc sang Mãn-triều quan-chức với những sự hành-vi sau này dẽ-tiện thế nào, nhất-nhất làm ra thành truyện rõ-ràng để giễu xấu. Chao ôi! nhà Mãn-Thanh lúc mới, chưa thống-thuộc được dân-tộc Tàu, phải lợi-dụng mấy người gái dĩ và mấy

chú ăn-cắp ở nước Tàu, để làm cái bung-xung, hoặc làm trò múa-dối. Sau lại nghĩ rằng cái giống làm dĩ và ăn-cắp ấy, không thể ương ra mãi được, cho nên phải tìm cách mà tiêu-diệt đi. Đó cũng là cái thủ-đoạn anh-hùng của nhà Mãn-Thanh, mà cũng là cái công-lệ đương-nhiên của nhân-loại vậy.

Sau trong truyện *Nhị-thần* cũng có một người hơi có lương-tâm, nghĩ đến non-nước, nghĩ đến tổ-tiên, nghĩ đến danh-giáo, nghĩ đến bè-bạn, nghĩ đến thân-danh, xấu-hổ quá, ốm ma chết, là bác Tiền-Minh tiến-sĩ, Đại-Thanh tể-tử, Ngô-quân Mai-Thôn. Khi sắp-sửa chết, có làm ra một bài *Tuyệt-mệnh-từ* để gửi lại cho thế-gian. Trong từ có câu rằng: « *Chạnh niềm nhớ bạn cố-tri, kẻ thì liết lạ người thì danh thơm; giận mình chẳng thắc cho cam, sống trong đám cỏ sống thêm nhục nhân! Gớm cho dãi nợ phù-vân, gheo người chỉ lăm mấy lần hợp tan.* 故人慷慨多奇節。悔當初沈吟不決。草間輪活。人世幾圓缺。 » Ô-hô! y-hi! con nhà bát-cổ, cũng có lương-tâm phát-hiện, cũng khi muộn quá!

Nhà Mãn-Thanh lại biết rằng cái hồn-ảnh con ma bát-cổ, có thể lung-lạc được những người thông-minh tài-tuấn ở dân-tộc nước Tàu, sẵn cái khuôn sáo của nhà Minh đó, lại lợi-dụng ngay, đặt lệ dân-tộc Mãn-châu chuyên xuất-thân về nghề vũ, dân-tộc nước Tàu chuyên xuất-thân về nghề văn, rồi cái huy-hiệu trạng-nguyên tiến-sĩ ở triều nhà Mãn, lại có phần rực-rỡ hơn ở triều nhà Minh. Rõ thật ông Tần Thủy-hoàng đệ-tam kia chết đi mà lại sống lại, mà cái phen sống lại này, lại càng hách-dịch lắm! Bấy giờ con nhà bát-cổ vô tay nỏ mặt, mừng-rỡ tái-sinh, nhắm mắt vui dầu, lẫn-lóc phú-quí. Tự dầu năm Khang-hi khai-khoa thủ-sĩ về sau, cho đến cuối

năm Quang-tự chữa biến-pháp về trước, khoảng hai trăm sáu-mươi năm cái phong-trào bát-cổ tiến-bộ đã đạt lên đến cực-diểm. Những sách-vở thuộc về nghề bát-cổ của Tàu bấy giờ, phát-hiện ra đã như rừng, tích-tụ lại đã như núi, lưu-hành ra đã như nước hồng-thủy ; ở phía Á-Đông này, trừ nước Nhật-bản ra, thì cơ dễ có phần ngập lụt hết cả, không xứ nào không. Chính nước Nam ta hai-mươi năm trở về trước, đã từng bị cái nạn nước lụt ấy mà đắm-đuối lây vậy.

Hồi bát-cổ đương thịnh-hành, trong học-giới nước Tàu, trên tự quốc-học, dưới đến hương-học, và phụ-huynh tử-đệ giảng-tập ở trong gia-dinh, trừ những câu mộng-tưởng Đường Ngu, tán-dương Cao Qui, cảnh-ngưỡng Vũ Thang, tôn-sùng Chu Khổng, ngoài ra không còn có câu chuyện gì nữa. Song những câu đó, chẳng qua những câu tạo-phách ở trên tờ giấy mà thôi, kỳ-thực có suy-diễn được mọi phép của Đường Ngu Thang Vũ, phát-minh được mọi lẽ của Chu-công Khổng-tử chút gì đâu. Cái văn-hóa nước Tàu về hồi bấy giờ, kể về phần suy-sút, cũng đã đạt đến cực-diểm.

Khoảng ba bốn mươi năm trước, người Thái-Tây đã có người phàm-bình nước Tàu rằng: " Người Tàu rất quý-trọng văn-ngệ, một khoa văn-chương, để làm một cái đường cho sĩ-phu xuất-thân, phần-sức lễ-văn, khác nào trò nhi-hí ; quán-chủ thì chuyên-chế, hình-phạt thì khốc-liệt, nhân-tâm thế-đạo, càng ngày càng kém, các bề học-thuật đều không bằng đời xưa, kể đi học nham-nhảm đọc sách thánh-hiền, mà chấp-nệ hủ-lậu, vu - khoát kiêu - kỳ, không biết cái nghĩa xả-kỷ tùng - nhân là hay, thật là kẻ có tội với ông Khổng-tử. " Lời ấy thật là một bức tranh truyền-thần ra cái thời-dại hủ-chính-phủ và hủ-nho. Than-ôi! ông Khổng-tử

là một vị thánh-nhân, gây ra nền luân-lý ở phương Đông, đối với thế-giới có tri-âm, mà đối với sĩ-phu trong nước Tàu đời bấy giờ không có hiệu-tử hiên-tôn vậy.

Nhưng xét ra cái phong hủ-bại đó, hẳn qua là lỗi tại các vị đế-vương nước Tàu mượn quyền văn-ngệ để lung-lạc sĩ-phu, mà cũng lỗi tại sĩ-phu nước Tàu tạ-khầu thánh-hiền để mối-cầu phú-quí dấy mà thôi. Chứ xét ra dân-tộc nước Tàu, khai-hóa đã sớm, đến nay kể đã hơn bốn nghìn năm, tiền-đại thánh-hiền có nhiều học-thuyết cao-thượng tinh-vi, nhuần-thấm ở trong tâm-não, phát-đạt ra sự hành-vi đã lâu. Vậy xét trong lịch-sử nước Tàu kể tại triều-dinh thì lấy tri-quân trách-dân làm nghĩa-vụ, kết-tại sơn-dã thường lấy cương-thường đạo-đức mà tự-trọng tự-tôn. Lại những điều thuộc về gia-tộc-luân-lý, lại có lắm điều củng-cố êm-dềm ; trong gia-dinh, nào là cha con, nào là ông cháu, nào là vợ chồng, nào là chú bác, nào là anh em, nào là chị em gái, nào là chị em dâu, thường lấy kính-ai hòa-mục làm qui-tắc, cũng có nhà đến chín đời vẫn đồng-cư với nhau, không hề có phân-tài phân-sản, chia cửa chia nhà, như nhà ông Trần Canh 陳競 đời Tống, ông Trương Công-Nghệ 張公藝 đời Đường, thật là đáng khen đáng mộ. Lại sự nữ-học ở nước Tàu, xưa kia tuy chữa thịnh-vượng, nhưng người nào đã biết chữ, thì phần nhiều thấy những người thật hay chữ, tài-hoa phong-nhã, mà phẩm-bạn lại càng cao, như Thái Văn - Cơ 蔡文姬, như Tô Tử-Muội 蘇子妹 các nàng, trong lịch-sử Tàu thường thấy có. Và như nàng dâu hiếu với mẹ chồng, mẹ khuyên con trung với vua chúa ; người đàn bà gặp cơn nguy-nạn chết theo chồng, con nhà khuê-các, cố giữ lấy trinh-tiết, dù chết cũng cam, không chịu đeo dơ bản ; xét trong lịch-sử Tàu thì những điều đó,

dân-bà Tàu thật là số-trông. Lại như cái nghĩa thầy-trò thì lại càng khả quí lắm ! Câu cách-ngôn của tiên-triết Tàu có câu rằng : « *Sư đạo tôn, tắc thiện nhân đa.* 師道尊。則善人多。 » Nghĩa là cái đạo làm thầy có tôn-nghiêm, thì người hay mới sinh ra nhiều. Cho nên kẻ làm thầy thường luyện - tập và giữ-gìn lấy tư-cách mình, từ học-thuật cho đến đạo-đức, đủ làm phép cho học - trò. Mà kẻ làm học - trò cũng nhất-sinh tôn-tín cái học-thuyết của thầy, sở - đắc chút nào, lại đem phụ-diễn cho người, hoặc đem khuông-thời cứu-thế, để mong lấy hiền được cái đạo của thầy ra ; thầy trò đối với nhau, đều có cái nghĩa-vụ đương-nhiên. Về đời thượng - cổ, thì như bọn thầy trò ông Khổng - tử 孔子 ; về đời trung - cổ thì như bọn thầy trò ông Vương Thông 王通 và thầy trò ông Trình Minh Đạo 程明道 ; về hồi cận - đại thì như bọn thầy trò ông Tăng Quốc-Phiên 曾國藩 ; cái bọn thầy trò ở nước Tàu, thực là có ảnh-hưởng với lịch-sử lắm ! Nước Tàu từ xưa đến nay, cái nghĩa thầy trò lại thực là rất có quan-hệ với luân-lý trong nhân-quần. Vì tiên-triết nước Tàu có câu rằng : « *Dân sinh hữu tam, sự chi như nhất.* 民生有三。事之如一。 » Nghĩa là con người ta sinh ra ở đời, có ba điều trọng nhất. Một là cha đẻ ra mình. Hai là vua thay trời trị nước cho mình. Ba là thầy dạy mình. Không có cha thì ai đẻ ra mình, không có chủ-quyền thì nước loạn, không có thầy dạy bảo thì sao khôn. Cho nên đối với cha, đối với vua, đối với thầy, ba đường thờ kính, coi cũng như một. Anh em bạn cùng học một thầy với nhau, gọi là bạn đồng-môn ; môn thì có môn-ngự, môn-quí, lấy đó làm nơi đạo-thống sở-hệ. Cái nghĩa sư-sinh có thể cũng trọng như nghĩa phụ-tử, nghĩa quân-thần ; cái đạo giáo-dục có thể cũng trọng như đạo chủ-tể, đạo

sinh-thành. Bảo rằng đạo thầy tôn-nghiêm, thì người hay mới sinh ra nhiều, câu ấy dầu muốn đời nghe ra tưởng cũng vẫn còn là phải.

Những điều kể ra như trên đó, rất là những điều đặc-sắc của dân-tộc nước Tàu, mà những điều đặc-sắc đó, thực là căn-nguyên tự trong thánh-hiền học-thuyết mà ra.

Xét trong học - thuyết của thánh-hiền nước Tàu, có nhiều môn-loại, kể ra cũng phiền-phức. Nhưng đại-yếu bất-ngoại hai chữ *tu-thân*, ông Khổng phu-tử có nói : « *Tự thiên-lữ dĩ chí ư thứ-nhân, nhất thị đại dĩ tu - thân vi bản.* 自天予以至於庶人。壹是皆以修身爲本。 » Nghĩa là từ ông vua cho đến người dân, không cứ người hạng nào, nhất-thiết đều phải lấy sự sửa mình làm gốc. Ý là con người ta đứng ở thiên-địa-gian, phải lấy cái thân làm bản-vị ; cái thân mà đã hay, thì vạn-sự bởi đó mà ra ; cái thân mà đã hỏng, thì vạn-sự không còn nói gì được nữa. Cho nên con người ta phải tu cái thân làm sao cho tiến-đạt lên bậc quân-tử, bậc tài-tri, bậc thánh-hiền, chớ để cái thân trầm-luân xuống bậc tiểu-nhân, bậc hôn-ngu, bậc bất-tiến, cho hết cái đạo làm người, đó là sự gốc ; rồi trong khi đối với gia-đình, đối với xã-hội, đối với thế-giới, sẽ tùy cái địa-vị mà thành lấy hiệu - quả. Cái học - thuyết ấy, rèn - đức uốn - nắn tự cá - nhân mà lên, để thành - lập cho nhân-quần, thật là thân - thiết, thật là tuần - tự, thật là giản - dị, mà cũng thật là hiền-xác có thực-hành thực-nghiêm công - phu. Không phải là cái học-thuyết mê-tín, mà cũng không phải là cái học-thuyết điều-mang.

Đây lại xin nói qua lại cái thời-dại bát-cổ Đường cái hồi bát-cổ còn thịnh-hành, trong cái không-khi bát-cổ, tuy có lắm điều hủ-bại, nhưng ngoài cái

không-khí bát-cổ, thực cũng có nhiều về khả-quan ; con nhà bát-cổ cũng có nhiều người vượt hẳn được cái tầng không - khí hủ - bại, mà tiến lên được cái tầng không - khí thanh - cao. Như nhà Minh thì có ông Vương Thủ-Nhân 王守仁, nhà Thanh thì có ông Tăng Quốc-Phiên 曾國藩, ông Vương đồ tiến-sĩ về năm Chính-dức, ông Tăng đồ tiến-sĩ về đời Hàm-phong, hai ông há chẳng phải là con nhà bát-cổ đấy ư ? mà học-thuyết ông Vương thì trí-trí với lực-bành, hai đường hợp-nhất, người Nhật-bản rất là tôn-sùng ; sự-nghiệp ông Tăng thì ngoại-giao với liệt-cường, nội-tĩnh được dai-loạn, vạn-quốc rất là kính-trọng. Người xem sử phải biết rằng những người hào-khiết khi đối với cái thời-dại bát-cổ, chẳng qua mượn cái đường đó, để làm cái đường xuất-dầu lộ-diện với đời đấy mà thôi. Chứ bình-sinh cái học-thuyết và cái sự-nghiệp, là gốc ở cội thánh-hiền mà ra. Hai ông tiến-sĩ ấy, thật là hai ông tiến-sĩ làm được vẻ-vang cho lịch-sử Chi-na. Nhưng xét ra hai ông tiến-sĩ ấy, là ông tiến-sĩ «hữu-số tiến-sĩ đại-danh». Chứ trong cái thời-dại bát-cổ nước Tàu, những ông tiến-sĩ « vô-số tiến-sĩ tiểu-danh », cũng còn khá nhiều. Bảo rằng cái thời-dại đệ-tam Tần Thủy-hoàng, thiên-hạ không có sách, thiên-hạ không có nho, nói thế cũng hơi quá-dáng.

Chao ôi ! ông Tần Thủy-hoàng đệ-tam kia, kể từ đầu nhà Chu-Minh, cho đến cuối nhà Mãn-Thanh, thủy-chung rực-rỡ, đã ngót sáu trăm năm, sống lâu và hưởng-phúc đã nhiều lắm rồi, đến bây giờ đã được về hưu-tức trong cội hư-vô, tưởng cũng không còn phải oán-hận gì nữa. Mới đây, về hồi vua Quang-tự nhà Thanh, quốc-vận Chi-na về hồi bĩ - cực, cái gió to cái sóng lớn ở Âu - Mỹ ở Nhật - bản tràn sang, nước Tàu cơ-hồ không có

thể lập được quốc ở trên thế-giới nữa. Những người thức-thời-vụ trong nước Tàu bấy giờ, xem rõ tình-thế, quyết đồ tội cho bát-cổ-văn-chương, thúc-phọc sĩ - phu, làm ngu mất những người tài-trí trong nước. Thậm-chí có người nói rằng : « Bát-cổ với Chi-na, thế không cùng đứng với nhau được, Bát-cổ còn thì Chi-na mất, Bát-cổ mất thì Chi-na còn. » Mới cùng nhau tổ-chức thư-báo, làm ra ngôn-luận, nhất-vị công-kích lối thủ-cự, chần-khởi cách duy-tân. Rồi đến hồi Quang-tự mạt-niên, mới thật là phết khoa-cử, lập học-đường, thâu-thái lấy thế-giới-văn-minh, đào-luyện lấy nhân-tài, để kíp về đường cứu-quốc ; dân-tộc nước Tàu bấy giờ, chẳng khác gì người ở trong cơn mê-mộng mà mới vùng dậy. Xem ra thì những người thức-thời-vụ đó, có phải là ai đâu, lại chính là bọn thầy - trò ông tiến-sĩ Khang Hữu-Vi 康有為, ông cử-nhân Lương Khải-Siêu 梁啟超, mấy người con nhà bát-cổ xướng lên trước, cầm cái nghĩa tân-dân, nghĩa tùy-thời của ông Khổng, và cái nghĩa bình-trị thiên-hạ của ông Mạnh, để hô-hào cho quốc-dân, rồi dân-tộc nước Tàu mới thành ra được cái cuộc duy-tân. Than ôi ! con nhà bát-cổ đối với quốc-dân cũng có công to, đối với thời-thế cũng có can - đảm lớn, mà đối với ông Khổng ông Mạnh há không phải là kẻ hiểu-tử hiền-tôn ? Là vì con nhà bát-cổ xưa nay, tuy là phái văn-chương vô-dụng đấy thật, nhưng bình-sinh đọc sách Khổng Mạnh, học - thuật đã chân-chính thâm-trầm, cái tai cái mắt đã sáng tỏ hơn người, cho nên cái thủ-đoạn đương về lúc hắc-ám gian-nguy, cũng đủ sáng được đạo mà cứu được đời. Cứ truy-nguyên cho kỹ ra, nếu không có con nhà bát-cổ hồi bấy giờ, thì vị-tất đã có nước Chi-na ngày nay vậy.

Xét trong nước Chi-na gần vài

mười năm nay, cái phái lão-dại bát-cổ đã về hưu rồi, còn phần hi-vọng về tương-lai, thì phải nhường cho phái thanh-niên đi du-học về, đó cũng là thời-thế sử-nhiên, mà cũng là công-lệ tất-nhiên vậy. Nhưng bình-tâm mà xét cho kỹ ra, thì cái văn-hóa nước Tàu về hồi này, là hồi đại-thoái-bộ, chưa phải là hồi tiên-bộ. Vì rằng những người cựu-học đại-nho, tự văn-chương cho đến học-thuật, dù phát-huy được quốc-hoa, dù duy-trì được quốc-tủy, thì một ngày một ít dần đi, mà quốc-dân tâm-não, phần nhiều xu-trong về đường công-lợi; thời-cục thì còn đương rối như canh bẹ, mấy người đã hạ-cấp đến những đường văn-minh cao-thượng, học-thuật uyên-thâm, có tiến-bộ chẳng nữa, thì cũng chỉ mới tiến-bộ về những đường hình-thức khoa-học ít nhiều dầy thôi. Gia-dĩ những bọn thanh-niên du-học mấy năm, được cái bằng tốt-nghiệp về, học-vấn trí-thức tài nào đã kịp người, mà khi về nước, thì người trong nước coi đã như trời, tương-lai cái vận-mệnh trong nước, tự chính-trị-quyền cho đến giáo-dục-quyền, chắc là đến tay những người ấy cả.

Xét ra những bọn thanh-niên nước Tàu đối với mọi về quốc-hoa, mọi bề quốc-túy, thì đã nhạt-nheo ngẩn-ngơ; thậm - chí mới rồi lại có một phái học-sinh là bọn anh Trần Độc-Tú 陳獨秀, xướng-nghị bài-kịch Không-giáo, thì đại-dột biết là đường nào. Người học-sinh đi du-học về, phần nhiều không xem nổi cổ-văn, các tạp-chí Chi-na phải thuận dùng bằng bạch-hoai, văn-tự thô-thiên, lời-lẽ giản-dan, dễ dãi những bọn thanh-niên, thì dốt-nát biết là đường nào. Kể về đường tân-học, thì đối với những người triết-học, văn-học, khoa-học bên Thái-tây, người ta vắn phần, vị - tất đã kịp được một hai phần; thì ra cái cũ đã dốt, mà cái mới chưa tất đã

khỏi dốt nốt; cái bọn học dốt ấy, chắc là sinh ra có nhiều điều đại-dột. Gia-dĩ lại ở về cái nước cộng-hòa trẻ-con, quốc-thể chưa thành-là quốc-quyền không thống-nhất, hành-vi ngôn-luận, tha-hỗ mà sáng-tạo, tha-hỗ mà tự-do.

Xem ra cái chủ - nghĩa sáng - tạo, tức là cái chủ-nghĩa « *nhật-nhật-tân* 日 日 新 » ở trong sách *Đại - học*. Cái tôn-chỉ tự-do, tức là cái tôn-chỉ « *Cư thiên-hạ chi quảng-cư, hành thiên-hạ chi đại-dạo, lập thiên-hạ chi chính-vị, phú - qui bất năng dảm, bản - tiện bất năng dĩ, uy - vũ bất năng khuất* 居天下之廣居。行天下之大道。立天下之正位。富貴不能淫。貧賤不能移。威武不能屈。 » ở trong sách *Mạnh-tử*, cái chủ-nghĩa thật là cái chủ-nghĩa rất tốt, cái tôn-chỉ thật là cái tôn-chỉ rất hay, mà thánh-hiền Âu-Á hai châu, khi lập-thuyết đề dạy đời, nguyên cũng không trái gì nhau cả. Duy cái chủ-nghĩa sáng-tạo với cái tôn-chỉ tự-do mà in vào cái óc của những người học-vấn đã thâm-trầm, thì thật là một cái giống tốt dễ phát-sinh cho nhân-loại; nếu in vào cái óc của những người học-vấn còn thiên-bạc, thì lại thật là một cái đồ sắc dễ phá-hoại cho nhân-quần. Vì những người học-thức còn thiên-bạc ấy, chưa đủ cái tư-cách hoạt-động, mà cũng chưa đủ cái tư-cách điều-hòa, bề ăn cấp được cái danh-từ sáng-tạo, thì phần nhiều mơ - tưởng ngay những sự quái-quái kỳ-kỳ, mà chênh-mảng quốc-túy, khinh-miệt tổ-tiên; bề coi nhất được cái bã-cặn tự-do, thì phần nhiều khuynh-hướng ngay một bề giải-phóng, mà điên-dảo đạo-đức, khinh-khí trật-tự, rồi kết-cục chỉ đủ khiến cho nhân-tâm vỡ-lở, thời-cục phân-vân, không những dắc-tội với thánh-hiền ở Đông-phương, mà lại dắc-tội cả với thánh-hiền ở Âu-châu nữa. Cuộc rối-loạn ở nước Tàu ngày nay, một

nửa do phần chính-trị, một nửa do phần tư-tưởng. Nhưng rối-loạn về đường chính-trị, còn chưa đáng ghê, rối-loạn về đường tư-tưởng, mới thật đáng chán.

Nói đây không phải là nhất-khái đảm bảo bọn thanh-niên nước Tàu là thế cả dẫu. Nước Tàu là một nước đất rộng người nhiều, vả lại là nòi-giống thánh-hiền, cái óc thông-minh đã có sẵn, thiếu gì người tài-trí khôi-kỷ, há lại không có người nào tư-tưởng cao-siêu, học-vấn vạm-vắc hay sao. Song những người đặc-biệt ấy thì thuộc về số ít, mà những người thông-thường kia thì thuộc về số nhiều. Đây là nói về cái phong-trào nó xô-dẩy, thời-thế sử-nhiên, dân-tộc nước Tàu dẫu thông-minh đến đâu, cũng không tránh khỏi cái lệ ấy được. Chắc là văn-hóa nước Tàu phải một hồi sa-sút xuống đến cái độ cực-đê, rồi may mà có hiền-triết sớm-sủa sinh ra, có công-phu điều-hòa được văn-hóa hai châu, sẽ tiến dần lên được cái độ cực-cao. Nghĩa là hết khôn thì dồn ra dại, bao giờ hết dại rồi mới chuyển ra khôn. Chứ dân-tộc nước Tàu ngày nay, hiện còn đương khôn dại dở-dạng, trong vũ-dài nước Tàu, chắc còn diễn ra có lắm kịch nực cười. Phương-ngôn ta có

câu rằng: bắt-chước cái khôn đừng bắt chước cái dại. Thật là đúng với phương-pháp xét về lịch-sử Tàu lắm vậy.

Cho nên những sách cổ của Tàu, như Ngũ-kinh Tứ-thư, và học-thuyết của chư-tử như Trang-tử 莊子, Lão-tử 老子, Quản-tử 管子, Thương-tử 商子, Mặc-tử 墨子, Dương-Hùng 楊雄; lại những văn-chương của các đại-gia như truyện-ký ông Tả 左 明, từ-phủ ông Tống 宋 玉, ông Khuất 屈 平, sử-tài ông Ban 班 固, ông Mã 司 馬 遷, thơ ông Đào 陶 潛, ông Vi 韋 應 物, ông Lý 李 白, ông Đỗ 杜 甫, văn ông Hàn 愈 韓, ông Liễu 柳 宗 元, ông Âu 歐 陽 修, ông Tô 蘇 軾, luận-thuyết ông Dương-Minh 王 陽 明, ông Thuyền-Sơn 王 船 山, thư-trát ông Tả Văn-Tương 左 文 襄, ông Tăng Văn-Chính 曾 文 正, văn-văn, thì thật là cái của báu vô giá. Đến như những sách mới của người Tàu xuất-bản ngày nay, quyền sách nào thuộc về khoa-học, thì còn là hơi có giá-trị; còn như những sách văn-chương thuyết-hoại tạp-nhập, thì cũng ít có quyền sách nào giá-trị gì cho lắm mà thích xem.

(Còn nữa)

TÙNG-VÂN

BÀN GÓP VỀ TRUYỆN KIỀU

Nhân-vật truyện *Kiều*, văn-chương truyện *Kiều* đã nhiều người bàn Song dẫu trăm nghìn người bàn cũng còn có chỗ bỏ. Tôi cũng gọi là « nổi điều » mấy lời đề tìm những cái hay mà nhiều người bỏ, — nói là nhăng thì đúng hơn, — những cái lầm mà nhiều người mắc, một vài cái éo-le trong truyện mà nhiều người không đề tâm đến, sau cùng — nói ra thì quá bạo, quá liều —

một vài cái đáng chê trong văn-chương truyện *Kiều*.

Truyện *Kim-Vân-Kiều* là một áng văn-chương kiệt-tác, là hòn ngọc văn-chương. Quốc-âm kết-tinh ở đó, quốc-túy phảng-phất ở đó, ai cũng biết thế.

Đoạn tả hai chị em Thúy-Kiều, cụ Tiên-diên lựa từng chữ, gọt từng câu. Văn thì :

...trắng-trọng khác với.

Khuôn trắng đầy đặn nét ngài nở nang...

Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.

Có rõ ra tướng một bà nghệ không ?
 đẹp trang-trọng, đẹp đầy-dặn, chứ không
 đẹp sắc-xảo như Kiều. Mây cũng thua
 nước tóc, tuyết cũng nhường màu da.
 Cái mệnh bạc cũng phải nhường, cũng
 phải thua. Tướng Văn thắng đoạt được
 mệnh, nên duyên-phận về sau ba vương
 bảy tròn, không phải năm chìm bảy
 nổi như Kiều. Kiều thì :

Hoa ghen đua thắm, liễu hờn kém xanh...

Hoa đã ghen, liễu đã hờn. Tạo-hóa đã
 ghen-hờn, trời-dất đã ghen-hờn, thì còn
 mong sao khuôn-thiên vương tròn cho
 được ? Đẹp mà đã đến nỗi để cho tạo-
 hóa phải ghen-hờn thì cái đẹp cũng đảo-
 đê lắm. Tạo-hóa chót sinh ra cái đẹp
 quá thế, lấy làm ghen-hờn, tiếc mà
 bắt phải phong-trần, liệu tránh làm
 sao ? Vậy văn-chương đoạn này có bốn
 chữ hay : *thua, nhường, ghen, hờn*.

Câu :

Canh khuya, thân gái, dặm trường.

Ai cũng cho làm hay. Tôi xin tả từng
 chữ mà bàn ra đây.

Đường đi, ban ngày không đáng sợ
 bằng ban đêm. Đây là cảnh đêm : một
 cái sợ. — Tối hi tối, khuya thì khuya,
 đêm khuya canh tàn giá là đàn-ông đi
 thì còn sợ ít, đàn-bà con-gái thì cái sợ
 bội-phần. Đây là thân gái : hai cái sợ. —
 Canh khuya thì khuya, thân-gái thì gái,
 nhưng giá đường ngắn thì cũng hơi
 gọn mà chưa khiếp-sợ lắm. Đây lại
 là dặm trường : ba cái sợ.

Canh khuya... thân gái... dặm trường...

Đọc một chữ là dựng một đám tóc gáy,
 đọc hết cả ba đoạn thì tóc dựng ngược

cả lên. Không cần đọc đến câu dưới
 đã lường biết trước được nỗi « e đường
 sá », nỗi « thương dài-dầu » rồi. Hay
 thật, khéo thật, thấu tâm-lý thật !

...

Đoạn Mã Giám-Sinh mới mua Thúy-
 Kiều, tác-giả thật thần-triết cái tâm-lý
 một thằng bán thịt buôn người, một
 đứ vắn kiếm ăn miền hoa-nguyệt. Nay
 hãy nghe câu Mã « làm cái tính » này :

« Con bé này, thật là « quốc sắc thiên-
 hương » ; mang về, « vương-tôn quý-
 khách » có muốn « bẻ hoa nước trước »
 ít ra là ba trăm lạng. Thế là được
 vốn rồi. Rồi sau, khi bình đã vỡ rồi, nó
 tiếp khách, được bao nhiêu là « lời ».

Nhưng mà Kiều đẹp lắm, hoa ghen,
 liễu hờn, kia mà ! Kề cạnh người đẹp
 thế thì cảm lòng cầu-trệ sao được.
 Nhưng nếu « hấp-tấp » ngay thì mất
 « mầu hồ » mất. Ba trăm lạng « bẻ hoa
 nước trước » cũng đi đời mất. Khó nghĩ
 lắm. Hay là chịu nhẫn - nại mà thôi ?
 Khốn nhưng mà

Vốn nhà cũng tiếc, cửa trời cũng tham !

Thôi thì ta cũng liều. Ở đời hồ-đề
 mấy lần gặp tiên ! Chẳng chơi cũng đại.
 Ở đời này trừ ta ra, ai là sành nghề
 chơi ? Vương-tôn quý-khách chúng nó
 cũng mập-mờ cả, ta đem nước vỏ lựu,
 máu mào gà, đánh lộn, chúng nó biết
 đâu ? Không biết thì « cùng ba trăm
 lạng kém đâu ». Ấy thế là « nhất cử
 lưỡng tiện », vốn nhà cũng không mất,
 cửa trời cũng chẳng bỏ ôi. Trừ ta ra,
 chỉ còn con mụ Tú là sành cái nghề này,
 khi về chắc nó rầy. Làm thế nào ?

Liều công mất một buổi quì mà thôi !

Và lại ta đã nói dối rằng mua làm
 thiếp mà bất-động thì lộ ý gian mặt,
 người ta nghi mất. Thôi ta tính sau
 trước kỹ càng rồi, chẳng ngại gì nữa

Có ông «kế-toán» nào làm «can-quyn» giỏi hơn gà buồn ấy chẳng?

Truyện Kiều thỉnh - thoảng có chỗ «lộng-ngữ» rất hay, rất tài. Như câu:

Bạc đem mặt bạc lạnh đường cho xa.
thì hai chữ *bạc* thật là khéo chọn.

Truyện Kiều có mấy chỗ, nhiều sách in sai, nhiều người đọc lầm.

Như câu:

Bụi hồng dứt nẻo, đi về chiêm-bao.

Nhiều người đọc là «lẽo-đẻo đi về chiêm-bao» thì vô-nghĩa.

«Bụi hồng dứt nẻo, đi về chiêm bao», nghĩa là lúc tỉnh hai ta khó gặp nhau, thật là «dứt nẻo», vì «mây Tần còn khóa kín song the». Có gặp nhau, có đi về cùng nhau, họa chẳng chỉ trong giấc chiêm-bao. Đọc là *dứt nẻo*, là *lạc nẻo*, là *khuyết nẻo* thì được, chứ đọc là *lẽo-đẻo* thì thậm vô-nghĩa. *Lẽo-đẻo* làm sao? *lẽo-đẻo* như con theo mẹ đi chợ phải không? Ai *lẽo-đẻo*?...

— Mấy câu:

... Chung quanh vẫn nước non nhà,
Vớ Vương Quan trước vẫn là song-thân.
Trộm nghe thơm nức hương-lầu...

Xin đổi là:

... Chung quanh vẫn nước non nhà,
Vớ Vương Quan trước vẫn là song-thân,
Vẫn nghe thơm nức....
thì mới đúng nghĩa. Ba chữ *vẫn* đóng với nhau mạch văn mới không đứt, hơi văn mới mạnh.

— Bốn câu:

Sinh rằng: «Gió mát trăng trong,
Bấy lâu nay một tấm lòng chưa cam,
Chầy sương chưa nện cầu Lam,
Sợ lân-khân quá ra sòm-sở chàng.»

«Nàng rằng: ...»

Xin đề dấu ngoặc-kép (*guillemets*) đến chữ *chàng*. Bốn câu ấy là lời Kim Trọng cả. Kim Trọng có nói thế thì mới là ông «quan-tử chi nho», mới là chung-tình, văn mới đỡ thô, quynh Kiều mới là quynh văn tình; nếu không thì là dâm-thư.

— Những câu:

...Giọng kiều rên-rỉ trước loan,
...Tiếng kiều nghe lọt bên kia,

chữ *kiều* không được viết hoa vì là dịch hai chữ «kiều-đẽ 嬌媚» là giọng người con gái. Tiếng *kiều* là tiếng người con gái, giọng *kiều* là giọng người con gái.

— Câu:

Đầu xanh đã tội-tình gì,
Má hồng đến quá nửa thì chưa thôi,
chữ *đến* nên đổi làm chữ *đền*. Nghĩa là: lấy má hồng *đền* tức-trái tiền-duyên quá nửa thì chưa thôi.

Đoạn ái-hợp có mấy câu này, sách nào cũng thấy in lầm mà người đọc cũng nhiều người vô-ý không nhận ra.

Hai em hỏi trước han sau,
Đứng trông chàng cũng giữ sầu làm tươi.

Sách nào cũng không in chữ *chàng*, lại in chữ *nàng*. Khi gặp Kiều, hai em (em ruột là Vân, em dâu là vợ Vương Quan, con Chung-lão) đã vồn-vã, xúm lấy chị mà hỏi trước han sau rồi thì còn *nàng* nào nữa mà *nàng* đứng trông? Chàng đây là Kim Trọng.

Truyện Kiều sơ-dĩ hay hơn các truyện khác vì văn cũng có mà vì cách kết-cấu, bố-thể cũng có. Xem các truyện khác tất thấy đồ trạng, đánh giặc được phong hầu, v. v. Đại-khái cứ một cái lẽ lỗi «xôi-thịt» (1) thế cả. Đổ cao, quan to,

(1) Hai chữ «xôi-thịt» này là hai chữ mới. Về tranh cử theo ngư, tiều, canh, độc, nhĩ-thập-tứ-hiệu, gọi là vẽ «xôi-thịt». Làm nhà cử hướng nam, bàn thờ ở giữa, hai buồng bái bên, gọi là kiêu «xôi-thịt». Tóm lại cái gì cứ theo lẽ-lối cũ, không biết đổi thay, không có ý sáng-tạo, gọi là «xôi-thịt». Lẽ ở nhà quê thì dĩ-xôi miếng thịt của các quan-viên «chà» không sao khước được, không sao bỏ được, mà rất vô-vị. Hai chữ này tuy mới lạ, song tỏ ý đúng lắm, quốc-văn ta đương hỏi thiếu-thốn (thiếu chữ không dám chê nghèo), tưởng thuậph được chữ nào mới và đúng là lợi chữ ấy. Bởi vậy tôi mới bạo mà dùng chữ này. — N. T. L.

vợ đẹp, vua yêu, cần - vương, trung-quân, không truyện nào thoát-li được cái chủ-nghĩa « Nghĩa-vụ tuyên-ngôn » (*Déclaration des devoirs*) như thế. Không phải rằng dám chê cái chủ - nghĩa ấy, nhưng tam-cương ngũ-thường mà cứ đem ra làm « mặt nạ » nạt người mai thì cũng chán lắm. Duy có truyện *Kiều* là tránh khỏi được. Lúc đi thi, truyện chỉ nói qua, phảng-phất còn có được cái « động-tác duy-nhất » (*unité d'action*) như các truyện, các « kịch » bên Thái-Tây.

Văn các truyện khác thì nhan-nhãn những « Chúa Ba đặt gỏi tầu bày », những « Ngọc-Hoàng phán lại một khi ». Hai chữ « một khi » không thấy đâu là không có. Hai chữ « một khi », què như thế, vụng như thế, « xối thịt » như thế, mà truyện *Kiều* cũng có chỗ mắc phải. Như đoạn cả nhà Vương ông đi tìm *Kiều*, thối đàn-tràng, gặp Giác-Duyên, có câu :

Cùng nhau lấy ta Giác-Duyên,
Bộ-hành một lũ theo liền một khi.

Trong hai câu này, xin mạn phép sô hai chữ « một lũ », hai chữ « một khi ».

..

Tôi lại mạn phép chê hai cái tật nữa ở quyền *Kiều*. Nói đến chê văn *Kiều* thì táo-tợn thật, gan thật, liều thật, « xược » thật. Song tôi cũng xin bắt-chước cụ Linh-mục FÉNELON chê ông MOLIÈRE mà rằng : « Tôi vẫn biết ông là có tài, nhưng xin tự-do mà bình-luận những điều khuyết-diêm của ông » (*Encore une fois je le trouve grand, mais ne puis - je parler en toute liberté sur ses défauts ?*).

Tôi cũng xin chấp tay vái cụ Tiên-diên trước mà bình-phẩm cái khuyết-diêm của cụ.

Văn *Kiều* kém văn *Phan-Trần* về những chỗ nói chuyện. *Phan-Trần* không có những chữ « nàng rằng », « chàng rằng », mà văn *Kiều* thì đầy-dẫy những « nàng rằng », « chàng rằng », « ông rằng », « bà rằng », « cụ rằng », « Từ rằng ». Hãy nghe mấy câu *Phan-Trần* :

Nghiêng mình há bức rèm tương,
Chiều thanh khép-nếp, tiếng vàng khoan-thai :
« Trộm nghe sương tuyết hơi hơi,
« Thuốc xơi dần mấy, cơm xơi thế nào ?
« Lấy trời cho mát-mẻ nao,
« Kẻo sự tuổi-tác ra vào bản-khoán, »

(Đoạn Diệu-Thường thăm Phan-sinh ở chùa Kim-lăng).

Đoạn văn này ở truyện *Phan-Trần*, hay cũng không kém văn *Kiều* mà lại tránh được cái tiếng : « nàng rằng ».

Nhan-tiện tôi xin bàn văn *Phan-Trần* có chỗ hay hơn văn *Kiều* vì lẽ gì. Truyện *Kiều*, tuy cảnh có nghịch, nhưng lý thuận. Con bán mình chuộc cha, cảnh có nghịch nhưng lý thuận, nhà làm văn dễ hạ bút. Truyện *Phan-Trần* có chỗ lý nghịch. Phan-sinh là học-trò đến trọ ở chùa, lại bắt vãi chùa là người tu-hành môi-chước hộ việc tình ở chỗ cửa Phật. Há miệng nói làm sao ?

Khách đã về đạo từ-bi,
Nhìn làm chi, hỏi làm chi hơi chàng ?

Vãi Hương là kẻ tu-hành lại đến dò-la ý-tứ Diệu-Thường hộ Phan-sinh, thì mở miệng làm sao ?

Diệu-Thường là gái tu-hành, lại đến thăm người học-trò ngộ-nghĩnh như thế, thì nói làm sao ?

Ấy lý nghịch như thế mà văn xuôi cả. Khổ-tam của tác-giả ở đó, tài-tình của tác-giả cũng ở đó. Văn truyện *Phan-Trần* hay lỗi thật-thà, văn truyện *Kiều* hay lỗi dài-các. Trừ quyền *Kim-Vân-Kiều* ra thì có lẽ quyền *Phan-Trần* đáng đọc nhất ; ấy thế mà rằng : Đàn-ông chờ kẻ *Phan-Trần*, đàn-bà chờ kẻ *Thủy-Vân Thủy-Kiều* ! ..

Truyện *Phan-Trần* cũ hơn truyện *Kiều*, nên nhiều giọng cổ, lời văn thật-thà hơn. Truyện *Kiều* cũng nhiều giọng bắt-chước đó.

Như những câu lục cắt làm hai đoạn ba chữ.

Câu ở *Phan-Trần* :

Phiên-hoa thay ! thế hữu-tình. v. v.

Câu ở *Kiều* :

Đau-đớn thay ! phận đàn-bà. v. v.

Như những câu bát cắt làm ba đoạn, hai đoạn ba chữ, đoạn cuối hai chữ.

Câu ở Phan-Trần :

Anh thông-thả, chị bình-yên, cô mừng.

Câu ở Kiều :

Biết duyên mình, biết phận mình, thế thôi...

An làm sao, nói làm sao, bây giờ... v.v...

(Hơi văn đi thành đoạn, chữ không cứ là chấm câu thành đoạn).

Còn một cái tật thứ ba nữa ở quyền Kiều, xin nói nốt.

Đoạn Kiều ở lầu Ngưng-bích, gặp Sở-Khanh có câu rằng :

Nghĩ rằng cũng mạch thư-hương,

Hỏi ra mới biết rằng chàng Sở-Khanh.

Chữ Sở-Khanh cũng là một tên người mà thôi, như chữ Ôn-Khanh, Kinh-Khanh mà thôi. Trước việc « ba mươi lạng bạc đời Gia-tĩnh » thì chữ Sở-Khanh còn là tên riêng (*nom propre*) ; sau việc « rẽ dây cương » rồi thì chữ Sở-Khanh

mới biến thành chữ tên chung (*nom commun*) cũng như chữ Jourdain, chữ Tartuffe, chữ Harpagon. Khi Kiều mới gặp Sở-Khanh thì hai chữ ấy còn đứng cái địa-vị tên riêng. Thế mà Cụ Tiên-diễn hạ chữ « thư-hương » ở câu trên, hạ chữ « Sở-Khanh » ở câu dưới, có ý lấy hai chữ phản nhau, lấy chữ Sở-Khanh làm phản - ngữ (*contraire*) của chữ thư-hương, thì thiết-tưởng sai lầm.

Ấy, ba cái khuyết-diễm quyền Kiều ở đó. Tôi thiết-nghĩ như vậy. Còn đúng hay không đã có độc-giả cao-minh xét nghĩ.

...

Tôi viết bài này tặng vong-linh Cụ Giáo Nguyễn Hữu-Đan, nguyên giáo-sư Hán-văn và Việt-văn ở trường Sư-phạm. Nhờ Cụ mà tôi biết được ít nhiều tình-thần văn-chương, lịch-sử nước nhà.

NGUYỄN TRIỆU-LUẬT

VĂN-ĐỀ PHI-LUẬT-TÂN⁽¹⁾

Mĩ và Phi-luật-tân (2)

Muốn hiểu rõ duyên-do sự xung-đột về chính-trị của người Phi-luật-tân và người Mỹ ngày nay, thì phải xét ngược đến cuối thế-kỷ thứ 19, hồi ký hòa-trước thành Paris ngày mồng 10 tháng 12 năm 1898. Ai cũng biết rằng trong cuộc chiến-tranh nước Mỹ với nước Tây-Ban-nha (*Espagne*), quan Giám-quốc Mỹ bấy giờ là ông MAC KINLEY sai tàu chiến Mỹ sang bề Phi-luật-tân là chỉ chủ-ý phá hạm-đội của Tây-ban-nha ở đấy mà thôi, nhưng khi phá

được rồi thì ông đổi ý ngay, bắt Tây-ban-nha thua phải nhượng Phi-luật-tân cho nước Mỹ để khỏi trả bồi-khoản 20 triệu đồng bạc. Ông cho rằng có làm như thế mới thoát được cho người Phi khỏi sự áp-chế của Tây-ban-nha, và nhân người Phi còn chưa thể đề cho cai-trị một mình được, ông bèn tự tuyên-bố kiêm-tính đất Phi-luật-tân vào nước Mỹ. Nhưng ông đã giữ ý cần-thận, nói rõ ngay rằng sự sáp-nhập ấy là tạm-thời mà thôi, và bản-tâm người Mỹ thật là rộng-rãi to-tát, chứ

(1) Phi-luật-tân là chữ tàu dịch tên quần-đảo *Philippines*. Chữ ấy đã thông-dụng lắm mớu của tàu cũng không ngại gì. An-Nam ta thời có khi gọi người Phi-luật-tân là người « Ma-ni » do tên thành *Manille* là thủ-đô nước ấy, vì năm 1902 có công-tị thuộc-là ở *Manille* sang đầu-xảo Hà-nội.

(2) Dịch bài của ông HENRI FROIDEVAUX trong tạp-chí *Asie française*.

không có chút tư-kỷ gì. Ông nói rằng: « Người Phi bây giờ thuộc chúng tôi, không phải là để chúng tôi hành-hạ lợi-dụng, nhưng là để chúng tôi mở-mang, dạy-dỗ, rèn-tập cho biết cái phép tự-trị sau này. » Quan Giám-quốc MAC KINLEY nói như thế về mùa thu năm 1899, có ý bỏ rỏ cả cái công-nghiệp của người Tây-ban-nha đã làm nên ở Phi-luật-tân từ trước ; thậm-chỉ đến không cho việc trước vào đầu cả. Nhưng người Phi liền nổi loạn lên phản-đối với chủ mới, đủ chứng cho biết rằng người Tây-ban-nha ở đất Phi-luật-tân đã lâu năm không phải là không có lợi-ích gì cho dân bản-xứ. Vì người Mỹ cũng phải khó-nhọc mới dẹp được yên cái loạn ấy, nhiều-hậu mới có thể bắt đầu thi-hành các việc mở-mang về đường kinh-tế, khai-hóa về đường văn-minh.

Người Mỹ thi-hành thế nào, ai cũng đã biết. Ngay trong khi quyền cai-trị còn thuộc ở quan binh, loạn trong nước còn chưa dẹp được hết, người Mỹ đã khởi-hành các việc rồi. Trước nhất mở trường học, chưa đủ thầy giáo thời dùng những cai đội biết chữ cho dạy học ; rồi chỉnh-dốn việc tư-pháp. Nhất-diện thời sửa-soạn đề lấy quan văn thay vào quan võ làm chức cai-trị. Bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 năm 1901, bao nhiêu chính-quyền trong nước về tay quan văn cả.

Từ đấy cho đến năm 1916, trong khoảng 15 năm, Chính-phủ gọi là « Ủy-hội Phi-luật-tân » (*Commission des Philippines*), cầm quyền-chức và giữ trách-nhiệm chính-trị trong nước, bền tuần-tự thực-hành cái chương-trình khai-hóa của quan Giám-quốc MAC KINLEY đã phác-họa ra từ sau khi ký hoà-uớc thành *Paris*. Trong sáu năm ba tháng, từ ngày 1 tháng 7 năm 1901 đến ngày 16 tháng 10 năm 1907, uỷ-hội ấy chỉ toàn có người Mỹ mà thôi, nhờ có các quan Tổng-

đốc như ông TAFT (rồi sau làm Giám-quốc Mỹ), ông WRIGHT chủ-trương, thật đã làm nên công-trình lớn-lao, dựng nên chính-phủ bền-chặt, đặt ra tiền-tệ chính-đồng, tuyên-bố một bộ luật về các thủ-tục tố-tụng, trừ-tính một cái chương-trình hoàn-bị về các việc công-chính và đã bắt đầu làm nhiều việc, khoáng-trương sở vệ-sinh đã đặt ra từ khi các quan binh còn cai-trị, v. v. . Đó là cái thời-kỳ thứ nhất trong sự-nghiệp khai-hóa, đề-dự bị cho thời-kỳ sau này, là thời-kỳ người Mỹ gia công rèn-tập cho người Phi biết tự-trị. Thời-kỳ sau ấy bắt đầu từ ngày trong Ủy-hội Phi-luật-tân mới cho một số ít người bản-xứ tham-dự vào, và trong dân-gian thời được quyền bầu-cử một hội-nghị đề-tập làm như nghị-viện các nước Thái-Tây. Thế là người Phi được đủ cách, theo như lời quan Giám-quốc MAC KINLEY đã nói, « rèn-tập cho biết cái phép tự-trị sau này. »

Năm 1900, khi các viên-chức của Ủy-hội Phi-luật-tân dời nước Mỹ sang *Manille* để lĩnh quyền cai-trị thay quan Nguyên-sứ ORRIS, thời quan Giám-quốc MAC KINLEY đã ban cho những lời huấn-dụ rất phân-minh, cứ xem như một câu sau này thì đủ biết : « Trong mọi cách chính-trị, mọi việc hành-chính mà Ủy-hội được quyền thi-thố, thời bao giờ cũng phải nhớ rằng Chính-phủ mình đặt ra đó không phải là để mưu sự lợi-lộc cho mình, cũng không phải là để thi-hành những cái chủ-ngĩa riêng của mình, nhưng là để mưu sự hạnh-phúc, sự yên-đàn và sự thịnh-vượng cho dân Phi-luật-tân ; những kế-hoạch dùng phải cho hợp với phong-tục, lễ-lối, cho chí những sự thiên-kiến của người dân, trong cái giới-hạn không trái sự hành-vi chánh-đáng của Chính-phủ. » Trong khoảng từ 1901 đến 1907, các Ủy-viên

không hề sai những lời huấn-dụ đó ; đến ngày trong Ủy-hội có một phần người bản-xứ và ngoài Ủy-hội có một Hạ-nghị-viện toàn người Phi-luật-tân cả để chia quyền lập-pháp với Ủy-hội, cũng không hề sai phương-châm như trên. Hồi bấy giờ, trong khoảng sáu năm, từ năm 1907 đến năm 1913, hai bên người Mĩ và người Phi đồng-tâm hiệp-lực với nhau, trong nước thấy tấn-tới lạ-lùng. Lập sở điền-thổ, tiếp-tục và khoáng-trương các việc công-chính đã dự-định từ kỳ trước, đặt ra trường Đại-học Phi-luật-tân và nhiều những trường công-nghệ, truyền-bá sự học cho rộng thêm, đó là mấy việc xuất-sắc trong cái thời-kỳ cai-trị thứ nhì của Ủy-hội Phi-luật-tân. Trong khi ấy thời người bản-xứ, — là nói gồm cả những dòng-dối người Tây-ban-nha, người Tây-lai và người Ấn-độ, — mới thật là bắt đầu luyện-tập việc chính-trị ; vào làm việc các sở công mỗi ngày một nhiều, nhiều cho đến năm 1913 trong số một trăm quan-lại thời hơn bù kém là 72 người Phi-luật-tân mà chỉ có 28 người Mĩ thôi, và tập việc cũng mỗi ngày một sành. Chắc cũng có nhiều khi Hạ-Nghị-viện là do dân bản và toàn người Phi cả, cùng với Ủy-hội Phi-luật-tân số nhiều vẫn còn là người Mĩ và địa-vị cùng chức-quyền cũng giống như một Thượng-Nghị-viện, hai bên không được hoàn-toàn đồng-ý nhau. Có ba lần bàn về sở dự-toán, hai bên trái ý nhau, nhưng sự đó trong luật đã dự-định rồi, có một điều luật nói rõ-ràng rằng hễ khi nào không quyết-nghị được dự-toán thì cứ theo dự-toán năm trước mà thi-hành, thành ra gặp những khi xung-đột như thế cũng tự-nhiên hòa-giải được.

Kịp đến ngày người Mĩ, cố theo cho đúng cái chính-sách khai-hóa của mình, cho người Phi được chiếm số nhiều

ở Ủy-hội Phi-luật-tân (tức là Thượng-nghị-viện), thời cái tình-thế thay-đổi đi hẳn. Theo như lời của hai quan Nguyên-soái LÉONARD WOOD và Tổng-đốc W. CAMERON FORBES trong tờ trình cho bộ Lục-quân sau khi sang thanh-tra ở Phi-luật-tân về, chính-sách của nước Mĩ là « dùng người Phi-luật-tân trong việc chính-trị, nhưng phải theo cái lệ chung như sau này : là trước hết hăng giao cho những chức không có trách-nhiệm mấy (cái đó là phải, vì họ chưa có lịch-duyet nhiều), rồi gia-công luyện-tập cho họ có tư-cách hơn lên, bấy giờ mới đề-bat cho lên những bậc cao, tùy tài-năng và sức học-tập của họ, sự học-tập này cũng phải một khoảng thi-giờ khá lâu mới thành được. » Đến năm 1914, nghĩa là mười-lăm năm sau khi quần-đảo Phi-luật-tân vào quyền bảo-hộ nước Mĩ, Chính-phủ Washington cho rằng sự « học-tập » ấy đã đủ rồi, người Phi-luật-tân đã đủ hiểu biết các phương-pháp của mình rồi, đã đủ chứng-rõ có tài làm việc được, dần chưa thể giao được cho cả quyền chính-trị trong bản-xứ, cũng có thể giao được cho toàn-quyền lập-pháp. Bèn đổi chế-độ vẫn thi-hành từ năm 1907, chịu rút bớt số người Mĩ ở Ủy-hội đi, rồi sau đến tuyên-bố luật Jones Bill, là hiến-pháp của Phi-luật-tân ngày nay, theo luật ấy thì ở Ủy-hội không còn một người Mĩ nào nữa.

Luật ấy là ngày 29 tháng 8 năm 1916, do Quốc-Hội Mĩ tuyên-bố, trong luật định rằng những tỉnh nào theo đạo Thiên-chúa và đã khai-hóa rồi (vì ở Phi-luật-tân, chỉ có phần dân theo đạo Thiên-chúa là đã khai-thông nhiều, còn các rợ hầy còn dã-man lắm), được quyền bầu-cử người dân sung một phần nghị-viên trong hai viện hợp lại thành Nghị-hội Phi-luật-tân ; quan Tổng-đốc vẫn là người Mĩ,

thời được quyền cử những đại-biểu cho các bộ-phận khác không theo đạo Thiên-chúa để cho đủ số nghị-viên. Như vậy thời Nghị-hội được toàn-quyền kiểm-điểm việc chính-trị trong toàn-hạt Phi-luật-tân, quan Tổng-dốc trước quyền-chức thật to, nay chỉ có việc thi-hành những lời quyết định của hai Nghị-viên mà thôi.

Người ta không thể đi gấp độ đường được. Đó là một sự thực kinh-nghiệm, ông văn-sĩ PAUL BOURGET đã chứng-giải hiển-nhiên trong một bộ tiểu-thuyết có giá-trị của ông (1).

Người Mĩ sẽ thấy rằng mình làm sai sự kinh - nghiệm ấy có hại cho mình.

Người Phi-luật-tân được quyền tự-do hành-động rồi, chỉ nghĩ cách bài-trừ người Mĩ ra để lấy người đồng-bang thế vào. Trong khoảng năm 1914 đến năm 1921, sự học trong nước có tiến-tới hơn nhiều thật, kể cả trường công cả trường tư; về đường kinh-tế, đường xã-hội, cũng thấy phát-đạt to thật, như việc dân-thủy-nhập-điền, việc vệ-sinh trị-bệnh, v. v., đều mở-mang cả. Nhưng cái đặc-sắc của thời-kỳ này, theo như lời hai ông Wood và Forbes đã nói, là sự « phi-hóa » cả các sở công (*la philippinisation de tous les services*), nghĩa là các sở công vào trong tay người Phi hết cả. Dùng đủ các cách để bài-trừ người Mĩ đi, lấy người Phi thế vào, nhất là thuộc về những chức-quyền cao, thành ra trong các sở những việc trọng là vào tay những người còn chưa quen chưa sành cả. Năm 1921, hội phái-bộ thanh-tra sang xem xét ở Phi-luật-tân (việc phái-bộ sẽ nói sau này) thời thấy các sở công chỉ có 4 phần 100 quan - lại là người Mĩ mà thôi. Những người còn

tại-chức thì cố-ý rút bớt quyền đi, như trước coi hai ba tòa hay hai ba sảnh thì chia bớt cho các quan-lại Phi một phần. Xem như một việc sau này đủ làm tiêu-biểu. Trong luật *Jones Bill* nói rõ rằng quan phó tổng-dốc là người Mĩ, vừa làm giám-dốc Học-chính lại kiêm cả các sở vệ-sinh nữa.

Nghị-viên Phi-luật-tân bèn tìm cách « xoay » điều luật đó, đem quyền coi các nhà thương của Chính-phủ chuyển sang bộ Nội-vụ và đặt ở bộ ấy một hội-đồng các nhà bào-chế và một hội-đồng các y-sĩ về nhơn-khoa.

Quan Tổng-dốc cứ đề vậy, không hề chống-lại. Thành đến đầu năm 1921, sự « phi-hóa » các cơ-quan chính-phủ đã hầu thành trọn-vẹn, khiến bộ Lục-quân bên Mĩ tóm-lắt lại tình-thế ở Phi-luật-tân đã gồm trong mấy câu như sau này: « Nghị-viên được toàn-quyền lập-pháp, hết-thảy là người Phi cả, không những phần nghị-viên do dân bầu ra, lại cả mấy người đại-biểu do quan Tổng-dốc cử để thay mặt những phần dân không thuộc đạo Thiên-chúa nữa. Quyền tư-pháp chỉ trừ có viện Thượng-thẩm, còn thuộc người Phi hết; các quan-lại của Chính-phủ đặt kèm với các hội-nghị hàng chợ hay hàng tỉnh, cũng đều là người Phi hết; quan-lại của Chính-phủ trung-ương thì phần nhiều là người Phi, chỉ trừ có quan Tổng-dốc và quan phó-tổng-dốc mà thôi. Bây giờ, về ngạch tư-pháp chỉ có mấy viên « công-lai » (*officiers ministériels*) là người Mĩ, còn ở ngay viện Thượng-thẩm, chức chánh-thẩm và tám chức phụ-thẩm thường-thường là người Phi cả. »

Sự cố-ý lấy chủng-tộc làm trọng hơn tư-cách trong việc cất-đặt quan-lại đó, không khỏi sinh ra nhiều điều bất-

(1) Bộ tiểu-thuyết này đề là *L'Étape* (Độ đường), đã bình-luận trong bản-chí ở số 26 (Juillet 1919).

lợi. Các ông thanh-tra xét về tình-hình Phi - luật-tân năm 1921 nói rằng « các cơ - quan Chính - phủ mấy năm nay thấy kém hiệu-lực đi nhiều », lại nói rằng « trong các tờ-tào công việc làm không chạy, vì số quan-lai đông quá, nhất là thuộc các bậc cao, đặt người chỉ vi thần-thể, không vi tư-cách. » Sự-thế như thế, không trách số chi-tiêu và số thu-liễm càng ngày tăng mãi lên; từ năm 1913 đến năm 1920, thuế tăng lên 124 phần 100, và tiền kinh-phí về Chính-phủ lại gia lên nhiều hơn nữa; ở các tỉnh và các « chợ » (*municipalités*) cũng vậy, trong khoảng tám năm sau này, các khoản chi - thu đều tăng lên một gấp một. Lại còn một sự nguy-hiểm nữa, là trong khoảng năm 1913-1916, Chính - phủ đã thấy can - thiệp vào các việc doanh-nghiệp, về sau lại càng thấy mỗi ngày một can - thiệp nhiều hơn nữa. Sau nữa, xét ra « quyền chính-trị như càng ngày càng có ý muốn xâm lấn sang quyền hành-chính, quyền lập-pháp lấn sang quyền hành-pháp. »

Các công-văn cùng các cách báo-cáo khác không khiến cho quốc-dân Mỹ bấy giờ biết rõ được cái tình-hình như thế. Khắp trong nước đâu đâu cũng lấy làm lạc-quan, lấy làm vững da cá, lại thêm vụ tổng-tuyên-cử năm 1919 được êm-thấm cả, nên lại càng không ai ngờ. Trong lời tuyên-cáo cho Quốc-Hội ngày 7 tháng 12 năm 1920, quan Giám-quốc Wilson thật đã biểu được ý chung của cả quốc-dân Mỹ, công-nhận rằng dân Phi-luật-tân từ năm 1916 đã gây dựng nên Chính-phủ vững-vàng, « như thế là đã tỏ ra đủ cái tư-cách mà Quốc-Hội bắt phải có để cho được quyền độc-lập ». Vậy thời Quốc-Hội « có quyền tự-do mà cũng có cái nghĩa-vụ » (*la liberté et le devoir*) nên giữ lời hứa với dân Phi-luật-tân và cho được quyền độc-lập.

Lời tuyên-cáo ấy, rồi sau Quốc-Hội Mỹ không duyệt-y, vì nhiều lẽ, nhưng cũng vì một lẽ là thế-lực quan Giám-quốc Wilson bấy giờ đã sút kém. Và lại cũng có người kháng - nghị, là những người đã mục-kích tình-hình ở Phi-luật-tân, chưa cho là người Phi đã có cái giáo-dục chắc-chắn về đường chính-trị, thật đủ có tư-cách độc-lập được. Sự-thế như thế, quan Giám-quốc HARDING bấy giờ mới định điều-tra cho rõ : ngày 20 tháng 3 năm 1921, ngài công-báo cho Bộ Lục-quân biết rằng ngài đã cử quan Nguyên-soái LEONARD WOOD, là người đã có công giúp loạn ở đảo Cuba và quan Tổng-đốc W. CAMERON FORBES, « để sang Phi-luật-tân, xem xét tình-hình, rồi về làm tờ báo-cáo », cho ngài có đủ tài-liệu mà phán-đoán cùng quyết-định cho chánh-đáng. Mấy hôm sau quan Lục-quân-bộ-trưởng là ông JOHN W. WEEKS thông - đạt cái thư của quan Giám-quốc cho quan Nguyên-soái Woods lại đính thêm những lời huấn-lệnh tường-tất, kể rõ cái mục-dích của phái - bộ sang Phi-luật-tân phải điều-tra như thế nào. Quan bộ-trưởng trước nói « vì cái lòng rất quảng-dại của nước Mỹ nhường cho người dân Phi-luật-tân được nhiều quyền-lợi về chính-trị, » khiến cho sự « phi-hóa » các cơ-quan chính-trị trong nước đã tới đến bậc nào, rồi nói tiếp theo rằng :

« Điều quan-trọng thứ nhất là phải xét xem Chính-phủ vào tay người Phi như thế có thật là giúp được sự hạnh-phúc, sự yên-ôn và sự thịnh-vượng của dân Phi-luật-tân không, mà điều ấy phải hỏi ngay ý-kiến người dân mới rõ được... Người Phi được rộng quyền tham-dự vào việc chính-trị nước mình như thế, thời sự hiệu-lực của họ thế nào, phải cân nhắc cho kỹ, và phải xét xem cho họ quyền

rộng như thế có làm giảm mất giá-trị của Chính-phủ đi không, và nếu có giảm thật thì sự đó là tạm-thời, rồi mỗi ngày người Phi càng quen và sanh việc thì sẽ mất dần đi, hay là cứ diên-man mãi? Có phải rằng ta càng xa bước dần bao nhiêu thì sự hiệu-lực lại càng kém đi bấy nhiêu không?... Kết-quả của sự « phi-hóa » trong các công-sở lớn, phải tế-nhận và phải đo-lường cho kỹ, để làm-thời mới quyết-định được... Nay giao lại đảo Phi-luật-tân cho người Phi-luật-tân mà không chắc rằng những của-cải trong đất nước ấy còn ở trong tay người dân ấy mãi, thời chẳng là ổng công lắm dư? Làm cho đẹp lòng người Phi đời nay mà đến phải sợ nguy-hiểm diệt-vong cho người Phi sau này, thời tưởng cũng chẳng lấy gì làm khoái-lạc cho lắm. »

Tưởng nên nhắc lại những lời huấn-lệnh rất rõ-ràng đó, không những là đã giải-bày được tường cái vấn-đề phải nghiên-cứu, nhưng vì phái-bộ quan Nguyên-soái Wood trong khi điều-tra không hề sai chủ-ý đó bao giờ. Sự điều-tra ấy làm có phương-pháp lắm, trong bốn tháng phái-bộ đi được khắp các địa-hạt, hỏi được khắp các hạng dân (dân đạo Thiên-chúa, dân đạo Hồi hay dân các ngoại-dạo), cùng cả người Mĩ và người ngoại-quốc kiều-cư ở Phi-luật-tân; lại trong phái-bộ có nhiều người ý-kiến có khác nhau, lại có những người thông-tin của các báo đi theo, thành ra mỗi vấn-đề có thể xét ra khắp các phương-diện, bàn ra đủ cả mọi đường. Vậy thời những lời kết-luận trong tờ báo-cáo của quan Nguyên-soái Wood đề về bộ Lục-quân sau khi ở Phi-luật-tân về, có thể cho là lời chắc-chắn, lời trịnh-trọng vậy.

Quan Nguyên-soái cũng nghiệm rằng phạm đi gấp độ đường là có hai

cả. Ngài nói rõ hẳn rằng : « Cách ta làm vội-vàng quá, ta không lường cái sức của dân Phi, cho rằng có thể hấp-thụ, đồng-hóa và lợi-dụng được ngay những cái mà các dân-tộc khác phải mấy đời mới thấu-nhập được. Ta nóng-nảy, ta quên rằng chính giống ta cũng phải qua mấy thế-kỷ cạnh-tranh nhọc-nhằn mới gây được một nền Chính-phủ vững-vàng độc-lập. » Đối với mấy thế-kỷ ấy thời hai mươi ba năm người Mĩ bảo-hộ dân Phi-luật-tân đã thấm vào đâu? « Người Phi còn phải cần ta trông nom cho, một cách nghiêm-nhặt nhưng mà có thân-tình, lâu năm nữa mới biết lợi-dụng khéo những quyền-lợi ta đã nhường cho. Ta không nên quên rằng một dân-tộc có tinh-cách tốt, có lòng nhiệt-thành, có ý-chí khá, cũng chưa đủ thay cho sự kinh-lịch được. » Quan Nguyên-soái Wood và quan Tổng-đốc FORBES nói như thế, lại có dẫn-chứng nhiều việc kinh-nghiệm làm bằng-cứ. Rồi đến đoạn tổng-luận nói rằng sự giáo-dục về chính-trị của dân Phi còn xa chưa được hoàn-toàn, « nếu nay người Mĩ nhất-dân bỏ quần-đảo Phi-luật-tân mà về, đoạn-tuyệt quan-hệ với dân Phi mà chưa giúp được cho người Phi có đủ tư-cách để dựng nên chính-phủ vững-vàng chắc-chắc, thời thế là phản-bội với dân Phi, thế là bước lui lại trên đường tiến-hóa, và thế là sai cái nghĩa-vụ của quốc-dân Mĩ nữa. » Thế cho nên trái với lời bàn của quan Giám-quốc WILSON một năm trước, quan Nguyên-soái Wood xin rằng « hãy cứ để y-nhiên như bây giờ, để cho dân Phi có thì-giờ hấp-thụ và biết lợi-dụng những quyền-lợi hiện đã được rồi. » Nói tóm lại là ông bàn hãy nên dừng lại nghỉ chân một độ, vì trước đi có mau quá.

Quan Giám-quốc HARDING chắc cũng đã nghĩ như thế rồi, ngay từ hồi đầu,

lúc dư-luận trong nước hãy còn phân-vân ; khi nhận được tờ báo-cáo của phái-bộ thì ngài duyệt-y ngay, và tin ấy mới truyền sang Phi-luật-tân xem ra trong dân-gian cũng không có ác-cảm gì. Chắc rằng những người mà cách hành-vi bị bình-phẩm trong tờ báo-cáo của hai ông Wood và FORBES không khỏi không bằng lòng, nhưng cả bàn-dân trong quần-đảo chưa hiểu rằng « độc-lập mà vẫn ở dưới quyền che-chở một nước khác, không phải là độc-lập thật », — như lời các đảng tân-tiến đã tuyên - bố như thế, — xét ra có ý muốn cứ để như cũ lại đậm hơn. Người dân không kháng - nghị những ý-kiến của quan Nguyên-soái Wood, cũng không kháng-ngiht sự quan Nguyên-soái được cử làm tổng-đốc Phi-luật-tân. Vì rằng quan Giám-quốc HARDING sau khi xét tờ báo-cáo của phái-bộ điều-tra rồi, cho rằng Nguyên-soái đã biết tra xét các tệ-đoan rạch-ròi như thế thời không ai bằng Nguyên-soái có đủ tư-cách để chữa sửa lại tình-thế ấy, bèn đặc-cử nguyên-soái làm tổng-đốc Phi-luật-tân. Về phần nguyên-soái cũng sẵn lòng nhận ngay, từ khi phó-nhiệm liên gia công chính-dồn mọi việc và bổ-cứu những điều khuyết-điểm mình đã từng nhận thấy trong khi điều-tra.

Hồi đầu xem ra không gì ngăn-trở công việc cải-cách của quan Tổng-đốc mới. Vẫn biết rằng có một phái-bộ nghị-viên Phi-luật-tân sang Mỹ để biện-bác lời báo-cáo của hai ông Wood và FORBES mong cho quan Giám-quốc đổi ý và vận-dộng cho sự độc-lập ; vẫn biết rằng phái-bộ ấy có lập một hội ủy-viên ở Mỹ để mánh-khóc với các nghị-viên Mỹ mà mưu sự độc-lập. Song Nguyên-soái Wood vẫn cai-trị được yên-đón, không gặp sự gì khó-khăn cả. Chợt từ tháng 5 năm 1923 xảy ra mấy việc vốn cũng không hệ

trọng gì lắm, nhưng loa truyền mãi ra thành việc to, làm cho náo-dộng cả dư-luận Phi-luật-tân. Có người đồn rằng nguyên-soái Wood có nói một câu rằng những nghị-viên Mỹ giúp cho hội ủy - viên Phi-luật-tân ở Mỹ trong việc vận-dộng xin độc-lập là có ăn tiền của người Phi cả, câu ấy đồn ra, Nguyên-soái đã công-nhiên chối là không phải rồi ; thế là một việc ; lại còn mấy việc Thượng-nghị-viên Phi-luật-tân với quan Tổng-đốc trái ý nhau, như có nên giữ mấy chi-điểm của « Quốc-dân Ngân-hàng Phi-luật-tân » không, có nên bắt những nông-dân bị hại về bão nộp thuế không, lại về mấy việc thí-nghiệm ở trại hủi *Cullen* ; lại một sự xung-dột không có quan-hệ gì vì hai bên bình-phẩm khác nhau về danh-giá một người Mỹ tên là CONLEY làm quac-lai trong Chính-phủ Phi ; chỉ có những duyên-cớ còn con như thế mà gây ra náo-dộng. Việc nhỏ-nhất, giá ở nơi khác thì không bao giờ đến xung-dột. Nhưng ở Phi-luật-tân, vì sự « phi-hóa » trong Chính-phủ mau quá, nên thành ra một cái tình-trạng riêng, theo như lời báo-cáo của phái-bộ điều - tra Mỹ, « nhân một việc nhỏ - dụng quan - lại không quan-hệ gì, vụt chốc có thể gây ra xung-dột, làm cho phủ Tổng-đốc với Thượng-nghị-viên không tài nào điều-dinh xong được. » Lời báo-cáo của nguyên-soái năm 1921 nói như thế, mà tới nay chính về phần nguyên-soái đã nghiệm thấy đúng lắm vậy. Vì sự xung-dột đây không bao lâu thành ra kịch-liệt. Trung - tuần tháng 7, tổng-trưởng bộ Nội-vụ và thị-trưởng thành *Manille*, vì việc CONLEY, gửi giấy cho Nguyên-soái Wood xin từ-chức ; được ít lâu thời cả các viên Nội-các cũng nhất-luật từ-chức hết, trách quan Tổng-đốc là can-thiệp đến việc công, là vi-bội luật hành-chính, là cố-ý làm giảm các chức-quyền của người bản-xứ, là

lập-tâm không thừa - nhận « những quyền-lợi đáng tôn-trọng mà quốc-dân cùng Chính-phủ Mỹ đã vui lòng nhượng cho dân Phi-luật-tân. » Trong Chính-phủ bấy giờ chỉ còn những chức thứ-trưởng các bộ tại-chức để trông coi các việc thường, và chức thị-trưởng thành *Manille* thời phải tạm cử một người để quyền lĩnh. Đó là kết-quả của luật *Jones Bill* tuyên-bố năm 1916, hồi quan *Wilson* còn làm Giám-quốc, kết-quả ấy Nguyên-soái *Wood* trong tờ báo-cáo đã nói rõ-ràng, và chính nghị-trưởng Thượng-ng nghị-viện Phi-luật-tân là ông *Manuel Quezon* cũng công-nhận như thế (duy có một điều này là ông nghị-trưởng với quan tổng-đốc đồng-ý nhau mà thôi). Nguyên-soái thông-báo cho các nhà báo nói rằng : « Quan Tổng-đốc bị đặt vào một cái tình-thế không thể quyết-định một việc gì mà không đồng-ý với Thượng-ng nghị-viện ; nay nghị-viện lại càng ngày càng tỏ ý ra không muốn đồng-tình, không muốn hiệp-lực với đốc-phủ, như thế thì quan tổng-đốc hằng ngày bị ngăn-trở vì nghị-viện, còn làm việc sao được. »

Ấy vì người Mỹ vội-vàng cho người Phi được rộng quyền chính-trị quá, nên mới sinh ra nông-nỗ khó - khăn như thế. Vẫn biết rằng phần nhiều người Phi hiểu sự bảo-hộ của nước Mỹ có lợi cho mình, nên muốn cho nước Mỹ cứ cầm quyền giám-đốc việc chính-trị. Nhưng lại có một phần người muốn hơn nữa, đòi cho Phi-luật-tân được hoàn-toàn độc-lập, nước Mỹ chỉ che-chở cho bên ngoài mà thôi. Mà lại chính những người ấy là bầu đại-biểu ra Nghị-viện, chính những người ấy là sung các quan-chức trong chính-phủ. Thật là một cái tình-thế khó xử. Tất hai bên phải điều-đinh chằm-chước mới xong.

Nhưng mà điều - định thế nào ? Chằm-chước với ai ? Người Phi-luật-tân thời không chịu Nguyên - soái

Wood. Các phái-viên Phi ngày 24 tháng 7 đã nói với quan cố-giám-quốc *Harding* rằng : « Cứ tình-thế như bây giờ, quan *Wood* không thể nào đồng-ý hiệp-lực với các viên nội-các Phi được. » Các phái-viên xin cử một quan tổng - đốc khác, có thể dễ - huê với Chính-phủ Phi - luật - tân được. Lại nói rằng : « Nếu có lẽ làm được thì xin cử cho một quan Tổng-đốc người Phi-luật-tân lại càng hay lắm. » Nhưng vì làm như thế thì lại càng tăng thêm những sự lệ đã nói trong tờ báo-cáo *Wood-Forbes* năm 1921. Cho nên cuối tháng 11, trước khi có một phái-bộ người Phi nữa sang yêu-cầu với ngài về việc độc - lập, quan Giám - quốc *Coolidge* đã tuyên-bố nói rằng nước Mỹ cần phải đặt ở Phi-luật-tân một chính-phủ thực có tư-cách chắc-chắn để giúp cho sự giáo-dục của người Phi về đường chính-trị.

Thế thì xem ra ý ngài là cho Nguyên-soái *Wood* phải ; nhưng ngài có quả-quyết bênh Nguyên-soái không, hay là ngài định chằm-chước theo lời bầu của một phần người Phi khởi - xướng lên về cuối tháng 10 ? Những người ấy xin cho đất Phi-luật-tân cũng theo thể-chế như một « quận-hạt » (*un territoire*) nước Mỹ, mà lại thêm có mấy hiến-pháp-đặc-quyền như các thuộc - địa nước Anh được tự-trị. Xin bầu một tổng-thống do hai Nghị-viện chọn và phải có quan Cao-dâng-Uỷ-viên (*Haut Commissaire*) Mỹ ưng-thuận và quan Giám-quốc Mỹ duyệt-y. Nghị-viện Phi thời coi cả các việc nội-chính, còn đặt ra một Tham-chính-viện (*Conseil d'Etat*) có quan Cao-dâng-Uỷ-viên Mỹ đứng đầu và gồm quan Tổng-thống Phi, quan tổng-trưởng bộ Tài-chính, quan tổng-trưởng bộ quân-phòng và bộ tư-pháp (hai người là người Mỹ, do quan Giám-quốc Mỹ bổ-dụng) cùng hai quan bộ-trưởng người Phi, để coi về các việc ngoại-giao ở dưới quyền

giám-đốc của quan Giám-quốc Mỹ, coi về các quân-sự và việc quốc-phòng, cùng mấy việc lớn thuộc về tòa Thượng-thẩm.

Xem như thế thì quan Giám-quốc COOLIDGE giải-quyết cái vấn-đề Phi-luật-tân này cũng khó thật, và trách-nhiệm ngài thật không phải nhỏ. Nước Mỹ từ năm 1899 đã mấy mươi lần doan, mấy mươi lần hứa với người Phi sẽ cho độc-lập, lời hứa ấy nay không thể quên được; lại từ trước cho đến năm 1916, nước Mỹ đã nhượng cho người Phi nhiều quyền tự-do rồi, những quyền ấy cũng không thể bớt đi được. Nhưng mà những lời như sau này trong tờ báo - cáo WOOD-FORBES cũng không thể làm ngơ đi mà không xét đến: « Người Phi đối với bè-bạn có tính quá nề nhau lắm, bạn cầu việc gì, tựa-hỗ như không thể từ chối được;... tính họ không biết phòng xa, tức như những dân ở các xứ thổ-địa tốt, sự cần-dùng ít, không hay phải lo;... người dân có tính-cách tốt, có lòng nhiệt-thành, có chí muốn hay, nhưng mà chưa có từng trải về việc nước... » Trong tờ báo-cáo còn nhiều lời bác thuộc về những việc rất quan-bệ, — tuy là lời bác mà nói một cách thật ôn-hòa phải chăng, — tỉ như về việc lý - tài, về cách xử-tri của nhà « Quốc-gia ngân-hàng » trong khoảng 1916-1921, về sự tu-bổ các đường-xá, v. v.; những lời bác ấy cũng không thể không xét đến được. Lại đọc thấy những câu như câu này: « Chính-phủ xem ra không tránh khỏi những cái tật ngấm kia xưa nay thường làm cho các Chính-phủ phải bại-hoại;... như trong các nhamon tư-pháp, có một sự thất-tin-dụng lạ-lùng, thật là một điều nguy-hiểm cho Chính-phủ... » Lại câu sau này nữa mới thật là quan-trọng: « Chúng tôi có cái cảm-giác rằng người Phi-luật-tân dần có nhiều tính hay tính

tốt thật, song trong khoảng tám năm vừa rồi thí-nghiệm quyền tự-trị thật chưa đủ khiến cho nước Mỹ với bộ quyền giám-đốc đất Phi-luật-tân mà giao-phó cả cho tay họ. Nếu nay nước Mỹ nhất-dán rút cả hải-quân lục-quân về thời-quần-đảo Phi-luật-tân sẽ thành cái mồi vào tay một cường-quốc nào thấy thổ-địa tốt và buôn-bán lợi không khỏi lăm-le đến. » Lời báo - cáo đó hết như lời ông PIRR là nguyên chủ công-ti *Manila Mercantile Association* trước đã từng nói rằng chỉ nhờ có nước Mỹ còn ở Phi-luật-tân là người Nhật mới không đến lấy quần-đảo ấy, chứ nếu người Mỹ bỏ đi thì người Nhật không khỏi đến ngay. Văn biết rằng từ ngày đệ tờ báo-cáo đến giờ, có xảy ra nhiều việc mới, như việc trước bốn nước rồi sau sáu nước hiệp-ước với nhau về Thái-bình-dương. Nhưng dù sau khi đã ký ước ở WASHINGTON cuối năm 1921, dù sau khi nước Nhật đã chịu giảm binh, cho đến sau khi nước Nhật đã bị nạn ngày mồng 1 tháng 9 trước nữa, một ông Giám-quốc nước Mỹ cũng không thể làm ngơ đi không nghe những lời cảnh-cáo như trên đó, và quên rằng chính người Anh cũng đương phải phòng-bị ở Singapore (Tân-gia-ba) vậy.

Ấy vấn-đề Phi-luật-tân phiền-phức như thế, giải-quyết cho ổn thật cũng khó vậy. Song gây nên sự khó-khăn ấy là tự người Mỹ, người MI chỉ có thể trách mình vì tốt bụng quá mới nên nông-nổi thế. Vì nếu người MI không vội-vàng dặt cho người Phi vào đường độc-lập, thì có lẽ tự người Phi cũng chưa nghĩ đến yêu-cầu tự-trị vội. Tờ báo - cáo WOOD-FORBES nói rằng: « Sự thí - nghiệm mau quá. » Thật thế. Đó cũng là một bài học cho các nước vì những lẽ thuộc về lịch-sử, về nhân - đạo, đã nhận của Hội Vạn-quốc giao cho ủy-quyền bảo-bộ các dân-tộc còn kém mình.

Nói về hiến-pháp Phi-luật-tân ⁽¹⁾

Nay đã biết đầu đuôi sự xung-dột người Mĩ với người Phi, một bên cố xin cho được hoàn-toàn độc-lập, một bên thì đã chịu nhượng cho ít nhiều quyền-lợi về chính-trị, nhưng bây giờ xem ra có ý hối rằng vội quá, không muốn cho thêm nữa, vậy cũng nên biết những quyền-lợi ấy thế nào, nghĩa là nên xét qua về hiến-pháp Phi-luật-tân hiện bây giờ.

Về đường quốc-tế thì Phi-luật-tân là thuộc nước Hoa-kỳ, nhưng về đường hiến-pháp thì không thế : người bản-dân không phải là công-dân Hoa-kỳ, nhưng là « công-dân Phi-luật-tân do Hoa kỳ bảo-hộ » (*citoyens philippins protégés américains*), và trái lại thời người dân Hoa-kỳ lại có thể nhập-tịch Phi-luật-tân được.

Hiến-pháp của Phi-luật-tân là do Quốc-Hội Washington lập ra, mà Quốc-Hội Mĩ thì có quyền tuyệt-đối, nhưng đối với người Phi-luật-tân tới nay chỉ bất kém người Mĩ có ba điều như sau này : một là ra tòa án không được « bộ bồi-thẩm » (*le jury*) xử ; hai là không được quyền có và mang khí-giới ; ba là không được miễn lệ phải đi cho quân-lính đóng tại nhà lúc bình-thời.

Theo luật Jones là gồm cả hiến-pháp của Phi-luật-tân bây giờ, thì quyền hành-pháp là thuộc quan Tổng-đốc (*gouverneur*), quan phó tổng-đốc (*vice-gouverneur*), và các quan bộ-trưởng (*ministres*).

Quan Tổng-đốc do quan Giám-quốc Mĩ bổ-nhiệm, Thượng-nghị-viện Mĩ duyệt-y. Nhiệm-kỳ không có nhất-định, nhưng chức này có tính-cách

thuộc về chính-trị, nên mỗi lần đổi chính-đảng cầm quyền ở Mĩ, thường hay đổi quan Tổng-đốc mới.

Lương-bổng là 18.000 dollars vàng một năm ; dinh ở là nơi cung-điện cổ-tích *Malacanang* ở *Manille*.

Quan Tổng-đốc là người Mĩ, có quyền không nhận những luật của nghị-viện bản-xứ quyết-nghị. Mỗi lần nghị-viện quyết một cái luật-án nào phải gửi cho quan tổng-đốc ký-nhận ; hạn trong hai-mươi ngày (không kể chủ-nhật), nếu quan Tổng-đốc không ký tên hay là không tuyên-bố rằng không nhận, thì luật có thể cứ đem ra thi-hành hoàn-toàn được. Luật nào quan Tổng-đốc tuyên-bố không nhận, — về dự-toán thời có thể không nhận riêng từng khoảng một, — lại đem ra nghị-viện bàn lại được, nếu hai phần ba trong nghị-viện bằng lòng thời lại gửi về quan Tổng-đốc lần nữa. Lần này quan Tổng-đốc cũng có thể lại không nhận, nhưng bấy giờ thời phải đệ lên quan Giám-quốc quyết-xử.

Quan Tổng-đốc có quyền thống-lĩnh cả các binh-lực của « bản-xứ » (2) ; khi nào cần cho việc trị-an thời có thể tổng-đời các lực-quân hải-quân của Mĩ-Quốc đóng ở Phi-luật-tân, có thể đình quyền tự-do làm báo, quyền « bảo-hộ nhân-thân » (*habeas corpus*), và tuyên quán-luật (*loi martiale*) trong hạt nào tùy - ý, duy phải trình cho quan Giám-quốc biết.

Quan Tổng-đốc được quyền giám-sát cả các bộ-thực nha-môn, và lại có những chức-quyền như sau này :

1° — Được bổ-dụng cả các chức quan to trong bản-xứ, trừ có chức Phó Tổng-đốc, các chức thẩm-phán và

(1) Dịch bài xã-thuyết của ông ALFRED EMILE HUCKEL trong báo *Courrier d'Haiphong* ngày 3 và 4 tháng 4 năm 1914.

(2) Binh-lực « bản-xứ » đây tức là *Philippine Militia* lập ra từ năm 1917 gồm quân vệ-binh và bị-ban

phụ-thẩm ở tòa Thượng-thẩm. Song bổ-dụng chức quan nào phải có Thượng-nghị-viện Phi-luật-tân duyệt-y mới được, trừ những chức thượng hạ-nghị-viện quan Tổng-đốc được quyền cử không kể ;

2° — Được chuyển - dịch quan-lại, hạ-lệnh điều-tra về sự hành-vi của quan-lại, cử một viên quan-lại khác hay một bồi-dồng làm việc điều-tra ấy ;

3° — Được giữ những đất công hay đất riêng cần để dùng về việc Nhà-nước, không cho phát-mãi, không cho chiếm-cứ, trừ những khi trong luật đã định không kể ;

4° — Được quyết-định xem Chính-phủ có cần hay có nên thi-hành quyền chiếm-hữu về công-thổ không và ủy quan Chánh Chương-ly theo thủ-tục ở trước tòa án xét riêng về việc ấy ;

5° — Được quyền trục - xuất cảnh-ngoại những người dân ngoại-quốc, nhưng trước phải tra xét cho đích-đáng, và phải để cho người đương-sự được quyền chống-cãi ;

6° — Được quyền cho người phải tội được án treo hay được ân - xá, được quyền đình tội, tha phạt hay là tha giam cho những người phải án ;

7° — Được quyền giám-đốc sở tài-chính và sở hành-chính, tra xét sổ-sách của quan Tài-chính và quan kho-bạc, rồi báo-cáo về cho bộ Lục-quân ở Washington (1) ;

8° — Được quyền, vì lẽ trị-an và có Thượng-Nghị-viện Phi - luật - tân duyệt-y, truyền cho tập-hợp những thổ-dân các hạt về biên-viền (*les barrios*) vào những trại riêng ;

9° — Có quyền phát giấy thông-hành cho những người dân Phi-luật-tân hay dân Mỹ dời xứ đi nơi khác ;

10° — Có quyền giải-quyết các việc « dẫn-dộ » (*extradition* = nghĩa là giao những người ngoại-quốc có tội cho tòa án nước người ta xử) ;

11° — Chỉ một mình được quyền thư-trát vãng-lai với « Tòa việc các đảo » ở Bộ Lục-quân bên Mỹ, với các lãnh-sự Mỹ ở ngoại-quốc và các lãnh-sự ngoại-quốc ở Phi-luật-tân ;

12° — Được quyền duyệt-y sự bổ-dụng quan-lại các tỉnh.

Quan Phó-Tổng-đốc do quan Giám-quốc Mỹ hỏi đồng-y của Thượng-Nghị-viện Mỹ bổ - dụng. Theo luật Jones, quan phó Tổng-đốc lại vừa kiêm làm học-vụ-tổng-trưởng, và giúp quan Tổng-đốc làm mọi việc.

Khi quan Tổng-đốc vắng thì được thay quan Tổng-đốc và chức-quyền cũng như quan Tổng-đốc. Khi cả hai quan chánh-phó cùng khuyết thì quan Giám-quốc cử một người trong năm viên bộ-trưởng để quyền chức Tổng-đốc. Quan chánh phó Tổng-đốc tuy là người Mỹ, nhưng năm quan bộ-trưởng đều là người Phi cả.

Luật Jones có định rằng Nghị-viện sẽ chỉnh-đốn lại các bộ. Vậy năm 1916 lập ra bốn bộ : Nội-vụ, Công-thương và cảnh-sát, Tài-chính và tư-pháp, Học-chính. Cách sắp đặt ấy bị bài-bác dữ lắm, thứ nhất là vì để một bộ kiêm nhiều việc khác nhau, như công-thương với cảnh - sát, tài - chính với tư-pháp ; bởi thế nên sau đặt ra sáu bộ, cho đủ với các chức-vụ cốt-yếu một chính-phủ văn-minh : Nội-vụ, Học-chính, Tài-chính, Tư-pháp, Nông-nghiệp và các tài-sản thiên - nhiên, Thương-nghiệp và giao-thông.

Các quan bộ-trưởng, trừ quan Học-bộ tức là quan Phó Tổng-đốc, đều do

(1) Việc Phi-luật - tân và việc Porto Rico thuộc về một tòa riêng, gọi là « Tòa việc các đảo » (*Bureau des affaires insulaires*) ở Bộ Lục-quân.

quan Tổng-dốc bỏ-dụng đầu mỗi khóa nghị-viện, nghĩa là cứ lệ ba năm một, có Thượng-nghị-viện Phi-luật-tân duyệt-y; phải là người thuộc quốc-tịch Phi-luật-tân (1), phải ở trong nước ba năm luôn trước khi được bỏ và tuổi phải ít ra là 30; song cứ thực-sự thì các bộ-trưởng thường-thường là Thượng-Hạ-Nghị-viện cả. Bộ-trưởng có trách-nhiệm trước đối với Nghị-viện, sau đối với quan Tổng-dốc (2). Mỗi quan bộ-trưởng lại có một quan thư-trưởng thường-chức, nghĩa là không phải cứ hạn thay đổi, để khi khuyết bộ-trưởng thời tạm thay, hay là quan Tổng-dốc có thể tùy-nghị dùng để giúp việc quan bộ-trưởng nào khác cũng được.

Các nha-môn ti-sánh đều chia ra thuộc về sáu bộ, chỉ trừ những sở như sau này : 1^o sở kiểm-sát tài-chính (*bureau of audits*) và tòa quan-lại thì thuộc thẳng quyền quan Tổng-dốc; 2^o quan-lại và những người làm việc ở Thượng-Hạ-Nghị-viện thì thuộc quyền các ông nghị-trưởng các viện ấy; 3^o quan-lại viện Thượng-thẩm thì thuộc quyền quan viện-trưởng.

Các tòa-sở chia thuộc các Bộ như sau này :

Thuộc bộ Nội-vụ : Tòa coi các rợ ngoại-đạo (nghĩa là không theo đạo Thiên-chúa); nhà Thương chính Phi-luật-tân; sở thanh-tra các nhà bán thuốc; sở thanh-tra các gạch thầy thuốc, thầy chữa răng và thầy chữa mắt; sở thanh-tra các gạch khán-bộ; sở thi-hành (?), sở cảnh-sát; sở coi việc phổ-thông-cứu-tử; các thị-sánh

Manille và Bagulo; các bành-chính-nha-môn ở các tỉnh và các thành-phố.

Thuộc Học-bộ : Sở Giáo-dục; sở vệ-sinh; sở cảnh-sát về vệ-sinh;

Thuộc bộ Tài-chính : Sở Thương-chính; sở quốc-tế-chi-thu; sở kho-bạc; sở nhà in; sở đúc bạc;

Thuộc bộ Tư-Pháp : Các sở án và các nhà tù; các tòa án đệ-nhất-cấp và tòa án dưới; sở trước-bạ điền-thổ (lời *Torrens*); hội-đồng coi các sở công-ích; các nhà thư-viện và nhà bảo-tàng;

Thuộc bộ Nông-nghiệp và sản-nghiệp thiên-nhiên : sở Nông-lâm; sở cho đất và nhượng đất; sở coi về đồn-diên; sở coi về thiên-thời (tức sở thiên-văn); viện nghiên-cứu (về tự-nhiên-học).

Bộ Thương-nghiệp và giao-thông : Sở công-chính, bưu-chính, sở cung-cấp; sở công-thương, sở lao-dộng; sở địa-dur và dẫn-thủy.

Từ năm 1918, hợp các bộ-trưởng và nghị-trưởng hai viện lại làm một « Quốc-sự-Hội » (*Conseil d'Etat*), quan Tổng-dốc làm chủ. Chức-quyền của Quốc-sự-hội tóm-tắt như sau này : điều-hòa công việc của phần người Phi-luật-tân trong chính-phủ; bàn giúp quan Tổng-dốc trong những việc trọng-yếu; duyệt-y các việc trong luật đã định (3); xét và duyệt sở dự-toán trước khi giao ra Nghị-viện; định mấy khoản chi-tiêu về tiền công (4); định về chính-sách của các bộ.

Nghị-viện thì có Thượng-Nghị-viện, thay cho Ủy-hội-Phi-luật-tân cũ, và Hạ-Nghị-viện.

Thượng-viện có hai-mươi-bốn

(1) Người Mỹ phải có nhập-tịch mới thành dân Phi-luật-tân.

(2) Nên nhớ rằng ở Mỹ thời các bộ-trưởng cũng do quan Giám-quốc bỏ-dụng và Thượng-nghị-viện duyệt-y, nhưng không có trách-nhiệm đối với Quốc-Hội, chỉ có trách-nhiệm đối với quan Giám-quốc mà thôi, khác nào như những tay thừa-hành của quan Giám-quốc vậy.

(3) Như luật cấm những người đầu-cơ và lũng-đạo về thóc gạo, trong luật có nói rõ rằng hệ khi cần đến thì quan Tổng-dốc có quyền đồng-ý với Quốc-sự-Hội và sau khi Thượng-Nghị-viện đã duyệt-y ký nghị-định đặt lệ nghiêm-cấm hơn lên được.

(4) Như các khoản chi-tiêu về sự cưỡng-bách-giáo-dục, và lương học cho các học-trò du-học ngoại-quốc.

người, theo luật Jones chia trong hạt Phi-luật-tân ra làm 12 khu, mỗi khu hai người. Hai-mươi-hai thượng-nghị-viên do những nhà có quyền bầu-cử bầu ra, còn hai người thì do quan Tổng-đốc đặc-cử. Nghị-viên bầu thì cử ba năm bầu lại một nửa. Người ứng-cử phải là người có quyền bầu-cử, phải biết đọc hay biết viết tiếng Anh hay tiếng Tây-ban-nha, phải ở Phi-luật-tân ít ra là hai năm và ở trong hạt mình ứng-cử ít ra là một năm đến khi bầu-cử. Ngoài việc lập-pháp, Thượng-Nghị-viện lại còn có ba chức-quyền riêng như sau này : 1^o duyệt-y những lệnh bổ-dụng quan-lai của quan Tổng-đốc; 2^o duyệt-y những nghị-dịnh của quan Tổng-đốc không cho phát-mãi diên-thở công, và những nghị-dịnh bắt tập - hợp các thổ - dân ngoài biên-viên vào những trại riêng; 3^o quan Tổng-đốc muốn dời giá nhập-cảng gạo theo thuế - ngạch đã định phải có Thượng-viện ưng ý mới được.

Hạ-Nghị - viện có 91 người, thay mặt cho 39 tỉnh, mỗi tỉnh tùy lớn nhỏ được 1 người cho đến 5 người. Chín người thay mặt các hạt không theo đạo Thiên-chúa thì do quan Tổng-đốc đặc-cử, các người khác thì do bầu-cử, hạn là 3 năm.

Người ứng - cử phải có quyền bầu-cử, phải hơn 25 tuổi, biết đọc và biết viết tiếng Anh hay tiếng Tây-ban-nha, phải ở trong hạt mình ứng-cử ít ra là một năm đến khi bầu-cử.

Chỉ có Thượng-Hạ-Nghị-viện mới có quyền xét về tư-cách các người ứng-cử và xét về sự bầu-cử có phải phép không.

Mỗi năm, ngày 16 tháng 10, họp hai Nghị-viện làm hội-dồng thường-niên, mỗi khóa thường-niên không được lâu tới quá 100 ngày, trừ chủ-nhật. Quan Tổng-đốc có thể lâm-thời họp thành khóa đặc - biệt, mỗi khóa

không được lâu tới quá 30 ngày.

Khóa thứ nhất sau kỳ tổng-luận-cử, mỗi viện bầu một ông Nghị-trưởng, ở Hạ-viện thì gọi là *Speaker*, ở Thượng-viện thì gọi là *President of the Senate*, lại bầu một chức thư-ký và một chức chủ-sự; lại định qui-tắc trong viện, và dự-dịnh các cách trừng-phạt đối với những nghị-viên phạm phép, khi nào ở Nghị-viện đồng-ý thì có thể đến trực-xuất viện-ngoại được. Phải có ít ra một nửa nghị-viên có mặt thì nghị-viện quyết-nghị mới có giá-trị. Đương kỳ hội-dồng, viện này không thể đình lại quá ba ngày mà không có viện kia ưng-thuận; khi nào hai viện trái ý nhau về kỳ-hạn đình họp, thì do quan Tổng-đốc quyết-dịnh.

Mỗi viện phải làm biên-bản các hội-dồng và phải công-bố ra; hễ có một phần năm nghị-viên có mặt xin, thì những vé bỏ « ưng » hay « không ưng » phải biên rõ.

Trong khi tại-chức không nghị-viên nào được nhận một quyền-chức gì do Nghị-viện mình kén chọn, trừ có chức ủy - nhiệm - đặc - phái (*resident-commissaire*) ở *Washington*; cũng không được nhận những quyền-chức hoặc có lương hoặc không lương do Nghị-viện đặt ra hay là do Nghị-viện tăng-lương-bổn trong hạn khóa mình.

Trừ tội phản-quốc, tội phản-nghịch hay là một trọng-tội gì đáng phải xử tử, hay là đáng phải phạt giam ít ra là 6 năm, trong khi Nghị-viện họp hội-dồng và trong khi nghị-viên đi đến hội-dồng hay ở hội-dồng về, có tội gì cũng không được phép bắt; lại khi ở Nghị-viện diễn-thuyết hay là nói-năng gì cũng không ai được bắt-bẻ.

Hai Nghị-viện có quyền lập-pháp, trừ có Hiến-pháp thì do Quốc-Hội Mỹ đặt, và trừ mấy điều riêng trong luật Jones đã định.

Nghị-viện tuy có quyền tăng mà không có quyền giảm quyền thẩm-pháo của viện Thượng-thẩm cùng các tòa án sơ-cấp; không có quyền đòi hoặc bỏ những khoản dự-toán về lương-cấp các nghị-viên; không có quyền thay Quốc-Hội Mỹ nghị về giá thuế thương-chính của Mỹ với Phi-luật-tân; không có quyền nghị bỏ sở Giáo-dục, sở Vệ-sinh và sở coi các rợ ngoại-đạo; không có quyền lẫn những quyền hành-pháp của quan Tổng-dốc; không có quyền tăng thuế xuất-cảng; không có quyền phạm « luật về quyền - lợi » (*bill of rights*); không có quyền lập những luật-pháp không thể bãi bỏ được hay là có hiệu-lực về việc trước; không có quyền xử tử.

Đó là những điều Nghị-viện không có quyền quyết-nghị. Nhưng trong luật *Jones* lại có định rõ nhiều quyền riêng của Nghị-viện. Như về việc bầu-cử thì Nghị-viện có quyền định cách-thức bầu-phẩm, định số các khu bầu cho các đại-biểu, định ngày bầu-cử và định tư-cách người bầu-cử; có quyền đòi chức-quyền các bộ, có quyền yêu-cầu quan Tổng-dốc bỏ - dụng hay là cách-chức các bộ-trưởng; có quyền quyết-nghị về các quyền công-dân và quyền sở-hữu; có quyền đặt các thuế trực-tiếp và thuế gián - tiếp. Song những luật của Nghị-viện Phi-luật-tân quyết-nghị hay những đặc-quyền của nghị-viện thuận cho, Quốc-Hội Mỹ bao giờ cũng có quyền sửa đổi hay bãi-bỏ được.

Quyền lập-pháp của Nghị - viện không có thể giao-ủy cho người khác theo lối các nước Anh Mỹ; song theo đặc-lệ, Nghị-viện có thể ủy quyền cho các quan địa-phương nghị-dịnh những việc nhỏ chỉ quan-hệ trong địa-phương mình. Lại cũng có thể ủy quyền để định cách thi-hành luật-pháp; như hội-đồng coi việc công-tch được qui-dịnh

về việc vận-tải giao-thông và định giá-nghạch cho các công-ti giao-thông.

Chức-quyền của Nghị-viện đã hạn-chế như trên, lại phải theo những thể-lệ riêng thuộc về hình-thức. Một đạo luật chỉ được quyết-nghị về một việc nhất-định, những điều nào ra ngoài việc ấy thì không có hiệu-lực. Như năm nọ Nghị-viện có quyết một đạo luật về « công-diễn công-thổ » (*Public Land Act*), trong luật ấy có mấy điều về tư-diễn tư-thổ, tòa Thượng-thẩm tuyên-bố vô-hiệu-lực.

Trên đã nói quan Tổng-dốc có quyền không duyệt-y các luật của Nghị-viện. Lại có những luật phải có quau Giám-quốc duyệt-y nữa mới thi-hành được, như luật về thương-chính, về công-thổ, về thuế con niêm, về mỏ, về các di-dân, về sự giao-thông, về sự đúc bạc; nhưng luật đã đệ-trình quan Giám-quốc mà kể từ ngày trước - hạ ở *Washington* quá sáu tháng quan Giám-quốc không duyệt, có thể đem ra thi-hành được.

Có điều lạ nhất trong chính-thể Phi-luật-tân là Thượng-Hạ-Nghị-viện được cử mỗi viện mấy người « ủy-nhiệm-đặc-phái » ra ngồi ở Hạ - Nghị - viện *Washington*. Lệ đó mới đặt ra từ năm 1902, do quan Tổng-dốc Taft xướng ra (ngài sau làm Giám-quốc Mỹ), nhưng mãi đến năm 1907 mới thực-hành.

Các viên đặc-phái Phi-luật-tân đó cũng có lương-bổng về tiền phụ-cấp về thư-ký như nghị-viên Mỹ; lại có thêm tiền phụ-cấp về lộ-phí nữa. Dầu không được quyền quyết-nghị, nhưng được quyền nghị-luận về các vấn-đề dầu không quan-hệ đến Phi-luật-tân mặc lòng, quyền đó các đặc-phái Phi thường lợi-dụng để tỏ bày lòng nguyện-vọng của quốc - dân mình cho quốc-dân Mỹ biết.

Các cơ-quan khác của Phi-luật-tân ở Mỹ là các thương - cục ở *New-York*

và San-Francisco, sở Cung-cấp, một chi-điểm của nhà băng Phi-luật-tân ở New-York, sở trả tiền trợ-cấp, sở tuyển các thầy giáo sơ-học, sở giao-thiệp với các báo-quán, và hội-đồng vận-động việc độc-lập.

Phi-luật-tân cũng như đảo Porto-Rico thuộc về Bộ Lục-quân ở Mỹ, trong bộ có đặt riêng một tòa, gọi là « tòa việc các đảo », để trông nom về các việc hành-chính ở Phi-luật-tân và truyền mệnh-lệnh của Chính-phủ Mỹ; trưởng tòa ấy do quan Giám-quốc bổ - dụng, kỳ-hạn 4 năm, và hàm cùng lương ngang bằng chức thiếu-tướng; có hai người giúp việc ngang bằng chức đại-tá và trung-tá. Tòa ấy phải báo-cáo cho phủ Giám-quốc, bộ Lục-quân, Quốc-Hội Mỹ và các báo-quán biết các việc về Phi-luật-tân và Porto-Rico; lại kiểm-sát về những việc lý-tài của các xứ ấy, những việc gọi quốc-trái, những

việc trữ tiền bạc và mua đồ dùng cho các sở công; lại trông nom về việc tuyển quan-lai cùng người làm việc cho các xứ ấy nữa.

Ấy chính-thể và hiến-pháp của Phi-luật-tân đại-kkái như trên đó. Xem đó thì biết trừ các thuộc-địa tự-trị (dominions) của nước Anh, không có thuộc-địa nước nào được nhiều quyền tự-do về chính-trị như Phi-luật-tân. Quan ALBERT SARRAUT năm xưa diễn-thuyết ở Vău - miếu có ước-ao rằng muốn xin Chính-phủ Pháp cho Đông-Pháp lập ra một cái hiến-pháp rộng-rãi hơn « để cho sự sinh-hoạt trong bản-xứ được ung-dung và khoát-đạt hơn ». Nếu ngày nào tổ-chức được một cái hiến-pháp như thế thì những điều nói trên kia về hiến-pháp Phi-luật-tân có lẽ cũng có ích được ít nhiều vậy.

HỒNG-NHÂN dịch

CÂU CHUYỆN KHÁCH LÀNG CHƠI

(Đoản-thiên tiểu-thuyết)

Một ngày kia, tôi cùng người bạn là ông Kính-trai đi chuyển tàu Phi-long từ Hà-nội về, đến bến Tân-đệ, đồng-hồ vừa đúng 11 giờ, anh em giắt tay lên bến tìm chỗ trú chân. Chợt thấy ở trong hàng chạy ra một người, bả-lả chào mời, chúng tôi bỡ-ngờ chưa biết là ai, hỏi ra mới biết là vợ ông Văn-nham là cựu-quân chủ-nhân của chúng tôi đó. Một hai khi chúng tôi đi lại, thường vào nhà nghỉ-ngoi, nên hôm ấy bà ta nghe tiếng ra mời. Anh em vào quán nghỉ chân, quán trọ làm quay mặt ra sông, rộng-rãi và mát-mẻ lắm; ngồi trước cửa sổ trông ra ngoài sông, mấy chồi dương-liễu xanh um. làn sóng mỏng-mền in những bóng trắng lóng-lánh, hình như trăm nghìn con kim-xà ngoi trên mặt nước, trông thật là ngoạn-mục. Bấy

giờ tuy đêm đã khuya rồi, nhưng mà đối-cảnh-sinh-tình, muốn ngủ không sao nhắm mắtặng, liền bảo pha chè uống; chung quanh lặng-ngất như tờ, chỉ nghe những tiếng sóng vỗ ý-um, cùng tiếng lá kêu lắt-tắt, nổi cổ-hương như chan-chứa bên lòng, hai anh em ngồi lặng-ngất nhìn nhau, mỗi người cùng có một cái tâm-sự riêng, không gì buồn cho bằng hai người cùng một tâm-sự mà ngồi đối nhau trong một cái cảnh lữ-khách đêm thanh, bút nào mà tả ra cho hết...

Đang lúc ấy, bỗng nghe có tiếng trống bát xa xa, tôi cùng ông Kính-trai đều có hứng đi hát, bèn gọi chủ-quán ra hỏi: « Gần đây nghe văng-vẳng có tiếng trống châu, hẳn là có nơi vũ-quán ca-trường chi đó? Nhờ chủ-nhân ông dẫn-duyên cho,

gọi là khiên-hưng trong lúc khách-huống vô-liêu ».

Chủ-nhân vừa nghe đoạn, lắc đầu quây-quay mà bảo chúng tôi rằng :

— Dám thưa hai vị tiên-sinh, chẳng hay các ngài còn lạ chi những phường liễu-ngõ hoa tường, đem màu son-phấn đánh lừa còn đen, rồi mai hương phai phấn lợt, thì lâu-xanh lại bỏ ra phường lâu-xanh, thôi những con người ấy thì tiên-sinh còn cần làm chi.

Tôi hỏi : — Chẳng hay chủ-nhân-ông có thù gì với bạn hồng-lâu, mà đem lòng quả-khắc như vậy ?

Chủ-nhân : — Thưa tiên-sinh, nào có phải tôi ghét gì nghề đi hát dẫu, chính tôi đây là người tốt-nghiệp ở khoa đi bát ra mà nhà tôi đây (vợ chủ-nhân) cũng là một vị hoa-khôi ở trong đám rừng hoa bẽ phẩn ngày xưa. Tôi xin hiến tiên-sinh câu chuyện sau này, chính là cái hoa-nguyệt-sử của chúng tôi trong lúc thanh-niên, xin tiên-sinh chớ cười.

Nói đoạn gọi vợ đưa ra một hồ rượu cung các thức ăn, bấy giờ chúng tôi cùng chủ-nhân cùng uống rượu.

Bà chủ tôi, tuy người đã nửa mạc, mà cách-diệu hầy còn phong-nhã, ăn nói hầy còn dịu-dàng lắm, trông người rất có thi-vị, chắc rằng cái nghề quyến anh rử yến, bà cũng đã vào bậc cỏi-tột trong đám hồng-lâu vậy.

Chủ-nhân thiên-tinh rất là phóng-dật, rót rượu mời khách rồi cất cốc mà nói rằng :

— Tiên-sinh nghe câu chuyện của bỉ-nhân sau này, chắc có lẽ hầy còn đắm-thắm gấp trăm gấp nghìn câu hát nhằm ngấm-ngà vô-vị của các ả hồng-lâu.

Tôi nguyên là con nhà gia-thế, cũng mạch thư-hương, ngày còn bé học-hành thông sớm lắm, ông thân tôi tuy bấy giờ chẳng lấy gì làm giàu, song kẻ cũng vào bậc trung - phú. Năm tôi 16 tuổi, cho ra học ở tỉnh, tôi cũng nhờ có giáo-dục gia-dinh, cho nên tính nết thuần-cần, ai cũng khen là người học-trò chín-chắn,

chỉ ngày đêm làm bạn với ngọn đèn quyền sách, những nơi hoa-nguyệt, chưa hề để gót đến bao giờ. Cách hai năm nữa, tôi vừa 18 tuổi, khoa thi hương tới nơi.

Ba thu gặp hội mây rồng, nam-nhi trắng nợ tang-bồng là đây. Cũng tưởng rằng bằng hay còn nhầy, rộng bước đường mây, chắc nay mai rạng vẻ đèn trời, cũng nhấp-nhôm ông cống ông đồ chi đó ; ai ngờ dẫu học tài thi phận, bằng người thi bốn tên mình có ba, thế mới thực là chán ! Ôi ! công danh-hỏa mười năm !

Bấy giờ tôi nghĩ chán quá, cái thói cảm-khái của nhà nho như thế là thường, cảm-sinh sâu, sầu sinh dặng. Thôi, học chẳng học thì chớ, đồ chẳng đồ thì đừng, ngày xuân thấm-thoát, chơi bao nhiêu là lãi bấy nhiêu, tội gì đem cái phù-vân phú-qui hận lòng làm chi, cứ ngày ngày năm ba anh em, tìm thú mua vui, từu-dịa ca-trường, không chỗ nào là không có cái gót chân phong-lưu công-tử. Ai ngờ dẫu con nhà nề-nếp, nhất-dân bị cái ma hoa-nguyệt nó run-rủi đến như thế ! Ông thân tôi tính-nết rất là nghiêm-ngặt, nhiều phen đánh mắng tàn-tệ, cấm cửa không cho về đến nhà, song bấy giờ tôi đã biết nghĩ gì dẫu, chỉ ham-mê những sự chơi-hời, thánh-nhân đã dạy : « nhân-dục tướng, thiên-lý vong », cái nhân-cách của tôi bấy giờ so với mấy năm trước thành ra khác hẳn.

Bấy giờ ở tỉnh Nam-dinh có một cô dẫu tên gọi dẫu Phương, danh-giá nhất tỉnh Nam, thực là nổi danh tài-sắc một thì, xôn-xao ngoài cửa thiếu gì yến-oanh, tôi nhất-dịnh lần mò đến chơi cho được ; cái phường ma dối thấy hơi hương chớ nào là tìm đến được ngay, ấy các cậu thiếu-niên công-tử đối với cái mối nguyệt-hoa, tình-cảnh cũng như vậy.

Tôi bắt đầu vào chơi trong viện, thì được lòng bà mi-nhân yêu-mến ngay. Chao ôi ! tiền thì ai bà ấy chả yêu, yêu dẫu yêu lạ yêu lùng, yêu đến nỗi cùng giường cùng chiếu, cùng bát cùng mâm, cao đến nỗi trong túi tôi có đồng xu nhỏ nào, bà ấy cũng yêu-đương kỳ cho tiết sạch.

*Nguyệt-hoa hoa-nguyệt nẻo-nùng,
Đêm xuân ai dễ cầm lòng được chẳng.
Lạ chi thanh-khi lẽ hằng,
Một giây một buớc ai dằng cho ra?*

Khi rượu sớm, lúc chè trưa, mệt-mê trong cuộc truy-hoan, nhiều phen thê-thốt nặng lời, nàng chỉ quyết cùng tôi một lòng vàng đá.

Yêu nhau quá đỗi nên mê, mình thì trẻ người non dạ, thực bụng tin người, nó coi mình như con nít, nó bảo thế nào mình cũng phải nghe, không hề dám ngang trái. Than ôi! ái-tình là một vị thần rất anh-linh.

Sớm đào tối mạn, lần - quần đi về, cùng nàng đan-dầu, hơn một năm trời. Các ngài tưởng giá có rừng tiền bẽ bạc rồi cũng phải hết, huống chi nhà tôi của-cải có là bao, mà ông thân tôi thì nhất-diện không cho nhìn mặt, thì còn có tài gì làm cho này tiền, mà đút vào cái hang không đáy cho đầy được.

Nay họ xin cái này, mai họ xin cái khác, đeo cái huy-hiệu công-tử mà đến nỗi không có tí gì để tặng cho tình-nhân, thì đi lại lắm nó cũng mặt dạn mày dày. Sự này biết tính thế nào, đành phải tìm một chỗ đồ-trường nào dễ mà « dạy-hóa », nhưng làm gì có vốn bây giờ, đi vay nợ chẳng? thôi thì một vốn bốn lãi, cũng nhắm mắt vay liều, nợ đời trả trả vay vay!

Bấy giờ đã có tiền rồi, « ộp nhau năm bảy anh em, chè chè rượu rượu, rủ nhau đi hát của phù-vân; ngờ đâu thói đời giáo-giờ, họ thấy mình non mặt, chưa sõi nghề chơi, trăm tên nhắm một dụn, thành ra mình chỉ thua đầu thua đuôi hết cả!

Tiền lưng đã hết, nhân-ngãi cũng « phũ-la-căng », tình-cảnh có Phương đối với tôi bấy giờ cũng thấy mỗi ngày một lạt. Một hôm nàng bảo tôi rằng: — Chàng ơi, thực vì chàng mà thiếp phải thiếu-thốn trăm đường, chàng phải biết cho lòng thiếp ở với tri-âm như thế là chí-tình vậy, nhưng chàng phải làm thế nào mới được chứ, riêng về phần thiếp thì...

Tôi hỏi: — Về phần nàng thì làm sao? — Về phần thiếp thì thiếp chỉ một lòng yêu-mến chàng....

Đó là một câu nàng nói chửa, chứ thực thì tôi đã biết đến ruột rồi. Bây giờ tôi không biết nói thế nào, chỉ thở ngắn than dài, rồi kết-cục lại một câu: « Lo gì sự ấy, một canh bạc phát-tài giảm bấy trăm thì tiêu chán chứ gì, đã yêu nhau thì quản gì sự túng-bần nhất-thì ấy? »

Mình thực là không trái việc đời quá, mới vỡ lòng học cái nghề chơi, mà đã toan tập-tiền đi đánh bạc để làm giàu thì xuân quá! Chơi gái mà không tiền còn mong cho người ta yêu sao được, người ta chỉ yêu vì tiền, ngoại-giả còn yêu cái gì nữa?

Từ đấy trở đi, cứ thấy lạt dần, một khi lại chơi, thấy bà chủ viện bảo tôi rằng: — Thưa công-tử, xin công-tử biết cho rằng nhà tôi là nhà bán hàng, chỉ người nào có tiền, mới được cái quyền-lợi ở trong nhà hàng mà thôi, nếu công-tử không mua bán gì, xin đừng đi lại thêm phiền.

Gớm! mình nghĩ mới bạc làm sao, khi mình có tiền trăm bạc nghìn vào chơi, giá bà ấy cũng bảo cho như thế thì thực phúc bấy mươi đời, đến bây giờ rận khổ chẳng còn, giờ ngay cái mặt con dĩ già ra được. Nhưng cũng không lẽ nói thế nào được, đành phải nuốt cay ngậm đắng mà ra. Thôi, từ bấy giờ không còn hén mảng đến phố Bình-khang nữa. Thế mới thực mất tiền mà đại, về nhà không mặt nào trông thấy nghiêm-phụ, ra ngoài không mặt nào trông thấy anh em, ngồi nghĩ cách sinh-nhai thực là dở-dang quá, tôi tính ngay một kế là tìm chỗ ngồi tư-lương dạy trẻ, nương-nấu đợi thì, nhưng mà chẳng ma nào nó nuôi. đi quanh đi quẩn, lên đến Hà-nội, tư-tết đến nơi, định đi viết thuê. Muốn cho đắt hàng, thì chỉ vào những cho phẩn-trang-lầu, họa chẳng cái chữ nghĩa của ông hàn-nho mới có giá-trị. Một hôm tôi hỏi thăm vào nhà một cô đào kia,

là người danh - giá nhất Hà - thành, tên gọi Ái-kieu (ấy chính là nhà tôi bây giờ), mình vào đây bây giờ không phải là ông du-khách tôn-nghiêm như ngày trước nữa. Quần nâu áo vải ra hình hàn-nho, cả tội thanh-lâu trông thấy mình đều khúc-khích cười thắm. Tôi thẹn quá, nhưng cũng phải đánh bạo mà thưa lại rằng: « Các cô họ là còn phải cười-cợt nhau chứ, tôi đây cũng là người trong tội yên-hóa, đã trải cảnh tàn-hoa bại-liễu, cười người đã nhiều mà khóc người cũng đã lắm, áo xanh quần thắm, một phường thiên-nhai; thưa cô, cô cũng như tôi, chẳng thương thì chớ nữa cười nhau ru ! »

May sao Ái-Kieu cũng là người phong-nhã, thấy tôi nói vậy, liền rủ lòng thương, mời ngồi nói chuyện, rồi nhờ viết mấy cái câu đối. Tôi còn nhớ mấy câu đối như sau này :

1. — Khúc hát Tầm - dương, gặp-gỡ chan-
chan người bốn bề ;
— Cung đàn Thủy - dịch, đi về đàn - diu
ngợ ba xuân.
2. — Trời đất cũng đa-tình, xui bác xuân-
công, cứ phổ yên-hoa đi lại mãi ;
— Phấn sơn càng tủi phận, hỏi ông
nguyệt-lão, cùng phượng khấn yếm
ghét-ghen chi.
3. — Xuân cũng chiều người, sân lý mưa
lồng man-mát bóng ;
— Hoa còn đợi khách, cảnh lệ trắng diễm
một vài bông.
4. — Xuân đến nhẩn cùng hoa cỏ biết ;
— Tình riêng giãi với gió trăng thâu.
5. — Duyên nợ những sao đây, một giấc
hãy còn vơ-vẩn bướm ;
6. — Hẹn hò ai đó tá, ba xuân chờ để phụ-
phàng hoa.

Đoạn rồi Ái-kieu đưa tặng tôi một nén bạc. Tôi được tiền ấy, mới ra sắm-sửa quần áo, sửa tủi hồi-trang, định về mượn một người bạn tâm-giao đến nói với ông thân tôi rằng : Từ rầy tôi đã biết hồi quá, xin thân-phụ tôi rộng thương cho về tự-

chí học-nành. Ông thân tôi thấy tôi đã biết hồi-dầu, cũng rộng lòng thương. Từ đây tôi về nhà chú-ý về việc sinh-nhai, tôi muốn chuyên về nghề thực-dụng, bèn tìm một ông thầy thuốc để học thuốc, không bao lâu tôi đã thành ra một người danh-y. Cách ba năm về sau, tôi đi làm thuốc, tình-cờ lại gặp Ái-kieu ! Chợt trông tôi lấy làm ngạc-nhiên quá, tay cấp cái thúng con, di lẻo đẹo một mình, ăn mặc tồi-tàn quá !

Xưa sao phong gấm rủ là ?

Giờ sao tan-tác như hoa giữa đường ?

Cùng xuống với tôi một chuyến đồ đạc, chừng là quên tôi, tôi hồi rồi mới nhận ra.

Càng trông mặt càng ngăn-ngor,

Người quen năm trước bây giờ là đây.

Xuống thuyền rồi nàng kể cho tôi nghe cái trạng-buồng của nàng từ đây đến nay. Trong truyện Kiều có câu rằng :

Xụi-xụi giờ nổi đoạn-tràng,

Giọt châu tâm-lũ đượm tràng áo xanh.

thực là đúng cái cảnh-trạng của chúng tôi trong đêm hôm ấy.

Nàng kể cho tôi nghe như sau này :

— Nguyên em từ thuở nhỏ, gặp cơn gia-biến, lỡ chân bước phải lối phồn-hoa, đeo mang lấy chữ tài-tình, chìm đắm trong nơi hoa-nguyệt, đang lúc má phấn môi son, xuân xanh mơn-mởn. nào tưởng hoa tàn liễu úa, phận bạc pha-phôi, nghĩ đến thân-thể bao giờ, thì lại đau lòng đồ đoạn.

Cái khi mà em gặp tiên-sinh, chính là cái hồi em làm ăn đang phát-tài. Cách ít lâu có một ông huyện đến chơi, ông mới gặp em lần đầu, đã đem lòng quyến-luyến ngay.

Lạ chi thanh-khi lẽ hằng,

Một giây một buộc ai giằng cho ra !

Sớm dào tởi mặn lân-la,

Trước còn trắng gió sau ra đá vàng.

Ông quyết định cưới em về làm vợ hai. Nguyên ông mới được bổ làm Tri-huyện,

vợ cả ở nhà quê, nên ông muốn cần một người để làm bạn trong khi viễn-hoạn. Ông cưới em về huyện được non một năm trời, ông coi em thật như bát nước đầy, vợ chồng hòa-thuận. Không ngờ phải tay vợ cả phũ-phàng, từ nghe vườn mới thêm hoa, thì lập-tức lên huyện ngay, hăm-hăm chẳng hỏi chẳng tra, đang tấy dập hoa vùi liễn. Gớm cho cái giống Hà-dông-sur-tử, làm cho ông huyện tôi cũng phải bó tay. Mà tôi thì rúng chàm trót đã dại rồi, dầu sao cũng ở tay người biết sao? Mày dầy mặt dạn, cam phận tôi-dòi, tôi ở đây hơn một năm trời, cái cảnh ớt cay vôi nồng không thể nào chịu được, tôi đánh xin với ông huyện liệu bài mở cửa cho ra. Ông cũng đành cần rằng bề một chữ đồng, gạt nước mắt mà đưa cho em năm nén bạc. Thôi, bấy giờ cao chạy xa bay, thế là thoát nợ. Nhưng, nào đã thoát đâu:

Chém cha cái số hoa đào.

Cởi ra rồi lại buộc vào như không!

Em ra khỏi huyện được vài ngày, tình-cờ lại gặp một chàng thiếu-niên, ăn mặc lịch-sự coi ra phết phong-lưu công-tử lắm. Anh chàng thấy tôi lân-la lại gạ chuyện. Tôi thấy con người tử-lẽ, không nỡ mẫn thình, đem cả nông-nỗi của mình, kể cùng người khách qua đường.

Đầu mày cuối mắt, sóng tình phiêu-phieu. Trước còn gió-trắng, sau ra vàng-dá. Tôi theo anh ta về nhà, tưởng rằng được chốn yên thân, ai ngờ cũng phường Bạc Sở.

Thân em đã xác như vờ,

Gặp chàng công-tử như cò lông công.

Lưng vốn em bấy giờ cũng được giã mổ bảy chục, giá thử ăn tiêu lần - tiện, buôn-bán lần - hồi, thì cũng đủ dùng, nhưng mà khốn, cái ông chồng em nó chẳng ra gì, rượu chè cờ bạc nó thì chơi hoang, được mấy ngày thì sạch lau-lau cả. Nay nháo-tinh này, mai nháo-ngãi khác, làm cho em đau-dớn đêm ngày, thậm-chí thượng-cẳng tay, hạ-cẳng chân,

không còn thiếu chi những trò phong-nhã. Biết rằng dất xấu nặn chẳng nên nổi, thôi thì sớm liệu tìm đường cho xong. Em ở nhà hần bước chân ra đến nay vừa được năm ngày.

Thưa tiên-sinh, cái tâm-sử của em từ đó đến nay, đầu đuôi như vậy, tiên-sinh thử nghĩ xem trong bọn quần-thoa có ai mà lại tồi-tàn điều-đứng như em không, hử tiên-sinh?...

Nàng vừa nói đến đó, thì sấm uét mặt lại, nước-nở nói không ra lời.

Tôi rất lấy làm ái-ngại cho tình-cảnh nàng trong đêm hôm ấy, tìm lời khuyên-giải, để cho khuây-khỏa cái nỗi thương-tâm của nàng.

Than ôi! thân-phận lạc loài, cùng nhau một lứa bèn trời long-dong. Cái tình-cảnh của nàng khi ấy cùng với tôi trong mấy năm trước thực là cùng người một hội một thuyền.

Đồng-bệnh tương-lân, là lẽ thường kim-cô; cái cuộc tình-duyên của chúng tôi gặp-gỡ nhau, thực là trải bao nhiêu nỗi đắng cay sâu khổ mà đến chỗ thanh-thú êm-đềm, có phần khác với cái cuộc giải-cầu tầm-thường của thiên-hạ. Đoạn-trường ai có qua cầu mới hay!

Chúng tôi cùng nhau kết duyên cầm-sắt, đến nay đã ngoại mười năm trời, hồi-tưởng đến chuyện cũ mà rung mình, xiết bao si, tình, vui, sầu, cái thân-thể của mình thực cũng mơ-màng như giấc mộng.

Ấy cái sự chơi là thế, cái cuộc phong-tinh hoa-nguyệt là như thế, đang lúc tâm-trí mình bấy còn mê-mệt vào sự đắm nguyệt say hoa, thì còn biết gì là hay là dở, là đại là khôn. Than ôi! lúc trẻ không nghĩ, lúc khôn đã già!...

...

Chủ-nhân kể đến đó, câu chuyện vừa hết, cuộc rượu vừa tàn. Nghe thôi khách những thần-thờ, gà đã gáy sáng trời vừa rạng đông.

NGUYỄN NGỌC-THIỀU

TIÊU-THUYẾT

TUYẾT-HỒNG LỆ-SỬ (1)

雪 鴻 淚 史

(Ai-tình tiêu-thuyết)

V

CHƯƠNG THỨ IX

Tháng tám

Heo-hắt khí thu, lúc mưa lúc tạnh ;
cánh buồm xuôi gió, tìm đường hôm
xưa ; một trận mông-mênh, qua cơn
sóng gió ; tấm lòng khao-khát, lại sắp
đoàn-viên ; vì gặp trận bão mà chậm
mãi đến trưa hôm sau mới tới nơi,
bước chân vào đến nhà, cảnh hoa hôm
nọ, bóng nguyệt đêm xưa ; người đầy
cảnh đây, hôm nay ngày nọ. Bạn quen
quen tự bao giờ?...

Ông Thôi thấy tôi sang, chống gậy
lộc-cộc ra đón mừng-rỡ, cười nói vui-
vẻ lắm. Một lát người nhà dọn rượu
lên cùng ngồi ăn cơm chiều, nhưng
không biết làm sao không thấy thằng
Bằng-lang ra chào, con Thu-nhi cũng
mất hút không thấy cả, lạ quá !

Ông cụ Thôi chợt nói chuyện rằng :
— Hôm nay tết trung-nguyên, tục làng
tôi mở hội treo đèn. Người nhà ông
Tần Thạch-Si cho sang mời. Ấy hôm
nay thằng cháu cũng theo mợ cháu
và cả con Thu-nhi cũng đưa nhau đi
xem cả. À, cũng may hôm nay thầy
sang, nhân tiện chốc nữa đi xem chơi
một lúc.

Tôi mới nghĩ ra : À, phải rồi, — rồi
đáp rằng : — Xin vâng.

Tối hôm ấy tôi cùng bác Lộc-Bình
đi xem đèn, đến nơi tưởng hội-hè thế

nào, chẳng là chẳng có quái gì, đèn
thì sáng rực như sao sa mà người
chen-chúc nhau như tổ kiến, tiếng
cười, tiếng nói ầm-ầm.

Tôi thoát nghe trên lầu có tiếng
người léo-séo, có tiếng cười ngật-
nghẻo, ngẩng cổ trông lên thấy một
người con gái áo quần nhạt-nhẽo,
dáng-dấp dịu-dàng, đang cúi đầu ghé
tai nói chuyện với thằng bé con, thì
chính là Bằng-lang và Lê-Ảnh, tôi cứ
nhìn mãi mà thằng Bằng-lang thì cứ
nhơ-nhác trông ngược trông xuôi, rồi
thấy Lê-Ảnh liếc mắt nhìn xuống. Bốn
mắt trông nhau, đôi lòng buộc chặt,
lòng gang dạ sắt, cũng say vì tình.

*Non sông đừng dựa một mình,
Rõ người trước mắt phải hình trong*
[quang.

*Bấy lâu xa cách hồng-irang,
Phấn son nhạt-nhẽo sắc hương lạnh-lùng.*

Một lát thì thấy mất cả, tôi nhơ-
nhác tìm mãi chẳng thấy, rồi cũng chào
bác Lộc-Bình mà về.

Về đến nhà ước chừng canh hai,
thấy Bằng-lang vẫn đứng đợi ở cửa,
bú ngay áo tôi vừa đi vừa bới rằng :
— Sao thầy về lâu thế, hôm nay thầy
cũng đi xem hội đèn phải không? Vui!
vui quá !

Tôi nói rằng : — Ừ, đi về đi.

(1) Xem Nam-Phong số 77, 78, 79, 80.

Vào đến nhà học đã thấy sắp-sửa
chăn gối đủ cả, Bàng-lang thì cứ quần
lầy tơi mà nói chuyện lảm-nhảm mãi.

— Thầy ạ, thầy cứ ở đây nhé, thầy
đừng về nữa nhé.

Tôi giục Bàng-lang rằng :

— Thôi khuya rồi, về mà ngủ.

Rồi viết một bài thơ tức-cảnh hôm
nay đưa cho Lê-Anh.

Thơ rằng :

*Đôi bóng tình-chung mấy bóng đèn,
Bàng - khuâng tưởng giấc mộng
Hàm-dan.*

*Gió đông nhìn mặt hoa đào kỹ,
Khách lạ hay là lại khách quen ?*

Cái tang tôi yếu lắm. Đến đây mới
được năm ngày, thì lại ốm, hễ quá
trưa thì sốt, cứ đến nửa đêm mới cắt
con mê-mẩn chả biết gì cả, chợt được
lúc hơi tỉnh ra, cứ ngẫm-ngẫm một
minh : dễ thường ta chết thật. Trời ơi,
tôi chết thật ư, chưa chết được, nghĩ
bụng nếu bây giờ tôi chết thì còn ra
làm sao ; lại có lúc nghĩ đến duyên
minh, vừa thương, vừa tiếc, vừa đau,
vừa sầu.

*Kiếp này lỡ bóng trăng thâu,
Hoa sầu xin để đèn sầu sang năm.*

Khi ấy tôi chắc hẳn là chết, vậy có
hai bài thơ tuyệt-mệnh như sau này :

I

*Phong-trần đầy-dọa đủ trăm chiều,
Ta liệu mình ta độ bấy nhiêu.
Sống thác khôn khuấy lòng mộng-
tưởng,*

*Ôm đau sầu ít kẻ nâng-niu.
Thân dà mang giận thả chôn quách,
Ai thiết gì tại phải tiếc nhau.
Hoa rụng giang-nam xuân sắp hết,
Kiếp xưa là cái kiếp bóng bèo.*

II

*Ngực bức mồm khô thở hết hơi,
Khó lòng sống được nữa, ai ơi !*

*Anh em bóng nhận người nam bắc.
Tám-sự hồn quên lệ ngắn dài.
Duyên hên kiếp sau lời nhớ mãi,
Tình si đến chết giận không thôi.
Xin chôn cạnh núi Hồng-sơn nhé,
Hồn via theo vua Thái-Bá chơi.*

Bài thơ ấy tôi cũng chép lại đưa
cho Lê-Anh rồi, xem ý Lê-Anh lấy làm
khổ lắm, vì thơ tôi có một câu rằng :
Ôm đau sầu ít kẻ nâng-niu, nên trong
bụng Lê-Anh vẫn áy-náy mà không
danh, rồi sẽ dặn Bàng-lang nói riêng
với tôi đề xin phép tôi đến tối mai là
đêm trung-thu, ngọn gió im lặng, bóng
trăng tờ-mờ, sẽ sang thăm bệnh tôi.
Than ôi ! Lê-Anh yêu tôi quá, nếu thế
thì sướng lắm, nhưng tôi nghĩ rằng :
Một người gái góa, một khách giang-
hồ, cho rằng tẩm lòng trong sạch
tuyệt-sương, không phải cùng phùng
tang-bộc, cái ước đêm khuya vắng-
vẽ, cũng nên phòng tiếng mạn-dưa.
Vậy tôi không dám nhận lời, rồi viết
giấy trả lời cảm ơn.

*Tương-tư mòn-mỏi đến sương,
Mong cho gặp-gỡ tìm đường cỏi ra.
Nhưng thôi đừng vội tìm hoa,
Cây kia bốn sắn đề mà người hương.*

Ba bốn ngày nay tôi không dám
bước chân ra khỏi cửa, nhưng được
một lời nói của Lê-Anh thì đã tỉnh cả
người, năm lâu thì lại muốn ngồi, là
sự thương của người ta.

Chiều hôm tết trung-thu tôi khoác
áo ra đứng ngoài vườn thì chỉ thấy
heo-bắt gió chiều, phất-phơ lá rụng ;
mặt trời sắp lặn, tiếng trùng kêu
sương. Đột-nhiên thấy có người gọi,
ngoảnh lại thì thấy con Thu - nhi
hót - hơ hót - hải năm áo tôi mà
nói rằng : — Trời rét như thế, thầy ra
đây làm gì, mợ tôi bảo mời thầy về.

Khi về đến nhà trông ra thấy đây

móc lùn-phùn, bóng mây mù-mịt ;
thối, tệt trung-thu, ôi ! đêm hôm nay
còn duyên-phận gì với ông trăng nữa?

Rồi tôi bảo con Thu-nhi rằng : —
Rót cho tao một ít rượu, nhé. — Nó cứ
ngần-ngừ mà nói rằng : — Đề con
hỏi mợ con đã, xem mợ con có bằng
lòng cho thầy uống không. — Vừa
nói vừa cười rồi trở vào nhà trong.

Một lát thấy mang mâm rượu ra và
mọi thức đồ nhắm, tẩm-tẩm mà nói
với tôi rằng : — Nếu thầy không nhịn
được nữa, cứ uống hết chỗ này thì
thôi đấy, chả có mệt.

Tôi cầm cái nậm lắc-lắc xem nhiều
hay ít, thì ước chỉ độ ba chén, rồi thì
bật cười nghĩ bụng rằng : — Khỉ lắm !
người này làm cụt hứng của mình.
Nhưng vì tôi mới ốm khỏi vậy uống bấy
nhiều mà đã say, giốc hết nậm rượu
đứng lên ra ngoài hè thì thấy sân lồi
như mò, bóng mây mù-mịt, chị Hằng-
nga mất mặt không thấy đâu nữa, lại
phải quay lại viết mấy câu thơ này :

I

Bóng nguyệt trung-thu giấu mặt xa,
Giận chòm mây bạc chắn Hằng-nga.
Cũng may cho những người lưu-lạc,
Càng khỏi trông trăng đỡ nhớ nhà.

II

Cách biệt liên-ngã mấy vạn trùng,
Đêm thu dành lối hẹn trăng trong.
Kiếp này không thể đoàn-viên được,
Dù gặp nhau đây cũng uống công !

Còn một ít rượu tôi uống nốt, rồi
thấy hơi say, buồn quá không chịu
được.

Nghĩ ra thân-thể buồn cười,
Cái đời uống rượu là đời ngấm thơ.

Rồi lần-mần lại nghĩ bài từ này :

(Đệu Nhất-tiền-mai)

Gió vàng lác-dác tiếng thu qua,
Vừa tiếc xuân già.
Vừa nhớ xuân già.

Chén rượu mua sầu phụ với hoa,
Mặt trời là - là,
Bóng liễu là - là.

Cái thân phiêu-bạc khúc tỳ-bà,
Chân trời không xa,
Trước mặt mà xa.

Váng-vắt ngấm - hồn chợt tỉnh ra,
Cảm người yêu ta,
Sầu người yêu ta !

Tôi yếu mất đến hơn mười hôm,
mệt quá sau rồi cũng bớt dần, soi
gương thì thấy còm lăm, nghe thằng
Bằng-lang nói mới biết tin Lê-Ảnh
cũng phải cảm, nhưng khỏi rồi.

Gió thu ghen khách tình-chung,
Tò - mò bóng nguyệt lạnh - lòng hơi
sương.

Đồng tây cùng bạn sầm-thương,
Cùng người đồng-bệnh cùng phượng
vô-duyên.

CHƯƠNG THƯ X

Tháng chín

Bước sang mùa thu này, duyệt lại
quyển nhật-ký, bao nhiêu những thơ-
từ, đều là những khúc thương-tâm.
Than ôi ! nhà thơ hay mắc cùn-sầu,
lòng thu thì thật khổn-khở. Trong đời
được mấy nhà thơ, mà sao tôi cứ học
nghề khổn-khở, khi ngấm lá rụng, lúc
vịnh cúc gầy, bụng nghĩ lao-tao, hồn
thơ hi-học, nghĩ cũng buồn cười.

Sáng hôm nay thấy Lê-Ảnh gửi cho
tôi một bài từ.

(Đệu Lâm-giang-tiền)

Một trận gió thu hồn chợt tỉnh,
Xin nhau giọt lệ chung-tình.
Con lằm mồm ruột mối tơ mảnh.
Lòng sầu ghé chữ nghĩa,
Đừng vịnh khúc đêm thanh.

lại kèm thêm một cái tờ rằng :

«Tiếp luôn được mấy bài thơ và từ, tôi đã đang buồn, mà anh lại làm cho tôi nát ruột, thể thì anh định đem bao nhiêu những giọt lệ giọt máu vầy hết cả cho tôi mới hả hay sao ? Thôi, trời thu đã tàn rồi, anh nên trân-trọng lấy mình, đừng ngăm thơ lắm mà thương-tâm. Tôi vẫn thương anh lắm, tiếc anh lắm, mấy hôm nay gió mưa phiền-não, sắp sang đến tiết trùng-dương, anh có còn hứng xem hoa cúc không? Cõi đông nọ tiết trời đã muộn, chị Hoàng-hoa chưa mượn bác làm thơ. Sao anh khổn-đốn làm vậy, tôi cũng không phải là người ít tình, năm canh một bóng, tay cầm quyền sách nhớ ai, anh cứ tự-phụ là đa-tình, nhưng xin chớ cười tôi là phá-hoảng...»

Ngày xưa ông Khuất Nguyên gặp buổi cùng-sầu, phiền-não việc đời, xót thương thân-thể, mấy khúc *Ly-tao*, làm tỏ cho nhà ngăm-vịnh, một ngòi bút, một thoi mực, người không mài mực, mà mực lại mài người.

Văn-chương làm hại hết đời,

Tay mài thoi mực mà mài đến xương.

Buổi chiều mưa gió như cắt lòng sầu, lần-mần nghĩ một bài từ viết gửi cho Lê-Ảnh như sau này :

(Biệu Cán-khê-sa)

Bé nhỏ bây giờ chợt nghĩ ra,

Tưởng còn ngơ-ngẩn mới lên ba.

Non sông còn trẻ đã toan già.

Vịnh nguyệt ngăm hoa trời bắt tội,

Vườn thu ai vẽ được xuân-hoa.

Bán sầu khôn chuộc cái vui qua.

Hoa cúc gầy mòn, trùng-dương hẹn khách ; vườn thu nhạt vẻ, đất khách đau lòng ; trước tôi có bài từ gửi cho Lê-Ảnh, trong bài có câu rằng : *Chén rượu mua sầu phụ với hoa*, chắc Lê-Ảnh cũng biết rằng tôi hay chơi hoa, hôm nay thấy sai mang cho tôi một chậu cúc và một bài vịnh hoa cúc.

(Biệu Mãn-dinh-phương)

*Sắc nước lạ-lùng,
Hương trời lạnh-lẽo,
Đem thân bạn với thu này.
Gió tây đã muộn,
Chờ đợi đến hôm nay.
Hỏi khách đông-li tỉnh chưa?
Mộng phù-sinh say độ mấy ngày?
Hoa cũng tẻ,
Đau lòng ly-hợp,
Người đầy phụ hoa đây.*

Lê-Ảnh đưa cho tôi mấy chậu cúc ấy rồi tôi nghĩ mà cảm-linh, sức nhớ câu Đường-thi rằng :

*Yêu hoa có phải yêu riêng cúc,
Mùa cúc tàn xong thật hết hoa,
nghĩ đến sự đời mà chán quá!
Đã bạn năm sao cho ấm chiếu,
Đang sầu muốn uống cũng không
say.
Cõi đời gặp những phường ma-quái,
Giấc mộng ai ngờ sự rủi may.*

Trận gió tạt ngang, cho thuyền quay lái, tối hôm nay tôi khêu đèn, cầm ngọn bút chép quyền *Nhật-ký*, trông lên, trông xuống, trông ra, trông vào, này cái bàn, này cái giường, này cái gối, này cái chén, này cái đĩa, này cái đèn. Ô hay ! lạ ! không phải nhà ông Thôi nữa rồi !

*Giờ đưa người đến bắc-nam,
Cải thân cơ-lũ hóa làm con chim.*

Thì thành ra tôi đã ngồi ở nhà tôi rồi.

Ài gọi mà tôi về thế này ? Tại làm sao mà tôi phải về thế này ? Ngẫm-nghĩ một lúc thì ra tôi về nhà tôi đến hôm nay đã là ngày thứ ba, nhớ lại hôm trước tôi mới vực dậy, chợt có một người đến chỗ nhà học gọi tôi, nhìn ra, chính là một đứa lái-dò quen của tôi, tên là thằng Thuận. mấy bạn trước tôi sang trường học đây, cũng nó chở dò cả. Tôi hỏi : — May đi đâu ? May hỏi gì ? May ở đâu mà đến sớm thế ?

Thuận nói rằng :

— Cự bà sai đem đồ sang đón cậu về ngay lập-tức.

Tôi hỏi : — Việc gì thế ?

Thuận nói rằng :

— Cháu cũng không biết, cụ chỉ dặn cứ phải mời cậu về ngay.

Lạ quá ! Tôi sợ quá ! Chết ! hay ở nhà có việc gì chẳng ? Cứ thế vùng dậy khoác áo mà ra dò.

Khi tôi ra đi thì sớm quá, cả nhà ông Thôi bấy còn ngủ chưa ai dậy, mà tôi cũng chưa kịp viết mấy hàng chữ đưa cho Lê-Anh.

Về đến nhà thấy mẹ tôi vẫn cười nói như thường, cả nhà đều bình-yên cả, trong bụng cũng hơi mừng, nhưng cũng không hiểu tại làm sao mà gọi mình về, một lát thấy mẹ tôi đưa cái tờ ra.

— Đây cái tờ của thầy Lý Kỹ-Sinh (là người phó-giáo-viên) gửi cho mẹ nói rằng con yếu nặng lắm, không muốn cho người nhà biết tin, vậy thầy ấy nhắn cho mẹ sai người đón con về. Con yếu lắm à ? Sao không gửi tin cho mẹ biết ? Đây tờ của Kỹ-Sinh đây.

Tôi mở xem thì quả-nhiên nét chữ của Lý Kỹ-Sinh thật, và những lời nói trong thư, cũng y như lời của mẹ tôi thuật lại. Tôi lấy làm lạ quá ! Làm sao Lý Kỹ-Sinh gửi bức thư này, mà không nói để cho tôi biết trước. Chết thật ! Ô hay ! Quái lạ ! nghĩ đi nghĩ lại rồi hiểu ngay ra, phải rồi.

Còn nhớ lúc tôi đang ốm, cứ chiều đến thì Kỹ-Sinh sang thăm. Tôi nhớ có một bận Kỹ-Sinh đang ngồi nói chuyện với tôi. Bằng-lang bỗng chạy sầm đến, tay cầm cái tờ đưa cho tôi mới nói được mấy tiếng rằng : — Mẹ tôi bảo rồi trông thấy Kỹ-Sinh mà giật mình. Trong khi ấy tôi cũng nói suề-sòa mà hỏi Bằng-lang rằng : — Giấy giấy-thếp gửi cho thầy có phải không ?

Nhưng Lý Kỹ-Sinh xem ý vẫn có lòng ngờ. Từ đấy thì cứ mỗi một lần Lý Kỹ-Sinh đến, khi thì cho quà, khi thì cho bánh mà làm thân với Bằng-lang. Tôi thì có ngờ đâu cái bụng người gian. Than ôi ! Lê-Anh ôi ! Tôi làm khổ mình quá. Tôi không ngờ để cái quân gian nó giây-vò mình đến thế này. Khốn-nạn, lái-dò sang đón, bước chân đi chưa kịp nói với nhau một lời, chắc mình đau-dớn biết chừng nào !

Hôm nay là ngày thứ tư sau khi tôi về, đã non trưa, thấy bác Tĩnh-Am sang chơi. Ô hay ! Tôi về thì có ai biết đâu ? Sao Tĩnh-Am biết mà sang chơi ?

Tĩnh-Am cũng hỏi rằng : — Bác về bao giờ ? Hôm nay tôi bắt được một việc lạ-lùng, là một cái tờ của người rất thân của bác gửi cho bác. Tôi không dám bóc ra xem, nhưng chắc có sự cần-cấp, sao bác còn ngồi thảnh-thơi làm vậy.

Tôi bóc ra xem thì thấy bao nhiêu giọt lệ giọt mực hoa cả mắt không nhìn thấy chữ gì nữa.

Thư rằng :

« Chuyện này anh về lạ quá, chỗ được một lời bảo nhau, cho là có tờ mẹ gọi, nhưng sao lại vội đến thế ? Hay có ai nói chuyện gì tôi chẳng ? Nhưng mà lo quá, giận quá, anh về thì về, nhưng cũng còn có khi lại đến nhà tôi, về thì lại sang, chứ đã hề đâu, sao lại dám đem cái tờ nhắm-nhi giao cho người khác gửi cho tôi ? Sao anh không đưa tay cho tôi, mà lại gửi truyền cho ông Lý Kỹ-Sinh ? Anh có biết Lý Kỹ-Sinh là người thế nào không ? Anh đã chắc nó không bóc thư của anh nó xem trộm à ? Sao anh sơ-suất như thế ? Ừ, anh không cần giữ danh-giá của anh đã vậy. Anh có nghĩ đến danh-tiết của tôi hay không ? Cho rằng :

Văn thơ kết bạn trần-ai,
 Dở hay bung được miệng người ta đâu,
 một cái tờ của anh, thì bằng anh giết
 tôi, thế anh định xử-trí tôi ra làm sao?
 Bây giờ việc đã quyết-liệt rồi, tôi còn
 mặt mũi nào trông thấy ai nữa. Thật
 tôi chưa có tội gì, mà anh làm hại tôi
 quá, nhưng tôi cũng có ý ngạo một
 chút rằng : Cái thư này so-sánh lúc
 thường của anh thì khác lắm, vậy tôi
 không hiểu ra làm sao cả. Bây giờ,
 chỉ cần mong anh sang ngay lập-tức
 cho tôi biết rõ, rồi sẽ bàn đến chuyện
 khác, tấm lòng bối-rối, viết không
 thành chữ, chỉ cầm lại cái chết để đợi
 anh đây, anh ơi.

« Lê-Ảnh thư. »

Tôi xem hết cái tờ, lạ quá ! tức quá !
 sợ quá ! đứng giật lên rồi không biết
 làm thế nào.

Tĩnh-Am hỏi rằng :

— Cái tờ thế nào mà đến thế ?

Tôi đưa cả cho Tĩnh-Am xem.
 Tĩnh-Am cũng lấy làm lạ, hỏi rằng :

— Thế thì vì sao mà bác về ? Sao
 lại mượn Kỳ-Sinh đưa tờ hộ ?

Tôi nói rằng : — Khốn-nạn, tôi có
 mượn nó đưa tờ bao giờ.

Tĩnh-Am nói rằng : — Thế thì lạ
 quá. Lối chữ của anh chắc Lê-Ảnh
 không còn lạ gì. Kỳ-Sinh còn giả-mạo
 làm sao được.

Tôi thì ruột nóng như lửa, lại kể
 qua những duyên-cớ khi tôi sắp về và
 hỏi rằng : — Bây giờ làm thế nào ?

Tĩnh-Am nói rằng : — Đã thế thì
 bây giờ bác không ngồi yên mà để cho
 nó làm hại người ta thế được, phải kịp
 sang ngay xem làm sao, đề liệu bài
 cứu gỡ.

Tôi nói : — Đã đành thế, nhưng mẹ
 tôi không cho đi thì làm thế nào ?

Tĩnh-Am nghĩ một lúc rồi nói thế

này : — Bác nên giả-mạo một cái tờ
 của người quản-lý trường học gửi cho
 bác, nói rằng có quan Học-chính sắp
 đến khám trường học, dấu yếu cũng
 phải gượng mà đi, vân-vân, như thế
 thì được.

Tôi nói rằng : — Phải đấy.

Rồi Tĩnh-Am cũng đứng dậy trở về.
 Đến chiều, tôi dùng cái kế ấy mà bầm
 với mẹ tôi. Mẹ tôi cũng bằng lòng cho
 đi.

Sang đến nơi lập-tức gọi Bằng-lang
 ra hỏi, thì thấy nó như-nhắc sợ-hãi
 mà đáp rằng : — Thầy về khỏi, mẹ tôi
 cũng không biết vì sao mà thầy về.
 Đến chiều hôm sau thấy Kỳ-Sinh sang
 chơi trao cho tôi một cái giấy, bảo
 rằng : Đây là bài thơ của thầy gửi
 cho mẹ tôi, còn một cái thơ nữa thì
 thầy dặn thầy ấy phải đưa tận tay cho
 mẹ tôi. Tôi xin cả cái tờ ấy mang về,
 thì thầy ấy cứ không nghe, nói rằng :
 — Cái tờ này quan-hệ lắm, không thể
 giao cho mày được. Tôi mang cái tờ
 ấy vào cũng thuật lại những lời ấy
 với mẹ tôi. Mẹ tôi xem qua rồi trừng
 mắt lên hình như giận, và hình như
 sợ, rồi sai tôi ra mời thầy Kỳ-Sinh cứ
 về mà cũng không đòi xem cái tờ kia
 nữa.

Tôi thét lên hỏi rằng :

— Làm sao ? Sao Lý Kỳ-Sinh biết
 cái việc tờ-bồi đi lại, tất là mày nói
 hở ra có phải không ? Duyên-cớ làm
 sao, nói mau ?

Bằng-lang biết rằng cũng không thể
 chối được, rồi giơ-giơ nước mắt mà
 thú nhận, và xin rằng : Thầy đừng
 nói cho mẹ con biết. Tôi thở dài mà
 nói rằng : — Thế bây giờ mẹ mày làm
 sao ?

Bằng-lang nói rằng : — Thầy Kỳ-
 Sinh về khỏi, mẹ tôi đánh giấy ngay
 cho thầy, rồi thì ốm nằm liệt từ đấy.

Nói dứt lời thì thấy Thu-nhi gọi Bằng-lang, rồi Bằng-lang cũng theo Thu-nhi cùng vào.

Cơm chiều ăn xong, thấy Thu-nhi sang hỏi tôi rằng :

— Thầy đột-nhiên mà về, mợ tôi sốt ruột quá. Khi thầy về có gửi cái giấy nào cho Kỳ-Sinh không ? Trong giấy nói những gì ? Mợ tôi dặn sang hỏi thầy, thế nào xin trả lời ngay để tôi về nói cho mợ tôi biết.

Tôi mới nói những sự tại làm sao tôi vội về, và thật quả không đưa giấy-má gì cho Kỳ-Sinh cả.

Thu-nhi nói :

— Không, không, mợ tôi bảo rõ-ràng chữ thầy thật.

Tôi giật mình. Quái, lạ quá ! Rồi bảo Thu-nhi rằng :

— Mày về xin mợ cái giấy ấy ra cho tao xem.

Mãi đến canh hai, thấy Thu-nhi lên đến nhà học sẽ bảo rằng :

— Mợ tôi bảo mời thầy vào chơi ngay để giáp mặt mà hỏi cái việc ấy.

Tôi cần-kíp quá, quên cả sự tị-hiểm, cũng đứng lên đi ngay với Thu-nhi. Đi qua hai ba lần cửa mới đến nơi, rồi Thu-nhi vào buồng mời Lê-Ảnh ra.

Tôi trông thấy Lê-Ảnh vội-vàng đứng dậy chấp tay mà chào. Lê-Ảnh cũng đáp lễ lại, rồi liếc mắt bảo con Thu-nhi kéo ghế mời tôi ngồi. Lê-Ảnh cũng cúi đầu ngồi mà chưa nói chuyện gì cả.

*Mảnh trăng hôm nọ bóng hoa lê,
Gặp khách thuyền-quyên luống mảnh
mé.*

*Dang sương làm sao mà khổ-não,
Bâng-khuâng ai gọi được hồn về.*

Rồi xem có ý lạnh-lẽo nhạt-nhẽo lắm, tôi muốn hỏi lại chưa dám hỏi, nhưng Lê-Ảnh đã không nói, không lẽ mình cứ im, rồi cái lời nói mà ngọng nhịu mấy câu thế này :

— Lúc này tôi có tiếp được Thu-nhi sang gọi, đã được nghe qua sự-tình như thế, nhưng cái giấy nó đưa sang, mợ đã nhận đích là nét chữ tôi, xin mợ cho phép được xem qua.

Lê-Ảnh nghe nói rồi móc túi lấy cái giấy đưa Thu-nhi giao cho tôi, rồi cứ chống nẹ ngồi im không nói gì nữa.

Trời ơi ! Hay chữ là một sự rất hại, hay đề thơ lại là một sự rất hại, mua sầu chuốc giận, chén rượu câu thơ, viết buông tay thì thôi, còn ai nhớ làm gì nữa. Ai ngờ đến nỗi lỡ việc như thế này. Tôi mở giấy xem thì chính là bài thơ tôi viết đùa hôm nọ, xin chép lại như sau này :

Đêm nay còn được gặp nhau đây,

Ai biết yêu nhau đến thế này.

*Bóng ngọc mùi hương tình đã mất,
Gió thu ai buộc cái sầu này.*

Tôi xem qua rồi túm-túm mà nói rằng :

— Bài thơ này là khi trước tôi có họa bài thơ của ông Tùy-Viên, rồi viết đùa như thế, nhưng viết xong rồi vứt bỏ vào thùng giấy đã lâu rồi ; ai ngờ bây giờ nó lại đem ra để đánh lừa mợ, xin mợ thử nghĩ xem những lời nhảm-nhi như thế, khi nào tôi dám đưa cho mợ, mà đưa cho mợ để làm gì, thế thì tự-khắc xét ra, xin mợ lượng tấm lòng cho tôi thì tôi đa-tạ.

Lê-Ảnh ngẫm-ngẫm một lúc rồi nói rằng :

— Anh nói cũng phải, nhưng sao Kỳ-Sinh biết cái việc của mình, xin anh nói cho tôi nghe.

Rồi tôi phải giấu cả việc Bằng-lang đi mà đáp lại rằng :

— Tự hôm đưa giấy sang, bắt gặp Kỳ-Sinh ngồi đấy nên nó biết.

Nói xong Lê-Ảnh giơ-giơ nước mắt mà khóc, một lát cái tiếng nói rằng :

— Tôi đã là thân không ra gì, không

biết giữ gìn cái tình, vì thông-minh mà uổng cái đời, thế là tôi làm hại anh, chứ không phải anh phụ tôi. Từ rầy trở đi mới biết rằng bề ai là nơi sống gió, chả còn vui-thú gì nữa.

Tôi đáp rằng :

— Mợ nói bao nhiêu tôi lại đau lòng bấy nhiêu, cái oan này thì trời nào biết cho.

Đoạn rồi, Lê-Ảnh gạt nước mắt mà ngồi im, lâu-lâu một lúc rồi sẽ thở dài mà đáp rằng :

— Khuya lắm rồi, mời anh về nghỉ. Tôi cũng nhọc lắm.

Tôi cũng đáp lại rằng :

— Xin mợ đi nghỉ, đừng nghĩ-ngợi gì nữa.

Rồi con Thu-nhi tiễn tôi ra về.

Hôm sau tôi ra nhà tràng gặp Kỷ-Sinh, Kỷ-Sinh vội hỏi rằng :

— Ông sang bao giờ ?

Tôi đáp rằng : — Hôm qua.

Thế rồi thôi, không hỏi chuyện gì nữa ; nghĩ mà buồn cười, Kỷ - Sinh định làm hại tôi, mà hóa ra làm ơn cho tôi. Hôm nọ tôi ốm, Lê-Ảnh xin phép tôi sang thăm mà tôi không bằng lòng. Hôm nay tự-nhiên mà gặp nhau là tại ai, cũng là cái ơn của Kỷ-Sinh.

Mặt trời sắp lặn, bóng chim thoi-thót về rừng. Đột thấy Lê-Ảnh gửi một bức thư như sau này :

« Gặp nhau thẳng-thối, chưa kịp nói

được câu gì, nên chỉ nhìn nhau mà khóc. Vì ai mà khổ? lại thẹn-thò cùng ai? Hôm qua anh về, tôi nghĩ mãi mới biết rằng tôi làm hại anh nhiều lắm. Giá không có cái biến-cục như thế này, thì cái việc của đời ta cũng vẫn không thể lâu dài được, nhưng mà thôi, cái lầm đã trót, cái dại đã qua, ta sẽ tính cái khôn vậy. Cái việc nhân-duyên của cô Quán - Thiến, anh nên kíp liệu đi. Tôi bây giờ sống ở đời chả được mấy ngày nữa, chỉ còn ấy-này một khối thịt bỏ ra mà thôi. Nếu anh làm xong việc ấy, thì Bằng-lang cũng có phần nhờ, cho tôi giữ được cái mình trong-sạch, xuống suối vàng để lại gặp được người bạn cũ, thì tôi cảm-tạ anh lắm.

« Và tôi nghe nói Tần Thạch-Si đi du-học cũng sắp về, thì anh nên cố nói đề bác ấy giúp việc cho.

« Hoa mai sắp nở, xin chúc bình-an. »

Cái việc Quán-Thiến tôi không thú một chút nào cả, nhưng không thể làm sao từ-chối được nữa. Mà Lê-Ảnh cứ nói khốn-khổ mãi như thế, tôi cũng đành phải chịu vậy.

Gió tây một giấc mơ hồ,

Trót rằng đã trót hẹn-hò cùng ai.

Chữ sầu đem cắt làm đôi,

Chữ thu ai viết lên ngồi chữ tâm?

(Còn nữa)

Nguyên-văn chữ Hán
của Từ TRÂM-Á
M.-K. dịch

VĂN-UYỄN

Chơi chùa Hương-tích

I

Bước tới chùa hang bóng xế chiều,
Mây tuôn ngang núi suối ngang đèo.
Hoa cài cửa động hương thơm ngát,

Trắng dài sườn non đá mốc rêu.

Nét mực in thơ hồn chữ khóc,

Cửa son mừng khách tiếng cây reo.

Cô hàng không rõ lòng du-tử,

Một gánh mơ già quây bán rao.

II

Chùa Tiên quanh-quất lại non Bồng,
 Hương-tích lẫn xem cảnh lạ-lùng.
 Núi Tuyết xuân trùm trảm ngọn tia,
 Rừng mai hoa nở một màu hồng.
 Nước non cũ rích thơ không mới,
 Trắng gió riêng ai thú vãn chung.
 Động cũ vì đâu hương khói nhỉ ?
 Thần-tiên truyện ấy có hay không ?

Qua đò xuôi vào Thiên-trù

Khấp-khênh hai bên núi với đèo,
 Một dòng xuôi chảy nước trong veo.
 Cây lồng sắc đá in màu biếc,
 Hoa nở đầu khe đón khách chào.
 Riu-rít trên cành chim học nói,
 Rập-rờn bóng nước cá ăn rêu.
 Chơì chùa xem hội kia ai đó ?
 Ngắm cảnh tìm xuân được ít nhiều ?

HOÀN-BÍCH

Tự-thuật

(Mỗi câu có tên con động-vật)

Hơn hai mươi tuổi hồ thân mình,
 Hươu-vượn lời-thời lời nhục-vinh.
 Non-nước nghĩa sâu chưa báo-đáp,
 Dưỡng-sinh công nặng vẫn loanh-quanh.
 Gà từng gáy sáng chưa buồn dậy,
 Quên gọi thân canh đã chán tỉnh.
 Cá muốn vẫy-vùng sông bể cạn,
 Đành cam chép miệng với trời xanh !

Trời chiều thơ-thần.

Bảng-lảng non tây ác xế chiều,
 Một mình thơ-thần đứng trông theo.
 Trông trời thăm-thẳm mây bay tít,
 Trông cảnh đìu-hiu gió thoảng vào.
 Trông bạn xa-xôi tin nhận dăm,
 Trông nhà khuất nẻo bóng thông reo.
 Đường danh lợi lợi trông mù-mịt,
 Kia lá thuyền ai gió lật lèo !

Cảnh sáng

Tiếng gà eo-óc gáy trên hom,
 Hồi trống tan canh đã điểm thòm.

Ngọc lát sương gieo trùm mặt cỏ,
 Gấm phôi ác mọc hé đầu non.
 Trời xanh bát-ngát làn mây cuốn,
 Bề hoạn mộng-mệnh lớp sóng cồn.
 Đời nghĩ chán rồi chưa muốn dậy,
 Song đã mở mắt thấy giang-sơn.

NGUYỄN VĂN-NẮNG

Mưa gió ngày tết

Đào đang phô thẩm liễu phô xanh,
 Mưa gió làm cho lạt vẻ xinh.
 Rả-rích trên ngành hoa rã cánh,
 Lạnh-lùng dưới lá bướm thu hình.
 Bùn pha xám gót đoàn thanh-tú,
 Nước phún phơ đầu khách quý-vinh.
 Thợ tạo chơi khăm cay lắm nhỉ !
 Xuân kia cảnh nợ nở vô-tình.

Một bức thư cho ai

Ai bảo ta ham đánh bạc bài,
 Ta rằng : ta đã đóng lon cai.
 Mê-man chi nữa thêm cay-cúi,
 Gìn-giữ sao cho khỏi dặc-dải.
 Vui gượng đã không qua tết-nhất,
 Chơi tràn đầu có cả giềng hai.
 Ai ơi ! ta chán sao còn hồi,
 Còn hồi năm nay có phát-tài !

Tặng dóa hoa xuân

I

Gửi tặng người yêu một dóa hoa,
 Biết rằng người ấy có yêu hoa.
 Yêu hoa yêu cả hương cùng sắc,
 Yêu ghét xin đừng có phụ hoa.

II

Yêu ghét xin đừng có phụ hoa,
 Hương phai sắc nhạt tội gì hoa.
 Nhạt phai hoa bởi tay Thanh đế,
 Dù có yêu hoa phải biết hoa.

III

Dù có yêu hoa phải biết hoa,
 Nang như nang trứng hững như hoa.
 Vì không gìn-giữ hoa tươi-tắn,
 Ấy tội người yêu hóa phụ hoa !

PHẠM TUẤN-TÀI

THỜI-ĐÀM

Việc Âu - Mĩ

Tòa Nội-các mới nước Pháp. —

Kỳ trước đã nói qua về tòa Nội-các mới, quan Thủ-tướng POINCARÉ vẫn đứng đầu. Nguyên tòa Nội-các trước phải từ chức chỉ vì một việc nhỏ, không quan-hệ gì. Ngày 27 tháng 3, Hạ - Nghị-viện thảo-luận về luật lương tuất cho lính bị-thương, của quan Tài-chính-bộ-trưởng đệ-trình. Ông nghị-viên Bouisson xin giao về cho Hội-đồng xét lại, quan Bộ-trưởng xin Nghị-viện quyết-nghị ngay. Hai bên không đồng-ý nhau, quan Bộ-trưởng xin Nghị-viện bỏ về, và xin cho biết có tin-dụng Chính-phủ không, tức trong tiếng riêng ở Nghị-viện gọi là « khởi vấn-đề tin-dụng » (*poser la question de confiance*). Khi điểm về thì thấy được 271 về quyết giao về cho Hội-đồng xét lại và 264 về biểu-đồng-ý với Chính-phủ. Thế là Chính-phủ bị kém (*mis en minorité*). Tuy buổi Nghị-viện ấy chỉ có một trăm Nghị-viên có mặt, còn thì ủy-quyền bỏ về thay cả, và buổi chiều được tin ấy nhiều ông nghị xin đổi lại về bầu buổi sáng, khiến cho Chính-phủ lại được phần hơn, nhưng theo thể-lệ của Nghị-viện thì chỉ số về nguyên-bố đương buổi họp là có giá-trị mà thôi, thành ra Chính-phủ thực không kém mà phải chịu kém; đó cũng là một điều éo-le buồn cười trong chính-thể dân-chủ vậy. Nội-các đã bị phân về kém, tức là Nghị-viện không tin-dụng nữa, chỉ có một cách từ-chức mà thôi. Quan Giám-quốc đã can, nói rằng để ngài làm tờ thông-cáo (*message*) cho Nghị-viện, giải rõ lẽ Nghị-viện bỏ về thể không phải là tỏ ý phản-đối Nội-các, nhưng các quan Nội-các không nghe. Quan Giám-quốc phải nhận giấy từ-chức, nhưng lập-tức chiếu, lệ thường-thuyết với Nghị-trưởng hai viện lại cử quan POINCARÉ lập Nội-các mới. Đó cũng lại là một điều éo-le trong phép chính-trị dân-chủ, người không biết không khỏi cho là phiền (1). — Thành ra tòa Nội-các trước sau vẫn một tay quan POINCARÉ chủ-trương, nghĩa là chính-sách nước Pháp vẫn không thay đổi vậy. Duy các Bộ-trưởng thì chỉ giữ có hai người cũ, là quan Lục-quân MAGINOT và quan Công-chính LE TROCQUER; còn các bộ khác đều người mới cả.

Tòa Nội-các mới thành-lập như sau này :

Tổng-lý Nội - các kiêm Ngoại - vụ - bộ-trưởng :

Bộ Tư-Pháp :	POINCARÉ
— Nội-vụ :	LEFEBVRE DU PREY.
— Tài-chính :	LEYGUES.
— Lục-quân :	MARSAL.
— Hải-quân :	MAGINOT.
— Thương-nghiệp :	BOKANOWSKI.
— Công-chính :	LOUCHEUR.
— Học-vụ :	LE TROCQUER.
— Thuộc-địa :	DE JOUVENEL.
— Nông-nghiệp :	FABRY.
— Trùng-tu các	CAPUS.
miền tàn-phá :	LOUIS MARIN
— Lao-động :	DANIEL VINCENT.

Các quan Nội - các mới toàn là chân Nghị-viên cả (bốn ông thuộc Thượng-Nghị-viện, chín ông thuộc Hạ-Nghị-viện) Xét về chính-đảng thì hai ông MARIN và LEFEBVRE DU PREY thuộc « Dân-chủ Cộng-hòa Liên-hiệp-đảng » (*Entente républicaine démocratique*); ông MAGINOT thuộc « Dân-chủ Cộng-hòa Tả-đảng » (*Gauche républicaine démocratique*); ba ông BOKANOWSKI, FABRY và CAPUS thuộc « Xã-hội Cộng-hòa hành-dộng-đảng » (*Action républicaine sociale*); ông DANIEL VINCENT thuộc « Cấp-Tiến và xã-hội cấp-tiến đảng » (*Parti Radical et Radical socialiste*); ông LE TROCQUER, LEYGUES và LOUCHEUR thuộc « Cộng-hòa Tả-đảng » (*Républicains de gauche*); ông DE JOUVENEL thuộc « Xã-hội cấp-tiến và Dân-chủ cấp-tiến Tả-đảng » (*Gauche démocratique radicale et radicale socialiste*); ông FRANÇOIS MARSAL thuộc « Cộng-hòa Liên-hiệp-đảng » (*Union républicaine*).

Quốc-dân ta nghe tên các chính-đảng như thế không khỏi cho là phiền. Thực ra thì chính-đảng nước Pháp kẻ cũng nhiều quá thật; nước Anh chỉ có ba đảng lớn, là : Bảo-thủ, Tự-do và Lao-động. Song tuy phân ra nhiều, nhưng cũng đại-đồng-tiểu-dị cả, và rút lại Nghị-viện nước nào cũng có ba đảng lớn; bên hữu là đảng bảo-thủ; bên tả là đảng cấp-tiến; và phần giữa là đảng trung-lập. Các đảng ở nước Pháp có người vào Nội-các mới

(1) Muốn rõ chính-thể nước Pháp, xin xem mấy bài « Khảo về chính-trị nước Pháp » đã đăng trong bản-ch 31 (Janvier 1920), 32 (Février), 36 (Juin), 37 (Juillet) và 41 (novembre 1920).

đôi, như vừa kể trên kia, dầu có sâm-si xuất-nhập nhau chút-đỉnh, đại-đề cũng đều là thuộc về phần trung-ương cả, song xét ra hơi có nanh-nánh về bên tả một ít. Đó cũng là cái xu-thế tự-nhiên. Kỳ tổng-tuyển-cử năm 1919, các đảng trung-ương liên-hiệp nhau lại làm một đảng lớn, gọi là « Quốc-dân liên-hiệp đoàn » (*le Bloc National*), quan Thủ-tướng POINCARÉ làm lãnh-tụ; từ bấy đến nay vẫn một đảng này cầm quyền mãi. Nay Nghị-viên đã hết hạn, sắp đến kỳ đại-tuyển-cử mới, các đảng về phía tả đã vận-động liên-hiệp nhau để chống lại với đảng Quốc-dân, đặt một đảng lớn nữa gọi là « Tả-đảng liên-hiệp đoàn » (*Bloc des Gauches*), có lẽ ông Thượng-Nghị-viên HERRIOT làm lãnh-tụ. Xem như vậy thì cái phong-trào chính-trị có ý xoay về mặt tả, nên tòa Nội-các mới cũng hơi khuynh-hướng về bên ấy.

Dân ta ở dưới quyền Bảo-hộ của Đại-Pháp, cũng phải biết qua tình-thế chính-trị bên qui-quốc, không thể chỉ khu-khu biết việc trong một làng hay một tỉnh mình mà thôi. Cho nên bản-chí muốn giới-thiệu qua các việc nội-chính ngoại-giao lớn trong thế-giới và thứ nhất là bên qui-quốc, trong cái giới-hạn có thể ngôn-luận được, để quốc-dân biết đại-khải, tường các độc - giả cũng hiểu ý cho như thế và không cho là những chuyện viển-vông không thiết-thực vậy.

Việc giao-thiệp nước Pháp và nước Anh. — Từ khi nước Anh có tòa Nội-các mới, việc giao-thiệp Pháp Anh xem chừng có ý thân-thiện hơn trước. Thủ-tướng Anh MAC DONALD thân viết mấy bức thư riêng cho Thủ-tướng Pháp POINCARÉ, trong thư lời-lẽ ôn-tồn và tỏ ý muốn cùng Pháp điều-đinh mọi việc cho ổn-thỏa. Những việc ấy là thuộc về vấn-đề bồi-khoản của nước Đức, vấn-đề phòng-bị cho nước Pháp, vấn-đề hạt sông Ruhr. Về vấn-đề bồi-khoản thì Anh cũng công-nhận rằng Đức phải trả bồi-khoản về chiến-tranh, nhưng không đồng-ý với Pháp về cách bắt trả thế nào. Về vấn-đề phòng-bị thì Pháp sợ rằng Đức tuy nay thua nhưng vẫn ngầm mưu sự khôi-phục, Pháp ở ngay giáp-giới, cần phải đặt cách phòng-bị sự bất-kỷ; Anh thì cho thế là lo xa quá và ý muốn khoan-đãi nước Đức hơn. Về vấn-đề sông Ruhr thì Anh trước sau vẫn phản-đối sự đóng quân ở đây. Lại đối với cái phong-trào phân-li ở các tiểu-bang miền sông Rhin, Pháp có ý ngầm giúp mà Anh công-nhiên cản-trở, khiến cho việc phân-li ấy không thành được và những người chủ-trương việc ấy bị Chính-phu trung-trương Đức giết

tróc tàn-tệ lắm. Đó là những mối phân-tranh trong hai nước Pháp Anh, như mấy kỳ trước đã nói, nguyên-nhân nó sâu-xa lắm, không thể một buổi giải-quyết hết được. Nhưng ngoại-tướng Anh trước là LORD CURZON thì vốn có ác-cảm với Pháp, nên cố-ý gây không chịu điều-đinh. Thủ - tướng MAC DONALD ngày nay kiêm ngoại-vụ, thái-độ có ôn-hòa hơn, tỏ ra thực-tình muốn hòa-giải mọi việc cho Pháp Anh lại được đề-huê nhau như trong khi chiến-tranh. Dầu chưa chắc được hoàn-toàn cả, nhưng có bụng tốt như thế cũng là giải được sự hiềm-nghĩ nhiều lắm.

Ông MAC DONALD là người đầu đảng lao-động, tức là đảng thợ ở nước Anh. Đảng ông xưa nay mới được cầm quyền lần này là lần đầu. Có người nói có lẽ chưa quen việc, chưa đủ thể-lực, không thể đứng bền được. Nhưng đã hai tháng nay xem cách ông cử-động đều được ổn-thỏa cả; ông lại tỏ ra thực bụng ham sự hòa-bình, nên dư-luận trong các nước đều có ý hoan-nghehnh ông cả. Ông là người bên tả, nghĩa là thuộc về phái cấp-tiến, chủ-nghĩa là mưu sự hạnh-phúc cho kẻ bình-dân lao-động, một lòng hiếu tự-do, hiếu công-nghĩa, hiếu hòa-bình, mà cách hành-động lại rất là thận-trọng, nếu ông đứng được bền mà cầm quyền chính-trị cho nước Anh, và thủy-chung giữ được một thái-độ thân-thiện với Pháp như bây giờ, thì có lẽ các mối phân-tranh cũng dần-dần hòa-giải được.

Công-việc của Hội uỷ-viên giám-định. — Vấn-đề khó-khẩn nhất bây giờ là vấn-đề bồi-thường. Nước Đức thua trận, các nước thắng-trận bắt phải bồi-thường những sự tổn-hại về việc chiến-tranh. Nhưng Đức phần thì không muốn trả, phần thì của-cải đã khánh-kiệt không lấy đâu mà trả ngay được. Đồng-minh bên hợp hội-Nghị ấy sang hội-nghị khác để bàn về cách đòi nợ Đức, nhưng không những chưa tìm được cách nào là ổn-thỏa, mà chính trong phe Đồng-minh với nhau cũng không đồng-ý nhau nữa. Nguyên hòa-ước Versailles đã đặt ra một hội-đồng gọi là « Hội-đồng Bồi-thường » (*Commission des Réparations*) để định số nợ và tìm cách đòi nợ Đức. Nhưng Đức cố-ý bất-động, càng thúc càng « dậm ý » ra, Hội-đồng cũng vô-lực. Gần đây Hội-đồng mới uỷ-quyền cho một hội những tay chuyên-môn về tài-chính, có cả người Mỹ tham-dư vào (trong Hội-đồng thì không có người Mỹ, vì nước Mỹ không cùng với Đồng-minh ký hòa-ước), gọi là « Hội uỷ-viên giám-định » (*Comité des Experts*), để tra về tài-chính

ước Đức và xét xem Đức có thể trả nợ Đồng-minh được bao nhiêu. Hội uỷ-viên này chia ra làm hai bọn: bọn thứ nhất, có nguyên-sứ Dawes là người Mỹ đứng đầu, chủ xét về các khoản chi-thu của Chánh-phủ Đức và cách chính-đốn cho tiền-tệ Đức có giá nhất-định; bọn thứ nhì có ông Mac Kenna là người Anh đứng đầu, chủ xét về các tiền-của của Đức đặt ở ngoại-quốc. Hai bọn uỷ-viên ấy đã thân-hành sang Đức, tra xét sổ-sách của các nhà « băng » và các kho bạc, hiện đã xong việc và đệ tờ báo-cáo cho Hội-đồng Bồi-thường rồi. Tờ báo-cáo ấy chưa công-bố cho thiên-hạ biết, nhưng nghe đâu kết-luận rằng nước Đức có thể trả nợ được, nhưng trước hết phải giúp cho nước ấy chính-đốn lại tài-chính và hoãn nợ cho mấy năm đã. Chính-đốn tài-chính phải dùng hai cách: một là mở một cuộc công-thải Vạn-quốc, lấy các đường thiết-lộ Đức làm đợ; hai là lập một nhà băng phát-hành giấy bạc có giá nhất-định, phải có một số tiền trữ bằng hiện-kim hần-hoi, và phải do Vạn-quốc giám-đốc. Còn các khoản Đức nợ Đồng-minh thì sẽ coi như khoản nợ nhà băng Đức với các nhà băng Đồng-minh, nghĩa là coi như sự giao-dịch tiền-bạc trong các nhà buôn với nhau, chứ không phải là các chính-phủ đòi nợ nhau. Sau nữa, muốn cho Đức mau chính-đốn được tài-chính trong nước, thì các nguồn lợi của Đức phải để cho Đức quản-lý lấy, nghĩa là các mỏ than và các đường thiết-lộ trong hạt sông Ruhr hiện nay do người Pháp và người Bỉ chiếm-giữ, nên giao trả cho Đức. — Đó là lời bàn của các uỷ-viên giám-định, nhưng quyền thủ-xả là ở các chính-phủ, không biết các chính-phủ xử-trí ra thế nào. Song cái khoản sau cùng thuộc về hạt sông Ruhr đó, có lẽ nước Pháp khó lòng chịu.

Nước Thổ bãi vua và chức Giáo-hoàng. — Nước Thổ-nhĩ-kỳ (Turquie) gần đây đã tuyên-lập Dân-quốc, bầu tướng MUSTAPHA KEMAL làm Giám-quốc. Như vậy thời nhà vua và Triều-đình bị bãi bỏ. Nhưng vua Thổ-nhĩ-kỳ vừa là Sultan (Hoàng-đế), vừa là Khalife (Giáo-Hoàng), vừa thống-trị Đế-quốc Thổ, lại vừa làm chúa-tể cả các dân đạo Hồi, như ông Giáo-Hoàng ở La-mã làm chúa-tể cả các dân theo đạo Thiên-chúa. Nay có tin rằng chính-phủ mới nước Thổ không những bãi ngôi Hoàng-đế, mà lại bãi cả ngôi Giáo-hoàng nữa, các việc lễ-bái trong nước giao cho một bộ Lễ trông coi. Việc này là một việc đại-cách-mệnh trong tôn-giáo Hồi. Sẽ có ảnh-hưởng đến các dân

Hồi-giáo thế nào? không thể biết được. Mọi đây có tin rằng những dân Hồi ở Ấn-độ vận-động kháng-ngự sự đó; nhưng các nơi khác và chính ngay trong nước Thổ đều yên-đón cả. Có lẽ cũng chẳng xảy ra chuyện gì, vì cái thế-lực của tôn-giáo ngày nay không có mạnh như xưa nữa. Cho hay đời này là đời dân-quyền; thần-quyền với quân-quyền đều phải lui cả; muốn cho bảo-tồn được, phải biết nghĩa tùy-thời và phải biết khéo chầm-chước. Làm vua cũng như làm thần, hủ-lậu quá, câu-nê quá, không sao tránh khỏi lẽ đào-thải của thiên-nhiên vậy.

Nước Ai-cập độc-lập. — Nước Ai-cập (Egypt) trước thuộc người Anh thống-trị, nay đã được độc-lập. Nghị-viện Ai-cập mới rồi mới bắt đầu khai-hội một cách rất trọng-thể, trong dân-gian hoan-hỷ cổ-vỗ vô-cùng. Chính quan Thủ-tướng Anh MAC DONALD gửi quốc-thư mừng Nghị-viện mới, chúc cho nước Ai-cập tự nay được mọi sự tốt-lành thịnh-vượng và tỏ lòng thân-thiện hai nước với nhau. Thư ấy đọc ngay buổi khai-hội cho cả Quốc-Hội nghe. Ông ZAGLUL PACHA, là một tay chí-sĩ Ai-cập có công trong cuộc độc-lập này, trước đã mấy phen bị Chính-phủ Anh bắt bỏ ngục, bắt đi đày, nay được làm Thủ-tướng trong nước, trả lời thư ấy nói rằng Chính-phủ Ai-cập cũng sẵn lòng thân-thiện cùng nước Anh điều-định các việc thế nào cho đôn-thỏa đề cam lòng bị-vọng của quốc-dân Ai-cập.

Nay còn có một vấn-đề khó - khăn, chưa chắc giải-quyết được ngay, là vấn-đề Soudan. Soudan là một miền đất rộng ở về phía trên Ai-cập, xưa vẫn thuộc vào bầu-dò Ai-cập, nhưng xa-xôi lắm, quyền vua quan không tới nơi. Nguyên nước Anh có ý về Ai-cập đã lâu, nhất là từ sau khi ông DE LESSEPS nước Pháp đào sông vận-ha Suez năm 1869 là nơi yết-hầu đường giao-thông Đông - Á với Tây-Âu, người Anh lại càng muốn chiếm lấy đất Ai-cập để giữ đường Ấn-độ của mình. Năm 1881 bèn kiêu chuyên đem quân sang đánh, rồi đặt bảo-nộ từ bấy giờ. Nhưng cai mưu người Anh to-tát lắm, lấy được một đất Ai-cập cũng chưa mãn-nguyện, còn muốn lấy cả các đất ở trung-bộ Phi-châu để nối liền với các thuộc-dịa Nam-Phi của mình làm một đại-đế-quốc Phi-châu. Bắt trung-bộ Phi-châu thì phần nhiều là sa-mạc, có đất Soudan là có dân-cư, nhưng toàn là những rợ dữ-tợn, thuộc quyền một tù-trưởng xưa như giao-vương gọi là Madhi. Người Anh trước còn cho người thám-hiêm (như

Livingstone, Stanley, sau tiến quân vào đánh, quân *Madhi* chống lại dữ lắm, đánh đi đánh lại mấy phen, từ năm 1881 đến năm 1898 mới thật là lấy được: — Tới nay người Ai-cập khởi lên đòi độc-lập, Anh cực-chăng-đã cũng phải thuận cho, nhưng vẫn còn cố giữ lấy chút quyền giám-đốc, chữa đề cho độc-lập hoàn-toàn. Ai-cập lại đòi lại đất *Soudan* để sáp-nhập vào bản-đồ nước mình như cũ. Bến khoản này thì Anh nhất-định không chịu; Ai-cập cũng cứ nhất-định đòi. Không biết việc này rồi điều-dinh ra làm sao. Nhưng thế nào thì thế, Anh chiếm được

đất *Soudan* đã khó-nhọc như thế, không bao giờ chịu buông tha ra ngay. Anh hiện nay vẫn còn đặt một Khâm-sứ ở kinh-đô Ai-cập, là thống-chế ALLENBY. Thủ-tướng Ai-cập ZAGLUL-PACHA còn phải thương-thuyết với thống-chế ALLENBY nhiều, chưa chắc đã giải-quyết được hết các mối phân-tranh trong hai nước. Con đường độc-lập là con đường khó-khăn, nguy-hiểm, khổ-nạn, nhọc-nhằn, phải gan-góc bạo-dạn lắm mới tới được, không phải là đường cái thần-trang kẻ chân giầy chân giép lướt-thuột như là đàn-bà cũng bước tới ung-dung vậy.

Việc Ấ-châu

Việc nước Tàu. — Việc nội-chính nước Tàu đã rối-rối, việc ngoại-giao gần đây lại thêm nổi khó-khăn. Việc khó-khăn nhất, chưa giải-quyết xong, là việc giao-thiệp Tàu với Nga về đất Mông-cổ và đường thiết-lộ Trung-Nga. Nước Nga xưa nay vẫn có dã-tâm về đất Mông-cổ và đường thiết-lộ này phần nhiều tự người Nga đặt ra để trương thế-lực của mình. Nhưng Nga nay đã đổi cớ, chính-phủ Xô-viết bây giờ không chịu thừa-nhận những điều-ước của nhà vua Nga ký với Tàu trước; nhân đó việc giao-thiệp hai nước phải đổi khác cả. Nhưng trước khi ký điều-ước mới, thì Chính-phủ Tàu phải công-nhận Chính-phủ Xô-viết đã. Chính-phủ Tàu muốn thừa dịp yêu-cầu chủ-quyền hoàn-toàn ở Mông-cổ và quyền chuộc lại đường thiết-lộ Trung-Nga. Nga thì ngoài mặt vẫn tuyên-bố rằng không xâm-phạm đến chủ-quyền nước Tàu ở Mông-cổ và sẵn lòng để cho Tàu chuộc lại đường thiết-lộ, lại sẵn lòng xóa nợ bồi-khoản về việc Quyền-phủ cho Tàu, miễn là phải dùng tiền ấy để mở-mang sự học trong nước; ngoài mặt thì xử mọi cách nhũn-nhặn và rộng-rãi như thế, nhưng kỳ-thực vẫn chưa bỏ hết cái dã-tâm cũ. Gần đây các liệt-cường Đồng-minh lại có ý muốn ngấm xui nước Tàu đừng công-nhận Chính-phủ Xô-viết. Ấy đầu đuôi như thế, nên việc này còn phân-vấn chưa biết giải-quyết thế nào. Nhưng dù thế nào cũng không đến nỗi quyết-liệt, vì các yếu-tố bản

trong Chính-phủ Tàu xem ra đều bằng lòng ký ước với Nga theo như các điều-kiện Nga đã tuyên-bố.

..

Tình-trạng chính-trị ở Ấn-độ.

Không những trong nước Anh và trong đế quốc nước Anh, cả trong thế-giới cũng nhiều người đề ý xem xét đến việc Ấn-độ. Cứ như tin-tức gần đây thì tình-trạng chính-trị ở Ấn-độ thế nào?

Ấn-độ mới rồi mới bầu-cử nghị-viên nhưng chưa rõ đảng « tự-tri » (tiếng Anh là *home rulers*, tiếng Ấn-độ là *swarajists*) là đảng ông GANDHI, được thắng-lợi hay là phải thất-bại.

Nay muốn hiểu về tình-trạng chính-trị ở Ấn-độ thì phải xét qua về hiến-pháp của Ấn-độ và cốt-rễ các chính-đảng thế nào. Hiến-pháp của Chính-phủ Ấn-độ đặt ra tạm-thời mà thôi. Chủ-ý là dự-định cho sau này đặt được một chính-phủ hoàn-toàn trách-nhiệm. Nên có lập ra một Nghị-hội, số nhiều người là do bầu cử, nhưng mà hiện nay cũng chưa có trách-nhiệm gì. Quyền quan Tổng-đốc (*Vice-Roi*) rộng lắm, có thể vượt quyền nghị-hội được. Và nghị-hội cũng không được quyền bàn khắp mọi việc, như về việc ngoại-vụ và việc quốc-trái, nghị-hội không được quyết-nghị. Trên nghị-hội lại có một « Viện Tham-chính » (*conseil d'Etat*), quyền rộng lắm, có thể bác nghị-hội được. Đó là Chính-phủ

trung-ương của toàn-thể Ấn-độ. Đến Chính-phủ địa-phương của các bang tỉnh thì được có trách-nhiệm rộng hơn. Các bang tỉnh có những địa-phương-nghị-hội; nhiều những chức trọng trong bang tỉnh thường giao cho những quan Bộ-trưởng chọn trong các nghị-viên ra; còn ngoại-giã thì thuộc quyền các quan tỉnh-trưởng có những hội-đồng hành-chính giúp việc.

Hiến-pháp ấy tuyên-bố năm 1919; lúc mới đầu dân-gian không đồng lòng thừa-nhận. Những người thuộc về « Quốc-dân-dại-hội-nghị » (*Congrès national*) là chính-đảng to nhất ở Ấn-độ, ông GANDHI làm lãnh-tụ, tỏ ra rất lãnh-dạm, nhưng cũng tạm nhận vậy. Đảng tự-do (*les libéraux*) thì cho là còn khuyết, nhưng cũng thừa-nhận, lấy làm một bước đầu, rồi còn đi lần lên nữa cho kỳ được quyền lập một Chính-phủ có hoàn-toàn trách-nhiệm. Đến sau ông GANDHI đòi ý-kiến, truyền cho oàng quốc-dân thôi không thừa-nhận hiến-pháp nữa, lại truyền cho các đảng-nhân đề-chế Chính-phủ Anh, không tham-dự vào việc bầu-cử gì của người Anh nữa. Thành ra nghị-hội mấy khóa đầu chỉ có nghị-viên về đảng tự-do mà thôi.

Trong khoảng ba năm nay thời hiến-pháp mới đã kiến-hiệu. Chính-phủ cùng với Nghị-hội đã nghĩ đặt được nhiều luật mới có ích-lợi cho dân. Nhưng mà tài-chính lại đương vào lúc quẩn-bách, vì phải chi-phí nhiều về việc quân-phòng để ngăn người *A/ghans* tràn vào địa-hạt năm 1919, và việc buôn-bán cũng không phát-dạt. Nên Chính-phủ phải tăng thuế luôn, mới rồi lại phải tăng thuế muối là một thứ thuế dân ít hoan-ngheh hơn cả.

Trước khi ông GANDHI bị giam thì trong đảng ông đã có nhiều người hiểu rằng cách phản-đối của ông không có hiệu-lực gì, nhưng không dám quyết-liệt với ông, vì ông được dân-tâm phục lẫm. Nhưng sau khi ông phải giam thì họp nhau lại chọn ông Das, là một nhà hộ-biện-sư ở tỉnh *Bengale* làm lãnh-tụ, rồi đòi phương-pháp hành-động di. Bấy giờ cố-ý chiếm lấy đa-số ở nghị-hội, rồi định nhất-thiết phản-đối Chính-phủ cho không thi-thố gì được. Tổng-đốc là LORD READING bèn tuyên-bố rằng nếu Nghị-hội cố-ý phản-đối thì sẽ đình không thi-hành hiến-pháp nữa.

Song đảng « tự-trị » (tức là đảng quốc-dân) không có lẽ nhất-thiết phản-đối Chính-phủ được, vì nếu phản-đối những chính-sách hay có ích-lợi cho dân, thì dư-luận trong dân-gian tất phản-đối lại. Nay có mấy sự yêu-cầu, đầu đảng nào cũng một lòng kêu nài cho được cả; như xin mở rộng hiến-pháp ra; xin dừng đặt thuế mới và xin giảm thuế cũ; xin cho người Ấn-độ đi đến đầu trong Đế-quốc Anh cũng được đối-dãi một cách khoan-dung hợp với nhân-đạo hơn; xin cho người Ấn-độ được rộng tham các quyền chức trong quân-đội và các sở công.

Xét ra cái then-cốt ốt vấn-đề Ấn-độ là ở Nghị-viện *Londres*, chứ không phải ở Ấn-độ. Nếu nước Anh muốn giải-quyết vấn-đề ấy cho ổn-thỏa thì bất-ngoại một cách: là vui lòng cho người Ấn-độ được tự-trị, như nước Mỹ cho người Phi-luật-lân vậy, vì người ta kêu-nài đã lâu lắm rồi, không thể làm thỉnh được mãi. Làm như thế có lẽ lại thu được lòng người Ấn-độ, và vững được thế-lực của mình vậy.

Việc trong nước

Chính-dồn việc hành-chính ở Đông-Pháp. — Từ khi quan Toàn-quyền MERLIN mới sang trọng-nhậm đây, ngài đã từng nói rằng ngài sẽ chính-dồn việc hành-chính ở Đông-Pháp, theo cái chủ-

nghĩa « địa-phương-phân-quyền » (*décentralisation*), nghĩa là để cho quan thủ-hiến các xứ và các tỉnh được rộng quyền hơn bây giờ. Vì rằng tuy chức-quyền các quan hành-chính ở Đông-Pháp đã

định rõ-ràng trong quan-chế năm 1911, nhưng các quan Toàn-quyền trước xem ra có ý muốn thiên về chủ-nghĩa « trung-ương-tập-quyền » (*centralisation*), muốn thu cả quyền về phủ Toàn-quyền, nên đặt ra những tổng-cục nọ, tổng-cục kia, kiểm hết thảy, các quan Thủ-biễn các xứ tựa-hồ như chỉ có việc thừa-hành mà thôi. Vậy ngày 15 tháng 4, quan Toàn-quyền có gửi một tờ chu-tri cho các quan Thủ-biễn các xứ và tổng-trưởng các cục thuộc về phủ Toàn-quyền, định lại các chức-quyền một cách rất phân-minh. Đại-ý tờ chu-tri như sau này.

Quan Toàn - quyền là tổng - thống cả toàn-hạt Đông - Pháp, chỉ giữ về các quyền-lợi chung cho toàn-hạt, không can-thiệp đến việc riêng của mỗi xứ, xứ nào đã có quan thủ - biễn xứ ấy (Khâm-sứ, Thống-đốc, Thống-sứ) giữ trách-nhiệm.

Các quan-lại làm việc ở xứ nào bất-cứ thuộc về ngạch nào (trừ có ngạch Tư-pháp là để cho phân rõ hai quyền hành-chính và tư-pháp, và ngạch Thương-chính một phần, vì sở Thương-chính có trực - tiếp quan-hệ với sở dự-toán chung Đông-Pháp, phải có một tổng-cục trông nom riêng), đều ở dưới quyền quan Thủ-biễn bản-xứ cả.

Mỗi xứ thì quan Thủ-biễn bản-xứ đứng đầu hết thảy; mỗi tỉnh thì quan Chánh Công-sứ hay Chánh Cai-trị, thay quyền quan Thủ-biễn, cũng giám-đốc hết thảy. Nghĩa là bao nhiêu quan-lại các ngạch các sở đều thuộc quyền quan đầu tỉnh và đầu xứ hết. Trước kia thời quan lục-lộ thuộc quyền sở Công-chính, quan đốc-học thuộc quyền sở Học-chính, v.v., quan Công - sứ và quan Thống - sứ nhiều khi không có quyền giám-đốc, và những khi thăng-thuyên không dự gì đến. Nay quan Thủ-biễn được quyền cho « nốt » hết các quan-lại.

Nói tóm lại thì theo lệ mới này, quan Thống - sứ, Khâm-sứ hay Thống-đốc, và các quan Công-sứ hay chánh Cai-trị đầu tỉnh được rộng quyền và to trách-nhiệm

hơn trước. Làm Thủ - biễn một hạt là bao nhiêu công-việc trong hạt thuộc mình hết.

Cao hơn hết cả là quan Toàn - quyền đứng giám-đốc kiểm-sát mọi việc. Ngài có quan Phó Toàn - quyền, các quan chánh các Tổng-cục và các to-tào thuộc Phủ Toàn-quyền (Học-chính, Công-chính, Thương - chính, v.v.) giúp ngài, nhưng các quan này chỉ có việc trình - báo khuyên - bảo, chứ không có quyền gì và cũng không có trách-nhiệm gì.

Quan Toàn - quyền đi Vân - nam và đi Nhật-bản. —

Kỳ trước đã nói quan Toàn-quyền trước khi đi công-cán sang Nhật-bản, sẽ sang chơi Vân-nam thăm quan Đô-đốc TANG Kí-YAO (Đường Kê-Nghiêu). Vậy ngày mồng 3 tháng 4 ngài đã cùng với quan Sứ Pháp ở Xiêm là quan PILA và các quan văn-võ theo hầu khởi-hành từ Hà-nội. Đến Ilo-k'leou, là địa-dầu, Mong-tseu và A-mi-tcheou, đều có quân-quan Vân-nam ra đón tiếp. Ngày mồng 4 ngài đến Yun-nan-fou, các quan Chinn-phủ Vân-nam ra đón đông đủ cả. Mồng 5, ngài cùng các quan văn-võ vào dinh đô-đốc thăm quan TANG Kí-YAO. Cùng buổi sáng hôm ấy, quan đô-đốc TANG đến thăm lại ngài ở tòa Lãnh-sự. Buổi chiều, các lãnh-sự ngoại-quốc, các người Pháp và người An-Nam ở Vân-nam nghênh-tiếp ngài. Đoàn, ngài thăm trường Đại-học Vân-nam, nhà trường tặng ngài một danh-dự-học-vị. Tối ngài dự tiệc ở dinh Đô-đốc, tiệc đông tới 120 người. Khi mãn tiệc quan Đô-đốc chúc mừng quan Toàn-quyền, tỏ tình thân-thiện của quan-thân Vân-nam, tỏ ý giữ cho nơi địa-giới và đường xe-lửa Vân-lam được yên-đàn. Quan Toàn-quyền đáp lại cảm ơn và chúc cho tỉnh Vân-nam được thịnh-vượng. Mồng 6, chủ-nhật, Quan Đô-đốc mời quan Toàn-quyền đi xem chùa Đồng, thời cơm trưa ở đấy. Buổi tối quan Toàn-quyền đãi tiệc quan

Đồ-đốc ở tòa Lãnh-sự, dự tiệc có 85 vị. Quan Toàn-quyền và quan Đồ-đốc lại diễn thuyết chúc-tụng. Quan Sứ Pháp ở Xiêm, các quan Lãnh-sự Anh, Mỹ và Nhật ở Vannam cũng chúc-tụng quan Toàn-quyền. Mồng 7 quan Toàn-quyền xem duyệt binh, thăm nhà thương và trường Pháp-học; buổi chiều dự xem kỳ hội-dồng Hội-nghị hàng tỉnh, rồi tiếp chuyện riêng với quan Đồ-đốc TANG. Mồng 8 thời về Hà-nội, sớm mồng 10 tới nơi.

Quan Toàn-quyền nghỉ ở Hà-nội 15 hôm, sớm ngày 26 tháng 4 đáp tàu sang Nhật-bản.

Cuộc đấu lúa ở Nam-kỳ. — Lúa Nam-kỳ bán ra ngoại-quốc nhiều, thế mà lúa vẫn không có tiếng, một là nhà làm ruộng An-Nam không biết cấy lấy giống tốt, nên lúa bị giảm giá đi nhiều, hai là các nhà máy ngoại-quốc mua lúa về xay lấy lọc lấy rồi đem bán nói là lúa của mình, người dùng không biết là của Nam-kỳ. Thấy tình-hình như thế, chính-phủ Nam-kỳ bàn nghĩ cách cổ-động về thóc lúa. Nhất-diên truyền cho sở Canh-nông chọn hạt giống tốt phát cho dân (những nơi chọn hạt giống ở Cần-thơ, Sóc-trang, Cai-lậy), và in sách bằng quốc-ngữ chỉ cách kén giống cho nhà làm ruộng biết; nhất-diện đặt những « Cuộc đấu lúa » (*concours de paddy*) ở các tỉnh, thi xem người nào cấy được lúa tốt thì được thưởng. Cách cổ-động này nghe có công-hiệu lắm, ở Bắc-kỳ giá lúa được tăng cũng hay vậy.

Giới-thiệu sách mới. — Bản-chỉ chủ-bút mới xuất - bản một quyển sách đề là Phật-Giáo đại - quan 佛教大觀, sách hơn một trăm trang, giá 0\$ 65 (bản giấy thường) và 2\$ 00 (bản giấy tốt có chữ ký của tác-giả). Báo Trung-bắc tân-văn đã giới-thiệu sách ấy như sau này :

« Trước khi giới-thiệu quyển sách này, hãy xin thuật lời của các bạn đọc báo Nam-phong viết thư khuyên ông Phạm Quỳnh in

quyển sách này để công-bố ra đời, nói rằng người nước ta theo đạo Phật nhiều mà ít người biết duyên-do đạo Phật thế nào, nếu có được quyển sách giảng-giải rõ-ràng thì cũng không phải là không có ích, như trong bài tiêu-dẫn của tác-giả tự-đề trên đầu sách.

« Thật thế, đạo Phật truyền-bá sang nước ta kể hơn ngàn năm nay mà sự-tích Phật-tổ cùng nguyên-nguyên Phật-giáo hồ dễ đã được mấy người tinh-hội, đến chính những người cả ngày tụng kinh niệm Phật như sư-mô ở các chùa-chiền cũng vậy; lời ao-ước được một quyển sách nói về đạo Phật thật giảng-giải rõ-ràng tường-chàng những là một các bạn đọc báo Nam-phong mà chung cho cả người Nam ta đã thành một tên gọi là người bèn thích vậy.

« Ấy cái giá-trị quyển sách này chính vì lẽ thế. Một cái tôn-giáo lớn như đạo Phật, thành-lập hơn hai ngàn năm rồi, bành-trướng khắp cả một châu Á, những cái vi-nghôn đại-nghĩa kể có hàng thiên kinh vạn quyển mà bao-quát trong một quyển sách nhỏ 107 trang giấy, một phần kể cái sự-tích Phật-tổ, một phần giải cái nguyên - nguyên Phật-giáo, đều được minh-tường gãy gọn, không di-lậu, không sai-ngoa, thì ai dám bảo là một quyển sách không có ích.

« Quyển sách này thật giúp được cho những nhà học-vấn nghiên-cứu về đạo Phật, những dân theo đạo Phật biết rõ nguồn gốc giáo-lý của đạo mình đã cổ-nhiên rồi, mà ở xã-hội ta bây giờ thì quyển sách này lại được một cái công-dụng lớn nữa là làm một liều thuốc tỉnh-não cho các đảng thượng-lưu biết nhận-định cái chức-vụ của mình, là trước gây dựng cho nhân-cách mình được hoàn-toàn, sau diu-dắt cho quốc-dân mình được tấn-tới, theo giáo-lý Phật « Tự giác nhi giác tha ». Ấy chính cái khổ-tâm của tác-giả soạn nên quyển sách này cũng vì một cái thâm-ý đó.

« Ta cũng xin nói lời tác-giả mà lấy làm một câu giới-thiệu thành-thiết với quốc-dân ta quyển sách này. Cuối cùng quyển sách, tác-giả có kết mấy câu rằng ; « Tôi xin ước-ao rằng những người có chí

trong nước ta, những khi đêm khuya thanh vắng, một bóng một mình, ngồi mà ngẫm-ngẫm đến hậu-vận nước nhà, đến giống-nòi Hồng Lạc, cũng nên khởi bỏ-đề-tâm, phát bỏ-đề-nguyện, tự mình thề vớì mình rằng: «Hễ bao giờ trong đất Việt-Nam này còn có một người dân ngu-si dốt-nát, cực-khổ lầm-than, thì ta đây dầu thông-minh sáng-suốt, phải

qui giàu-sang đến đâu đi nữa, cũng chưa lấy thế làm mãn-nguyện, ta còn muốn đem tài hèn tri mọn mà đui-dắt cho đồng-bào ta chóng bước lên đường văn-minh tiến-hóa, cho theo kịp bằng người».

D. B. T.

(Trung-bắc tân-văn)

TẬP KỶ - YẾU CỦA HỘI KHAI - TRÍ - TIẾN - ĐỨC

Đại - hội - đồng, tiệc tháng và diễn - thuyết. — Kỳ đại - hội - đồng thường-niên định vào ngày chủ-nhật 4 Mai, đúng 3 giờ chiều. Giấy đặt đã gửi khắp các chủ-trì và tân-trợ-hội-viên, ngài nào không về dự hội-dồng được có thể gửi phiếu hay gửi giấy ủy-quyền về. Có nhiều ngài dời chỗ không cho Hội biết, nên nhà giấy-thép không tìm thấy, lại gửi trả giấy đặt về cho Hội. Từ rầy xin các ngài nhớ mỗi lần dời chỗ ở báo về cho Hội biết.

Đại-hội xong, vào 7 giờ tối, có tiệc tháng. Đến 9 giờ có diễn-thuyết. Ông Phạm Quỳnh sẽ nói về vấn-đề: *Địa-vị người dân bà trong xã-hội nước ta.* Vấn-đề có quan-hệ đến nữ-giới, nên hội mời cả gia-quyền các hội-viên và những bậc nữ - lưu trong thành-phố đến nghe.

Tiệc trà mừng mấy ngài thân-hào Nam-kỳ. — Ngày thứ năm 17 Avril, 5 giờ chiều, Hội có đặt một tiệc trà mừng mấy ngài thân-hào Nam-kỳ ra chơi Hà-nội, là ông Lê Phát-Vĩnh, Lê Phát-An và phu-nhân. Dự tiệc có chừng 30 ông hội-viên. Nhân quan hội-trưởng Hoàng đi vắng, quan Tổng-đốc Lê Trung-Ngọc làm chủ tọa. Quan thượng Lê và ông Phạm Quỳnh có thay mặt Hội chúc mừng các ngài thân-hào Nam-kỳ.

Quan Hội - trưởng Hoàng đi Nam - kỳ đã về. — Quan Hội-trưởng

Hoàng về chơi Nam-kỳ một tháng, ngày 22 Avril đã ra Hà-nội. Khi ở Lục-tĩnh, ngài có cử-dộng cho Hội, quyền được hơn 4 ngàn đồng.

Giấy xin vào Hội. — Trong tháng mới rồi, có những ông kẻ lên sau này có giấy xin vào Hội, hạn trong hai tháng các ngài hội-viên có điều gì dị-nghị xin viết thư về cho Hội biết:

Xin vào chân chủ-trì

1. — Ông Đặng Ích-Khiêm, 34 tuổi, ở xã Ninh-cường, tổng Ninh-mĩ, huyện Hải-hậu, Nam-dịnh. — Hiện làm việc ở *Hauts Fourneaux, Nouméa, Nouvelle Calédonie.*

2. — Ông Dương Bát, phó-lý làng Gia-trung, tổng Gia-thượng, huyện Kim-anb, Phúc-yên (do ông Trần Văn-Có giới-thiệu).

3. — Ông Lê Hữu-Chính, chủ hiệp Quảng-nam-lâm, 10, rue Rondony, Hanoi (do ông Nguyễn Công-Tiểu và Lê Đình-Thăng giới-thiệu).

4. — Ông Nguyễn Lai, Chánh-hương hội làng Gia-trung, tổng Gia-trung, huyện Kim-anb, Phúc-yên (do ông Trần Văn-Có giới-thiệu).

5. — Nguyễn Văn-Tập, cựu-Phó-lý làng Chi-quan, tổng Kim-quan, huyện Thạch-thất, Sơn-lây (do ông Trần Văn-Có giới-thiệu).

6. — Ông Trần Văn-Toàn, Agent Technique des Travaux Publics, Huế.

7. — Ông Vũ Văn-Nhạ, từng-cửu-phẩm-văn-giai, buôn bán ở Ngã-ba-thá, quán

làng Phúc-lâm, tổng Hoàng-xá, phủ Mỹ-đức, Hà-dông (do ông Trương Như Mai giới-thiệu).

Xin vào chân tán-trợ

8. — Ông Lê Phát-An, tài-chủ ở Sài-gòn (đã nộp 100 đồng vào Hội).

9. — Ông Lê Phát-Vĩnh, tài-chủ ở Sài-gòn và ở Nice (Pháp) — (đã nộp 200 đồng vào Hội).

Hội-viên mới. — Những ông kê tên sau này có giấy xin vào Hội đã đăng báo số 79 (Janvier 1924), nay hết hạn hai tháng không có ai dị-nghị được nhận vào Hội kể từ 1er Mai 1924.

Ông Nguyễn Thuận-Lợi (vào tán-trợ), — Đặng Văn-Cận và Trần Việt-Học (vào chủ-trì).

Cải-chính. — Trong tập Kỹ-yếu kỳ trước in lầm tên ông Lê Thanh-Ý, làm phó-thư-ký, ra Lê Văn-Ý, nay cải-chính.

Quyên cho Hội. — Mới rồi quan chánh Hội-trưởng HOÀNG TRỌNG - PHU đi Nam-kỳ, ngài có tiếp các bậc quan-thương hào-phú trong Nam có hảo-tâm lạc-quyên cho Hội 3720 \$ 00 và cho Ấu-trì-viên 300 \$ 00. Quan Hội-trưởng đã tỏ bày cho Hội - đồng tri - sự biết, Hội-đồng đều đồng-thanh cảm-ơn các ông các bà có lòng nhiệt-thành giúp về việc công-ích như thế. Những tỉnh-danh liệt kê như sau này :

Tán-trợ hội-viên

1. — M. Đinh Văn-Hoạt, Entrepreneur, 124, Rue Le-grand de la Liraye, Sai-gon, originaire du village de Cao-bộ, huyện de Thanh-oai, province de Hà-dông..... 200 \$ 00
2. — M. Võ Hà-Thanh, Tri-huyện honoraire à Biên-hòa..... 300.00
3. — M. Huỳnh Đình-Khiêm, Tri-phủ honoraire, village de Đông-sơn, Gò-công..... 500.00

4. — M. Quách Văn-Đầu, Tri-huyện honoraire, village de Đông-sơn, Gò-công..... 500 \$ 00
5. — M. Nguyễn Trung-Vinh, 240, Quai de Belgique, Sài-gòn. 100.00
6. — M. Trần Tân-Vi, Tri-huyện honoraire, Châu-dốc. 200.00
7. — M. Nguyễn Văn-Hội, Tri-huyện honoraire, 46, Rue d'Espagne, Sài-gòn..... 300.00
8. — M. Trần Văn-Sớm, Tri-phủ Délégué du chef-lieu de Chợ-lớn..... 100.00
9. — M. Nguyễn Ngọc-Thơ, Tri-huyện honoraire, 289, Rue Paul Blanchy, Saigon... 200.00
10. — M. Nguyễn Chiêu-Thông, industriel, Rue Palikao, Chợ-lớn..... 500.00
11. — M. Lê Văn-châu, propriétaire, villa Myriam, 85, Rue Verdun, Sài-gòn..... 100.00
12. — M. Nguyễn Văn-Cửa, Tri-huyện honoraire, Imprimerie de l'Union, Rue Catinat, Sài-gòn (Cotisation supplémentaire)..... 500.00
13. — M. Hà Thê-Đại, Chef de Canton Vung-liêm..... 100.00
14. — Madame Lâm Thị-Thanh, propriétaire, Vung-liêm.... 100.00

Chủ-trì hội-viên

15. — M. Đỗ Như-Liên, commerçant à Sài-gòn, originaire du village de Dong-Duyên, canton de Mỹ-xá, huyện de Thanh-liêm, Hà-nam..... 20.00

Cộng..... 3720 \$ 00

Quyên cho Ấu-trì-viên

- Madame Trần Thị-Thọ à Vung-liêm..... 300.00
- Tổng-cộng..... 4020 \$ 00

Cải-chính

Những chữ in lấm trong bài « Bệnh-phong » số báo 80, cải-chính như sau này:

Trang 110, cột dưới, dòng thứ 7 câu : như không khỏi hoang-đường, xin đọc là : ... sao cho khỏi hoang đường.

Trang 113, cột trên, dòng thứ 25 câu... số 2472 người có... xin đọc là số 2487 người có..., cột dưới, dòng thứ 19 câu... số 1254 người, xin đọc là : số 2254 người ; dòng thứ 21 câu : 1123 người, xin đọc là 1102 người.

Trang 114 chữ *Hausen* trong mục vi-trùng bệnh phong xin chữa là *Hansen*.

Trang 117 chữ *chauluroogra* trong lời cước-chú xin chữa là : *chaulmoogra*.

Mất báo

Bản-quán mỗi lần gửi báo, kiểm-diểm rất cẩn-thận. Vậy mà nhiều khi các bạn đọc báo cứ viết thư về nói rằng không nhận được. Hễ tiếp được thư như thế, bản-quán tức-thì làm đơn kêu nhà Giấy-thép, nhờ tra xem thất-lạc tại đâu.

Mới đây có ông Vũ Hữu-Phong, ở Kim-thành (Hải-dương) mất số 78. Bản-quán kêu nhà Giấy-thép thời tra ra người tá-dịch trạm Bắg-lai đánh mất, số Giấy-thép có trả lời nói rằng đã cách-chức người ấy rồi. Xem đó thời báo thất-lạc, nhiều khi tại các trạm sơ-suất, không tại bản-quán gửi không cẩn-thận vậy.

Còn như thư-từ của bản-quán và các người làm việc của bản-quán gửi đi các nơi, không biết vì duyên-cớ gì mà thường khi cũng thất-lạc, bản-quán còn đương tra xét.

Nam-Phong báo-quán

Sách mới

Mới xuất-bản

Phạm Quỳnh

Phật-Giáo Đại-Quan

佛 教 大 觀

Diễn-thuyết về Đạo Phật

Nói về sự-tích Phật-tổ và nghĩa-lý đạo Phật.

Sách hơn 100 trang. — Có tranh Phật Di-đà.

Bản giấy thường : 0\$65. — Bản giấy tốt, có chữ ký của tác-giả : 2\$ 00.

Ở xa gửi thêm một hào tiền cước. — Bán ở Đông-kinh-ấn-quán, Hà-nội.